

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH-NHẤT

**PHAN
ĐÌNH PHÙNG**

*NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-
CHIẾN (1886 — 1895) Ở NGHỆ-TĨNH*

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRÍ-SỰ. — 20, A PALACE COURT (ÉTAGE N. 2) SAIGON

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH-NHẤT

PHAN
ĐÌNH-PHÙNG

MỘT NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-
CHIẾN (1886 — 1895) Ở NGHỆ TĨNH

IN LẦN THỨ BA
CÓ NHIỀU ĐOẠN BỔ THÊM TÀI-LIỆU
TRƯỚC KIA CHƯA TÌM THẤY

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRỊ-SỰ. — 20, AMIRAL COURBET (ÉTAGE N. 2) SAIGON

MỘT LÀNG NHIỀU MÚ CẢNH CHUỒN

TRẬN đánh sau cùng với quân Pháp là trận ở Huế đêm 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885), quân đội chính qui của triều-đình Việt-nam cũng thất bại nốt.

Thành mất vua chạy.

Bây giờ chống với Pháp chỉ là văn-thần với dân-binh.

Người này đánh một hai trận, nhóm kia giữ được đôi ba năm rồi cũng tan vỡ.

Duy còn một người cố gắng cưỡng lại, triệu tập ít nhiều anh em đồng-chí, rót dầu nhiệt-huyết vào trong cây đèn dân-tộc tự-lập, kêu ca ngọn lửa ái-quốc còn bùng đỏ lên ở một góc Hà-tĩnh — Quảng-bình mười năm sau nữa mới tắt.

Ấy là Phan Đình-Phùng.

Người làng Đông-thái, huyện La-son, tỉnh Hà-tĩnh, Phan Đình-Phùng sinh năm Đinh-mùi (1847), dòng dõi nhà nho.

Đông-thái vốn là một làng nổi tiếng nhất trong tỉnh Hà-tĩnh, vì xưa nay có người đậu đạt lớn, làm quan to

PHAN ĐÌNH PHÙNG

rất nhiều. Khởi lên từ đời nhà Lê, phát một ông Quận-công, nhà giàu có lớn, hay làm việc phúc-dức, dân trong địa-phương đều được nhờ cậy, cho nên người ta sùng bái lắm, tôn ông là «*Kiều Quận-công*».

Đến đời gần đây, làng Đông-thái lại càng đại-phát, thi đậu hay làm quan cũng vậy. Tức như Quận-công Hoàng Cao-Khải, và hai tổng-đốc Hoàng Mạnh-Tri, Hoàng Trọng-Phu, ba cha con hiển-hách một thời; còn nhớ lúc ông quận Hoàng bày tiệc thọ bảy mươi, có người mừng câu liền như vậy đúng lắm: «*Con cái một nhà hai tổng-đốc, Pháp Nam hai nước một công-thần*».

Họ Phan thì từ ông Phan Như-Tính, làm tổng-đốc tỉnh Hải-dương hồi còn thuộc về Nam-triều và chính là thầy học của cụ Phan Đình-Phùng cho tới các ông tiến-sĩ Phan Đình-Du, Phan Trọng-Mưu, Phan Huy-Nhuận v. v. đều là người đồng hương đồng thời với cụ Phan.

Người ta vẫn bảo hai cái thái-cực không gặp nhau. Đấng này chúng ta thấy hai cái thái-cực cùng ở một làng Đông-thái: Họ Hoàng phò-lú Bảo-hộ được vinh-hiền đến tột bậc, họ Phan chống-cự Bảo-hộ cũng quyết-liệt tột-bậc!

Họ Phan, từ thủy-tổ ở đời Lê, truyền đến Đình-Phùng là 12 đời, mà đời nào cũng có người thi đậu lớn, làm quan to, cho nên người ta thuở trước đã từng đặt tên cho xóm-họ Phan ở là «*Ó-y hạng*», tỏ ý là một xóm toàn người đậu đạt cao sang.

Ông thân sinh ra Phan Đình-Phùng là Phan Đình-Tuyền, đậu phó-bảng khoa giáp-thin (1814) về thời vua Thiệu-trị. Làm quan tới Phủ-doãn phủ Thừa-thiên, sau vàng mệnh vua sai ra Bắc làm chức Tán-lý quân-vụ giúp giặc ở tỉnh Lạng-son, bị tử-trận.

Phan Đình-Phùng có năm anh em đồng-bào.

Anh cả là Phan Đình-Thông, đậu tú-tài, làm Phó-quản-đốc một đội thuyền chiến; thứ hai là Phan

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Đình-Thuyết, đậu cử-nhân làm Giáo-thọ, thứ ba là Phan Đình-Tuấn mất sớm : cụ tức là thứ tư ; còn người em út là Phan Đình-Vân, đậu Phó-bảng làm Tri-phủ. Cụ lại còn hai em khác mẹ nữa, nhưng không ai thành đạt gì.

Phan Đình-Phùng phu-nhân là con gái một quan-phủ ở làng Thọ-tường cũng thuộc về tổng Việt-yên, lấy cụ sinh ra được bốn người con trai. Về sau, phu-nhân và mấy người con trai lớn, đều mất sớm về bệnh điên, nhằm lúc Phan đang cầm quân kháng-cự binh Pháp ở núi Vụ-quang, cho nên cụ đã có câu than thở :

— Minh sinh gặp phải lúc gia-biến, quốc-biến, thê biến, tử-biến.

Trong bốn người con trai của cụ, duy có người sót lại là Phan Đình-Cừ có tiếng thông-minh can đảm.

Phan Đình-Cừ từ là Bá-Ngọc, hồi nhỏ theo cụ ở luôn trong quân. Đến năm Bình-thần (1896), nghĩa là sau khi cụ mất một năm, thì trốn đi du-học ở Nhật-bản, đứng vào hạng thanh-niên anh-tuấn trong đám Việt-Nam chí-chỉ vong mệnh qua Đông-kinh lúc bấy giờ. Nhiều người tưởng chắc mai sau Bá-Ngọc có thể nối được chí lớn của cha. Nhưng về sau xoay đổi xu-hướng, có lẽ suy nghĩ việc nước không thể cứu lại được nữa, dầu có làm gì, chẳng qua cũng như « *dạ tràng xe các biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công chuyện gì* », rồi người ta thấy Nguyễn Bá-Trác về trước đưa Bá-Ngọc về sau, quy-thuận chính-phủ Bảo-hộ.

Tôi nhớ có một lần được gặp Bá-Ngọc ở Hà-nội, nét mặt tỏ ra người hiền-lành cứng cỏi; nhưng hỏi chuyện chi cũng ngập-ngừng không muốn nói ra ; hình như có một tâm-sự gì uẩn-khúc khó nói lắm vậy. Lúc ấy sau cuộc Âu-chiến 1914-1918 vừa tan ít lâu.

Cách sau đó một năm, nghe tin Bá-Ngọc lại đi sang Tàu, song lần này đi một cách đường hoàng. Không

PHAN ĐÌNH PHÙNG

biết Bá-Ngọc lại đi như thế có mục-dịch gì, chỉ biết cuối năm 1921, có tin ngoài báo về rằng một hôm Bá-Ngọc đang dạo chơi ở Hồng-khẩu công-viên tại Thượng-Hải, tình-linh bị một người cầm súng lục chĩa ngay Bá-Ngọc mà bắn bầy phát chết tươi. Không nói, ai cũng đủ biết người bắn Bá-Ngọc chính là một người đồng-bào Việt-Nam.

Nhân đó, mà đương-thời có dư-luận phân-vấn nổi lên, kẻ bàn vầy, người nói khác. Nhưng mà thôi ! chúng ta nên để người dưới tuổi vàng yên-nghĩ là hơn.

* * *

Cụ Phan lại còn một bà vợ thứ nữa, tức là em ruột ông Lai-bộ Tham-tri Trần-Trạm. Bà này về ở với cụ sinh được một người con trai là Phan Đình-Cam mất sớm ; sau lại sinh hạ một người trái nữa, hồi 1925-1926, tôi tới Hà-tĩnh nghiên-cứu tài-liệu để viết cuốn sách này, được thấy bà và cậu thứ-nam đó ở làng Đông-thái. Sau đó tới giờ, tin tức ra sao không rõ.

Hồi cụ Phan cầm quân khởi nghĩa, những lúc lên ghềnh xuống thác, xông pha hòn đạn mũi gươm, sớm tối đều có bà truy-thù ở trong quân cho tới khi chung cuộc, nên người ta gọi bà là « *cổ nguếch rừng* ». *Nguếch* là một tiếng ở Nghệ-Tĩnh dùng để chỉ người đàn-bà nào để con đầu lòng là gái ; *rừng* cốt để chỉ tỏ rằng bà theo hầu cụ Phan ở trong rừng rú vậy.

* * *

Đáng tiếc những giấy tờ và thủ-bút của họ Phan bị tiêu-tán thất-lạc hết sạch. Phần thi mất ngay trong lúc bình hòa hôn-ba, phần thi mất bởi những dư-đảng bị hàng đầu bắt bớ, những nhà đồng-chí bị khám xét tịch-thâu. Có nhà phải ngậm-ngùi tự-động đổi di, kéo

PHAN ĐÌNH PHÙNG

sợ liên-lụy. Phải biết, với khâm-sai Nguyễn-Thân lúc bấy giờ, một chữ của Phan Đình-Phùng còn nằm sót lại ở trong tay ai, cái đầu người ấy chỉ là củ chuối !

Thành ra công việc sưu-tầm tài-liệu nhiều nỗi gian-nan.

Còn chẳng, chỉ là dăm ba mảnh đoạn-giản tàn-biên, mực đã mờ, giấy đã nát. Đến nỗi ống kính hòm ảnh phải từ-chối, không chịu bắt sang, và nếu ta đưa lên nặng tay, sợ giấy rời-rã. Nhưng mấy cái di-tích mong-manh sứt-mẻ ấy cũng còn lập-loè chút ít tia sáng để cho kẻ sưu-tầm có thể hiểu thêm được ít nhiều về quân-sự bố-tri của cụ Phan. Và một đôi phần về ý-kiến cụ đối với thời-cuộc.

* * *

Có người nói sinh thời cụ Phan cũng nghiệm nra-phiến. Tôi không thể tin. Mặc dầu bảo đó là sự mục-kích của một vị cố lão, người Bắc, đã truy tuyền cụ Phan rất lâu và mới qua đời ở Hà-nội độ dăm năm nay.

Những bậc kỹ-cựu đáng kính ở đất Lam-Hồng mà tôi đã được phỏng-vấn, xưa kia hoặc đồng-niên cộng-sự, hoặc giao-thiệp thân-mật với cụ Phan, không nghe một ai nói cụ có cái ác-tật đó.

Vấn biết thuở ấy người Anh đã đem súng bắn đạn thuốc phiện vào nước Tàu (Nha-phiến chiến-tranh năm 1840) và tất người Tàu đã truyền bá sang bên ta rồi, nhưng vua ta có lệnh cấm đoán rất nghiêm. Thật thế, quân-chủ Việt-Nam ngày xưa không nỡ lòng lợi dụng món thuế thuốc độc hại dân để làm một nguồn lợi cho công-khố.

Hai triều Thiệu-trị, Tự-đức, vua nhiều lần hạ dụ cấm ngặt quan lại hút nha-phiến, ai không tuân lệnh có thể bị cách chức và kết án bị đày, bị lưu.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cụ Phan là một nhà nho tri-trọng, một vị quan thanh-liêm mục-thước, không lẽ đâu tự hại sức khỏe mình và phạm phép nhà vua ?

Hay là năm ba tháng trước khi anh-hùng mặt-lộ, cụ Phan ta ở quân-thứ mắc phải bệnh lệ trầm trọng, không chừng trong bộ-hạ có kẻ hiểm kế dùng một vài điếu thuốc-phiện để họa may cứu nguy, rồi những người bàng-quan vì đấy tưởng rằng bình-thời cụ vẫn có cái lạc-thú ấy chẳng ?

II

TOAN LIÊU CHẾT VÌ CHƯA ĐƯỢC ĐI THI

NHỮNG người được gần cụ Phan, đều nói cụ tướng mạo rất xấu, nếu cứ lấy ngoài da mà xét người, thì không có ai ngờ đâu về sau cụ làm nên được anh-hùng. Nhà tướng số nói cụ chỉ khác người được một quý tướng, là khi nằm ngủ thì mình-mây ửng đỏ hồng-hào lên, đó là một tướng lạ.

Thuở còn nhỏ, đi học dần-độn tối-tăm, đến nỗi học trước quên sau, thầy học đã nói mai sau tất Phùng không làm gì nên thân. Nhưng cụ nhờ có tính rất tự-hùng, thấy anh em mình ai cũng thông-minh học giỏi, thì lấy làm phẫn-uất vô cùng, cố gắng học đề theo kịp mới nghe.

Thành ra rờng-rã trong bốn năm năm, trong tay không rời quyển sách, chân không bước ra đường, chỉ mài-miệt nơi án sách ngọn đèn, quyết chí lập được công-danh sự-ngiệp. Cậu bé thường nói với bạn đồng học :

— Ta cố học đề mai sau chiếm được khôi-nguyên mới nghe.

Chẳng qua cũng chí-khí khoa-cử như ai ! Cố-nhiên,

thời-đại nào kỹ-cương ấy. Thời-đại thường uốn chi-khi con người theo khuôn của nó, mấy ai hồ-đễ thoát được ra ngoài.

Nước ta, từ đời nhà Trần, cách kén chọn nhân-tài, chỉ có từ-chương khoa-cử. Ai không ở trong vòng đó bước ra thì không thể là nhân-tài, mà cũng khó có ngô nào để xuất-thân cho được.

Cái lối từ-chương khoa-cử, truyền về đời sau, chẳng những không bớt đi mà lại càng thêm bày vẽ thịnh-hành lên mãi.

Sau khi vua Gia-Long vừa thống-nhất trong nước xong, tức thời grom đảo xếp xó, thì phú lên đàn. Vua quan làm gương và khuyến-khích dân : luôn mấy triều Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức, toàn là *Thiên-tử thi phú* ; bày tới danh-vọng như Hà Tồn-Quyền, Doãn-Uần, toàn là *quần-thần từ-chương*. Vua tôi chỉ trông trong nước có bờ cõi, có nhân-dân, thế là trời Nam định phận, không biết bên ngoài có cường-lân, có địch-quốc, thường đề mắt đến ta. Mọi việc khur-khur chẳng chịu cải-cách. Quan-ái không khai, cửa bể đóng chặt, thời-thế chẳng hiểu, võ-bị lờ-thời, triều-dinh chỉ lo ngâm thi đặt phú với nhau, tưởng đầu « mấy vắn thi phú » cho hay, đủ sức trị dân giữ nước. Kén người, thì khinh võ-bị mà trọng văn-chương. Dạy dân, thì bỏ thực-học mà chuộng khoa-cử. Bởi thế, người đời ấy ai không học từ-chương không nên người, học mà không thi đậu cũng không nên người, thi đậu mà không làm được quan cũng không nên người.

Giữa lúc thiên-hạ đầu đó văn-minh tiến-hóa rầm rầm, kẻ thì đang ra tay chinh-phục đất xa, người thì biết lo thân tự-cường cải-cách, thế mà ở nước mình, vua quan vẫn kèm giữ nhân-dân ở chặt trong vòng học cũ thói xưa. Người ta lo mở-mang những thương-mãi, những công-nghe, những cơ-khí, những khoa-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

học, còn mình đây thì khi đứng, khi ngồi, khi tỉnh, khi mê, chỉ lo có một việc từ-chương khoa-cử.

Chính nhà vua có trách-nhiệm sửa nước dạy dân, ôm giữ mãi chế-độ từ-chương khoa-cử, buộc dân phải theo đó mà đi, bảo rằng ai đi đến chỗ « khoa hoạn » mới là tới mục-đích nhân-sinh, hễ ai đi trái con đường ấy, thì không ngõ xuất-thân nào khác. Tự-nhiên, những người ở dưới cái chế-độ giáo-hóa đó, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu hy-vọng, bao nhiêu chi-khi, đều quanh-quất sa-dà, ở trong có bốn chữ; bốn chữ ấy chia ra làm hai đoạn, là : thi đậu và làm quan.

Cụ Phan, sinh ra nhằm giữa hoàn-cảnh như thế, thì cách lập-chí xuất-thân của cụ trừ khoa-cử ra, không còn có đường nào hơn, vậy ta thấy cụ có cái chí « học quyết khoa », chẳng nên lấy gì làm lạ.

Vì lập-chí mai sau phải chiếm được giải khôi-nguyên, cho khôi phụ lời mình đã nói cứng-cáp, đến nỗi có một phen Phùng đã liều chết.

Năm 21 tuổi cùng em là Phan Đình-Vạn, thợ-nghiệp với ông bác là Phan Đình-Tuân, đậu tú-tài, gặp giữa năm ấy có khoa thi, Phùng năn-nỉ bà thân-mẫu đến xin bác cho mình được cùng em đi thi. Ông bác nói :

— Phùng học hãy còn kém sút, nó chưa đi thi khoa này được, hãy đợi khóa sau.

Cậu năn-nỉ xin đi thi không được, đâm ra bực mình phẫn-chí, lén sai đầy-tớ ra chợ mua một lượng hương-nhu là vị thuốc độc vè, viện cớ mua để thử chế thuốc pháo, nhưng kỳ thật là đem trộn vào ly rượu, rồi gọi em là Phan Đình-Vạn tới bảo rằng :

— Sinh ra làm trai, cốt được học, học cốt đi thi, học mà không được đi thi, thì còn sống làm gì. Phen này anh liều chết cho rồi đời, nghe em.

Em sợ quá, kiếm lời an-ủi can-ngăn mãi, song anh không nghe, một hai đời uống thuốc độc tự-lử mà thôi. Cực chẳng đã, Phan Đình-Vạn phải chạy mau

mau tìm kiếm bà thân-mẫu để nói cho bà nghe rằng anh Phùng đang uống rượu độc tự-tử. Trong khi ông Vận chạy đi kêu mẹ, thì Phùng đã uống thuốc độc mà mê-mạn bất-lĩnh rồi. Sau bà thân-mẫu tới, hô-hoàn người nhà hàng xóm lại cứu-cấp. Họ lấy nước đậu xanh và cam-thảo cay miệng ra mà đổ, một lúc lâu mới tỉnh. Ấy lúc nhỏ, vì chút khoa-danh mà Phan đã có can-dảm khinh sinh liều chết đến thế, thảo nào sau ra làm quan, mắng Tôn-thất Thuyết giữa triều-đình, cũng là khởi-nghĩa trong mười năm trời, lấy sức châu-chấu đá voi, tỏ ra một người can-dảm đầy mình, làm việc gì cũng toàn là coi chết như không.

Đến mãi khoa thi Bình-ti (1876) là năm cụ 39 tuổi, mới đậu cử-nhân. Qua năm sau (1877) vô kinh thi hội, đậu Đình-nguyên Tiến-sĩ. Lời thề « thế nào cũng chiếm giải khôi-nguyên » ngày xưa, bây giờ làm được như nguyện vậy.

Phan tuy đậu Tiến-sĩ, nhưng tài học cũng chỉ ở trong bờ cõi từ-chương cử-nghiệp mà thôi, không phải là một nhà học-vấn uyên-bác lỗi-lạc, hay khoa bút múa văn như người ta. Cho nên sinh bình không có sự-nghiệp gì về văn-chương ; suốt đời không có câu đối nào tuyệt, bài thi nào hay, lưu-hành ở đương thời và truyền-tụng về sau.

Xem bài văn-sách thi Đình của cụ làm trong khoa thi đậu, cũng là sau này, những lúc cầm quân ở trong đám lửa giọc đạn ngang, rừng sâu núi thẳm, cũng có nhiều khi ngẫu hứng mà phát ra ngâm-vịnh, nhưng xem lời văn đều là thật-thà chất-phác thể thôi, không có vẻ chi hùng-hào hay xuất-sắc như văn-chương của nhiều nhà nho khác. Có khi một vài câu liền, bài thi của cụ, người ta có thể không lấy làm thích ý nữa là khác.

Nhứt sanh cụ Phan lấy đức thuần-phác trung-hậu làm gốc sự học, cho nên phát ra văn-chương cũng vậy.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Lại được một tính-cách thật-thà mạnh dạn hơn người là điều gì biết thì nói biết, điều gì không biết thì nói ngay không biết, không có thói đáp-điểm loè dờn như ai. Đến nổi khoa đi thi Đình, đầu bài chính tay vua ra, có vấn-đề nào cụ chưa học tới, chưa từng nghiên-cứu, thì trong bài làm, tới chỗ đó, cũng viết ngay rằng : « *sĩ ọ tàng đọc, bất cảm mạo tẩu* », nghĩa là : « *chỗ này tôi chưa học, tôi không dám tâu can* ». Thế cho biết trong sự học của cụ có đức thận-trọng và tự-khiêm.

Sau làm nên được bậc người oanh-oanh liệt-liệt trong mười năm trời, nước non ý-thác, bạn phục dân theo, chính vì có dũng-cảm, có nghĩa-khi, hơn là vì có cờ biển Tiến-sĩ. Bởi thế ta xem cụ, đừng trông vào phượng-diện văn-học. Vì cụ cũng là ông Nghè, nhưng không phải là ông Nghè *hay chữ*, mà cốt là ông Nghè *yêu nước*.

III

RA LÀM QUAN

SINH-BÌNH, cụ Phan vốn có hai tính-cách đặc-biệt là : *thẳng* và *gan*.

Khi còn là học trò ở nhà quê, một làng bên cạnh đắp con đường đi xuyên thẳng qua làng Đông-thái, theo lẽ mê-tín phong-thủy của ta ngày xưa, thì việc mở con đường này tất-nhiên có hại cho cuộc lạc-nghiệp an-cư của dân Đông-thái; nhưng không ai dám đứng lên cản trở. Cậu học trò Phùng ngang-tùng đảm-nhận việc ấy. Cậu xách grom ra, ngồi lì ở bên đường, nói rằng hễ ai đi qua đường này thì chém chết. Thế mà con đường ấy sau phải bỏ rêu phong cỏ mọc, không ai lai-vãng nữa.

Nhân có bôn-tính khảng-khái cang-cường như vậy, cho nên lúc ra làm quan, phàm gặp việc gì ngang tai trái mắt, mà thiên-lương bảo phải làm để sửa lại, là mạnh-bạo làm ngay, đâu biết rằng làm việc đó sẽ có hại đến tước-lộc hay nguy đến tính-mệnh mình cũng mặc.

Cụ làm quan, không như những kẻ tham quyền cố vị kia, động gặp việc gì khó khăn — mà chính là việc

nên làm và chính họ có sức làm được — thì co đầu thụt cổ lại không dám làm. Rất đời có khi không dám mở miệng ra để nói lẽ phải nữa. Trong ý họ chỉ lo sợ nếu như việc phải đó mà mình làm ra hay nói ra, e thiệt hại cho vợ con mình, thân danh mình, sẽ mất cả áo ấm cơm no, lên xe xuống võng. Họ nghĩ thà cứ chiều đời ngậm miệng cho được vinh thân phì gia là hơn.

Trái lại, cụ Phan không phải là hạng làm quan như thế.

Bởi vậy, khi làm Tri-phủ Yên-khánh ở Ninh-bình, thấy một ông cố-đạo bản-xứ hay ý thể tôn-giáo, hà-hiếp lương-dân, cụ Phan không kiêng-nể ngần-ngại gì, cứ việc hô lính đề cổ giáo-sĩ đó xuống hỏi tội và đánh thẳng tay.

Giáo-sĩ bị trận đòn ấy tức là cụ Trần-Lục, tục gọi là cụ Sáu, mấy năm sau nhờ thế lực Pháp mà được triều-đình phong làm Tuyên-phủ-sứ có oai-quyền lừng-lẫy một lúc ở vùng Phát-diệm-Ninh-Bình, ai cũng phải sợ. Người ta nói ông có cái đức giết người như rạ, không kém gì Tôn-thất Thuyết.

Cụ Phan đánh một ông cố-đạo là đánh kẻ có tội hà-hiếp người, chứ không phải bầy tỏ thâm-ý ghét đạo Thiên-chúa.

Bọn văn-thân ta lúc đó cũng có một ý nghĩ chung, cùng ôm một mối thù chung ; gặp đâu có nhà thờ là đốt phá, gặp đâu có ông « mặc áo dài thâm » là vật ràu, gọt đầu, bắt bước qua cây thánh-giá, thích chửi vào mặt, rồi giết chết. Bởi các ông văn-thân làm tướng phàm những người theo đạo Thiên-chúa đều là quân nội-công của người Pháp và đạo Thiên-chúa là tà-đạo hoặc người. Ấy, đời xưa từ vua đến quan, từ quan đến dân, đều tin-tưởng như thế cho nên đã gây nên không biết bao nhiêu việc lương giáo đánh giết nhau, rắc-rối lồi-thời mãi.

Nhưng cụ Phan suy-nghĩ thể khác.

Với kẻ thân-tin, cụ vẫn thường nói :

— Đạo Thiên-chúa lấy Gia-tô làm trời, cũng như Thích-ca Mâu-ni là Trời của đạo Phật hay Khổng-phu-tử là Trời của nhà nho. Hễ ai đã tin-ngưỡng điều gì, thì điều ấy là Trời của mình. Mình muốn người ta đừng xâm-phạm đến sự tin-ngưỡng của mình, thì mình đừng xâm-phạm đến sự tin-ngưỡng của người ta. Thiên-chúa cũng là một thứ tôn-giáo, mặc ai tin thì theo.

Còn như thuở ấy người ta bảo giáo-dân là quân nội-công của người Pháp, thì cụ nói :

— Ấy là tại nước mình hèn yếu, không có nhân tài, không có lâu bền, súng lớn, quân mạnh tướng giỏi, chớ lỗi chi ở giáo-dân. Chồn mượn oai hùm, dê đeo dạ cọp, ấy là thường-tình của con người ta, có lấy chi làm lạ. Xứ nào mà không có hạng người hèn ấy.

Giữa lúc nhà nho đều cố-chấp mà cụ Phan có tư-tướng rộng lượng được thế, quả thật đạt-quan.

Có người nói bởi cụ đã có dịp gặp-gỡ đàm-luận về vấn-đề ấy với Nguyễn Trường-Tộ, một danh-sĩ ở Nghệ theo đạo Gia-tô.

Nhưng vậy mà có một giáo-sĩ cậy thế làm xằng và hiếp người bên lương thì cụ làm phận sự chặn dân, vẫn nọc kẻ ấy ra mà đánh, không tha.

Sự thật ở đời bấy giờ, ngoài ra những ông chuyên tâm giảng đạo, bất-can thế-sự ra, thật cũng có ít nhiều giáo-sĩ quá ý thế-lực người Pháp hùng-cường sẵn lòng bênh-vực mấy ông, rồi mấy ông được trớn làm quá giới-hạn. Họ ý vào thế-lực đó để giữ-gìn quyền-lợi của nhà chung và tự-do truyền giáo, đã đành là lẽ tự-nhiên rồi, nhưng có nhiều ông được trớn rồi hà-hiếp những dân vô cô. Giáo-dân lại cũng ý thế mấy ông cố, ông cha mình để bắt nạt anh em đồng loại bên lương. Do đó mà đời bên sinh ra lắm sự đánh

PHAN ĐÌNH PHÙNG

giết nghịch thù lẫn nhau. Tinh-tệ như vậy, khiến cho phận-sự làm quan phụ niếu địa-phương, bảo cụ phải trừ-tệ an dân, dù một ông cố đạo có lỗi cũng không dung thứ. Như trên kia đã nói, cụ đánh một ông cố đạo chỉ là trị một kẻ « ý thể hiệp người », không phải có ác-cảm gì với đạo Thiên-chúa như tất cả người đồng thời.

Về sau cụ khởi nghĩa, có một lúc kéo cờ đề chữ « Bình-Tây Diệt Tả » là vâng theo huyấn-lệnh của triều-đình lúc bấy giờ thường hạ chiếu khuyến-khích bọn văn-thân đánh phá chém giết giáo-dân. Nhưng sau cụ suy-nghĩ thế là không nên, vì giáo-dân cũng là đồng-bào có thù-nghịch gì với mình đâu, cho nên khi đóng đại-binh ở núi Vu-quang, cụ vẫn hiểu-dụ bọn giáo-dân rằng : « lương-dân hay giáo-dân đều là xích-tử của triều-đình, chớ nên vì lẽ gì mà hại lẫn nhau ».

Xem thế thì cụ Phan thật không có lòng ghét đạo Thiên-chúa, chỉ ghét những giáo-sĩ hay giáo-dân nào ý thể làm cản đó thôi.

Song, ở đời ấy, đánh một ông cố đạo, là một việc dễ làm, nhưng cũng là một việc khó xử.

Dễ, là bọn văn-thân lúc ấy đang có thanh-thế to, bè-đảng lớn, thì đánh hay giết ngay một ông cố đạo, cũng như là đánh hay giết một người dân thường vậy thôi. Nhưng khó, là khó cho triều-đình trong việc giao-thiệp với nước Pháp.

Một cơ trước hết, mà nước Pháp và nước Nam có cuộc giao-binh, sau thành ra cuộc bảo-hộ, là tự triều-đình ta làm ngăn trở việc truyền-giáo, bao nhiêu năm hạ chiếu thúc-giục quân-dân phải ngược sát giáo-dân. Triều-đình thấy trong mọi việc Pháp-Việt giao-thiệp đều có giáo-dân làm duyên-cớ ở trong, thì bảo : « Á, quân này rước voi về đẩy mả », bèn ra tay cấm, giết đạo. Đến khi thấy vì cấm đạo giết đạo quá lỗ, mà việc giao-thiệp hai nước càng thêm nguy-hiểm khó-khẩn

PHAN ĐÌNH PHÙNG

cho mình, thì triều-đình lại bảo : « À, quân này mạnh lắm », bèn trở lại trị tội những quan những dân nào đã xâm-phạm đến người đạo. Triều-đình cốt làm vậy để chiều lòng người Pháp. Thế là, khi nào nước Pháp nhịn thì triều-đình ta làm tới, khi nào nước Pháp giận thì triều-đình ta thụt lui, tự triều-đình, không có chủ-trương nhất-định gì cả.

Bởi thế, cụ Phan Đình-Phùng, Tri-phủ Yên-khánh vì cái lỗi đã đánh một ông cố đạo, mà bị triều-đình trị tội, phải triệu về kinh, sung vào viện Đô-sát, làm Ngự-sử. Năm ấy là năm Tự-Đức thứ 31.

Cụ được về kinh sung vào chức này, lại càng nhằm chỗ thích-hợp với tính-cách thiên-nhiên là tính cương-trực. Gặp lúc bấy giờ việc nước lồi thối, chính-sự rối bết, vua thì nằm cao ở chốn thâm-cung, giặc thì tung-hoành khắp trong bờ cõi, thế nước hồ-nguy, tình dân khổ-sở, thế mà các quan đại-thần, tiểu-thần, trong triều, ngoài quận, trên đã không giúp được vua yên nước, dưới lại không có lòng thương dân ; tóm lại cáo ông ấy chỉ biết lo có bản-thân và làm toàn những việc dối trên hiếp dưới, cơ-hở không còn có kỷ-cương phép-tắc gì nữa. Chức Ngự-sử đặt ra cốt để can-ngăn vua chúa sửa đổi tật hư, và hạch lỗi trăm quan về những việc làm bậy. Làm Ngự-sử về thời trị đã khó khăn, vì thấy nhiều ông Ngự-sử khiếp sợ oai-quyền, rõ biết vua sai quan lỗi mười mười, mà không dám nói ; huống chi làm Ngự-sử thời loạn, khôn sống mống chết, nhưng mà trên thì khổ-gián được vua chúa, dưới thì nghiêm bực được trăm quan, khiến ai nấy trúng khuôn phải phép, lợi nước an dân, như vậy Ngự-sử chẳng phải là chức khó lắm sao ?

Cụ Phan thật là xứng đáng một quan Ngự-sử ở thời loạn. Vì gặp việc sai lầm, cụ đều dám nói.

Thứ nhất là việc tập bản ở cửa Thuận-an.

Nguyên là hồi ấy, nhà vua có lập ra một sở tập bắn ở cửa biển Thuận-an, cách xa kinh-thành 14 cây số bắt buộc tất cả các quan văn-võ đại-thần ở kinh đều phải ra đó tập bắn. Cái bản-ý của nhà vua lập ra trường tập bắn cho các quan, chắc vì lúc ấy trong nước đang có binh đao, nhà vua muốn rằng bất cứ quan dân, ai cũng có thể làm quân lính được cả, cho nên định luyện tập lấy một đội quân « các quan » để rời ra hộ-vệ kinh-thành, chống cự binh Pháp chẳng ?

Ai cũng đủ biết trong chốn triều miếu kinh-đô, ai làm nên đến bậc đại-thần là vào hạng « các cụ » rồi. Đã làm bậc « các cụ », thì có oai-quyền to, thanh-thế lớn, không muốn cho ai nịnh-hót cũng có người nịnh-hót, không muốn ai sợ-hãi cũng có người sợ-hãi; nhân vậy mà có thiếu gì kẻ bùng-bọt oai-quyền và khúm-núm ton-hót ở đằng sau các cụ. Các cụ nói câu gì, dầu cho dở-khệt cũng là nói gang-thép, các cụ làm việc gì dầu cho bậy-bà cũng là việc làm hơn người. Rất dỗi là con cháu các cụ dốt mảy, rồi đi thi-cử cũng phải đậu, ngu mảy rồi cũng được viên lệ hay tập tước để làm quan. Tóm lại các cụ ở đời bấy giờ tiếng là phò vua giúp nước mà kỳ thật là dỗi vua hại nước không biết bao nhiêu.

Chính việc tập bắn ở Thuận-an là một chứng-cớ.

Nhà vua đã định lệ, hễ cụ này bắn trúng mấy phát, cụ kia bắn trúng mấy phát, thì viên chấp-sự trông nom việc tập bắn phải ghi vào sổ hẩn-hoi để tâu vua xem. Các cụ đã quen áo dài vai rộng, vồng lọng ngựa xe, đời nào mớ tay đến khẩu súng tập bắn. Không may gặp lúc trong nước có nạn đao-binh, nhà vua bắt buộc quan lớn cũng phải xắn tay áo lên, tập-tành cái nghề của tên lính, thì hình như là việc cực-chẳng-dã cho các cụ ; các cụ chỉ làm cho xong chuyện, khỏi trái mạng vua thì thôi. Có khi các cụ bắn mười phát đều lên mây xanh, không có được một phát trúng đích,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thế mà viên chấp-sự cũng ghi vào sổ cho nhiều, làm như là các cụ đều bản giỏi cả.

Việc tập bản man-trá như vậy, các ông Ngự-sử ở Đô-sát-viện đều biết dư, nhưng ai cũng kiêng nể sợ hãi các cụ, không dám đàn-hặc bao giờ. Duy đến cụ Phan không thềm kiêng-nể sợ-hãi ai, vì cụ suy nghĩ : họ làm như thế là dối vua, bèn làm sớ tâu vua Tự-đức ngự giá ra cửa Thuận-an, để xem các quan tập bản cho rõ hư-thực. Vua Tự-đức ngự ra xem, quả thấy trước kia sổ sách biên chép tâu lên là láo cả, trong bá-quan tập bản mười phần chỉ có một hai phần bản đúng mà thôi. Bởi vậy ngài châu phê rằng : « *thử sự cứu bất phát, phùng Phùng nãi phát* » (việc này lâu không có ai phát-giác ra, nay gặp Phùng mới phát), rồi thăng chức cho cụ làm Hình-khoa chưởng-ấn. Cả triều-đình bấy giờ, ông quan nào cũng phải kiêng-nể cụ về tính cương-trực cảm ngôn.

Những việc cụ dám đàn-hặc bá quan hồi ấy còn nhiều, song cũng không quan-hệ chi mấy, cho nên lược đi.

Vua Tự-đức thương cụ là người cương-trực, sau ngài giáng chỉ phái cụ làm quan Khâm-mạng ra thanh-tra tình-hình quan-lại ở Bắc-kỳ. Cụ đi thanh-tra rồi, dâng sớ về tâu vua, hạch tội ông Thiếu-bảo Nguyễn-Chánh, kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ ôm tiết-việt vua ban làm món đồ bày trước mặt cho oai-vệ, còn sự lợi hại của dân-gian, thật chẳng để tâm gì tới. Vua Tự-đức truyền cho cụ thâu lấy tiết-việt của Nguyễn-Chánh về, không cho ông làm Kinh-lược nữa.

Ở ngoài Bắc trở về kinh, cụ Phan lại sung chức Ngự-sử.

IV

VIỆC LOẠN Ở TRONG TRIỀU SAU KHI VUA TỰ-ĐỨC MẤT

LÚC bấy giờ sáu tỉnh Nam-kỳ nhượng đứt rồi, quan Pháp đang hoạt-động ở Bắc-kỳ và sắp can-thiệp đến Kinh-đô Huế.

Thoạt tiên, Pháp can-thiệp đến kinh-đô là đánh Đà-nẵng, phá cửa Thuận-an, rồi yêu-cầu đặt Khâm-sứ.

Chiếu theo điều-ước ký ngày tháng 3 năm 1874, nước Pháp có quyền đặt một ông Khâm-sứ tại kinh-đô Huế để giao-thiệp với triều-đình ta. Nước Pháp đã chiếm đất Nam-kỳ và đã đánh phá hầu hết Bắc-kỳ rồi, còn một đất Trung-kỳ tha gì mà chẳng lấy nốt, duy còn muốn nhân-nhượng cho triều-đình ta đôi chút, tức là cách « tiên lễ hậu binh », chờ lúc nào triều-đình ta ra mặt kháng-cự thì bấy giờ Pháp mới dùng đến võ-lực.

Vậy ông Khâm-sứ đến đóng ở Huế trước hết là ông Rheinart (1875).

Ông Khâm-sứ đến đóng ở Huế tức là một người thay mặt nước Pháp để thi-hành điều-ước với triều-đình ta. Nhưng triều-đình ta có coi điều-ước ra cái

quái gì ; bất quá lúc bị thua trận quá, thì cũng nhắm mắt ký tên để làm kế hoãn binh mà thôi, vua quan mình bấy giờ xem điều-ước chẳng khác tờ giấy lộn và khoản kia khoản nọ như câu nói trò-đùa gì vậy. Vì thế, ông Khâm-sứ nào đến rồi cũng chán-nản. Ông Rheinart đến đóng ít lâu bỏ đi, ông Philastre tới thay (1878). Ông này cả ngày chỉ ham đọc sách bói toán, và chơi với ông Nguyễn Văn-Tường rất thân. Sau chính-phủ Pháp thấy triều-đình ta không giữ lời hứa chút nào, tưởng rằng ông Philastre không đủ sức nghiêm-ngặt để bắt buộc triều-đình Huế phải tôn-trọng điều-ước, cho nên ngày tháng 7 năm 1879 lại phái ông Rheinart tới thay một lần nữa.

Trong hồi đó, giữa triều-đình ta và tòa Khâm-sứ có xảy ra nhiều việc lời thối khó khăn ; nào là vua quan ta miệt-thị ông Khâm-sứ, nào là ngược-đãi những người Pháp ở Huế, nào là giết đạo v. v... làm cho người Pháp khó chịu, tức mình, nhưng đó cũng kể là những việc nhỏ, duy có việc trái với điều-ước, khiến cho người Pháp bất-bình lắm, ấy là việc vua Tự-đức lại sai sứ sang triều-cống nước Tàu.

Thật vậy, khoảng năm 1880, vua Tự-đức sai sứ-thần đem đồ phương-vật sang triều-cống vua Thanh nước Tàu và xin Tàu cứu-giúp, trong ý vua quan ta tưởng rằng vua Thanh nước Tàu lúc bấy giờ đủ sức chống-cự nước Pháp mà cứu-viện cho nước Nam mình được.

Chính-phủ Pháp thấy vậy, nghi ông Rheinart làm không trọn trách-nhiệm, là tại ông không biết tiếng Nam và phong-tục người Nam, cho nên trong sự giao-thiệp có nhiều điều ngăn trở hay là không rành. Rồi chính-phủ Pháp cử ông Champeaux đến thay làm Khâm-sứ. Ông Champeaux là người thạo tiếng Việt-Nam và hiểu thấu tính-tình phong-tục của người mình lắm. Nhưng khốn thay triều-đình mình, dù ông khâm-sứ nào tới mặc lòng, cũng gây sự lời thối với

người ta. Rốt cuộc đến ông Champeaux cũng phải đi, rồi ông Rheinart lại tới Huế nữa.

Đến năm 1882 trở đi, công cuộc giao-thiệp giữa hai nước càng thêm rắc-rối, có nhiều chỗ không thể nói được nữa. Thứ nhất là khi nghe cái tin quân Pháp bỏ mất thành Hà-Nội rồi, triều-đình và bọn văn-thân càng lấy làm uất-ức, vì thấy đất-cát thành-trị của mình cứ mất dần mòn một cách nhục-nhã như vậy, thành ra bấy giờ không muốn hòa nữa. Tuy mình không có binh-lực và khi-giới, nhưng ai nấy đều bãng-hái muốn liều chết mà đánh nhau rồi ra thế nào thì ra. Thấy lòng người phản-khích như thế, nên chỉ ông Tôn-thất Thuyết — khi ấy làm Binh-bộ thượng-thư, có binh quyền trong tay lớn lắm — mới ngầm lên dự-bị để chống cự binh Pháp. Ông sai cấm cử ở sông Hương để ngăn giới-hạn bên tòa Sứ và bên Hoàng-thành; lại xây đồn đắp lũy ở cửa Thuận-an, đề phòng giữ mặt biên và luyện-tập binh lính cả ngày, chỉ chờ dịp cùng quân Pháp khai chiến. Vì thấy tình thế mỗi ngày càng thêm rắc rối không xong như vậy, cho nên đầu năm 1883, ông Rheinart bỏ Huế mà về Sài-gòn. Ấy là cái triệu hai nước sắp sinh sự với nhau đó.

Vua Tự-đức vốn là một bậc vua anh-minh, chỉ tiếc vì ngài ở chốn thâm-cung, không hiểu chi về thời thế thiên-hạ, mà các quan phò-tá cận-thần đều là hạng hủ-nho cố-chấp, không rành việc đời việc nước, không hề tri-kỹ tri-bỉ chút nào. Sự thật, chính vua Tự-đức không phải là người có tính cố-chấp. Ngài cũng biết thứ chi thích dùng thì dùng, dầu thứ đó là đồ chế-tạo của nước Pháp là nước đang cừu-địch với ngài cũng vậy, chứ không phải như mấy ông hủ-nho ta đời ấy, bất cứ thấy cái gì của tây là cũng làm bộ không dùng. Một việc này làm chứng-cớ rằng vua Tự-đức không có tính cố-chấp. Ngài ham-thích đi săn bắn. Tháng

nào ngài cũng đi bắn đôi ba lần, và mỗi lần đi bắn đều được vịt-trôi và hươu nai, cho nên ngài đã có tiếng là ông vua tài bắn. Thường khi ngài đi bắn như thế hay đem theo mấy khẩu súng tây và đi đôi giày bằng cao-xu đen của tây chế ra để lội xuống ruộng cho dễ. Xem vậy thì ngài có đạt-quan lắm, không ghét bỏ chi những đồ thích dùng, dầu cho là của địch-quốc.

Ngài hay chữ và coi việc triều-chính rất siêng năng. Cả ngày ngự ở điện Cần-chánh làm việc, không lấy làm mỗi-một. Lại có tinh-tinh giản-dị, những lúc ngồi làm việc cặm-cui, chỉ có hai con cung-nữ đứng hầu để dâng trà châm thuốc; làm việc lâu lâu mệt-mỏi thì đứng dậy ra chỗ để đầu-hồ chơi ít bàn làm vui. Nói tóm lại, sau vua Gia-long là vua anh-hùng, đến vua Tự-đức có thể gọi là vua minh-triết. Nếu như gặp được nhiều đại-thần phụ chính là hạng thức thời và có trí, vẽ cho ngài về việc thời-thế họa-phúc, chỉ-dẫn giúp-đỡ ngài trong việc cải-cách duy-tân, thì có lẽ nước Pháp đã sẵn lòng giúp sức cho ngài có thể làm vua Minh-trị nước Nhật-bản, mà dân mình đâu có kém hèn đi nữa, cũng tiến tới sớm hơn ít chục năm, có thua ai cũng không đến nỗi thua sút cho lắm... Đáng tiếc thay, những người ở bên tả hữu nhà vua lúc bấy giờ, đều là hạng tư-tướng cũ-rích, thời-thế mịt-mù, họ gặp buổi vận-hội gian-nan, quốc-sự nguy-biến là thế, mà vẫn cố-chấp mơ-màng không chịu tỉnh-ngộ. Chính họ đã đối vua hại nước chứ ai. Một viên đại-tướng Pháp hồi đó là ông Le Myre de Villers, viết thư dâng vua Tự-đức có câu rằng : « Bọn tả-hữu của Hoàng-thượng đã làm cho Hoàng-thượng sai lầm việc nước », thật là một câu nói tóm tắt được cả tình-hình triều-chính nước ta hồi đó vậy.

Phải, chính các cụ đại-thần đối vua hại nước đó đây.

Nước ta lúc bấy giờ, trong dân-gian nảy ra lắm người thức thời hữu-chí, lần mò vào kinh-dò đảng số cải-cách, một hai bày tỏ, tâu xin nhà vua mau mau sửa đổi theo Âu-Mỹ, thì quốc-vận còn có thể văn-hồi được. Nhưng chí-sĩ nào cũng bị các cụ đình-thần làm « kỳ dâ cần mũi » còn kiếm cách hãm-hại người ta là khác. Những lúc ông Nguyễn Trường-Tộ (1) tâu xin cải-cách theo như Âu-châu và ông Bùi-Viện (2) tâu xin thông-thương với nước Mỹ, vua Tự-đức họp đình-thần lại giao cho bàn xét thi hành, vì tự ngài không muốn độc-đoán. Nhưng các cụ đình-thần chỉ sợ người khác tranh công cướp vị của mình, nên chỉ ra sức cản-trở nhà vua về việc lo toan cải-cách. Những chí-sĩ đương thời như ông Tộ ông Viện muốn thấy tổ-quốc mình duy-tân đã không được thấy, lại còn mang lấy cái họa sát thân vào mình nữa. Rất đối giữa

(1) Ông Nguyễn Trường-Tộ là người tỉnh Nghệ-an. Hồi nước Pháp đã lấy Nam-kỳ rồi ông đi theo mấy ông cố đạo sang Pháp học, cốt là sang học lấy văn-minh Âu-châu, để về lo cải-cách nước mình. Khi về ông có dâng sớ điều-trần những phương lược cải-cách, và xin nhà vua làm ngay, theo gương nước Nhật, không có thì cái vạ mất nước đến nơi. Vua Tự-đức họp đình-thần đề bàn, đình-thần cho là sự nói cần không chịu theo. Ông buồn đến nỗi ức-uất mà chết. Có người nói ông bị các cụ đình-thần hạ ngục rồi bắt uống thuốc độc chết. Năm 1925 vua Khải-định truy-tặng cho ông Nguyễn Trường-Tộ hàm Trục-học-sĩ. Văn trước-thuật của ông bàn bạc về tình-thế thiên-hạ và ý-kiến cải-cách duy-tân hồi đó, hiện nay còn để lại Quốc-sử quán trong Huế.

(2) Ông Bùi-Viện, người làng Trịnh-phố, phủ Kiến-xương, sinh Thái-bình, đậu cử-nhân, Ông dâng sớ xin mở-mang việc buôn bán với ngoại-quốc, triều-đình phái ông đi kinh-biện việc ấy ở bên Tàu. Ông sang Quảng-dông, kết-giao với con một ông Lãnh-sự Mỹ tại đó. Người con ông Lãnh-sự ấy sinh ở nước Tàu, học nhiều chữ, Háo, làm thơ hay lắm. Hai bên nói chuyện tâm sự với nhau, người kia thương tình hứa với ông rằng sẽ đưa về xin chính-phủ Mỹ cứu-giúp. Ông nói rằng việc có quan hệ đến quốc-gia trọng-sự, mình không dám tự chuyên, đề về tâu vua đã, rồi sẽ liệu định. Người Mỹ bèn ra chờ tại Hương-cảng, còn ông thì một mặt về tâu với vua Tự-đức. Vua chưa tin, bảo ông ra hỏi lại cho chắc chắn đã hãy về lấy quốc-

khi quân Pháp đang đánh dẹp tứ tung ở Bắc-bà, đi đến đâu là đánh được ở đó, có thể mau lẹ dễ-dàng như chém cây khô, mà ở trong trào, các cụ có trọng-trách quốc-gia, chẳng ai có một mưu-chước gì để giúp vua cứu nước, chỉ tin cậy vào học thuật Khổng, Mạnh, trông mong vào sự cứu giúp của nước Tàu là một nước cũng đang suy-vi nát hết như trong. Thật thế, nước Tàu hồi đó, đang như con cá nằm trên thớt, chịu để cho liệt-cường Âu-Mỹ chặt năm xé ba chia nhau, chính mình lo bề tự cứu còn không xong, có hơi sức tài giỏi gì cứu ai cho được. Chẳng qua có bọn Cờ đen, là bọn giặc cỏ ở bên Tàu, chạy tràn sang đất Bắc ta, thế mà nhà vua trông cậy vào chúng để chống cự với binh Pháp hùng-cường mới kỳ, khiến cho chúng thừa dịp phá hại dân ta rất là khổ sở. Cũng chính các cụ triều thần hủ-bại xui giục nhà vua hạ

thư đi sứ Mỹ. Ông nghĩ việc cấp-bách, mà đi lại như vậy mất công, bèn mạo-ra quốc-thư và tự chế ra áo mũ hàng quan Tam-phàm rồi sang Hương-cảng, cùng người bạn đi qua Mỹ giao-thiệp. Lúc ấy Mỹ sẵn có chuyện bất bình với vua Napoléon III về vụ Mexique nên muốn thừa dịp trả thù ở Phươg-Đông, nghĩa là can-thiệp vào công việc nước Nam. Nhưng tới đây ông Bùi-Viện lại ăn năn lo sợ triều-đình biết cái tội mình mạo giả quốc-thư và cái tội tự-chuyên đi sứ, nên chỉ ông xin chính-phủ Mỹ hãy thông thả để cho ông trở về tâu sự thế cho quốc-vương rõ đã. Chính-phủ Mỹ ưng theo, lại cho người con ông Lãnh-sự kia theo ông đi sang nước Nam xem xét sự tình. Ông về thú tội cùng vua Tự-đức, bấy giờ vua mới cho ông có danh nghĩa chính thức đi qua Mỹ một lần nữa thì chính-cuộc ở Mỹ đã thay đổi khác mặt rồi, người ta không thêm lính việc trước nữa. Ông Bùi-Viện hết sức yêu-cầu, làm gần như Thân Bao-Tur đòi Chiến-quốc khóc bày đêm ngày ở sân vua Tân để xin đem binh cứu cho nước Sở. Tuy vậy người Mỹ kiếm cách thoái-thác là bảo ông về trừ-biện lấy hai triệu quan tiền đem qua làm khoản chi phí xuất binh.

Kho tàng nước ta hồi ấy rỗng không, lấy đâu mà trừ được hai triệu quan tiền? Nhà vua bèn sai ông kinh-doanh về việc buôn bán để trừ khoản tiền ấy. Việc này ban đầu chỉ có vua và ông biết mà thôi, sau vỡ lẽ ra, bà Từ-dụ Thái-hậu (mẹ vua Tự-đức) can không cho làm. nhân thế đình-thần lại khếp ông vào tội khi quân, giam ông trong ngục tối đói khát mà chết.

chỉ giết hại giáo-sĩ và giáo-dân, lại càng gây thêm oán thù ra với người Pháp nữa. Lời của ông Le Myre de Villers đã nói trên kia là phải lắm.

Kể cho hết cái tình-cảnh khó khăn của vua Tự-đức hồi bấy giờ, ai cũng lấy làm ái-ngại cho ngài; trên thì có đức bà Từ-dụ Thái-hậu cấm-đoán, dưới thì có quần-thần trở-ngăn, trong mọi công việc, thành ra quốc-gia đại sự, ngài bị trên ngăn dưới cản, không thể chủ-trương quyết-đoán ra thế nào được cả.

* * *

Tệ nhất là trong triều có bọn quyền-thần.

Đối với việc Pháp-Việt giao-thiệp hồi ấy, trong triều chia ra làm hai đảng: một đảng chủ hòa, một đảng chủ đánh. Đảng chủ hòa yếu, đảng chủ đánh mạnh. Đảng chủ hòa thì đã cố-nhiên rồi, còn đảng chủ đánh cũng chỉ vu-vơ, mơ-màng, chẳng có thực-lực mà cũng chẳng trông cậy vào đâu chắc chắn; bất quá ngoài thì trông nhờ giặc Cờ-den, trong thì trông vào một cửa bể Thuận-an, và một vạn quân cấm-vệ, súng đạn Irong-thực tích-trữ được một năm, tưởng đâu như thế là đủ chống với quân Pháp rồi. Đầu đảng chủ đánh là ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất Thuyết.

Ấy, mỗi đảng có một cái chủ-kiến khác, thành ra xung-đột nhau.

Hồi tháng năm năm 1883, việc trọng nước đang rối bết như thế, mà triều-đình ta còn bày ra lễ « Phát-thức » tức là một lễ lau chùi những ấn-tín của nhà vua, trong dịp vui mừng. Nào có gì đáng mừng đâu, chỉ có nghe tin ông Đại-tá Henri Rivière đã chết, và quân Pháp đã rút ra ngoài thành Hà-nội, thế mà triều-đình coi như thắng trận lớn lắm, nên mới làm lễ Phát-thức để ăn mừng vậy.

Ông thượng-thư Trần Tiên-Thành — cũng là một

vị trọng-thần ở trong triều và thuộc về đảng chủ hòa— thấy vậy tranh-biện với ông Thuyết giữa triều-đình rất dữ. Ông nói rằng : « Bày đặt làm lễ này làm chi vô ích. Tôi đây là con lai khách (1) mà tôi không dám tin rằng người Tàu có thể địch với quân Pháp được ». Ông Tôn-thất Thuyết mắng giữa mặt rằng : « Ông là khách mà ông khinh-bí đồng-bào của ông, rõ đồ vô-sĩ ».

Ông Tôn-thất Thuyết là quyền thần hồi bấy giờ; ở trong triều, ông không còn kiêng-nể ai hết, nhân thế mà gây ra bao nhiêu chuyện sau này.

Nhất là cuộc phế lập liên-tiếp, sau khi vua Tự-đức thăng-hà.

. . .

Vua Tự-đức hiếm-hoi, không có con trai. Ngài có nuôi ba người con của hai ông anh em ngài là Thoại-thái-vương và Kiên-thái-vương làm con nuôi.

Khi lâm-chung, ngài triệu ba ông Tôn-thất Thuyết, Nguyễn Văn-Trường và Trần Tiễn-Thành tới dặn-dò việc lớn nhà nước, và di-chiếu lập người con nuôi lớn là ông Dục-đức (con Thoại-thái-vương) lên làm vua. Ngài nói rằng : « Việc lớn nhà-nước phó-thác cho ba khanh hãy tận-trung tận-lực, đừng có phụ lòng trăm tin cậy ». Ngài vừa thở vừa nói câu ấy, đứt nổi từng tiếng, mà hai hàng nước mắt ứa ra.

Ba ông cùng khóc phụng chiếu.

Vua Tự-đức thăng hà. Ngày ấy là ngày 19 tháng 7 năm 1883 (ngày 16 tháng 6 năm Quý-mùi).

Nhưng sau khi vua Tự-đức nằm xuống rồi, thì ông Thuyết và ông Trường hùa nhau khuấy rối việc nước, hết sức lộng-quyền, độc ác.

Trước hết là các ông ấy bỏ ông Dục-đức.

(1) Ông Trần-tiến Thành người Minh-hương.

Khi vua Tự-đức thảo tờ di-chiếu lập ông Dục-đức, và trao cho ba ông Thuyết, Tường và Trần Tiên-Thành làm Phụ-chính đại-thần, trong có hờ một câu khiến cho ông Thuyết và ông Tường vịn lấy câu đó làm cớ mà giết ông Dục-đức và lập ông khác được. Nguyên trong tờ di-chiếu ấy có câu rằng : « Ông Dục-đức hãy còn trẻ tuổi, mà phóng-dãng vô-đạo, đáng lẽ không lập, nhưng vì không có tự-quản, cho nên phải lập » v v..

Đến lúc các ông ấy họp đình-thần để bàn và cử ông Trần Tiên-Thành đứng lên tuyên-đọc tờ di-chiếu, ông Trần Tiên-Thành tự nghĩ nếu mình đọc rõ câu kia ra, thì có ngại đến danh-dự của ông Dục-đức làm vua sắp lên ngôi, cho nên đến câu : « Ông Dục-đức hãy còn trẻ tuổi mà phóng-dãng vô-đạo, đáng lẽ không lập, nhưng... » thì ông đọc nhỏ tiếng. Câu ấy là câu cốt-tử để cho ông Thuyết làm việc phế lập, nay đọc nhỏ tiếng đi sao được ? Ông mắng ông Trần Tiên-Thành khi mạn đình-thần, cho là vào bè với ông Dục-đức, bèn sai ông Nguyễn Trọng-Hợp tuyên đọc tờ di-chiếu ấy to tiếng lên.

Ông Nguyễn Trọng-Hợp đọc xong, ông Thuyết đứng dậy nói rằng : « Như vậy thì không thể lập được ông Dục-đức, mà phải lập ông khác, vì theo trong di-chiếu ông Dục-đức là người phóng-dãng vô-đạo không xứng đáng làm vua ».

Trong bụng hai ông Thuyết và Tường bấy giờ đã định lập ông Văn-lãng-công tên là Hường-Dật, vì nghe như ông Văn-lãng-công đã có vận-động với hai ông họ rồi. Vì thế sau khi vua Tự-đức mất, ông Thuyết xoay ra mặt phế lập ngay, song còn lo triều-thần có ai phản-đối lại chẳng, cho nên ông phải lấy oai hiếp phục. Lúc ấy binh-quyền trong tay ông nắm, thành-ra động việc gì ông cũng giơ võ-lực ra. Nội triều, trừ ông Trần Tiên-Thành và một vài ông nữa,

còn thi đều là thủ-lúc của ông ; vì sợ khiếp oai võ của ông, nên không ai dám trái ý.

Ngày bữa họp đình-thần để quyết-nghị việc bỏ ông Dục-đức và tôn ông Văn-lãng-công, ông Tôn-thất Thuyết đem 300 cấm-binh (lính trong cung cấm) ra dàn ở trước triều để thị oai, và dặn chúng rằng : « Nếu ai dám ho-he nói gì, thì cứ xem cái ám-hiệu của ta, bảo làm thế nào thì cứ thế mà làm ». Hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái, thì trối lại ; hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái rồi giơ tay lên một cái là chém.

Ông làm dữ như thế thì còn ai dám nói ? Từ các cụ đại-thần cho đến các thuộc-quan đều ngồi thủ tay vào bọc, ngậm miệng như hến cả.

Thế mà có một ông quan nhỏ dám nói.

Người ấy là quan Ngự-sử Phan Đình-Phùng.

Lúc ở giữa triều-đình, thấy Tôn-thất Thuyết trở mặt chuyên-quyền, tính bỏ vua nọ lập vua kia như thế, cụ Phan tức giận, đứng lên toan nói, nhưng các bạn đồng-liều nhút-nhát của cụ sợ thay cho cụ, nên họ ở phía sau nín áo lại, ra hiệu bảo cụ đừng nói cương-trực mà chết.

Cụ Phan giận mạnh quá, dứt ngang thân áo đai-trào, rồi hăm-hăm nói lớn tiếng với Tôn-thất Thuyết :

— « Đức tiên-hoàng vừa mới nhắm mắt, mà ngài đã làm việc trái nghịch di-chiếu như thế, thật không còn đạo nghĩa nhân-thần một chút nào. Bây giờ triều-đình tất phải tuân theo di-chiếu mà lập ngài Dục-đức lên ngôi mới được. Huống chi tân quân chưa có lỗi gì, chưa chi đã làm việc phễ lập như ngài định làm càn rỡ đó sao cho phải lẽ ? »

Sẵn cơn thịnh-nộ, cụ Phan còn mắng nhiếc Tôn-thất Thuyết nhiều điều nặng-nề nữa.

Tôn-thất Thuyết căm giận tái mặt tím gan, nhưng bề ngoài ông chỉ cười nhạt. Giận là thế thường ; cười nhạt được như vậy mới thật là hiểm-sâu.

Trong khi cụ Phan đang nói chưa dứt lời, Tôn-thất Thuyết vỗ bàn một cái thật mạnh rồi đưa tay cao lên đề ra hiệu. Bọn cấm-binh ngó thấy, liền xông vào lôi cụ Phan ra toan chém ngay. Nhưng Thuyết chợt nghĩ lại sao đó không biết, liền ra lệnh cho cấm-binh dẫn cụ Phan giam lại trong ngục, đề sau sẽ xử. Cả triều-đình thấy vậy hoảng-hồn hết vía, còn ai dám hé mồm nữa đâu.

Thế rồi Tôn-thất Thuyết lập ngay ông Văn-lãng-công lên làm vua, kỷ-nguyên Hiệp-hòa. Ngày đó là ngày 30 tháng 7 năm 1883. Còn ông Dục-đức thì Thuyết giam trong ngục tối, mỗi bữa chỉ cho ăn một nắm cơm, mà không cho uống nước. Rồi mấy ngày sau, Thuyết không cho ăn miếng gì, để ông Dục-đức chết đói trong ngục.

Đến cụ Phan thì sau mười ngày, Thuyết thả ra, nhưng cách-tuột hết chức vị. Cụ chỉ còn nguyên cái danh vị tiến-sĩ của mình mà thôi.

Cụ Phan thấy triều-chính lằng-loàn, quyền-thần hống-hách, bên ngoài thì cường-địch càng ngày càng tấn tới, thời-thế càng ngày càng đảo-điên, chính là một buổi đời loạn nước nguy, tự nghĩ người nhân-nhân quân-tử nếu không làm gì bổ cứu được thì cũng phải lo giữ mình trong sạch khôn-khéo lắm mới khỏi như danh, khỏi bị họa. Bởi vậy, sau khi nếm miếng mồi được nhả ra rồi, cụ nghĩ chốn kinh thành không thể ở nấn-ná được, vì sợ nữa chừng Tôn-thất Thuyết hối-hận lại bắt giam hay là hại ngầm biết đâu, nên cụ phải mau mau thoát thân đào nạn. Liên bữa sau giả có đi chơi, rồi lên lên đường trở về cố-quận, lo cây cấy năm ba mẫu ruộng ở khoảng Châu-giang-Mặc-lĩnh để di-dưỡng tháng ngày, đợi xem thời cuộc.

Nhưng mà lẽ thường xưa nay, trời sắp muốn giao-phó một việc lớn lao hệ-trọng cho ai, bao giờ trước hết cũng dày-vò hành-hạ người ấy phải đói khát khô-

sở, gặp toàn những bước khốn-đốn hiểm-nguy, điên đầu rối trí, thật là nã-o-nề chề-chán đã sẽ hay.

Thân-thể cụ Phan ở trong cảnh đó.

Bao nhiêu bước nguy, nỗi khổ cụ gặp phải lúc này, hình như ông trời chủ-ý dày-vò đáo để trước khi thời-thế sắp giao phó một việc khó khăn hệ-trọng cho cụ phải gánh-vác vậy.

Đó là việc sau.

Bây giờ chúng ta hãy nên theo đuổi cho hết công việc rối-loạn trong triều, vì là việc này đối với phong-trào văn-thân do cụ Phan chủ-trương nay mai vẫn có dính-dấp nhân-quả với nhau.

Xong việc phế ông Dục-dức, lập vua Hiệp-hòa rồi, Tôn-thất Thuyết tỉnh ngay đến việc chống cự binh Pháp. Vì lão tướng đầu tài-năng của lão và binh-lực nước ta lúc bấy giờ có thể làm việc lấp biển và trời đó được.

Nói cho phải, lúc ấy người đồng-chi của Thuyết ở trong triều cũng đông. Ngoài ra những bậc đại thần Nguyễn Văn-Tường, võ-tướng như Trần Xuân-Soạn, Ông Ích-Khiêm, Thuyết có trong tay rất nhiều người là bộ-bạ, là phe đảng, là vây cánh, ai nấy đều bặm-lở hiển thân liều mạng chống đỡ non sông. Trái lại duy có một mình ông Trần Tiễn-Thành phản-đối ra mặt, ông nói rằng người Pháp hùng-cường thế kia, thà mình chịu khuất-phụ trước đi còn hơn, bây đặt chống cự làm chi thêm hư hại việc nước và chết oan mạng dân một cách vô ích.

Thuyết tức giận đỏ mặt, giữa triều mắng nhiếc Trần Tiễn-Thành là mắt chuột, còn sống ở đời làm chi ?

Hôm sau Thuyết sai hai tay lực-sĩ đến tận nhà riêng của Trần Tiễn-Thành ở xóm Đông-ba, nói gạt rằng có chiếu mạng khẩn-cấp ; Trần Tiễn-Thành tưởng thật, vừa ở trên lầu bước xuống bị chém chết tơi.

Chỉ có một cây đình trong con mắt đã nhò đi rồi.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

từ đó Thuyết ở trong triều có thế-lực oai-quyền lẫn trên đê dưới, muốn tác oai tác phúc gì cũng tự ý, không phải kiêng-nể ai, cũng không ai can-ngăn được nữa. Người ta nói hời đó Thuyết oai-nghiêm dữ dội đến nỗi đêm hôm ở trong thành, nhất là gần quanh bộ Binh là chỗ Thuyết ở, chớ không dám sửa, con nít không dám khóc.

Nếu xét cho công bằng — cố nhiên theo nghĩa tương-đối mà nói — Thuyết cũng là một bậc người có tài chí đương thời, tính rất cương-cường võ-đoan, hễ đã nhất-định làm một việc gì thì cả quyết theo đuổi làm đến cùng, không chịu lui, không chịu khuất, cũng không kể gì là hay dở thành bại. Chính nhiều người Pháp cũng khen ngợi tấm lòng trung-trực của Thuyết. Nếu như sau lúc chống cự rồi thất thế bại binh, Thuyết chịu ra hàng-phục Bảo-hộ, có lẽ cũng được Bảo-hộ trọng đãi, chứ không như Trương đôn xóc hai đầu, vừa bị khinh-bĩ, vừa bị đi đày kia đâu. Nói cho phải, người Pháp có độ-lượng tử-tế với kẻ cứu-dịch mình, ai biết cũng phải cảm-động.

Nhưng Thuyết không có ý chịu khuất-phục lúc nào.

Trước khi đối chiến với người Pháp, Thuyết hãy ra tay giết Đạo.

Ông A. Delvaux là người trong hội Ngoại-quốc Truyền-giáo (Société des Missions Étrangères) tại Paris có thuật đầu-đuôi chuyện Tôn-thất Thuyết giết đạo ở trong một tập báo « Đô-thành biểu-cổ » (Bulletin des Amis du Vieux Hué) hồi năm 1916 như vậy :

« Cuối năm 1882, bọn văn-thân văn truyền bịch kín
« đi các nơi, xúi ngầm nhân-dân khuấy-phá công việc
« điều-đinh tử-tế của ông đại-tá Henri Rivière và
« khuyên-bảo nhau chớ có tin-trởng người ta cảm-độ
« ngon-ngọt, cũng đừng thềm khuất thân đầu phục ai
« một cách yếu hèn. Đám quan-quyền và sĩ-phu nước
« Nam lúc này có bưng-bít che đậy những chỗ sục

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« hèn thua trận của họ đi, mà đổ riệt tội lỗi cho dân
« theo đạo đã làm tay trong bán đứng quốc-gia cho
« người Pháp. Làm gì người Pháp thì họ không làm
« nổi, hèn xoay ra mặt cừu-thù sát-hại dân Đạo gọi là
« *quán nội công của người Pháp*. Trong tờ lịch truyền
« khắp mọi nơi, có câu này : « họ trừ-khử được
« quân tả-đạo nội công đó, thì tự nhiên người Pháp
« thành ra trở trời yếu thế, như cua mất càng không
« bò không kẹp được nữa ». Lại có tờ lịch khác nói
« rằng hồi quân Pháp đánh thành Hà-nội chính người
« theo đạo đã bẫy thang cho binh Pháp leo vào trong
« thành ».

Một đoạn khác, ông A. Delvaux chép :

« Ngày tháng 9 năm 1883, văn-thần ở Huế lại càng
« làm dữ. Triều-đình nước Nam ngó thấy đất nước
« càng ngày thất thủ dần mòn, bèn âm-thầm mưu-
« tính đủ cách để ngăn trở công cuộc chinh-phục của
« binh Pháp. Chủ mưu chính là Tôn-thất Thuyết,
« Binh-bộ thượng-thư và Nguyễn Văn-Tường, Hộ-bộ
« thượng-thư, hai người này lấy oai-quyền ép buộc
« tất cả triều-thần phải khuất-phục hai cái định kế
« của họ như vầy : Trước hết mặt dụ văn-thần khắp
« trong nước hẹn nhau một ngày cùng nổi lên, giết
« hết giáo-dân, vì họ cho giáo-dân là quân nội-ứng,
« nhờ đấy binh Pháp mới xâm-chiếm được nước Nam.
« Sau khi giết-hết giáo-dân rồi thì triều-đình dời đi
« một nơi nào xa-xôi hiểm-trở, có thành-trị kiên-cố,
« địa-thế quanh co, để binh Pháp không đánh tới nơi
« được. Tôn-thất Thuyết đã lựa chọn miền thượng du
« tỉnh Quảng-trị, một là Cam-lộ, hai là Tân-sở, lấy
« một chỗ dễ nay mai dời kinh đô triều-đình lên đóng
« ở đó. Cái kế-hoạch bàn tính như vậy, quả nhiên về
« sau Thuyết có thực hành nhiều ít.

« Thuyết và Tường lại sai hai người thủ-hạ thân tín
« là Hầu-Chuyên và Phò-mã Cát đi đạo khắp các làng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« xã trong hạt Thừa-Thiên, chiêu-mộ thêm quân lính,
« đặt ra một toán lính mới, gọi là lính *đoạn-kết* có khi-
« giới hẳn boi và chỉ chuyên có một việc đi tróc-nã
« sát hại những người theo đạo Thiên-chúa. Ngay đầu
« tháng 9 năm ấy, toán lính mới này chia nhau đi
« lương-tuồng lục-lạo khắp tỉnh Thừa-thiên, sát hại
« dân đạo không biết bao nhiêu mà nói ».

Tới một đoạn khác nữa :

« Sáng ngày 29 tháng 11 năm 1883, Thuyết tỉnh sai
« lính *đoạn-kết* đi tìm giết dân đạo ở chung quanh
« kinh thành. Hẹn rằng hễ nghe trong thành bắn lên
« một phát súng thần-công làm hiệu lệnh, thì lính
« *đoạn-kết* cứ việc thẳng tay chém giết, từ cố đạo đến
« con chiên, chẳng dung thứ ai. Nhưng Trương lo sợ
« rằng nếu mình làm dữ quá tất nhiên binh Pháp
« không nhịn, rồi hóa ra đánh nhau thật thì nguy-
« hiểm cho mình ; bởi vậy Trương khuyên-can Thuyết
« hãy cố dè-dặt, chớ táo-bạo quá không nên.

« Tuy vậy, mật lệnh truyền đi đã lữ, thành ra những
« nhà có đạo ở chung quanh kinh-thành, đã bị đồ-
« đảng của Thuyết vấy bọc sẵn-sàng từ lúc trời chưa
« bình sáng. Nhưng sau chờ đợi mãi không nghe
« hiệu súng thần-công, nên chúng tản-tác bỏ đi. Còn
« Hầu-Chuyên thì đã đem lính đi từ chiều hôm trước,
« ra tay tàn phá chém giết dân đạo ở các làng phía
« nam Thừa-thiên rất là thảm-khốc.

« Rồi ngày 13 tháng chạp năm 1883, lại có hịch của
« Văn-thân truyền khắp dân-gian xui giục người ta
« nên rèn đúc khí-giới để trị tội « *những kẻ nội công*
« *của binh Pháp* ».

« Họ định qua sang năm 1884, từ mồng hai cho
« đến mồng 8 tháng giêng, khắp nơi lại hè nhau nổi
« lên giết đạo một chuyến nữa.

« Nhưng sau triều-đình nước Nam sợ làm tàn-nhân
« quá thì việc giao-thiệp với người Pháp thành ra

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« trặc-trở khó lòng chẳng, cho nên lại vội-vàng hạ lệnh
« cho các nơi phải thôi đi không được khuấy-nhiều
« sát hại dân đạo nữa. Tuy vậy mặc lòng, mấy nơi ở
« xa, chưa tiếp được lệnh mới này, vẫn-thần cứ việc
« sát hại cố đạo và dân đạo nhiều lắm ».

.Cái phong-trào nghịch-thù chống cự người Pháp do
Tôn-thất Thuyết xướng khởi và chủ-trương đại-khải
như thế.

Nói cho ngay, nước mình từ hồi đang nói đây, các
tướng lĩnh Pháp đối với triều-đình nước Nam vốn có
chữ tâm lấy chính sách ôn-hòa để thâu-phục lần hồi
thong thả, chứ không muốn bức-bách quá bằng binh
lực nữa đâu. Việc nước đã đến lúc này rồi, cần có
mấy tay ngoại-giao cho giỏi thì có lợi cho nước hơn
là có Tôn-thất Thuyết.

Tại Thuyết chủ-trương xui-giục triều-đình làm
những việc khinh-thường hòa-ước và tàn sát giáo-dân
thế kia, gây nên tội nghiệp cho mấy viên gạch Thuận-
an bẽ nát, mà các cụ lớn cụ nhỏ trong triều hoàng vía
kinh hồn : một đoàn 5 chiếc tàu binh Pháp cực chẳng
đã phải kéo tới bắn phá cửa Thuận, diều võ dương oai.

Bao nhiêu đồn to lũy lớn ở đây, vừa mới xây thêm
có, sửa cũ có, triều-đình tưởng là vững bền vô-dịch,
chẳng dè chỉ trong có hai đêm ngày, đều bị bắn phá
đổ nát tan-tành ; nào quân, nào tướng, nào ngựa, nào
voi, chết thối ngổn-ngang, chạy thối té đài. Rất đổi có
một chiếc tàu trận của nước Pháp tặng cho triều-đình
ta hồi nào chỉ để nằm mốc meo ở cửa Thuận, không
biết lợi dụng mới lắm !

Triều-đình sợ cuống-quýt với nhau, tính chỉ có cách
lại vòng tay xin hòa, bèn sai Nguyễn-trọng Hiệp và
Trần-đình Túc ra tận cửa Thuận, năn-nỉ cầu hòa với
Thủy-sư Đô-thống Courbet và ông Harmand. Tướng
lĩnh Pháp lại rộng-lượng cho hòa, thế mà Tôn-thất

Thuyết chưa chịu biết sức mình vẫn một mực lộng-quyền, tự đắc.

Giữa lúc trong nước có những việc ngược sát giáo-dân, và ở trước cửa kinh-thành có việc Thuận-an thâm-bại như vậy, triều-dinh lại xảy ra một việc nội-biến gớm ghê : vua Hiệp-hòa bị Tôn-thất Thuyết giết chết.

Vua Hiệp-hòa tuy ở ngôi vua, nhưng không biết gì đến công việc nhà nước, tối ngày chỉ quanh-quẩn vui thú với mấy ả cung-nữ mỹ-miêu, lại lấy của kho ra xài-phá, sửa sang cung-diện riêng ở Kim-luông. Đang lúc nhà-nước có việc hoạn-nạn nguy-vong từ phía, dân-gian khổ-sở trăm bề, mà có ông vua ham vui ích-kỷ như thế, cũng là vận số quốc-gia đến lúc bại-vong xui-khiến ra vậy.

Phải biết Tôn-thất Thuyết lập vua Hiệp-hòa lên, chẳng qua như là tô một pho tượng trong chùa để chớ dân có chỗ thấp nhang vái lạy, thế thôi ; còn quyền binh ở trong tay Thuyết và Trương cả. Hai người quyền-thần bảo thế nào thì vua Hiệp-hòa phải nghe như thế. Vua chỉ có việc « gặt đầu » mà thôi.

Vua Hiệp-hòa bị dè dặt dè dỏ quá sức, cũng có ý tức mình, bèn mưu với bọn cận-thần giết Trương và Thuyết. Ngài cũng khôn lắm, biết hai ông ấy thân mật với nhau, nay nếu trừ được một đi, còn một thì cũng không làm được việc gì và có trừ đi nốt cũng dễ ; mà ngài lại khôn hơn nữa, là muốn mượn tay ông nọ để trừ ông kia. Trước hết ngài muốn làm cho hai ông ấy ngờ vực ghen-ghét lẫn nhau, mới triệu riêng ông Trương vào trong điện mà khen ngợi công-lao ngõ ý rằng nếu chận giết ông Thuyết đi thì sẽ phong thưởng thế này thế khác. Vô phúc cho ngài, ông Trương không chịu. Ngài mới cầu ông Khâm-sư đóng ở Huế hồi đó là ông Champeaux. Lại vô phúc cho ngài : ông Trương biết chuyện. Ngài sai người đem

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mặt thư cho ông Champeaux tán-tụng người Pháp, và năn-nỉ ông Champeaux làm thế nào vì ngài mà trừ hai kẻ quyền-thần ấy đi kéo ngài làm vua như vậy cực-khổ lắm. Ông Trương bắt được, giết dứa đi thư, rồi cùng ông Thuyết họp đình-ngự, bắt vua Hiệp-hòa bỏ ngục, rồi ép uống thuốc độc chết. Hôm ấy là ngày 28 tháng 11 năm 1883. Vua Hiệp-hòa làm vua được bốn tháng.

Hai ông tôn người con ông Kiên-thái-vương là Ưng-Đông mới có 14 tuổi lên làm vua, tức là vua Kiến-Phúc.

Sau khi tôn vua Kiến-Phúc lên rồi, ông Thuyết yên tâm ở bề trong, vì thanh-thế ông càng to, trong triều không ai làm gì được nữa ; bây giờ chỉ có việc giết đạo, và tìm cách đánh-đuổi người Pháp. Đối với ông Khâm-sứ Pháp đóng tại Huế, Thuyết công-nhiên ra mặt khinh-bĩ và đe giết chết, đến nỗi ông Khâm-sứ sợ, chỉ quanh ở trong giới-bạn nhượng-địa, không dám thò mặt ra đến ngoài.

Tháng 6 năm 1884, quân Pháp đem năm chiếc tàu chiến đến cửa Thuận-an yêu-cầu chiếm Mang-cá (là một chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành) chiếu theo điều-ước. Triều-đình phải phái hai ông khâm-sai đem phẩm-vật ra cửa Thuận-an khao quân, và xin hẹn trong 12 hôm, sẽ để cho quân Pháp vào đóng tại Mang-cá.

Hẹn thế nhưng mới có bảy hôm thì vua Kiến-phúc thuận cho 100 lính Pháp — một trăm chứ không được hơn — vào đóng tại Mang-cá, quân Pháp kéo vào đóng ngay.

Vua Kiến-Phúc làm việc ấy, ông Thuyết với ông Trương giận lắm, vì hai ông đang rắp đánh người Pháp, mà Mang-cá là chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành, có quan-hệ về đường võ-bị nhiều lắm ; nay quân Pháp đến đóng ở đó, không khác gì chẹn giữa cổ mình.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Thế rồi vua Kiến-Phúc tự-nhiên chết. Người ta nói rằng chính tay ông Tường giết. Hình như mấy hôm đó vua Kiến-phúc bị cảm, ông Tường vào thỉnh-an, tâu là có biết làm thuốc, xin để cho bốc một thang. Thang thuốc ấy tức là thanh kiếm của ông Tường giết vua : vua ngự chén thuốc ấy rồi mất, vì trong có bỏ thuốc độc.

Ngày mồng một tháng 8 năm 1881, hai ông tôn em ruột vua Kiến-phúc là Ưng-Lịch lên làm vua, kỹ-nguyên Hàm-Nghi.

Nhưng ông Khâm-sứ Pháp thử thời là ông Rheinart không chịu công nhận. Ông Thuyết sai đóng hết cả cửa thành lại, tỏ ý rằng nhận hay không nhận ông cũng không cần. Sang nửa tháng sáu, quân Pháp đến thị-uy đông quá, ông Thuyết phải mở cửa thành, để vua Hàm-Nghi tiếp-kiến Khâm-sứ Pháp tại điện Càn-chánh. Bản điều-ước hai nước Pháp-Việt ký từ bao lâu, mà chưa thi-hành, thì nay đem ra thi-hành. Cuộc bảo-hộ thành lập.

VUA THUA CHẠY DÀI

HỒI đang nói đây (1884 bước qua 1885); tiếng là người Pháp đã lấy binh-lực chinh-phục được cả Trung-Bắc lưỡng-kỳ và chiếu theo điều-trước 1884, triều-đình nước Nam đã phải nhìn nhận nước Pháp định cuộc bảo-hộ rồi, nhưng mà cuộc bảo-hộ mới thực-hiện về danh-nghĩa thì có, về tinh-thần thì chưa.

Nghĩa là lúc bấy giờ nước Nam chịu mất chủ-quyền, mà phần lớn dân-tâm sĩ-khi đang hăng máu ái-quốc, chưa chịu khuất-phục.

Có hai lẽ cốt yếu.

Trước hết, người Nam thuở ấy vẫn chưa nhận biết những cái thực-lực văn-minh hùng-cường của người Pháp, mặc dầu mình giao-phong ở đâu bại tẩu ở đó, tỉnh kia thành nọ kẻ tiếp trước sau thất-thủ như cách con tôm lá dậu.

Chắc có độc-giả phải lấy làm lạ, sao vừa mới xa cách tám chục năm trước nào phải lâu gì, chính người Pháp qua đây đóng thuyền đục súng, khiến tướng điều binh giùm cho vua Gia-long mới thắng nổi Tây-son, vậy thì cái thực-lực văn-minh hùng-cường của

PHAN ĐÌNH PHÙNG

người Pháp, lẽ nào người Nam không biết cho được ? Song đây chỉ là một việc quan-hệ riêng với nhà vua, cứu-giúp riêng cho nhà vua nọ đang tranh hành với nhà vua kia, thành ra dân chúng đâu có hay biết.

Đến lúc binh Pháp sang chinh-phục, làm cho ta đất tiều lặn mòn, trận thua điên-đảo, mà ta vẫn tưởng lầm và đổ trút những nguyên-nhân ấy tự đầu chứ chưa biết và cũng chưa chịu rằng người mạnh ta yếu, người hay ta dở, người giỏi ta hèn. Tội đó và đối với thực-lực của người, sĩ-phu ta một đảng, dân-chúng ta một ngã, vẫn có những quan-niệm coi thường, những cảm-giác xem khinh lạ lẫm.

Sĩ-phu thì tự-đắc tự tin về những phép tắc Nghiêu-Thuấn Khổng-Mạnh, và học thuật « Tử-viết Thi-văn », ngoài ra, nhất thiết cái gì khác lạ đều coi là di-địch.

Cứ xem một bài « Biện di luận » của ông Võ Phạm-Khai can vua Tự-đức mưu toán cải-cách, cũng đủ biết tư-tưởng của cả sĩ-phu ta ở đương-thời. Chính bài đó làm vua Tự-đức xiêu lòng, không biết nghe lời của chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ tâu xin cải-cách duy-tân để văn thời cứu quốc. Việc nguy-vong của quốc-gia và thực-lực của người Pháp sờ-sờ trước mắt đó rồi, nhưng sĩ-phu vẫn nghĩ mình là hay là giỏi hơn.

Còn dân-chúng càng không thấy thực-lực của người, đến nỗi tưởng rằng cắm cây nhọn dưới sông — làm như kế của Trần Hưng-Đạo đánh quân Nguyên ở Bạch-đăng giang ngày xưa — chắc làm tàu trận Pháp phải thủng đáy mà chìm. Thấy người Pháp cao lớn vạm-vỡ, cho là nặng-nề, chắc họ không biết bơi lội, không thể chạy mau ; thấy đồ của người Pháp dùng để ăn bằng sắt, không phải đũa bát như mình, thì cho là mường mán ; thấy súng đạn của người Pháp bắn mau như biển mà trúng đầu chết đó thì cho là họ có thuật quỷ phép ma v. v..

Trong khi người mình còn chưa nhìn ra sự thật,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

chưa chịu sức mình hèn, tự-nhiên cuộc bảo-hộ tuy định rồi, mà nhân-tâm sĩ-khi chưa thể trấn-phục được cũng là lẽ thường.

Sau nữa, dân-tộc mình từ xưa vốn có cái tinh-thần chiến-đấu tự-tồn, trên con đường lịch-sử đặng-đặng mấy ngàn năm đã từng bao phen chống Nguyên cư Minh, biết sự thắng bại. Dầu có lúc bại cũng chiến-đấu tới cùng, không khi nào chịu bồng chốc vòng tay khuất-phục. Cái tinh-thần đó của người Việt-Nam chính ông Đại-úy Gosselin và nhiều quan binh khác có dự vào cuộc chinh-phục nước Nam đều thắng ngay nhìn nhận.

Bởi vậy sau khi triều-đình thúc-thủ vô phương và thừa nhận bảo-hộ rồi, dân-tâm sĩ-khi vẫn chưa chịu hàng-phục. Còn bát gạo nào ở trong kho, viên đạn nào ở nòng súng, người mình còn muốn đem trút ra hết, chừng nào thật là thế cùng sức kiệt sẽ hay.

Thừa có cái nhân-tâm sĩ-khi ấy, văn-thân các tỉnh nổi lên tứ-tung, trong lúc ở kinh-thành Tôn-thất Thuyết hoặc tự biết hay không tự biết là bàn-cờ tất thua, cũng nhất-định đi một nước cờ chốt rồi mới chịu để cho người ta chiếu bí.

Đối với người Pháp, như ai nấy đã rõ: bao giờ Tôn-thất Thuyết cũng là người chủ đánh tới cùng, không muốn cho triều-đình ký hòa-ước, không muốn cho quân Pháp vô đóng ở Trấn-binh-đài (tức là Mang-cá), không muốn cho nước Pháp đặt cuộc bảo-hộ ở kinh-đô. Nhưng vì tình thế hồi bấy giờ, triều-đình sợ thua quá, chớ nên điều gì cũng chịu nhượng-bộ người Pháp, thế là không hợp với ý muốn của Thuyết chút nào. Phải biết rằng Thuyết không ưa người Pháp ra mặt, không thêm giấu-diểm gì. Tuy thế, người Pháp cũng đem lòng yêu mến quý trọng ông ta là con

PHAN ĐÌNH PHÙNG

người có trung, có dũng, cho nên đã cạy người — vì ông thù ghét đến nỗi không muốn giáp mặt người Pháp bao giờ — lấy thời-thế, lấy nghĩa-lý, lấy tước-lộc, lấy oai-quyền dụ-dỗ, để cho ông phục theo, nhưng không hề lấy thứ gì khiến cho ông động lòng dỗi ý đi được. Nhất là từ khi binh Pháp chiếm mất Trấn-bình-dài và lập trại đóng quân trong thành, thì cái khi cứu-phần huyết-chiến của ông ta càng phùng-phùng bốc lên không thể dẫn được nữa. Ông ta thường nói luôn miệng với kẻ tả hữu :

— Phen này ta quyết sống thác với Tây mới được !

Trên kia đã nói Trấn-bình-dài là một nơi hiểm-yếu của kinh-thành và rất có quan-hệ về đường võ-bị. Thật thế, chỗ ấy có cái hình thế quanh co hiểm-trở, trên có đồi đồng lẫn áp, dưới có sông nước thông vào, có đủ cả mọi sự cần dùng trong việc thủ thành và dụng võ. Triều-đình ta lập ra chỗ đó để đóng quân, chứa khí-giới, cốt để chống giữ kinh-thành, coi như là cuống họng của kinh-thành vậy. Nay binh Pháp chiếm giữ mất Trấn-bình-dài, tức là chặn mất cuống họng kinh-thành, không còn cửa-quây được nữa. Huống chi Thuyết nghĩ rằng cuộc bảo-hộ nay lại thành-lập, thế là từ đây vua mất quyền, quan mất quyền, dân mất quyền ; hỡi nào mình đang ngắt-nguờng làm chủ-nhân, bây giờ phải xuống làm kẻ tùng phục, Thuyết lấy làm phẫn-uất khó chịu lắm. Thành ra một hai Thuyết quyết tâm phải chống cự binh Pháp một phen, thân mình có chết cũng bỏ.

Nhưng Thuyết dự-bị một cách chắc-chắn đã, rồi mới khai chiến.

Trước khi định đánh, đã tính sẵn-sàng đến bước lui. Ông ta triệu-tập hết các tướng sĩ lại bộ Binh mà nói rằng :

« Lúc này quốc-gia mới chính là lúc cần dùng đến trái-tim và tay súng của bọn ta, vậy bọn ta phải cố sức

PHAN ĐÌNH PHÙNG

làm sao, họa may có lời kéo thời-thế lại được, chứ không lẽ chưa chi đã bó tay mà chịu. Coi kia, cái giường mình nằm thua nay, người ta xa lạ ở đầu tới leo lên nằm ngủ ngáy khò, làm sao mình chịu được ! »

Thế rồi một mặt ông sai lập sơn-phòng tại Cam-lộ (thuộc tỉnh Quảng-trị) đem vàng bạc tiền gạo lên chứa tại đó rất nhiều, phòng sau này đánh có thua thì lấy chỗ đó làm chỗ lui chân. Một mặt ông mở trường tập võ, truyền lệnh cho các vệ, các doanh đều phải ngày đêm luyện-tập siêng-năng, để nay mai nhà nước dùng đến. Lại lo rèn khí-giới, đúc súng-đạn rõ nhiều, sai đào hào đắp ụ ở trong kinh-thành. Tóm lại, nhất thiết cái gì cần dùng quan-hệ cho việc nước dùng binh, Thuyết đều lo dự-bị sẵn-sàng.

Rồi Thuyết cùng Trương bàn tính việc đánh. Trương nói rằng :

— « Nước ta bao nhiêu năm nay gặp việc binh-đao luôn mãi, ruộng mồi ngã-nghiêng, dân-gian khổ sở lắm rồi. Ngay năm mới rồi (là năm 1883) binh Pháp đánh phá tan-tành cửa Thuận-an, tâm-khí của quân ta đã nao-núng khiếp sợ lắm. Nay đánh nhau ngay giữa kinh-thành, tuy mình cậy có thành cao hào sâu, nhưng mà súng đạn của người ta ghè-gớm, bắn tới đâu thì ngọc đá đều cháy tan tới đó; chúng ta bây giờ sinh sự khai-chiến sợ làm phiền-lụy cho Thánh-thượng, và cực-khổ cho quan quân, tướng không có ích lợi gì mà lại có hại nữa ».

Vẫn biết thời-cuộc rối-ren đến như thế, nhưng sao trước kia, việc gì Trương cũng tán-thành cho Thuyết, đến bây giờ nói tới việc đánh thì Trương lại can khéo, tức là có ý lảng ra. Tuy là hiểu thời thế mặc lòng nhưng cũng bởi nay ý hướng của Trương đã thay đổi. Trước kia ông thấy trong triều có Thuyết mạnh thì ông theo, nhưng nay nước Pháp đã thành-lập bảo-hộ rồi, thì bảo-hộ mạnh, ông bỏ Thuyết mà theo bảo-hộ.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ông vẫn thặm-thụt ra vào bên tòa Khâm luôn, mục-dịch chỉ lo giữ vững cái thân-danh phú-quý của mình thì thôi, nước còn thành còn, ông cũng là Thượng-thư, nay nước mất thành mất, ông cũng vẫn là Thượng-thư, có thiệt thòi chi mà lo nghĩ đến việc khác nữa.

Thuyết nghe Trương khuyên-can, biết là Trương đã biến tâm rồi.

Ông quyết hành-dộng một mình.

Lại còn một nguyên-nhân này khiến cho ông càng mạnh lòng quyết chiến.

Ngày 19 tháng 5 năm Dậu (1885) là giữa năm mất kinh-thành, Thủy-sư đô-đốc Pháp là ông De Courcy đem 1500 quân từ Bắc-kỳ vào Huế, cần phải chuyên đệ bức quốc-thư của Chính-phủ bên Pháp gửi sang cho vua Nước Nam. Trước khi ông tư giấy qua triều-đình, xin triều-đình phải thiết đại-triều để tiếp-kiến Pháp-sứ. Ông rõ biết trong triều-đình bấy giờ, Thuyết và Trương là hai người trọng-yếu, cho nên trước hết ông mời Trương và Thuyết qua bên tòa Khâm-sứ để trưng kiến và thương-thuyết việc nước đã. Thuyết nói thác là mình có bệnh không chịu đi, duy có Trương và Phạm Thận-Duyệt sang, nhưng Đô-đốc De Courcy không chịu, cố đòi cho được Thuyết sang mới nghe. Thuyết sợ mình qua bị trúng kế gì chẳng, nên nhất-định không đi. Đô-đốc De Courcy giận lắm, trong ý muốn có ngày đem quân sang tận bộ Binh để bắt Thuyết. Nghe tin này Thuyết cũng giận, ngày đêm thường lấy đạo quân Phần-nghĩa để phòng thân, và nghĩ bụng rằng nó đã định bắt mình, thì mình đánh nó trước xem sao !

Thuyết bèn nghiêm sức cho các quân dinh phải kiểm-soát quân lính và súng đạn cho sẵn-sàng cần kíp. Lúc ấy Trương và cả đình-thần thấy vậy, đều tưởng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

rằng Thuyết làm thế để phòng thân đấy thôi. Nhưng có biết đâu Thuyết đã chủ-trương quyết chiến.

Bao nhiêu kẻ tù-tội, ông đều tha ra hết, cho ăn chơi mấy ngày, rồi lựa chọn rèn tập làm một đạo quân cầm-lử, cho đi tiên-phong. Đến tối hôm 22 tháng năm, ông mật truyền cho quân ở các vệ, các dinh, chia làm hai đạo tấn-công hai nơi.

Một đạo thì sai em ông là Tham-biện Tôn-thất Trắc (ông này nguyên ở sở sơn-phòng tại Cam-lộ, ông mật triệu về) quản lĩnh, ước-hẹn đến nửa đêm thì đem quân qua sông Hương-giang, hội với ông Đô-đốc Thủy-sư để đánh tòa Khâm-sứ.

Một đạo thì ông tự quản lĩnh, hội với Chương-vệ đạo quân Phấn-nghĩa là Trần Xuân-Soạn để đánh Trấn-bình-đài.

Sắp đặt mưu cơ đâu đó, Thuyết truyền lệnh cho ba quân đến canh hai ăn cơm, canh tư khai chiến. Ông ra hiệu lệnh cho tướng-sĩ như thế này : « Giết cho hết, đừng có để cho thằng nào sống sót nghe ! Vì chúng cả gan chọc tức ta ; có chằng chỉ để cho một hai đứa sống, để về báo tin cho người chúng biết rằng ta thắng trận mà thôi ! »

Cứ theo nhiều người nói thì cái mưu đánh của Thuyết, quả Tướng không dự vô mà cũng không biết chi hết. Nhưng ngẫm-nghĩ cho kỹ, chắc hẳn Tướng biết, đã qua mật báo cho tòa Khâm-sứ hay rồi, nếu không thì sao quân Pháp đã biết mà dự bị trước.

Đến canh tư, ông Thuyết tự dẫn một đạo quân đánh Trấn-bình-đài, tiếng súng đại-bác bắn vang cả kinh thành. Nhân-dân đương ngủ lặng-lẽ, bỗng tiếng súng nổ liên-thanh, làm ai cũng giật mình kinh sợ, náo-dộng dữ dội. Bình Pháp xuống hầm mà núp, chớ không thèm đánh, thỉnh-thoảng chỉ bắn một vài phát súng đại-bác để đáp lại, cốt chờ cho sáng mới đánh. Vì lúc ấy còn đêm khuya quân Pháp không biết quân

Nam ở chỗ nào, thật số bao nhiêu và lại cũng chưa mấy thuộc đường đất, thành ra đánh ban đêm không tiện. Có người biết vậy, đến biển kể với Thuyết làm sao xe được mấy khẩu súng đại-bác, lên đem tới chỗ quân Pháp đang núp ẩn mà bắn xả vào, thì giết chết được ráo. Nhưng Thuyết lại sợ là kẻ đồng mưu phản quốc, định dụ cho quân mình vào chỗ mai-phục sao đó, nên chi không nghe. Thuyết cứ việc hô quân bắn mãi. Quân ta bắn hoài bắn hủy, mà không nghe quân Pháp động tĩnh gì, thì tưởng đại-dội rằng quân Pháp ở Trấn-bình-dài chết cả rồi, cho nên Thuyết vội vàng sai Chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn báo tin vào trong cung rằng : quân Pháp ở Trấn-bình-dài đã bị quân ta giết hết, thỉnh-thoảng nghe có đôi ba tiếng súng đại-bác, ấy là súng của tàu Pháp đóng ngoài thành bắn vào thị oai đó thôi.

Một mặt Thuyết lại sai vắn súng đại-bác lên mặt thành, nhắm tòa Khâm-sứ mà bắn thẳng sang làm hư hại mất nhiều chỗ. Còn đạo quân của Tôn-thất Trắc cũng bắn phá ở xung quanh tòa sứ rất là dữ-dội.

Quân ta bắn cố mãi, đến nỗi kho thuốc súng tại Trường-định gần hết, Thuyết bèn sai quân chạy về báo cho Tường hay, Tường trả lời rằng :

— « Tao có biết thuốc đạn ở đâu, hay ra nói với quan Tướng ở vườn Hậu-bô (tức là Thuyết, khi đó đang đốc quân ở phía vườn Hậu-bô), để ông ấy liệu sao thì liệu...»

Còn bao nhiêu thuốc đạn, Thuyết vẫn cứ hô quân bắn vào Trấn-bình-dài, bắn sang tòa Khâm-sứ mãi. Quân Pháp vẫn im lặng, không động tĩnh gì cả. Mãi đến tảng-sáng, quân ta hết sạch đạn rồi, không còn gì mà bắn nữa. Bấy giờ quân Pháp ở Trấn-bình-dài và bên kia sông mới khởi thể phản công. Bao nhiêu súng đại-bác ở trên đài, và ở tàu chiến đậu ngoài sông, đều chĩa mũi vào trong thành mà bắn : đạn bay như mưa

rào, tiếng vang như sấm dậy. Thôi thì nhà cửa đổ tan, quân dân bị đạn chết ngồn-ngang, trong thành đầy tiếng kêu trời, tiếng khóc lóc...

Quân Pháp ở dưới thủy, lại kéo lên bộ, đánh sâu mãi vào, làm cho hai đạo quân của ta trong ngoài đều bị đánh cả, thành ra tán-loạn, mạnh ai nấy tìm đường chạy thoát thân, chen lấn xô đạp lẫn nhau mà chết thêm một mớ nữa.

Sáng hôm ấy (24 annam), vào khoảng 9 giờ, Trương biết tất nhiên Thuyết bại trận rồi, vội vàng chạy vào trong cung tâu việc nguy cấp, xin vua Hàm-nghi và Tam-cung mau mau xuất thành, chạy lên Khiêm-lăng để tạm lánh. Tin này làm chấn động trong cung, vì ai cũng tưởng — theo lời Thuyết báo tiếp hồi khuya — Trấn-bình-đài đã khôi phục và tấy ở tòa Khâm, bên kia Hương-giang, đã bị quân ta tàn sát rồi mà. Trên từ mấy bà Thái-hậu và Hoàng-đế, dưới tới các thị-vệ cung-nhân, bỗng đứng nổi lên trận mưa nước mắt, tiếng khóc vang động nội cung. Nhiều người vừa gào khóc, vừa mắng chửi Thuyết bại nước báo đời. Ai nấy quơ gói hành-trang không kịp. Trong lúc quá ư nguy-cấp vội-vàng, đức Hàm-nghi chỉ kịp đem theo ấn Quốc-bảo và một ít vàng bạc tùy thân. Ông Hữu-quân Đô-thống Hồ-Hiền phò xa giá ra cửa tây nam chạy lên phía tây do ngã Kim-luông.

May quá, xa giá vừa chạy ra khỏi thành được một lát, thì binh Pháp từ Trấn-bình-đài và bên tòa Khâm tiến vào đến nơi. Nghe mấy ông già bà cả mục-kích cái cảnh thành phá quốc-vong, nay còn sống sót, thuật chuyện rằng sáng hôm ấy chính một người đàn-bà Pháp, vợ một thiếu-úy, cỡi ngựa cầm đầu một toán lính á-rập, xông pha lửa đạn mà tiến vào thành trước hết, leo lên kỳ-đài (cột cờ) ta, hạ cờ đuôi nheo ta xuống, kéo cờ tam sắc lên. (Hồi này bên Pháp quân-chủ đã đổ, Đệ-tam Cộng-hòa đã thành lập rồi).

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Chứng quan-lại nhân-dân trong thành ngó lên kỳ-dài thấy hiệu cờ tây bay phất-phới, tự-nhiên biết là quân mình thua, thành mình vỡ rồi, ai nấy kinh-hoàng thất sắc, thòi thì kẻ gào người réo, lưng cõng tay bồng, kéo nhau đào nạy, ào-ào như nước chảy. Chỉ chen lẫn dầy đạp lẫn nhau mà chết thiếu gì.

Bấy giờ quân Pháp kéo vào trong thành, sẵn đang hăng máu, tha hồ chém giết, đốt phá tứ tung. Trước hết đốt tiêu bộ Lại của Trường, bộ Binh của Thuyết ; rồi tới các dinh trại, các kho lương-thực, kho thuốc súng, khói lửa bay lên nghi-ngút lưng trời, hai ngày hai đêm chữa tắt.

Sau khi hoàn toàn chiếm lĩnh được kinh-thành rồi, người Pháp phân binh nghiêm giữ cung-điện và các cửa thành, rồi bặng bó cứu-chữa cho những quân-sĩ nhân-dân bị thương-tích, bố thí tiền gạo cho những người còn sống sót ở trong thành, dùng nhân-công ấy sửa sang lại các chỗ tàn phá và chôn cất tử-thi. Nhân dịp này, nhiều anh bắt được vàng bạc châu báu chôn giấu trong nhà người ta mà nên giàu có lớn. Có kẻ mượn thế cổ đạo đi đầu cũng lọt, rồi lỏn vào tới trong cung cấm mà rinh cả những mâm vàng chén ngọc ra nữa. Những đồ quý vật lạ trong cung truyền lại tự bao nhiêu đời, lúc này bị thất lạc tiêu tán đi nhiều lắm.

Tôi nhờ có bài về thất-thủ kinh-thành tả rõ công chuyện nghe rất ai-oán não-nùng, đến nỗi mười mấy năm trước đây nhà đương cuộc phải cấm hát ngoài đường. Vì có một anh chàng dui làm nghề hát dạo, mỗi khi ngồi đầu cất tiếng hát về này thiên-bạ tự lại rất đông ; nhất là tiếng hát-não-nùng quá, khiến cho người ta phải cảm-động dầy gan, âm-thầm gạt lụy.

Từ năm Ất-dậu thất thủ kinh-thành trở đi, hàng năm cứ đến ba ngày 22, 23 và 24 tháng 5 ta, đã thành ra tục lệ, nhà nào ở trong thành cũng bày nhang đèn.

trầu rượu, giấy tiền vàng bạc ra trước cửa đền cúng vái cô-hồn những quân-sĩ trận-vong, nhân-dân tử-nạn lúc đó.

Chúng ta đã hơi đi xa câu chuyện cốt-yếu rồi, giờ nên trở lại.

Nói về Nguyễn Văn-Tường hồi ấy cũng theo phò xa-giá Tam-cung và Hoàng-thượng chạy ra cửa tây-nam, quân-sĩ đi theo hộ-vệ chỉ có độ một trăm người. Quân-thần chỉ có năm bảy ông biết tin theo kịp mà thôi. Duy có Hoàng-thượng và Tam-cung ngồi vững, linh khiêng chạy tất-tả, còn bao nhiêu người tùy-tùng đều chạy bộ theo. Rất đổi các công chúa cung-nhân, đầu tóc rũ rượi, cẳng không mang giày, vừa chạy theo xa-giá vừa khóc rưng rức, tình cảnh rất là đau thương.

Khi qua đò Kê-vạn rồi lên đến Kim-luông, Tường định phò xa-giá tạm dừng lại trong nhà thờ đạo Thiên-chúa tại đó. Chắc trong ý Tường muốn lện báo tin cho quân tây biết, đề mời xa-giá trở về cung, vì nước dầu mất còn cũng thế, không lẽ để một ngày nào không vua. Nhưng ông Hữu-quân Đò-thống Hồ-Hiền thấy rõ ý Tường muốn mãi chúa cầu vinh, liền rút gươm ra toan chém bay đầu Tường. May phúc, Tường sợ chạy tuột vào giáo-đường trốn biệt không dám ra nữa. Ngoài này, Hữu-quân Hồ-Hiền sợ chậm trễ thì Tường kịp báo tin cho tây biết, nên ông lật đật phò bộ xa-giá chạy về ngã trường thi ở làng La-chử.

Thuyết thua chạy, cùng với Trần Xuân-Soạn đuổi kịp xa-giá ở đây. Thế là bấy giờ bấy tôi tòng vong quanh-quần chỉ có mấy người, là Đại-tướng Tôn-thất Thuyết, Chương-vệ Trần Xuân-Soạn, Tham-biện Tôn-thất Trắc, Hiệp-biện Phạm Thận-Duyệt, Tham-tri Trương-văn Đề và một trăm tên lính theo hầu xa-giá.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Mãi đến trưa, xa-giá mới tới làng Văn-Xá, rồi nội chiều hôm ấy ra tới Quảng-trị, đóng tại hành-cung.

* * *

Tường chạy vào nhà thờ Kim-luông, cầu-khẩn ông Giám-mục Caspar đem mình ra hàng với Đô-đốc Courcy, khi ấy là viên thống-tướng các đạo quân Pháp đánh hạ kinh thành ta. Đô-đốc Courcy ưng cho Tường hàng-phục để cho người thay mặt triều-dinh nước Nam mà giao-thiệp, kéo lúc ấy vua tôi chạy rảo, trong triều không còn ai.

Qua hôm sau hai bên mở cuộc hòa-ngộ, lại cứ chiếu theo điều-ước đã ký mà thi-hành. Nghĩa là nước Nam phải phục nước Pháp bảo-hộ. Rồi đó, Tường sai ông Thị-lang Phạm Hữu-Dụng ra hành tại Quảng-trị tâu vua Hàm-ngộ về việc hòa-ngộ và xin vua trở về kinh-đô, nhưng Thuyết cản-ngăn, không cho vua về. Tường xin Đô-đốc Courcy khoan hạn cho mình trong hai tháng thì mời vua trở về được. Rồi thì lão làm tờ hịch, truyền đi khắp nơi, kể công-dức của người Pháp, và khuyên dân đừng có bạo-dộng phản-đối nữa. Sau hai tháng trời, Đô-đốc Courcy thấy vua Hàm-ngộ càng đi xa, vắn-thần vẫn bạo-dộng và biết rõ Tường là người phản-trắc gian-tà, làm hại hết bên này, lại làm hại bên khác, ông bèn nổi giận, kết án Tường khổ sai chín năm, và tức thời đẩy qua đảo Tahiti. Mấy tháng sau Tường chết tại đó (1). Cho hay những kẻ làm tội

(1) Cứ theo một bức thư ngày 22 tháng 12-1922, của ông Giám-mục ở Tahiti là Hermel thì Tường bị đẩy ra đó ngày tháng hai năm 1886. Vừa ra đến nơi, Tường liền đâm ra khật-khùng vô-vấn, hình như có ý bối-hận, không muốn trông thấy mặt ai, chỉ có đôi lúc cùng bảy tám người đi chơi mát loanh quanh giây lát mà thôi. Tường ở Tahiti được 6 tháng thì bị ung độc phát lên cổ họng mà chết.

Sau đó chiếc tàu chiến Le Bourayne đem đi-hải Tường về đến cửa Thuận-an, vua Thành-thái nổi với các quan rằng : nên đem gậy sắt mà đánh lên trán quan-tài đả-phản-phức ấy.

phản-phúc đầu ở dân-tộc quốc gia nào người ta cũng không dung. Nhất là người Pháp có tính ngay thẳng ưa mấy người nghịch-thù đối mặt với mình, còn kẻ luồn cúi sạ lưng, thì khinh-ghét lắm.

Vua Hàm-nghi vẫn chạy dài.

Cái tin thành mất vua chạy truyền ra đến các tỉnh làm cho lòng người rất náo-động. Tỉnh Bình-định đang độ khoa thi, học-trò nghe tin ấy phá trường mà ra, để tỏ lòng cảm phẫn. Từ Quảng-nam vào mãi tới Phú-yên, quân lính hiệp với văn-thân nghĩa-sĩ nổi lên đuổi cả quan lại triều-đình đi, tự xưng là vàng theo dân-ý, rồi kéo nhau đi đốt phá các nhà có đạo rất dữ dội. Còn từ Quảng-trị trở ra cho đến Nghệ-Tĩnh và Thanh-Hóa cũng vậy. Tóm lại, phong-trào công-phẫn hồi ấy như là lửa cháy dầu sôi vậy.

Ngày 27, vua Hàm-nghi chạy lên tới Sơn-phòng tỉnh Quảng-trị (tức là Sơn-phòng Cam-lộ mà Tôn-thất Thuyết đã lập sẵn khi trước) hạ chiếu cần-vương (1) đi các nơi, nhân tâm cảm-động, thương xót lắm; suốt một giải Trung-kỳ cho mãi đến ngoài Bắc, văn-thân ừng nghĩa có, giặc cướp thừa cơ đó, nhao-nhao nổi lên, thành ra cả nước rối-loạn hết sức, chỉ duy có một hạt Thừa-thiên là được yên-õn mà thôi, vì nhờ có binh Pháp giữ được trị-an.

Bước qua đầu tháng sáu, ngài vẫn ở Sơn-phòng Cam-lộ, còn Tam-cung thì vẫn lưu tại hành-cung (2) ở tỉnh thành Quảng-trị, không theo lên Cam-lộ. Lúc ấy việc nước không có người chủ-trương; triều-thần mời Tam-cung về, Tam-cung trở về Huế; ngày ấy là hôm mồng hai tháng sáu.

(1) Cần-vương : giúp đỡ cho nhà vua trong khi mắc nạn.

(2) Hành-cung : Vua tạm trú chỗ nào thì chỗ ấy gọi là hành-cung hay là hành tại cũng thế.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Người Pháp thấy vua Hàm-nghi lánh mặt chạy dài như vậy, sợ khó trấn-định được lòng người, cho nên phái quân đi truy-nã riết. Thời thế hồi đó đã thay đổi hẳn rồi, tuy những người trung-ngĩa nặng lòng thương vua mền nước còn nhiều, song những kẻ biết tùy thời để mưu cuộc phú-quý công-danh cũng không phải ít. Thành ra tung-tịch vua Hàm-nghi chạy trốn tới đâu người Pháp đều biết tin-tức hết thảy; ngài chạy phía trước, binh lính bảo-hộ theo dấu truy-tầm phía sau, rất là khần-bức. Tôn-thất Thuyết phải đem vua chạy tuốt lên Bảo-đài là chỗ giáp giới tỉnh Quảng-bình để trốn. Nhưng nghe quân Pháp càng truy-nã riết, tới ngày 11 tháng sáu, ngài lại phải trở về đóng ở Sơn-phòng Cam-lộ nữa. Nhưng ở đây liệu bề không yên thân được lâu, nên cách mấy hôm sau ngài cùng các tướng-sĩ tòng vong (1) trèo qua Mai-lĩnh lên Lao-bảo rồi xuyên đường rừng núi hiểm-hóc mà tới Hàm-thao về phía bắc Khung-giang. Từ đây về Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh chỉ cách có bấy ngày đường, thế là vua Hàm-nghi chạy nạn càng ngày càng xa kinh-đô rồi vậy. Đất mình, nước mình mà vua Hàm-nghi mười mấy ngày nay chưa có chỗ nào đặt chân cho vững. Ngài tới Hàm-thao là cốt hạ chiếu cho văn-thần tỉnh Hà-tĩnh ra tiếp giá tại Sơn-phòng và định lấy chỗ ấy làm căn-cứ, để lo việc khôi-phục. Nhưng chưa kịp tới Sơn-phòng Hà-tĩnh, thì lại nghe tin đồn quân Pháp đuổi theo sắp đến, thành ra Thuyết lại lật-đật đem ngài chạy đi chỗ khác.

Thật là « vua thua chạy dài ! » (2)

(1) Tòng-vong : Những người theo vua chạy trốn.

(2) Nguyên trong kinh-đô có câu ca rằng :

Một nhà sinh được ba vua :

Vua sống, vua chết, vua thua chạy dài.

Ông Kiên-thái-vương (em vua Tự-đức) sinh được ba con trai, đều làm vua, là vua Kiến-phúc, vua Hàm-nghi và vua Đồng-khánh. Vua Kiến-phúc thì bị Tường bỏ thuốc độc chết, vua Hàm-nghi thì gặp bước nhà tan nước mất lưu-lạc giang hồ, còn vua Đồng-khánh lên làm vua được ba năm thì mất.

Người ta nói câu ca trên đây là câu sấm của ông Trạng Trình đời Lê.

VI

THỜI-THỂ TẠO ANH-HÙNG

THẬT thể, cụ Phan Đình-Phùng là một bậc anh-hùng do thời-thể tạo nên.

Nếu hồi bấy giờ, cuộc đời chẳng đổi, người Pháp không đến, cứ để cho con cháu Hồng-Bàng làm chủ non sông Nam-Việt thì thiên cổ ai biết Phan Đình-Phùng ?

Nếu hồi bấy giờ, trong triều không xảy ra những việc Thuyết và Tường chuyên-quyền sinh-sự, giết vua nọ, lập vua kia, mà cụ Phan không có dịp nói, thì bất quá từ chức Ngự-sử, khéo lắm mười mấy năm sau lên đến Thượng-thư là cùng, rồi già về hưu, cất nhà tậu ruộng, uống rượu ngâm thơ, lại lo gầy dựng cho mấy cậu ấm, rồi cùng cỏ rác cùng nát, thì thiên-cổ ai còn nói đến Phan Đình-Phùng ?

Nếu hồi bấy giờ, Nam-kỳ chưa mất, Bắc-kỳ chưa tan, mà Thuyết Tường không tàn-bạo chém giết kẻ có đạo, và không kinh-địch người Pháp, tất nhiên thành chưa mau tan, nước chưa mau mất, mà vua Hàm-nghi cũng không việc gì phải chạy, vậy thì thiên-cổ làm gì cần có Phan Đình-Phùng ?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Lại nếu như hồi bấy giờ, mà dân-khí kém bèn, lòng người sợ hãi, đến nổi bóng cờ tiếng súng của nước Pháp văn-minh hùng-cường bay đến chỗ nào, ai nấy đều cúi sát mặt đất cả, thì thiên-cổ làm gì biết được Phan Đình-Phùng ?

Nhưng mà thời-thế cốt đào-tạo cụ Phan trở nên một người anh-hùng, cho nên ở vào hoàn-cảnh nào, từ sinh ra đời cho đến lúc ra làm quan, lúc về làm ruộng ở nhà, toàn là những cơ-hội xui-khiến cụ phải ra để làm một việc của nhân-tâm thời-thế trao cho.

Đến đây, thời-thế sắp phiên cụ tới nơi rồi.

Khi vua Hàm-ngự tới Hàm-thao, định từ đấy đi lên Sơn-phòng Hà-tĩnh nên mới hạ chiếu cho bọn văn-thần Hà-tĩnh tiếp giá, nhưng nghe quân Pháp đuổi gần tới nơi, Tôn-thất Thuyết phải lật đật đem ngài lánh đi chỗ khác.

Này đây mai đó, mãi tới tháng 10, ngài mới lui về đến miền thượng-du tỉnh Quảng-Bình.

Năm ấy ngài mới có 15 tuổi, đối với thời-cuộc cũng chưa có cảm-giác gì mấy ; chỉ biết nhà tan nước mất là thương, thân mình giải gió dầm sương, bơ-vơ lưu-lạc là khổ, chứ không biết chủ-trương ứng-phó với cảnh-ngộ ra sao. Cho nên bị đuổi rất nguy, mà nên chạy đi đâu, nên làm thế nào, nhất thiết ngài đều theo Thuyết chủ-trương ; ngài chỉ như một chiếc thuyền con lênb-dênh trên mặt sóng, mà Thuyết là người cầm chèo bẻ lái vậy.

Sự thế đến cùng rồi, Thuyết nghĩ bấy giờ chỉ còn trông cậy có dân, nghĩa là muốn lấy dân-khí dân-tâm chống với tàu bèn súng lớn ; ấy tức là cái khi-giới cuối cùng của Thuyết định chống với người Pháp. Nhưng mà dân lúc đó, khác nào như lá rụng ở trong rừng ban đêm, tất phải ai có sức thu-thập lại cho thành đống, thì mới chụm lửa mà đốt lên cho sáng được. Ông bèn nghĩ ngay đến người mà hồi xưa ở trong

PHAN ĐÌNH PHÙNG

triều mắng ông mà ông đã định chém, là : Phan Đình-Phùng.

Tôn-thất Thuyết có thể gọi là một bậc người « ở đời trị thì làm năng-thần (1), ở đời loạn thì làm gian-hùng » được. Xem như việc đối với Phan Đình-Phùng thì đủ biết. Lúc còn quyền cao chức trọng ở trong triều, ông làm việc gì sai lầm, ai dám bẻ-bác ông, ông chẳng giết ; ông bỏ tù một viên Án-sát ở ngoài Bắc là Tôn-thất Bá, vì ông này dám nói là thế-lực của người Pháp 8 phần thì mình chỉ có 2, làm sao chống nổi ; ông giết cả một viên quan ở bộ Binh là ông Chuyên vì ông này đi đâu cũng nói hô-bô rằng : « Khiêm khùng Thuyết ngu » (2) ; ông giết đến cả ông thượng-thư Trần Tiễn-Thành, vì ông này ngăn-cản không cho ông chống cự với người Pháp. Ấy là kẻ những người có thế-lực to và danh-vọng lớn cả, mà Thuyết còn không tha ; hễ ai phạm đến Thuyết thì tất mất mạng. Cụ Phan Đình-Phùng hồi ấy, ngôi bắt quá Ngự-sử, lại không có bề đảng gì to, khiến cho Thuyết đủ sợ, thì Thuyết muốn giết lúc nào mà chẳng xong. Thế mà vì việc giết vua nọ, bỏ vua kia, cụ Phan mắng Thuyết giữa triều-đình là kẻ phản-thần mà Thuyết không giết, chỉ cách-chức đuổi về thôi, ý hẳn Thuyết có chủ-kiến sao đó. Giết vua là việc nhỏ, là việc ở triều, hay ở trong nhà ông (vì ông là người hoàng-tộc), còn cứu-quốc là việc lớn, là việc của cả dân cả nước ; ông khinh việc nhà mà trọng việc nước, cho nên ai như cụ Phan Đình-Phùng bảo ông giết vua là bậy, thì ông tha, còn ai như mấy ông trên kia, bảo ông đừng chống với binh Pháp, thì ông giận lắm, tất là ông giết. Ông biết rằng : cụ Phan Đình-Phùng chỉ có cái

(1) Năng-thần : bầy tôi có tài giỏi giang.

(2) Khiêm là Ông-Ích-Khiêm người Quảng-Nam, văn võ kiêm toàn vốn là một người tay chân của ông Thuyết ở trong triều hồi bấy giờ.

tư-tướng giết vua là khác ông, nhưng còn có cái tư-tướng khác, thì thật là ám-hợp với ông, ấy là tư-tướng chống với người Pháp tới cùng, dầu tự biết sức mình thua cũng vậy. Ông không giết một người bạn đồng-chí, chắc hẳn biết trước rằng thời-thế sau này sẽ cần dùng đến người như thế.

Còn cụ Phan cũng biết rằng Thuyết đối với mình có chỗ dụng tâm sâu-sắc là thế nào, cho nên dầu bị cách chức mà không oán ; đối với việc triều-đình, Thuyết đã làm ngang-tàng quá thì cụ khinh, nhưng đối với việc cứu nước của Thuyết tinh làm thì cụ vẫn trọng. Sau khi cụ về nhà-quê làm ruộng được ít lâu, Thuyết đem ngay một cái trách-nhiệm nặng-nề trao cho, là cử cụ làm Tham-biện Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh, tức là bảo cụ dự-bị sẵn-sàng để chống cự binh Pháp nay mai, một chỗ đó biết Thuyết và cụ là bạn tri-kỹ vậy.

Hồi cụ làm tham-biện Sơn-phòng Hà-tĩnh là năm Thân (1884). Đến tháng chạp năm ấy, bà cụ thân sinh mất, cụ xin nghỉ về để cư-tang. Thế nhưng mất cụ để luôn đến thời cuộc: mấy tỉnh ở ngoài Bắc-kỳ mất, cụ biết ; quân Pháp chiếm Mang-cá, cụ biết ; cửa Thuận-an mất, cụ biết ; kinh-thành thất thủ, vua Hàm-nghi chạy, cụ biết. Bấy nhiêu cái tin thảm-thiết đến nơi, làm cho cụ bồn-chồn, bảo với tả hữu rằng :

— Thời-thế không cho ta ngồi yên đây !

Vào khoảng tháng sáu tháng bảy năm Dậu (1885) cụ nghe tin vua Hàm-nghi chạy ra tới miền thượng-du tỉnh Quảng-bình, liền phái một ông cử ở trong làng là Phan Cát-Su đi lên miền thượng-du tỉnh Hà-tĩnh để đón, dặn rằng khi nào xa-giá tới nơi thì kịp về báo tin cho biết. Đến ngày tháng 10 vua Hàm-nghi đến nơi, cụ cùng các ông bạn đồng-chí là Phan Quang-Cự, Phan Khắc-Hòa, Hoàng Xuân-Phong, Ngụy

Khắc-Kiều, Phan Trọng-Mưu tới hành-tại bãi yết, khóc và tâu rằng :

— Đề cho thành tan nước mất Thánh-thượng mông-trần (1) là tội ở lũ thần-bạ. Xin thánh-thượng yên lòng, lũ thần-bạ nguyện hết sức cần-vương cứu quốc, dầu chết cũng không từ, miễn đề Thánh-thượng sớm được hồi cung.

Vua Hàm-nghi phong cho cụ làm Tán-lý Quân-vụ, thống-tướng các đạo Nghĩa-binh. Cụ tạ ơn lui ra, cùng với ông Thuyết bàn đại-sự nhà-nước.

Ông Thuyết hỏi đến kế-sách tiến-hành, cụ nói rằng :

— « Không nói thì chắc tướng-quân cũng biết, thời-cuộc bây giờ khó-khăn lắm rồi, vì trong thời-cuộc này tướng-quân đã trải lắm. Xứ Nam-kỳ là chân tay của nước nhà, nhân-tâm đã khá, tiền của lại nhiều, nếu chân tay mất thì thân-thể không cựa quậy được nữa. Từ ngày sáu tỉnh trong Nam-kỳ mất, thực-lực của nước mình tổn-hại lắm rồi, tôi đã biết rằng việc đời, đành để cho nó lẩn tới hoài, không thể nào cưỡng nổi. Trước sau gì thì từ Khánh-hòa trở ra Bắc, người tây cũng lấy cả, nhưng nếu trước kia ta đừng thất sách mà giết hại bọn giáo-dân và đừng ngăn trở họ về việc thông-thương để làm cái cơ gây hờn cho họ, thì họ chưa lấy cơ đâu dùng binh mà bức bách ta nguy-vong sớm đến thế. Ta nhận thời giờ đó, có thể tự-tĩnh tự-cường được, đâu có đến nỗi mất Bắc-kỳ rồi mất đến cả kinh-thành.

« Đến bây giờ, khắp trong nước đâu cũng có gót chân người tây, họ kéo đi đâu như gió lướt ở trên cỏ mọc ở dưới, làm cho lòng người phần thì sợ-hãi, phần

(1) Mông-trần : nhuộm cát bụi, tỏ ý rằng vua chạy phải nhuộm cát bụi vậy.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thì chán-nản đã lắm. Lại thêm những đũa tiêu-nhân, đưa theo thể ngoài đề ăn-hiếp anh em cùng giống, khiến cho bọn dân vô-cổ chạy không có đường, kêu không có ngõ, thật là cực khổ. Phương chi trọng nước bị nạn binh-cách bao nhiêu năm nay, kho tàng sạch không, mùa màng mất mãi, quân lính bị thương vẫn chưa lành, khí-giới không được lấy khẩu súng tốt, nếu có bao nhiêu người chí-sĩ đi nữa, nhưng quân lương lấy vào đâu, quân-khí lấy vào đâu, hòng chống lại cường địch cho được? Tình thế ấy đủ chứng tỏ cho tướng-quân hiểu rằng thời-cuộc nước ta bây giờ khó-khẩn tới đâu. Nhưng ta may được một thứ khí-giới còn mạnh, ấy là lòng người. Lòng người dầu sao cũng vẫn còn trông cậy được. Tôi nay mà nhận cái trách-nhiệm nặng-nhọc này, là trông cậy vào lòng người thôi.

« Lòng người đã đành là một thứ võ-khí mạnh rồi, nhưng nếu người ta cứ đưa súng bèn đạn tốt ra mà bắn mãi vào đầu mình thì mình lấy gì chống đỡ. Thế tất mình cũng phải có khí-giới. Đỡ súng đạn của ta làm sao địch lại được họ? Muốn địch lại được họ, tất cũng phải có một thứ súng đạn ngang với họ mới được. Nhưng hiện nay trong nước mình vật-liệu không có, người làm chưa có, thì phải trù-biện ở ngoại-quốc về. Đã trù-biện khí-giới, lại phải cầu cứu cả viện-binh nữa. Nhưng nước cứu-viện cho mình không phải là nước Tàu, vì nước Tàu đang lo việc nhà họ cũng rối bết chưa xong, ta không thể tin cậy được. Cứ theo ý tôi xem ra, thì tất phải nước Xiêm. Tôi cũng không tin là nước Xiêm có thể địch nổi với tây để cứu mình, nhưng mà nhờ họ mua khí-giới và cho mượn binh, thì cũng giúp cho mình có được thanh-thế. Và chẳng nước họ đối với mình là một

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nước sui-gia (1) thì họa may họ còn lấy chân-tình mà giúp ta chăng ? Còn tôi, thì rồi đây tôi cũng phải ra ngoài Bắc một lúc để hiệu-triệu cho bọn chi-sĩ ngoài ấy hưởng-ứng, vậy mới gây-dựng được thế-lực to, và may ra mới thành-công lớn được.

« Muốn làm một việc lớn như thế này, phải có thiên-thời, phải có địa-lợi, phải có nhân-hòa. Đất Hà-tĩnh tiếng có núi cao rừng sâu, nhưng không phải có địa-lợi, vì bề ngoài không ra được biển mà bề trong thì là vào rừng, vào rừng là đường chết, nếu sau này bị bốn mặt bọc vây, ở giữa tuyết lương thì nguy lắm. Song việc đó tôi đã tính rồi. Duy được có nhân-hòa là quý hơn cả, tôi dám làm đại-sự là chỉ trông cậy vào đó mà thôi, còn thiên-thời thì tôi không dám nói đến ».

Thuyết nghe cụ nói rất lấy làm kinh-phục, vỗ vai cụ mà nói :

— Thiên-thời thì ai dám chắc. Song ngài cứ vì nước hết sức, việc cầu-viện rồi có tôi lo.

* * *

Cụ phụng-mệnh trở về, liền phát tờ hịch đi khắp các nơi, kéo cờ khởi-nghĩa ngay ở làng cụ là làng Đông-thái.

Trong hịch-văn, đại-ý nói cụ phụng-mệnh vua cử nghĩa-binh để chống với cường-địch, cứu lại quốc-gia, song việc đó là việc chung của mọi người làm dân, tự mình cụ không gánh-vác nổi, vậy xin những bậc anh-hùng chi-sĩ, ở trong bốn biển chín châu, cùng ra tài ra sức cứu nước mới được v. v....

Lời hịch-văn đơn-sơ mà thống-thiết, khiến cho ai xem cũng phải động mỗi thương-tâm, coi hình như là tờ hịch của ông Lạc-tân-vương ở đời nhà Đường ngày

(1) Ngày xưa vua Gia-long có một bà chị lấy vua Xiêm.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

xưa đánh bà Võ-hậu vậy. Nhân thế mà chỉ trong có một tuần, nghĩa-sĩ ở các nơi hưởng-ứng theo cụ có đến năm sáu ngàn người, đều thề hết sức theo cụ chỉ-huy, liều mình vì vua vì nước.

Cụ bèn lấy ngay nhà cụ ở làm « nghĩa-sĩ-đường » tụ-hợp nghĩa-quân, làm lễ tuyên-thệ, rồi chia binh ra từng đồn trại đóng khắp trong tổng Việt-yên. Đồn trại nào cũng đều có kỷ-luật, và có quân thám-tử hẳn-hoi, cách sắp-dặt điều-khiển rất là nghiêm minh. Nơi địa-đầu làng Đông-thái lập ra một cái xưởng lớn để đúc súng và chế thuốc đạn — theo lối của ta — và rèn gươm dao nữa. Trong xưởng này bao giờ cũng có một trăm người thợ làm việc suốt đêm ngày, để mau có đủ khí-giới cho quân dùng.

Một vùng chỗ đó, trước kia có cái quang-cảnh cũng như mọi chỗ khác, nghĩa là ban ngày trông thì làng xóm bao la, ruộng lúa, bờ tre man-mác, kẻ đi chợ-búa, người việc cày cấy; đến đêm thì bốn bề đen tối, tịch-mịch một màu, bất quá thỉnh-thoảng nghe có tiếng chó-sủa cầm canh, gà đua gáy sáng mà thôi. Thế mà nay đổi hẳn ra một cái cảnh khác : cờ quạt rợp trời, chiêng trống dậy đất, gươm dao sáng quắc, đèn đuốc thâu đêm ; người ta trông thấy hình như ai cũng nô-nức tấm lòng, cho đến ngọn cỏ cành cây, hình như cũng nhấp-nháy muốn động cả. Nhiều ông già, bà cả được mục-kích hồi ấy, thuật lại rằng : Vui nhất là trông thấy cái quang-cảnh những người nghe cụ khởi nghĩa-binh mừng-rỡ múa hát, nào kẻ thì dắt trâu gánh gạo đến đê khao quân, nào kẻ thì nách thước tay dao đến đê vào ngũ, làm cho đường-sá đi lại tấp-nập ngày đêm, biến hẳn quang-cảnh nhà quê ủ-rũ vắng-vẻ kia, trở nên một nơi hùng-tráng vô cùng, khí-phách vô cùng !...

Lúc bấy giờ, anh-hùng chí-sĩ ở bốn phương về theo cụ rất đông ; người trong làng thì như ông Tiến-sĩ

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Phan Trọng-Mưu (1), ông cử Phan Cát-Su, Phan Quang-Cử, còn văn-thân ở hai tỉnh Hà-tĩnh và Nghệ-an thì có Thám-hoa Nguyễn Đức-Đạt, Hoàng-giáp Nguyễn-Quý, Tiến-sĩ Nguyễn Xuân-Ồn, Đình Văn-Chất, Cử-nhân Nguyễn-Hạnh, hai anh em ông ấm Lê-Ninh, ông Phó-bảng Võ Nguyễn-Hạnh, ông Cử-nhân Thái Vĩnh-Chính, Cao-Đạt v. v., nhân vậy mà thanh-thế của cụ thành ra to. Chính-phủ bảo-hộ và triều-đình phải chú-ý đến.

Hồi đó trong triều đã lập vua khác rồi, là vua Đồng-khánh (lên ngôi ngày 6 tháng 8 năm Dậu, sau thất-thủ kinh-thành ba tháng) em ruột vua Hàm-nghi. Cuộc bảo-hộ đã xếp-dặt đầu đó xong rồi.

(1) Ông Phan Trọng-Mưu cùng đồng thời với cụ Phan đều phụng mệnh khởi nghĩa binh, nhưng sau ông thất-bại trước, chạy trốn ra Nam-Định, rồi ông Hoàng Cao-Khải đem ra thú với Bảo-hộ, được Bảo-hộ trọng đãi.

Ông hay chữ lắm, sau khi thất bại, có bài thơ tự thuật như vậy :

Đồ báo khu khu dĩ thập niên
Sự chung vô nại nại hà thiên
Hoàng-hà khôn-khôn thanh nan sĩ
Thương hải mang-mang hận vị điền
Kỳ đặc hoàng quan quy Tín-quốc
Kháng giao trạo mạo lão Triều-tiên,
Khô tâm lưu hướng đồng tâm thoại
Hồi thủ gia sơn lệ vạn thiên

DỊCH NÔM

Mười năm khăng-khăng chí dền bồi,
Rối cuộc không sao cản được trời.
Bề bạc mưu-mang còn giận mái
Sông vàng cuồn-cuộn khôn trong rồi
Chỉ mong thân lại về đờ cú.
Không đề già luôn ở nước ngoài
Câu chuyện đồng-tâm đau-đớn nhĩ
Quay đầu cánh cú lệ tuôn rơi

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nhất-thiết mọi việc quốc-gia, triều-dinh phải theo chính-phủ bảo-hộ chỉ-bảo.

Các tỉnh một giải Trung-kỳ, tỉnh nào cũng từng-phục, duy có tỉnh Quảng-Bình là còn độc-lập, vì vua Hàm-nghi còn trốn-tránh ở đó, nên bọn văn-thân còn dựa vào chủ-nghĩa cần-vương mà làm kịch-liệt. Lúc này Hoàng-Phúc làm dữ nhất, Hoàng-Phúc tức là gia-thần của ông Thuyết, có võ-ngệ giỏi, lại có hai đứa thủ-hạ là Chít và Ân cũng giỏi lắm. Triều-dinh phái ông Phan Đình-Bình (tức là ông ngoại vua Duy-tân) ra tiểu-trừ không xong. Chính-phủ bảo-hộ muốn trấn-phục nhân-tâm, bèn phiên vua Đồng-khánh ngự-giá ra tỉnh Quảng-Bình để chiêu-phủ dân-tâm, và dụ vua Hàm-nghi ra thú luôn thể. Vua Đồng-khánh đem 200 lính tây và 800 lính ta, có cơ-nghi oai-vệ lắm, từ kinh khởi giá ngày 16 tháng 5 năm Bình-tuất (1886), nhưng ngự-giá đi cũng chẳng được gì, nên đến tháng 8 thì về. Sau đến ông Hoàng Kế-Viem ra làm Khâm-sai, hết sức chiêu-phủ, làm cho đảng-vũ của Hoàng-Phúc lìa tan hết cả. Hoàng-Phúc buồn mà chết, bấy giờ mới yên.

Tiếng rằng yên, nhưng mà tỉnh Quảng-Bình, chỗ này còn kể xưng-hùng, chỗ kia còn người khởi-nghĩa, đều làm thanh-thế cho cụ Phan Đình-Phùng, thành ra cái gốc phản-đối người Pháp ở Quảng-Bình lại chuyển sang Hà-tĩnh. Triều-dinh bèn phái ông thương-tá Hà-tĩnh là Lê Kinh-Hạp làm Tiểu-phủ-sứ hội với quân Pháp để đi tiểu.

* * *

Trận đầu-tiên của cụ Phan Đình-Phùng ra binh là đánh phá mấy làng có đạo.

Cái cơ cũng là tự mấy ông cố đạo gây nên trước.

Nói cho phải, thuở trước có lắm ông cố đạo tuy miệng nói là chỉ chuyên-tâm có việc tôn-giáo mà thôi,

nhưng cũng lòi-thôi xen-lộn vào việc chính-trị, hoặc ý sức mạnh hiếp-bức người ta. Nếu không vậy thì ngày xưa chẳng làm gì có việc lương giáo đánh giết nhau mà cũng không đến nỗi có điều gì ác-cảm nhau. Thật thế, các ông ấy giảng đạo, song nếu « con chiền » có việc gì kiện-cáo với lương-dân, tức thời các ông mang « bộ áo dài thâm » vào, rồi thân-hành lên quan phủ huyện kêu nài và dọa nạt quan phủ huyện phải xử cho con chiền được kiện. Nếu quan không bênh-vực theo ý muốn của các ông thì các ông hăm-lọa lên nói với quan công-sứ để tìm cách ám-hại. Các nhà truyền giáo, không ở trong bờ cõi tôn-giáo của mình, lại lấn sang vòng chính-trị, dầu ở xã-hội nào cũng là chuyện lòi-thôi bất-bình, không trách nào bây giờ các nước Âu-châu phân biệt quyền tôn-giáo và nhà-nước riêng hẳn ra cũng phải.

Trong hồi Pháp-Việt đang giao-thiệp với nhau, các ông ấy ý-thế người Pháp bênh-vực mà làm nhiều cử-động cho người mình sinh thù, sinh ghét, làm cho nước Pháp hận lòng quá. Có khi chính các ông làm đà cho giáo-dân làm bậy, rồi mỗi chuyện gì cũng đổ cho bọn văn-thân ; cái tình-tệ ấy nói sao cho hết. Công-sứ lĩnh Nghệ hồi đó là ông Durantou đã thuật lại việc lương giáo xung-đột ở Huế như sau này, đủ làm chứng-cớ.

« Các ông cố đạo gọi dân đến dụ-dỗ, hễ đưa nào chịu theo đạo thì lĩnh sáu đồng bạc. Những đưa đã phải ngửa tay lấy tiền dụ-dỗ dứt-lót cho nó đi đạo như thế, thì có phải là hạng người ra hồn gì đâu. Chúng nó lĩnh tiền xong, rồi về làng dọa-nạt anh em đồng-bào mình rằng : « Bậy liệu hồn ! Chúng tao đây đã có người tây đỡ đầu, dễ bậy dám há miệng chửi tao một câu, hay là gây-gỗ với chúng tao một chút, là chúng tao nướng xác bậy cháy ra tro và lấy hết của cái bậy ».

Trời ơi ! Hàm-dọa người ta như thế rồi chúng nó làm thật. Và chẳng, sự thật chúng nó vì nghèo đói quá, nên phải tìm một cách để kiếm ăn. Đem tối chúng nó chụm lửa tự đốt tiêu cơ-nghiệp nhà tranh vách nát khổn-nạn của chúng đi, rồi la làng chối lói rằng bọn văn-thân — hay là dân lương — đã đốt nhà và lấy hết cả của-cải chúng nó. Thế là chúng lấy được tiền của nhà-nước bồi thường cho mà đám dân lương bị giá-họa vu-oan kia thì bị tội.

Đại-khai, cái tình-tệ giữa dân lương-giáo nước ta hồi trước như thế. Cụ Phan Đình-Phùng mà đánh phá hai làng giáo-dân cũng vì mấy ông cố đạo ở hai làng đó xui-giục giáo-dân, định đến ám-hại cụ. Rồi độc-giã sẽ coi việc này ra sao ?

Chúng tôi đã nói, cụ Phan xuất binh trước hết là đánh phá hai làng có đạo, nguyên-nhân bởi mấy ông cố đạo ở đây ám-hại văn-thân.

Nguyên một đêm kia, vào khoảng canh ba, quân thám-lử của cụ đi tuần-phòng các dinh-trại bắt được ba tên dân đạo là người ở hai làng Định-trường và Thọ-ninh (cùng thuộc trong một tổng với cụ) đang núp lén trong bụi tre, gần bến trường đúc khi-giời. Nghĩa-quân bắt được và khám-xét chúng nó, thấy đũa nào cũng có giắt hỏa-hồ ở trong mình, họ liền giải ba đứa về đồn nọ. Cụ Phan hội chúng-trưởng lại tra xét thì chúng xưng rằng : cố của chúng nó xui-biêu chúng nó tới lén đốt hết cả đồn trại nghĩa-binh ở Đông-thái đi. Từ thời cụ sai chém ba thằng ấy rồi hạ lệnh cho mấy toán nghĩa-binh đang đêm kéo đến bao vây đánh phá hai làng Định-trường và Thọ-ninh. Lệnh truyền nghiêm lẫm ; chỉ đánh phá nhà thờ, nhà cố, đừng xâm-phạm nhà dân.

Nghĩa-quân đánh riết lẫm, mấy ông cố đạo phải sai người liều chết trốn ra khỏi trùng vây mà đi báo, để quân Pháp đóng đồn gần đó về cứu-viện. Quân Pháp

về tới. Nghĩa-quân đón đầu giao-chiến được hai giờ đồng-hồ rất là hăng-hái. Nhưng vì hầu hết nghĩa-binh chỉ là hạng tráng-dinh nhiệt-huyết, vừa mới triệu-tập, chưa được huấn-luyện gì, cũng chưa quen việc đánh nhau, lại thêm súng đạn lúc này còn là kiêu súng của ta, cách bắn chậm-chạp lồi-thôi, tự-nhiên không sao địch lại súng Pháp, thành ra ứng chiến được hai giờ là nhiều rồi, nghĩa-binh phải thua chạy. Quân Pháp thừa thắng đánh rốc tới đại-dồn Đông-thái, đốt phá tan-tành. Dân-cư làng này bị tàn-phá tử-thương và trốn làng bỏ đi nhiều lắm.

Cụ Phan thu-thập tàn-quân lại, an-ủi tướng-sĩ rằng: « Được thua là sự thường của binh-gia, tướng-sĩ ta đừng nên vì thế mà ngã lòng thối chí ». Rồi cụ kéo quân tới đóng ở đất hai huyện Hương-sơn và Hương-khe, nay ở chỗ này mai dời chỗ khác, không thể nhất định là chỗ nào, làm cho quân Pháp đi tiêu-trừ lắm nỗi khó-nhọc, tốn-hao. Chẳng những chưa dẹp được cánh quân cụ Phan, mà thanh-thế cụ lại càng to, và phong-trào văn-thân lại càng ùn-ùn nổi lên từ phía.

Sang đầu năm Tuất (1886), Phan đóng quân ở làng Phụng-công về huyện Hương-sơn. Còn anh là ông Phan Đình-Thông thì đóng ở Thanh-chương, tỉnh Nghệ. Không ngờ Phan Đình-Thông bị tên thủ-bạ là Nguyễn-Sử làm phản ; nó làm nội-ứng, nửa đêm, thừa lúc ông Phan Đình-Thông đang ngủ, dẫn quân lính Bảo-hộ đến vây đồn, trong lúc thảng-thốt ông bị bắt sống giải về tỉnh Nghệ. Tổng-đốc tỉnh Nghệ hồi ấy là Nguyễn-Chính, vẫn còn ghi nhớ chuyện cũ, thù-hiềm cụ Phan, bèn làm Ngự-sử, đã dâng sớ hạch tội y làm Kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ hư-trương nghi-vệ và tác oai tác phúc xằng, không chăm lo việc dân việc nước giữa lúc gian-nan. Câu chuyện cũ này, một đoạn trên xa, chúng tôi đã nói. Vì sự hạch tội ấy vua Tự-đức bải

PHAN ĐÌNH PHÙNG

chức Kinh-lược của Nguyễn-Chính. Sau nhờ Bảo-hộ phục chức, cho làm Tổng-đốc Nghệ-an.

Nay bắt được anh cụ Phan, Nguyễn-Chính toan chém tức thời cho đã cơn giận và trả thù xưa. Nhưng rồi tấm lòng mưu lập đại-công biểu và ngừng tay lại, trong trí suy-tĩnh làm sao chiêu-dụ được Phan Đình-Phùng ra hàng, thì mình lập công-lao với Bảo-hộ to lớn, tự-nhiên cái ngôi cực-phẩm triều-dinh ở trong túi áo. Chừng nào chiêu-dụ mà Phan Đình-Phùng không chịu ra hàng thì bấy giờ sẽ giết Phan Đình-Thông cũng chưa muộn. Nghĩ vậy rồi, Nguyễn-Chính một mặt sai kẻ tâm-phức đi dò tung-tích cụ Phan ở miền Hương-sơn, Hương-khê dễ dỗi cụ ra quy-thuận.

Hồi đó, ông Tiều-phủ-sứ Lê Kinh-Hạp, nguyên trước là anh em bạn thân với cụ, nhưng sau Bảo-hộ sai đem quân đi đánh cụ, cảnh-ngộ bai người gần giống như Ngũ-Tử-Tur và Thân-Bao-Tur ở đời Đông-Châu. Nhân dịp anh cụ bị bắt, Lê Kinh-Hạp muốn lấy lễ cốt-nhục tình-thâm, bèn viết gửi cụ một bức thư chữ Hán cứng-cáp gọn-gàng mà hay, xin dịch ra quốc-văn như vậy :

« Bác Phan,

« Tôi với bác xa cách bấy lâu nay, tấm tình thương
« nhớ, chắc cũng bồi-hồi như nhau, điều đó không
« cần phải nói.

« Duy có điều phải nói là mấy lúc gần đây tôi đi qua
« làng Đông-thái ngộ thấy đèn thờ cùng là phần-mộ
« các đấng tiên-quân bác nghiêng-ngả điều-tàn không
« ngờ tôi sụt-sùi nước mắt mà khóc.

« Nay bác Phan ơi ! Ngày nay trong họ hàng làng
« xóm được an hay nguy chỉ can-hệ ở nơi bác, tình-
« mạng ông anh bác mất hay còn, cũng chỉ can-hệ ở
« nơi bác. Thôi thì tắc lòng trung của bầy tôi đối với
« vua, tội đó bác cũng đủ chứng tỏ với quý thần rồi,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« không lo ai chèn mình vào đâu được nữa (1). Còn
« HIẾU và ĐỀ cũng là cái gốc lớn của đời người ta,
« có lẽ nào bậc người khoa-giáp như bác mà học chưa
« tới nơi hay sao ?

« Huống chi là ông nuôi tay áo, nọc ở trong mình (2)
« tấm gương ấy không phải đâu xa, kỳ thật nó sờ-sờ
« ở trước con mắt bác rồi đó.

« Núi Hồng sông Lam (3) có vô số là cảnh non nước
« tốt đẹp có thể làm nơi vắng-vẻ thanh-cao cho bác ở
« để tu-dưỡng chí-liết của bác được (4).

« Thời nên về đi thôi ! Tôi xin nói thật ».

Cụ Phan tiếp được thư này, cười mà nói rằng :

— Mấy anh đồn nhảm-nhát, động một chút là đem
cửa-nhà mồ-mả ra để dọa-nạt người ta.

Nhân-dịp cụ nói với chúng-tướng rằng :

— Tôi từ khi cùng chư-tướng khởi binh cần-vương,
đã có chủ-tâm là bỏ cả việc gia-đình quê-quán ra ngoài,
không nghĩ gì đến nữa. Nay tôi chỉ có một ngôi mộ
rất to, nên giữ, là đất Việt-Nam : tôi chỉ có một ông

(1) Đoạn này nói ý là cụ Phan phụng mạng vua Hàm-Nghi khởi binh Cần-vương, nay nhà thờ và phần-mộ đến nỗi xiêu-tàn nghiêng-ngả hương khói vắng tanh, mà ông anh ruột lại đang bị nạn lâm-nguy, thôi thì cụ nên bãi binh về đi để cho yên mọi việc trong họ hàng làng xóm, khỏi mang tội với tổ-tiên quê-quán. Cụ cũng đã từng khởi nghĩa rồi, nhưng mà thời-thế khó-khăn, gia-hương quanh-quê, thì nên về là phải, dầu đối với quý thân cũng không thẹn, mà chẳng ai còn chèn được mình, vì tấm lòng trung-quân của cụ, đến thế cũng là đủ rồi.

(2) Đoạn này nói ý là ông anh cụ bị người nhà làm phản mà hị bắt, vậy cụ cũng sớm liệu đi, kéo sau lại bị thù-hạ phản-phức đem cụ ra nộp cho tây nữa thì khôn.

(3) Núi Hồng sông Lam là hai phong-cảnh hùng tráng nhất ở Hà-tĩnh và Nghệ-an.

(4) Đoạn này nói ý rằng cụ cứ việc bãi binh mà về, không chịu ra làm quan với người Pháp thì thôi, nhưng mà núi Hồng sông Lam, không thiếu chi chỗ non xanh nước biếc, vắng vẻ tốt tươi, cụ có thể ăn-cư để giữ nguyên vẹn trong sạch cái danh-tiết quý báu của mình, không ai làm hại hay ép-undang gì đâu mà lo.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

anh rất to, đang bị nguy-vong, là cả mấy mươi triệu đồng-bào. Nếu về mà sửa-sang phần-mộ của mình, thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ? Về để cứu vớt ông anh của mình, thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu? Tôi bây giờ thề chỉ có một cái chết mà thôi...

Nói vậy rồi cụ không thèm viết thư trả lời, chỉ nhắn kẻ đưa thư về nói lại với Lê Kinh-Hạp rằng: « Nếu ai có làm thịt anh ta, thì nhớ gửi cho ta bát nước canh! »

Chúng-tướng nghe đều ứa nước mắt. Cụ không chịu bãi binh quy-hàng, tức là ông Phan Đình-Thông bị hại, không cần phải nói.

Từ đấy cụ cùng tướng-sĩ đóng đồn trong rừng, trên núi, thường dùng cách đánh du-kích, vì chưa đủ sức đương-trường đối-chiến.

Bảo-hộ phái quân lính đi tập-nã hoài. Nghĩa-binh cũng giao-chiến nhiều trận, có trận được, trận thua, nhưng kể ra thì cái bước lui nhiều, mà bước tới rất ít. Vì quân lính Bảo-hộ tới đâu cũng có kẻ truyền-báo và trợ-lực rất là nhanh-nhẹn. Còn nghĩa-quân thì đánh nhau không quen, khi-giới lại xấu, chỉ trông cậy được là ở lòng người mà thôi, nên chỉ không địch được với quân Bảo-hộ là phải.

Qua năm Hợi (1887), Phan nghĩ mình cô-lập không xong, bèn quyết kể ra Bắc-kỳ để hiệu-triệu dám văn-thân chí-sĩ ở ngoài ấy cùng nổi lên làm thanh-viện. Khi đi, cụ dặn-dò chúng-tướng hãy khoan đừng nên bạo-động, để đợi cụ về sẽ hay.

VII

MẠT-LỘ CỦA THIÊN-TỬ

T RÊN đời, có ai sung-sướng bằng ông vua đắc chí ! Trên đời có ai khỗ-sở bằng ông vua mất ngôi ! Khi đắc-chí, nào cung, nào điện, nào quan, nào quân, nào vàng-bạc châu-báu, quần-quít quanh mình, nói một tiếng là lệnh dạy cả muôn dân, hét một tiếng là oai vang trong bốn bề ; vẻ-vang biết chừng nào ! Khi mất ngôi thì trốn, thì chạy, thì ăn sương uống gió, giải nắng giầm mưa, chiếc thân trời-nổi, nghe chim kêu vượn hót, càng như gọi mối thương tâm, rất đổi là tiếng lá động suối reo, cũng tưởng chừng có quân nghịch đuổi kịp, khỗ-sở biết chừng nào !

Tình cảnh của vua Hàm-Nghi như thế.

Ái-ngại thay, ngài là một ông vua còn nhỏ tuổi, gặp phải lúc việc nước khó-khẩn, đến nỗi thành mất nhà tan, đem thân đi trốn, vất-vả cực-khổ trăm bề ! Nhiều khi giọt đường vua tôi khóc-lóc với nhau, nong-nổi lư-ly, không biết thế nào mà nói cho hết. Thoạt-tiên ra đi, thì còn có ít nhiều văn-võ hồ-tòng, quân gia hầu hạ, rồi chẳng may giữa đường tan-tác chia lìa : nào Phạm Thận-Duyệt bỏ về, nào hữu-quân Hồ-Liên

PHAN ĐÌNH PHÙNG

bị bệnh chết ; đếm số quân lính thì lúc trước đi theo còn được một trăm người, nhưng sau thấy khổ-sở quá, chúng nó bỏ đi hầu hết. Sau rớt lại chỉ tro-trọi có cha con Tôn-thất Thuyết, và chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn, cùng mười mấy tên lính đi theo mà thôi. Thôi thì sớm no chiều đói, ăn uống không bữa nào toàn, nay đó mai đây, ở đâu không dám định hẳn, vì quân Pháp đuổi riết đằng sau lưng, làm cho nhà vua cứ chạy dài mãi...

Ta đã biết hồi tháng 10 năm Dậu (1885, tức là giữa năm mất kinh-thành) ngài tới miền thượng-du Hà-tĩnh triệu cụ Phan Đình-Phùng ra khởi binh cần-vương, đến ngày 16 tháng ấy quân Bảo-hộ đuổi gắp quá, ông Thuyết phải đưa ngài chạy miết lên Voi-tấn, chính là miền trên tỉnh Quảng-bình, giáp với xứ Lào. Chỗ biên-cương này là một xứ Mọi. Trương Quảng-Ngọc làm thổ-tù. Rồi ngài tạm trú ở đó.

Được ít lâu, Thuyết ngó thấy ở đấy cũng tạm được yên thân nhà vua rồi, còn sự cứu-vong thì Thuyết tự liệu sức mình không thể làm gì được, tất phải cầu ngoại-viện họa là. Nhưng Thuyết không sang cầu-viện Xiêm theo như kế-sách của cụ Phan đã tỏ hồi trước ; Thuyết đi sang Tàu, vì lão còn tin nơi thế-lực nước Tàu nhiều lắm. Thuyết tâu vua Hàm-Nghi đánh trốn ở đất Mọi, và để hai người con ở lại hộ-vệ, còn mình thì cùng chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn dắt nhau sang Tàu để cầu viện binh.

Vua Hàm-Nghi nương-náu ở đất Mọi được hơn một năm, tuy ăn uống khổ-sở, nhưng mà được điều yên-đn. Chính-phủ bảo-hộ cố tâm bắt cho được ngài, nhưng vẫn chưa tìm được ra tông-tích, đã hơi có ý chán-nản, không biết rồi ra có bắt được hay không và đến bao giờ? Hữu chí cánh thành, việc gì cũng thế: lần hồi Bảo-hộ cũng dò ra tông-tích mà bắt sống được

vua Hàm-Nghi, vì có bộ-hạ và lũ Mọi phản ngài để lập công với người Pháp.

Lối sau này, nghĩa là sau khi Thuyết đã sang Tàu rồi, tình-cảnh ngài lại càng khổ-sở bội phần. Còn sót lại ít nhiều tả hữu tòng-vong cũng bỏ ngài lần lần mà đi, bởi chúng thấy vua bây giờ nông-nổi chìm đắm như thế, chắc cũng không còn trông có ngày nào lại trở về làm vua nữa được, vậy thì còn theo làm chi cho mệt xác? Thành ra chúng rủ nhau đi lần hồi, bỏ ngài trơ-vơ, duy còn người con ông Thuyết là Tôn-thất Thiếp theo hầu ngài một cách trung-thành cung-kính như trước. Khổ-sở lâu ngày quá không chịu nổi, ngài đâm ra bệnh thương-hàn, làm cho thân-thể gầy còm ốm-yếu. Tội nghiệp! mỗi khi hơi có tin báo-động, thì có một thẳng mọi trung-thành phải lật đật cõng ngài chạy, vì tự ngài không đi được nữa.

Nhưng cái mồi vinh-hoa phú-quý nó xui-khiến người ta dễ-dàng làm việc phản-trắc, đến quân Mọi cũng không khác gì ai!

Lúc bấy giờ ngài trốn ở một làng Mọi là Khê-ta-bao, ở miền trên châu Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình. Chính-phủ bảo-bộ phái ông đại-tá Boulanger chuyên việc đem quân đi tìm-nã, nhưng đã sáu tháng trời không tìm thấy tông-tích đâu cả.

Trương Quang-Ngọc, là thổ-tù ở miệt Khê-ta-bao và chính hồi ấy vua Hàm-Nghi đang nương-náu trong nhà nó. Mỗi phú-quý động tâm, Ngọc cùng một tên đồng-đảng là Nguyễn Đình-Thanh lặn-lội đi báo tin cho quân lính Bảo-hộ biết, rồi dẫn ông Boulanger về bắt vua Hàm-Nghi.

Đại-tá Boulanger lên dẫn quân tới vây bọc túp nhà ngài ở, lúc ấy mới độ 7 giờ tối. Ngài và hai người tùy-túng đang gối đầu vào thanh gươm mà ngủ say lắm, vì bụng đói, sức mệt. Chợt thấy quân Pháp tới, thầy trò vùng tỉnh dậy, thì quân Pháp đã nhảy vào

PHAN ĐÌNH PHÙNG

trong, nắm chặt lấy tay ngài, ngài biết là thằng Ngọc phản, giận lắm mắng nó rằng :

— Thằng Ngọc, mày giết tao đi, còn hơn đem tao nộp cho Tây.

Ông Tôn-thất Thiếp thấy sự thế hỏng mất rồi, bèn tuốt gươm ra, định bụng một là giết viên quan võ Pháp để giải-cứu cho vua, một là giết vua đi để cho ngài được trọn danh-tiết, chứ không muốn cho ngài bị bắt. Song viên quan Pháp lạnh mặt, ngó thấy cử-chỉ ấy, chĩa súng ra bắn ông Thiếp chết ngay.

Vua Hàm-Nghi bị bắt giữa hôm 26 tháng 6 năm Mậu-ti (1888). Bấy giờ ngài đã 18 tuổi.

Quân Pháp dẫn ngài về tỉnh-lỵ Quảng-bình, rồi cho 80 tên lính Pháp hộ-vệ ra chợ Huyện. Trong lúc đi đường, ngài thờ-than chửi mắng họ kia luôn miệng. Tới chợ Huyện, quân Pháp đem xuống đò, để đưa về Huế, định cho ngài giáp mặt vua Đồng-Khánh. Nhưng ông Khâm-sứ Rheinart nghĩ là sự gặp mặt này vô-ích, nên khi đưa về tới cửa Thuận-an, thì chính-phủ Bảo-hộ sai dẫn ngài xuống ngay pháo-thuyền « Comète » chạy thẳng vào Saigon. Rồi từ Saigon có tàu khác, đem sang an-trị ở xứ Algérie. Sang đây ít lâu, ngài kết-hôn với một thiếu-nữ Pháp, sinh-hạ ba người con. Công-chúa Như-Mai học trường Canh-nông ở Paris mấy năm trước đây thi đậu kỹ-sư số một, là con đầu lòng. Người con trai thì hiện làm võ-quan trong quân-đội Pháp. Có tin nói ngài thiên-cư sang Ba-lê ít lâu rồi qua đời, cách nay vài năm.

Việc bắt được vua Hàm-Nghi phát-sinh vào hồi tháng 10 tây năm 1888 (Mậu-ti) nghĩa là sau khi thất-thủ kinh-thành 3 năm và sau khi Phan Đình-Phùng ra Bắc một năm.

Còn Tôn-thất Thuyết bỏ vua ở giữa đường, tách mình đi sang Tàu, nói là đi cầu viện. Sang Tàu rồi, chẳng biết rằng ông có nói chuyện cầu-viện gì được

PHAN ĐÌNH PHÙNG

với quan quyền Mãn-Thanh không, hay là biết tình thế nguy-hiểm cô-cùng rồi, nên kiếm chuyện tìm đường trốn-tránh lấy thân vậy thôi. Nhiều người Pháp — trong đó Đại-úy Gosselin là một — chê Thuyết hèn-nhát vì cái cử-chỉ bỏ vua giữa đường tách mình đào-nạn như thế. Nhưng họ ngợi khen hai người con trai của Thuyết — Đạm và Thiếp — là thanh-niên anh-hùng.

Có người nói rằng Thuyết định đi cầu-viện thật tình, nhưng mới sang Tàu ít lâu, nghe được tin vua Hàm-Nghi bị bắt, thì đành ở lại nương-náu tại Long-châu (thuộc tỉnh Quảng-tây, giáp-giới nước ta) rồi sau chết già ở đó.

Nghe nói hồi ông chết ở Long-châu, có người Tàu hay là người Việt-Nam chí-sĩ vong-mệnh nào đó không biết, làm câu liễn điệu như vầy :

*Quý bất khả ngôn, thiên cồ trung hồn lai Tượng quận,
Tôn vô di thượng, bách niên tàn cốt táng Long-châu.*

Hai câu này, cứ xem cho kỹ, tuy bề ngoài có ý tâng-bốc Thuyết những là tôn quý như vua, tận trung với chúa, nhưng mà bề trong hình như có ngụ ý mỉa-mai Thuyết một cách kín đáo.

VIII

CAO THẮNG

TRONG lịch-sử họ Phan hoạt-động cách-mạng. Cao-Thắng ở một địa-vị rất là quan-hệ, cho nên muốn biết rõ Phan, không thể không biết Cao-Thắng.

Khi cụ Phan khởi-nghĩa, hào-kiệt bốn phương về theo, phần nhiều là người có võ-nghệ và có tài-năng, nhưng mà cầu lấy một người có tri, có dũng, có ân, có oai, có cơ-mưu, có thao-lược, nói tóm lại đủ tài làm tướng, thì không ai bằng Cao-Thắng.

Cao-Thắng là chân tay của cụ ; Cao-Thắng là hình-ảnh của cụ.

Ban đầu thất-bại, cụ chạy ra Bắc để khuyến-khích anh em đảng-ngoài nổi lên làm thanh-ứng, khi ấy các tướng chán-nản, ba quân lia-tan, việc cách-mạng thành ra một đám lửa nguội tro tàn, cơ-hồ đến tắt. Thế mà có người thổi được đống lửa nguội tro tàn ấy lại cháy bùng lên, ấy là Cao-Thắng. Lúc cụ trở về, mà thanh-thế lại mạnh, tướng-sĩ lại đông, lương thực lại nhiều, súng đạn lại sẵn, nhờ đó mà chống cự được với quân Pháp trong mấy năm trời nữa, là vì có Cao-Thắng. Bởi thế cho nên người ta có thể nói được rằng:

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thí-dụ như xây một bức tường, cụ Phan đắp nền móng, mà Cao Thắng chõng-chất mãi gạch đá cho cao chót-vót lên ; thí-dụ như ta làm một ngôi nhà, cụ Phan dựng cột, nhưng mà Cao Thắng lợp ngói quét vôi, và treo tranh, bài cảnh ở trong cho được lịch-sự. Thế nghĩa là trong việc cần-vương cách-mạng lúc bấy giờ cụ Phan vẽ kiêu, mà Cao Thắng là thợ làm vậy.

Quả thế.

Sau khi cụ đã thất-bại ra Bắc rồi, các tướng võ và quân-sĩ tan-lạc, việc cần-vương đến đó hầu như là rụng hoa rơi, không mong gì có cơ quật-khởi. Chính cụ Phan ra Bắc cũng nằm hơn một năm trời như là người đã té nhào xuống, muốn dậy mà chưa biết đến bao giờ dậy nổi. Ấy thế mà Cao Thắng nâng cụ dậy được, lại huyết-chiến được bảy tám năm nữa, đến chết mới thôi, như vậy thì Cao Thắng thật là người có trí, có tài. Việc quật-cường đó, ông làm ra thế nào, ta cần nên biết.

* * *

Cao Thắng là người ở xóm Nhà-nàng, làng Lê-dông, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Ông là con một nhà bình-dân tâm-thường, dáng người thấp nhỏ, ngón chân ngón tay đều ngắn, cho nên người ta bảo ông có tướng ngũ-đoản (năm cái ngắn), sau tất làm người huyết-chiến sa-trường, bất-đắc kỳ-tử.

Người rất thông-minh lanh-ley, thuở nhỏ có đi học chữ, nhưng tính không ưa khoa bút-múa-văn, để làm một nhà danh-sĩ ; chỉ muốn học võ-nghe và binh-thu, để sau làm một tay chiến-tướng, cho nên cả ngày chỉ tập võ và thích đi săn bắn, lấy thể làm vui ; có người em tên là Cao Nữ cũng vậy.

Hồi năm Giáp-tuất (1874) là năm Tự-đức thứ 27, tỉnh Hà-tĩnh có giặc Cờ-vàng, tức là giặc Đội-Lựu nổi

PHAN ĐÌNH PHÙNG

lên, định tranh cướp thiên-hạ với nhà Nguyễn, Cao-Thắng lúc bấy giờ còn nhỏ tuổi quá, nhưng đã tinh-nguyện đi theo. Chưa đầy một năm, Đới-Lưu chết, giặc Cờ-vàng tan, triều-đình sai quân đi nã-bắt những dư-đảng rất ngặt, Cao-Thắng sợ, phải trốn-tránh lần-lút khôn-khổ.

Lúc đó, anh thứ hai cụ Phan là ông Phan Đình-Thuật, mới đậu cử-nhân, ngó thấy Cao Thắng mới 13 hay 14 tuổi, đã đi theo giặc, chắc vì có cảnh-ngộ sao đó, không phải chủ-tâm phản bậy triều-đình gì. Nay giặc bị đánh tan, dư-đảng tới một thằng nhỏ như thế cũng sợ bị quan làng tróc-nã, đến nổi đào-tàu trốn-tránh cực-khổ, làm cho ông Thuật động lòng thương-hại, ông bèn tìm cách che-chở cho Cao-Thắng khỏi bị bắt, và đem về nhà nuôi. Được 8 năm, ông Phan Đình-Thuật mất thì Cao-Thắng lại về làng ở.

Về làng, nhưng cũng không lo đường sinh-nghiệp gì cả, sẵn trong mình có nghề-võ, nên cùng với em và một người bạn tâm-huyết là Nguyễn-Kiều, tới ngày chỉ ham tập quyền múa kiếm làm vui. Nguyễn-Kiều tụ-hợp mấy chục tên thủ-hạ đi ăn-cướp, nay làng này mai làng khác; những nhà giàu có nội vùng, khổ sở với bọn ông, muốn bắt ông, nhưng sợ ông giỏi quá không sao bắt được. Tuy chính Cao-Thắng không ăn cướp của ai, nhưng cũng mang tiếng là đầu-đảng ăn-cướp.

Kỳ thực, Cao-Thắng vốn là người có chí-khi to, chẳng qua thác-tích vào đám lục-lâm, để chờ có thời-cơ sẽ ra vì nước hiệu lực, không phải có ý muốn chung thân mai-một ở giữa khoảng cỏ xanh nước biếc đâu.

Cuối năm Ất-dậu (1885) cụ Phan khởi nghĩa, anh em ông cùng với Nguyễn-Kiều đem 60 tên thủ-hạ ra xin theo. Cụ phong cho làm chức Quân-cơ, và bảo sau sẽ trọng-dụng, vì biết ông là người có tài to. Quả

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nhiên, ông giúp cụ trong việc quản, mới đầu đã tỏ ra người có tài giỏi. Cụ Phan rất yêu-mến. Năm ấy ông mới có 20 tuổi.

Sau khi cụ Phan đã chạy ra Bắc rồi, các tướng sĩ đều giải-tán hết, duy còn ông cùng với mấy người anh em đồng-chí là Cao-Nữu, Cao-Đạt và Nguyễn-Niên, thu nhặt lấy ít nhiều tàn quân về ẩn-phục ở trong những rừng núi thuộc làng Lệ-động, là làng của ông để mưu cách khôi-phục. Lúc này bạn thân của ông là Nguyễn-Kiểu đã chết rồi.

Ông nghĩ rằng dùng binh mà không có tiền nhiều thì làm trò gì được, cho nên trước hết ông nghĩ cách lấy tiền cho nhiều.

Thủ-đoạn ông lấy tiền khi ấy có khó gì đâu? Chỉ đem một vài chục tên lâu-la xuống núi, xem làng xóm nào có nhà giàu thì xông vào đốt phá, cướp, là lấy được tiền ngay, rồi lại đem quân vào rừng ẩn-phục, ai làm gì nời. Nhưng ông không làm. Một là biết rằng: đóng ở rừng núi như vậy là trốn tránh qua thời mà thôi, chứ không phải là nơi dụng võ. Hai, nếu dùng lối cướp-bóc thì làm náo-động dân-gian, lỡ ra đến phải đốt nhà giết người thì mang tiếng cho đạo quân nhân-nghĩa. Ba, thời bấy giờ là thời loạn-lạc, nhà nào có tiền cũng bỏ làng trôi-giạt đi xa để trốn-tránh, hoặc là chôn cất đi, mà chính ở vùng đó cũng không có mấy nhà giàu, thì lấy tiền vào đâu. Bởi thế ông dùng thủ-đoạn « làm tiền » bằng một cách khác, là cách *bắt cóc*.

Trong nghề lục-lâm có cái lối bắt sống những người nhà giàu về giam, rồi bắt đem tiền lại chuộc cho về gọi là cách *bắt cóc*, từ xưa ở xứ mình đã có rồi.

Ông cho thủ-hạ đi dò-la mãi, biết rằng hôm ấy có một chiếc thuyền chở mấy chục người hàng vải đi chợ Tràng (tức là chợ tỉnh Nghệ bây giờ) bèn đem 20 tên

PHAN ĐÌNH PHÙNG

kiện-nhi ra đón ở địa-phận làng Triều-khâu (thuộc phủ Hưng-nguyên, là phủ sở tại tỉnh Nghệ) để bắt.

Khi thuyền đi ngang, ông chèo xuống con ra đánh chìm và bắt sống cả bọn lái buôn đem về giam ở làng Nam-kim (thuộc huyện Nam-đàn tỉnh Nghệ), chính là làng của vợ ông.

Dẫn họ về, ông hiểu dụ rằng: « Ta bắt các ngươi cũng là một việc cực-chẳng-đã, vì hiện nay nghĩa-binh thiếu tiền hoạt-động, cần có các ngươi giúp-đỡ nhiều ít. Vậy các ngươi viết thư về cho gia-nhân, hạn trong một tháng đem tiền lại chuộc thì ta tha về ».

Trong một tháng, người nhà bọn kia đem tiền đến chuộc, ông tha cho về cả. Ông thu được 6000 đồng bạc.

Ông bắt cóc bọn hàng vải lấy được 6000 đồng bạc, có một chỗ đục-làm sâu lắm, khổ lắm, là cốt lấy tiền để đúc súng. Vì thế, sau khi đã lấy được món tiền rồi thì ông đi tìm thợ. Tìm được bọn thợ, nhưng bảo họ lên núi làm việc cho mình, là kẻ cướp, thì cũng là việc khó khăn, cho nên ông lại phải gỡ lối cũ ra, là cách bắt cóc. Ông tự đem mấy chục tên kiện-nhi, về hai làng Trung-lương và Văn-trung (thuộc huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh), là hai làng làm nghề thợ rèn, bắt hết bao nhiêu thợ rèn trong làng ấy dẫn về Lệ-động, ở trong một khu rừng sâu để đúc súng. Đúc trong một tháng trời, được 200 khẩu súng hạt nỏ của ta, thứ súng phải nhồi thuốc ở ống súng, rồi chõ có máy để hạt nỏ, hễ nhận con cò máy có lửa bật ra, thì đạn mới chạy. Cái mục-dịch của ông đến đó đã đạt được một ít.

Lúc bấy giờ, quân-giới thì ông đã có 200 khẩu súng mới đúc, tương-tá thì cỡ như các ông Cao-Nữu, Cao-Đạt, Nguyễn-Niên, quân lính thì mới mộ thêm được 400 người. Trong 400 lính ấy, ông chia làm hai đoàn : một đoàn là lính súng ; súng bao giờ cũng nạp đạn sẵn ; nhưng hễ lúc làm trận, thì 100 khẩu súng bắn

PHAN ĐÌNH PHÙNG

một hiệp trước, xong rồi nạp đạn thì lại đến 100 khẩu khác bắn một hiệp sau, cứ luân-phiên như thế, thành ra khi đánh trận, lúc nào cũng có tiếng súng nổ liên-tbanh, khiến cho địch-quân không biết nghĩa-bình nhiều súng hay ít. Ấy, Cao-Thăng dùng binh có cơ-mưu đại-khái như thế.

Súng có, quân có, tướng có, là lúc thanh-thế của ông đã hơi to, đi đến đâu cũng ít có người địch lại. Giá ông phải là người tầm-thường, chỉ lo khiết-thân ấn-dộn không chịu thần-phục người Pháp, như bọn Điền Hoành ngày xưa cùng 3000 tử-sĩ ở chốn hải-lân không chịu thần-phục nhà Hán, thì khi-giới ấy, binh-lực ấy, nay đóng núi này, mai qua rừng khác, nay cướp làng nọ, mai cướp làng kia, để lấy lương ăn, cứ như thế mãi cũng có thể tung-hoành ở trong chốn núi Hồng sông Lam được trọn đời mãn kiếp, làm một người lực-lâm anh-hùng, ai đánh giặc cũng khó.

Nhưng mà cái chí-khi của ông to. Ông còn nghĩ đến vua, đến nước, đến anh em đồng-loại, đến chủ-tướng cũ là cụ Phan; nói tóm lại chí-khi của ông là làm thế nào cho « *nước Nam của người Nam* », cho nên ông không lấy khi-giới đó, tướng-sĩ đó, làm tự-lúc, mà muốn cho khi-giới còn mạnh hơn, tướng-sĩ còn đông hơn nữa.

Ông là một người biết lượng sức mình, lại có tính quả-quyết. Ông tự biết rằng sức quân của mình, sức súng của mình còn yếu quá chừng, ăn cướp thì được, đánh với quân Pháp chưa được, cho nên đêm ngày thường lo gây-dựng thế nào cho thực-lực của mình to lên. Bấy giờ, vấn đề lương-thực chẳng phải lo nữa, là vì oai danh ông lúc ấy to, dân-gian quanh miền đã sợ, ông muốn bao nhiêu gạo, bao nhiêu tiền, chỉ viết giấy đi các chủ nhà giàu, khiến họ tự phải đem tiền gạo lại nộp, không mấy khi phải dùng võ-lực.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Song còn một việc khiến cho ông phải lo nghĩ nhất, là vấn-đề khi-giới kiều tây.

Ông đã từng bỏ ăn quên ngủ, nằm nghĩ đến một tháng trời, bấn-khoăn về vấn-đề khó-khăn này : « Đã làm thì tất phải làm to, mà những kiêu súng của ta, là kiêu súng ăn mảy thế này, nào chửi súng, nào nạp thuốc mất công-phu và thời giờ nhiều lắm, làm sao địch lại được với quân Pháp. Có muốn đánh với họ, tất phải có khi-giới như họ mới được ».

Ông nghĩ rằng làm theo như kiêu súng tây cũng chẳng khó-khăn gì, tuy mình không có tài sáng-tạo, nhưng có tài bắt chước được thừa, vì thế ông nghĩ mưu kế làm sao cho có một khẩu súng tây, để ăn cắp kiêu.

Làm thế nào lấy được một khẩu súng tây để ăn cắp kiêu ? Khó quá ! Bảo rằng mua được, nhưng đường-sá phần thì mắc nghẽn, phần thì xa-xôi, đi dầu mà mua. Bảo rằng đánh một đồn nào gần đó để cướp lấy một khẩu về, nhưng đồn nào cũng giữ-gìn nghiêm-nhặt, đánh đã chắc gì lấy nổi. Chỗ này, ông suy-nghĩ gần muốn héo gan nát ruột, mà không biết làm thế nào. Ông vẫn nói rằng : « hễ ai tìm được cho ta một khẩu súng kiêu tây, thì ta thưởng cho 1000 đồng bạc ». Ai lấy được ? Nhưng mà người có chí-khi thường được trời giúp đỡ.

Thật thế, trong khi ông đang nghĩ quẩn nghĩ quanh, nghĩ đến cách mua, nghĩ đến cách cướp, nghĩ mãi chưa biết làm thế nào, thì chợt có tên lính vào bẩm rằng ; có một người lạ mặt, xin vào yết-kiến để bẩm có việc cơ-mật.

Ông cho vào. Ấy là người đem kiêu súng tây lại cho ông.

Binh-gia nói : « Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên » (tình việc ở người, thành việc ở trời), e có lẽ phải.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cao-Thắng muốn kiếm một khẩu súng của tây để bắt-chước chế-tạo, nhưng đang lo nghĩ ao-tróc không biết lấy ở đâu có một khẩu súng tây để làm kiểu bây giờ, bỗng-dưng trời xui-khiến một người khách lạ mặt tới ngay giữa quân-môn giúp cho ông được như nguyện.

Người lạ mặt vô bầm rằng :

— Nghe nói có lệnh của tướng-quân truyền ra : hễ ai lấy được một khẩu súng tây đem nộp, thì sẽ được trọng thưởng 1000 đồng bạc. Nếu bây giờ tôi lấy dâng cho tướng-quân, không những một khẩu súng tây, mà tới 15 khẩu lận, thì tướng-quân thưởng cho bao nhiêu ?

Cao-Thắng mừng lắm :

— Thôi thế thì trong trại ta bao nhiêu tiền bạc, ta cho nhà người lấy hết.

Thật ra lúc bấy giờ, ông cũng đã có một vài vạn bạc ở trong quân.

Người lạ mặt xin truyền cho tả hữu lui ra ngoài, rồi mặt-bầm điệu-kế. Té ra y có một người bà con đi lính tập ở tỉnh Nghệ-an mới viết thư về nhà nói rằng : tới ngày mai đây có hai viên quan binh ở tỉnh thành Nghệ-an dẫn 14 tên lính tập chở mấy hòm bạc lên đồn Phố (thuộc hạt Hương-son) để phát lương cho binh lính. Lẽ tự-nhiên toán lính ấy có súng. Đó là một cơ-hội trời giúp tướng-quân. Vậy tướng-quân nên sắp đặt cho nghĩa-binh mai-phục ở giữa đường, đánh toán lính tập mà cướp lấy súng của họ là được ngay, nào có khó gì ?

Cao-Thắng được tin cơ-mật này, hết sức mừng-rỡ, đưa tay lên trán và nói :

— Thật là trời giúp ta phen này !

Tức thời, một mặt Cao-Thắng cầm giữ người khách lạ mặt hảo-tâm đó ở lại trong đình chơi, một mặt hội chư-tướng lại đề thương-nghị cách cướp súng.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ông thì quyết kế là kéo hết quân mình ra đón đường liêu đánh một trận tử-chiến. Nhưng ông Cao-Đạt vừa khoát tay vừa nói :

— Không nên ! Anh tính kế làm như vậy là đem cả nghĩa-binh và bản-thân anh vào chỗ hiểm-nguy tồn-hại mà chắc là không xong việc. Quân ta chưa phải là quân thiện-chiến, vả lại thử súng cũ-kỹ của mình bây giờ còn lời-thời quá, đạn bắn ra nổ không mạnh, đi không xa, tôi tưởng ngày nay nếu quân ta đem toàn lực ra đánh nhau đường trường cũng sợ không địch lại với 15 khẩu súng kia. Vậy thì không nững ta làm đã chẳng thành-công mà lại còn mang bại đến thanh-thế của quân ta lúc ban đầu nữa. Theo ngu-y của em, việc này ta phải dùng mưu thì hơn, quyết không nên dùng lực. Em xin dâng kế « *Xuất kỳ bất ý công kỳ vô bị* » (1) anh nghĩ sao ?

Cao-Thắng suy-nghĩ một lát gật đầu khen phải.

Nguyên là con đường từ tỉnh Nghệ-an đi lên đồn Phố (chỗ đó là làng Phố-châu, chính là huyện lỵ Hương-sơn đóng bây giờ thuộc về tỉnh Hà-tĩnh) có nhiều chặng phải đi xuyên qua núi rừng rậm-rì, hiểm-trở. Giữa đường có một hòn núi trọc chận ngang, không có cây cối nào rậm và to, chỉ mọc toàn là lau sậy rất cao, chính giữa có một con đường độc đạo. Ông Cao-Đạt hiến kế rằng chỉ nên lựa chọn mấy chục tráng-sĩ, cầm đoản-đao mai-phục ở hai bên rừng lau sậy, chờ khi nào toán lính tập kia nghễu-nghẹn đi qua, thì ta nổ một tiếng pháo làm hiệu, rồi hai bên tráng-sĩ nhảy bổ ra, xuất kỳ bất ý mà đánh tất được toàn thắng.

Cao-Thắng y kế, và muốn bản-thân làm việc khó-khăn này, cho nên tức khắc xếp đặt công việc để ngày mai chính ông thân dẫn cả bọn Cao-Đạt, Cao-

(1) Là nhà lúc người ta không phòng-bị gì, mình nhảy ra đánh.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nữu, Nguyễn-Niên cùng hai mươi tên quân cầm-tử, nai nịt gọn gàng, cầm đoản-đao ra mai-phục tại đó.

Quả nhiên, xế chiều hôm ấy, một toán gồm hai viên quân quan Pháp và 15 tên lính tập mang súng và khiêng hòm bạc, kéo nhau đi ngang qua rừng sậy đã nói trên. Bởi con đường độc-đạo nhỏ hẹp, họ phải đi hàng một, lẻ-tẻ từng người, trong trí không ngờ đâu giữa bãi lau sậy này mà có sự bất-trắc.

Tiếng giày đi cồm-cộp đằng xa, đủ làm dấu hiệu đề báo tin cho phục binh hay trước. Tới chừng họ đi vào giữa khoảng nghĩa-binh mai-phục Cao-Thắng nổi pháo lên làm hiệu, tráng-sĩ mai-phục hai bên nhẩy ra, miệng vừa hò-hét, tay vừa khoa đao, cứ mỗi người nhắm ngay một kẻ bên nghịch mà chém tung-hoành loạn đá. Tội nghiệp cả hai viên tiểu-tướng Pháp và 15 chú lính tập đều bị chém ngã hết, không sót một người nào, không ai kịp trở tay. Vì họ đang đi đường mệt-nhọc, lẻ-loi, bỗng-dưng bị chém một cách thình-linh như thế, làm sao không chết.

Thế là Cao-Thắng lấy được 17 khẩu súng, trong đó có hai khẩu súng kieu hai lòng, và 600 viên đạn, mấy ngàn đồng bạc nữa, mà phía mình không nhỏ một giọt máu, cũng không nhọc-nhằn sức khỏe bao nhiêu.

Trở về sơn-trại, ông mời người khách lạ mặt kia đề trọng thưởng. Nhưng khách nói rằng :

— Thấy Tướng-quân làm việc nghĩa-hiệp, tôi vẫn hàm-mộ, trời bèn xui-khiến tôi đem lại cơ-hội giúp cho tướng-quân được thành-công đó thôi. Tôi nào có công-cán gì mà thưởng, vả lại tôi có phải vì ham số tiền thưởng mà tới đây bao giờ ; hôm qua tôi hỏi thưởng bao nhiêu là nói chơi vậy mà. Số tiền thưởng này tôi xin để lại tướng-quân nuôi binh-sĩ, đức khi-giới, thế là tôi mừng. Trước khi từ-biệt tôi xin hiến

PHAN ĐÌNH PHÙNG

trương-quản bốn chữ « tiền đồ bảo trọng » (1), xin ghi nhớ cho. Luôn dịp, tôi có một bức thư kin dày, hề ngày nào cụ Phan về, thì phiên trượng-quản trình cụ giúp tôi, ngày nay hãy khoan mở ra.

Cao-Thắng muốn hỏi tên họ, nhưng khách cũng không chịu nói, chỉ cười nhạt rồi đứng dậy vái dài một vái, ra đi. Người này là thần tiên chăng? là ân-sĩ chăng? là hiệp-khách chăng? là gì không ai biết.

Thuở giờ Cao-Thắng chỉ ước mong có một khẩu súng tây để làm kiêu, nay đã được thỏa-mãn sự mình mong-ước rồi vậy. Cao-Thắng gọi thêm rất nhiều thợ rèn, rồi kéo lên núi sâu, bắt đầu công việc chế tạo. Ông tự tháo một khẩu ra từng mảnh, để xem từ cơ-quan thước tắc cho đến công-dụng những thế nào, rồi đêm ngày ông ngồi một bên, đốc thúc bọn thợ rèn, cứ lấy từng mảnh ở súng tây, theo đúng hình-thức dài vắn rộng hẹp như thế mà rèn đúc. Mấy lần đầu còn lư-hông lồi-thối. Nhưng bu-hông thì ông lại bắt phá bết ra mà rèn đúc lại. Rèn đi đúc lại mãi mới được.

Công việc đúc súng này làm luôn trong mấy tháng ròng rã, được cả thảy 350 khẩu súng giống y súng tây. Duy có thuốc đạn thì còn phải dùng thuốc ta.

Ta nên biết Cao-Thắng rèn đúc được 350 khẩu súng kiêu tây, thật có công-phu khó-khăn to lớn bằng rèn đúc mấy mươi vạn khẩu. Thật thế, lúc bấy giờ ông ta chỉ là một đám giặc cỏ, phải lẩn-lút ở trong núi biếc rừng xanh, nào đã dám ra mặt chán-chường, vậy thì lấy đâu được sắt, lấy đâu được đồng, lại lấy đâu được máy mà đúc, lấy đâu được thuốc nổ để chế ra đạn. Thế mà ông làm được đủ cả, là nhờ ông có tri-xảo cơ-mưu và có nghị-lực nhân-nại lắm. Ruột gà trong súng, thì ông dùng cây gọng dù uốn lại mà làm; sắt,

(1) Nghĩa là: bước đường sau này phải giữ gìn. Có lẽ người khách xem trượng-mạo mà biết trước Cao-Thắng mai sau bạo chiến quá mà từ-trận chăng?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thì ông cho người đi khắp các chợ và các miền nhà quê, mua những móng lừa, móng ngựa, các thứ sắt vụn, và những cây hư cuốc bễ, của các nhà nông, đem về đập ra mà rèn ; còn bị đem thì ông góp nhặt những mâm đồng, nồi đồng, đập giệp ra thật mỏng rồi cuốn lại. Sự thiếu những nguyên-liệu cần dùng, nên ông hạ lệnh cho các dân làng chung quanh, chia bớt những đồ đồng trong nhà mình cho nghĩa-binh và đem lên sơn-trại nộp để làm quân giới.

Ấy đó, Cao-Thắng chỉ nhờ có những tài-liệu góp nhặt như thế, mà rèn đúc được súng đạn bắn-hoi, thủy-chung chỉ dùng sức người, không có máy móc gì hết.

Tới đây, không những súng cũ và súng mới đã được hơn 500 khẩu, mà lương tiền cũng dồi-dào, và số quân lính mộ thêm cũng tăng lên đến gần 1000 người. Cao-Thắng tự biết lúc này mình đã có gốc hơi vững, tức là có cái cơ-sở để tấn-phát mãi lên và có thể bắt đầu mưu-tính việc lớn. Nhưng phải có người danh-vọng oai-quyền để làm chủ cầm quân mới được.

Người đó đương thời, còn ai hơn là ông chủ-tướng cũ hiện đang lưu-lạc ẩn-cư ngoài Bắc : ấy là Phan Đình-Phùng.

Cao-Thắng bèn sai người tâm-phúc ra Bắc-hà rước cụ Phan về.

Phong-trào võ-lực phản-đối ở 3 tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, đã tịch-mịch ít lâu, giờ lại nổi lên đùng-đùng và kéo dài ra được mấy năm nữa. Lần này có tổ-chức, có khí-giới, có kỷ-luật, có oai-danh, chính có người Pháp thắng ngay đã nhìn-nhận sự thất như thế.

Một võ quan Pháp dự vào cuộc đánh giệp ở Nghệ-tĩnh hồi bấy giờ là Đại-úy Gosselin, về sau viết ra cuốn sách có giá-trị tựa là « *Nước Nam* » (Empire

d'Annam) trương 313, có đoạn nói về Phan Đình-Phùng đại-khái như vậy :

« Cuộc biến-loạn của Phan Đình-Phùng cầm đầu,
« tràn-lan rất mau và có thanh-thế lớn. Sánh lại
« những đám phản-đối nổi lên về trước không thấm
« vào đâu.

« Nhưng vì phương-lược cai-trị, và lại cũng không
« muốn làm xôn-xao kinh-hải dư-luận bên tây, cho
« nên ở đây người ta rón giầu-nhệm được chừng nào
« càng hay, không nói rõ cho bên tây biết.

« Lúc đó, người chủ-tướng cầm đầu cả 4 tỉnh miền
« Bắc-Trung nổi lên đánh lại binh ta, chứng tỏ ra
« một người có tài-năng tổ-chức lạ-lùng: lại thêm ông
« ta có cái địa-vị đậu Đình-nguyên, thành ra nhân-
« dân quy-phục hết thảy, vì dân này vốn trọng học-
« vấn và kính-mộ danh-nho.

« Té ra từ trước tới đây chúng ta không hay Phan
« Đình-Phùng biết sắp-đặt tập-rèn quân lính theo như
« kỷ-luật và binh-pháp Âu-châu; cho nên quân lính
« mặc y-phục giống hệt một thứ với lính tập bản-xứ
« của ta, lại mang khí-giới là súng kiểu 1874 do ông
« bí-mật chế-tạo lấy rất nhiều, nhưng chế-tạo ở chỗ
« nào không ai biết, tới nay chúng ta chẳng hề tìm ra.

« Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về tận bên tây ;
« xem nó giống đủ mọi vẻ như súng của các xưởng
« binh-khí nước ta chế-tạo, đến nỗi tôi đưa cho các
« quan binh pháo-thủ ta xem, các ông phải sửng-sốt
« lạ-lùng, chỉ hiềm vì nó khác với kiểu súng ta có hai
« chỗ này thôi : ruột gà không đủ sức mạnh và trong
« lòng súng không có xẻ rãnh (rayures), vì đó mà đạn
« bắn ra không xa, không mạnh. Tuy vậy mặc dầu,
« những súng đó đã từng bắn chết ít nhiều lính khố-
« xanh, cai đội tây và lính tập, vì thật ra lúc bấy giờ
« chỉ có lính khố-xanh ra xông-pha đánh giặc đám

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« loạn này, ta phải nói rằng linh ấy đã xuất-lực và
« thành công một cách vẻ-vang ».

Ta xem Đại-úy Gosselin đã từng mục-kích và phải
nhìn-nhận sự thật như thế, đủ biết đương thời nghĩa-
binh cụ Phan cầm đầu không phải giặc cỏ, hay cuộc
phản-đối tầm-thường. Kỳ thật có tổ-chức, có khí-giới,
có lực-lượng ít nhiều, ta nên biết những thành-tích ấy
do một tay lược-thao kỳ-xảo của thượng-tướng-quân
Cao-Thăng.

IX

Ở BẮC VỀ

SAU lúc làng Đông-thái bị phá, Phan phải kéo tàn-quân lên đóng ở hai hạt Hương-sơn, Hương-khê; lại sau lúc ở Hương-sơn, Hương-khê thất bại nữa, cụ chạy ra ngoài Bắc, có nhiều người cho thế là việc lớn hư-hỏng tan-tành mất rồi. Cụ chạy, thế là cuộc phản-đối tiêu hết l...

Nhưng mà nó chưa tiêu hết đâu.

Sự thiệt, trước khi bước chân lên đường ra đi Bắc-hà, Phan có định sẵn hai cái chủ-kiến, hai cái cơ-mưu, thế nào rồi cũng thực-hành được một: Hoặc là hiệu-triệu anh em kiện-nhi chí-sĩ ở Bắc-hà nổi lên để gây nên thịnh-thế tương-ứng với cụ ở đảng trong và chia bớt cái mảnh-lực của binh lính Bảo-hộ đi; hoặc là trông mong tin cậy một người anh-tài được cụ thanh-nhãn là Cao-Thắng tướng-quân, ở nhà có thể tom góp sức tàn, rồi lại đánh trống mở cờ, quật-cường phen nữa.

Vả chẳng, có xét kỹ cái tình-thế của cụ hồi bấy giờ, mới biết là không thể không thua, đã thua không thể không chạy, đã chạy không thể không ra Bắc.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Song, trước khi muốn xét ra những cái nguyên-do này vì đâu, tôi tưởng chúng ta hãy nên nhìn biết cái tâm-tích của cụ Phan một chút đã, vì cụ trước kia vốn là người chủ hòa kia, thế sao về sau lại trở ra một người khác hẳn : liều gan ra mặt chống cự với người Pháp tới cùng ?

Thật vậy, cụ là người hiểu biết thời-thế, không phải như bang nhà nhỏ bủ-lậu cố-chấp ở đồng thời, đại-khải như Võ-phạm Khải là tác-giả bài luận « Biện di » chẳng hạn.

Ta xem hồi năm 1877, cụ là một thầy cử-nhân vô kinh thi Đình, chính vua Tự-Đức ra đầu bài thi Đình-đối, có đoạn hỏi về thiên-hạ đại-thế như vậy : « Các nước Thái-tây họ làm thế nào mà nước họ mỗi ngày một thêm hưng-vượng phú-cường ? ». Tới một đoạn khác, ngài hỏi về quốc-gia đại-sự lúc bấy giờ : « Nước Phú-lăng-sa vốn là một nước trọng tín-nghĩa, cho nên đem trả lại ta bốn tỉnh Bắc-kỳ mà An-nghiep (Francis Garnier) đã lấy hồi năm 1873, còn sáu tỉnh trong Nam-kỳ, phải chi Phú-lăng-sa cũng đem trả nốt cho ta, rồi hai nước lại giao-hảo buôn bán với nhau không hay hơn ư ? Nhưng vì lẽ gì nước Phú-lăng-sa vẫn lần-khần chưa chịu trả lại, và nay nếu như nước ta muốn thu-phục 6 tỉnh Nam-kỳ lại thì nên làm thế nào ? »

Trong bài Đình-đối của Phan viết hồi đó, đã bàn xa xét rộng về nguyên-nhân cường-thịnh của các nước Thái-tây, vì họ vốn có thông-minh vụ-thực, lại biết trọng-khoa-học thực-tế, cho nên nhất thiết việc gì cũng xét cho cạn lẽ, làm cho tới nơi, không chịu hồ-đồ biếng-nhác như mình. Cụ lại đem nước Nhật-Bản ở phương Đông mình ra làm chứng ; vì Nhật sớm biết duy-tân tự-cường, thành ra họ có cơ chắc-chắn một mai sánh vai nối gót được các nước Âu-châu.

Ta nên biết hồi cụ Phan nói đây, Nhật-Bản đã bắt đầu công cuộc duy-tân được mười năm rồi.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nem vậy, thì ra đang lúc sĩ-phu nước nhà còn đang say mê chìm-dắm ở giữa cái nguồn học-vấn từ-chương hủ-lậu, cổ chấp, mà cụ Phan đã hiểu biết đại-khái về tinh-thể thiên-hạ như thế, đâu phải là người không thức thời ?

Còn câu hỏi thứ hai thì cụ trả lời rằng : « Sự thể Bắc-kỳ và Nam-kỳ khác nhau. Người Phú-lãng-sa phải trả bốn tỉnh Bắc-kỳ, vì tự họ đã trái với điều-ước mà lấy bổng của ta. Còn như sáu tỉnh Nam-kỳ thì đã có điều-ước triều-đình ký nhượng cho họ, cho nên họ còn lần-khân kiếm cớ mà không chịu trả. Vả chẳng họ giữ lấy sáu tỉnh ấy mà không trả, là vì có hai lẽ : một là để cho vững-vàng hòa-ước ở giữa hai quốc-gia, vì nước Phú-lãng-sa cùng ta, tuy có tình cũ nghĩa xưa mặc lòng, nhưng mà ngày nay họ băng qua muôn ngàn dặm tới đây, buổi đầu chưa tin được tấm lòng ta chân giả thế nào, thành ra họ còn phải giữ lấy đất-đai đã nhượng, để cho mạnh cái thế-lực địa-vị của họ, và để làm căn-cứ cho cuộc hòa với ta. Hai là sáu tỉnh đang trong vốn là nơi đất ruộng tốt, thóc lúa nhiều, bèn chi họ có lòng ham tiếc không trả. Nay muốn thu phục lại, thì điều cần trước hết xin triều-đình bỏ hẳn tấm lòng ngờ-vực đi. Ngày xưa Khổng-tử làm tướng nước Lỗ, mà nước Tề đem những đất ruộng đã xâm-chiếm trả lại cho nước Lỗ, chỉ vì ngài lấy lòng chí-thành đối-đãi, khiến cho cảm-dộng được nước Tề vậy. Thế thì sự-thể nước nhà ngày nay, triều-đình cũng nên lấy lòng chí-thành mà đối với nước Phú-lãng-sa thử coi. Vả lại, muốn làm việc lớn, đừng thêm kẻ gì những sự tổn hao nhỏ nhỏ, có vậy mới nên việc lớn được. Nếu xem trong ý người Phú-lãng-sa thiệt lòng ham lợi không buông, thì ta có cách lấy món lợi khác cho tương-đương, xấp-xỉ, mà xin đổi chác với họ, ví-dụ như lấy thuế cửa biển trao quyền cho họ mà đổi lấy Nam-kỳ, có lẽ họ chịu, hoặc là xin

PHAN ĐÌNH PHÙNG

bồi-khoản thêm nhiều cho họ, rồi trả lần hồi, cũng là một cách, vân vân ».

Trong lúc ai nấy cũng xui vua Tự-Đức lấy binh lực để thâu phục sáu tỉnh Nam-kỳ, mà trái lại, cụ Phan thì hiển kế ôn-hòa và có phương-lược như thế, chứng tỏ ra cụ là người chịu hòa ngay từ ban đầu, vốn không có ý gì sanh sự hay là dùng binh đối với người Pháp vậy.

Đến lúc cụ làm quan ở trong triều, ông Tôn-thất Thuyết sanh sự nghịch-thù chống chọi người Pháp luôn, cụ Phan cũng không phụ-họa cản-ngăn hay nói gì tới, nghĩa là cụ không muốn đứng vào phương-diện ấy. Lại như sau khi đã bị cách chức về làng ở, định lấy cái thú điền-viên làm nơi chung lão, không muốn quan-tâm gì đến việc đời nữa. Vì cụ biết rằng : Sự mất nước là tại vua quan mình dở, dân chúng mình hèn, vận-số nước mình đến lúc phải bị hành phạt, vậy thì cuộc bảo-hộ là do lịch-sử đã xếp đặt xong quách đi rồi, mà cũng có thiên-ý khiến vậy, còn cưỡng làm gì nữa. Cưỡng, làm gì có người ; cưỡng, làm gì có sức ?

Cụ vẫn nói với các bạn đồng-tâm rằng : « Phải chi hỏi trước mà vua mình cũng biết thời-thế, biết lo-lắng về việc duy-tân như vua Minh-trị nước Nhật-Bản kia ; bọn quan-lại mình đừng có uơn-hèn khốn-nạn quá, và lại có một số đông người thức-thời chí-sĩ như hạng Nguyễn-trường Tộ, cố sức duy-tân biến pháp, thì làm gì đến nỗi mất nước ». Nay nước đã mất rồi, người ta trở lại đổ tội cho Nho-giáo, nhưng cụ Phan nói không phải tội ở Nho-giáo, mà tại nơi ta học Nho-giáo không phải đường. Nho-giáo gốc ở nước Tàu, mà chính nước Tàu cũng khốn-dốn, ta theo nước Tàu cũng đắm-đuối theo, là vì mình và Tàu chỉ ôm riết lấy Nho-giáo theo phái Châu-tử, cố-chấp, bảo-thủ quá, thành ra trì-trệ mà không tiến-hóa được. Đến lúc

PHAN ĐÌNH PHÙNG

người Pháp qua lấy đất nọ phá thành kia lung-tung, mà sĩ-phu mình còn chưa tỉnh-ngộ. Xem Nhật-Bản kia, họ cũng theo Nho-giáo đó chứ gì, nhưng họ được lợi hơn, vì họ biết cái học-thuyết Vương-dương-Minh phải tùy-thời biến-thống; cho nên đến khi tiếp-xúc với Tây-phương một chút, là họ động lòng tri-bỉ tri-kỷ mà tự-cường tấn-hóa ngay. Bao nhiêu triệu người chỉ vì học sai và cố-chấp hủ-bại, đã té nhào xuống cả rồi, đầu mình cụ có chỉ nang dậy, nhưng lấy sức đầu mà nâng cho nổi.

Song le, cụ không chịu thần-phục người Pháp, là vì cụ đã chịu người Pháp về võ-lực thì thôi, chứ không muốn đem thân ra cho sự « thay nhà đổi chủ » nó làm lụy được mình, dù biết là có ích ngay cho mình cũng vậy. Cụ chỉ muốn tự-cao tự-khiết lấy mình mà thôi.

* * *

Thế sao sau cụ lại khởi-nghĩa.

Đó lại là một vấn-dề khác.

Ta xem như trên kia đã nói, cụ Phan thật là người có chủ-kiến, và tâm-tích của cụ đối với thời-cuộc bấy giờ, thật là rõ-ràng lắm, nhưng sau cụ khởi-nghĩa là vì có hai cơ.

Trước là vì có mạng vua.

Sau là vì có lòng người.

Cái gốc luân-lý dựng nước của ta ngày xưa có ba điều cốt-tử: một là *vua*, hai là *thầy*, ba là *cha*. Ba điều cốt-tử ấy có nặng nhẹ trên dưới khác nhau: vua rồi mới đến thầy, thầy rồi mới đến cha. Vua là một bậc chí-đại chí-tôn, thay quyền Trời để thống-trị chúng-sinh muôn vật. Đã biết có Trời tất phải biết có vua. Đối với vua, hễ ai là người làm dân, cũng phải tôn sùng, vì cho rằng tấc cỏ ngọn rau, miếng cơm manh áo, đều là ơn của vua ban cho, muốn báo đáp lại cái ơn ấy, tất phải tôn vua mới được. Bởi cái quan-niệm

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ấy, thành ra vua bảo gì tôi cũng phải nghe. Ai vâng mạng vua, thì là nghĩa-sĩ, là trung-thần, mọi người đều phải kính; ai trái mạng vua thì là loạn-thần là tặc-tử, người nào cũng có quyền giết chết đi. Sợ giầy luân-lý vô-thượng đó trối những người gọi là « dân » đã chặt, mà trối những người gọi là « quan » lại càng chặt hơn.

Vì sao? Vì quan đối với vua, còn mắc một cái ơn nặng hơn nữa, là vua cho cơm, cho áo, cho phần, cho son; mang cái ơn ấy, tức là mang một món nợ rất to, không thể nào trốn tránh mà không trả được. Đã được vào hạng mang nợ phần son, cơm áo của vua, thì tất phải hiểu cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục; vua nhục, tôi chết* » cho nên hễ vua bảo gì tôi cũng phải nghe, tức là để trả cái khoản nợ phần ấy, son ấy, cơm ấy, áo ấy.

Giữa đời cụ Phan Đình-Phùng, nền quân-chủ nước nhà đang cao, đang thịnh, nhất ban nhân-dân ai cũng thờ luân-lý tôn vua, cụ không được không tôn; hưởng chi cụ lại còn một tầng nặng hơn các người khác, là ở vào bậc người trả mấy đời chịu ơn phần son cơm áo của vua, vậy vua bảo điều chi phải, cụ không được không vâng mạng.

Trong khi đang ngồi xem việc đời, có người đến gọi bảo: « làm ! » mà người ấy lại là ông vua mất thành, mất nước, đang đội gió bụi, nhuộm tuyết sương, vậy theo cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục, vua nhục, tôi chết* », thế nào cụ cũng phải vâng. Lại còn một lẽ già hơn nữa: Sao đức Hàm-Nghi không chạy đi đâu, mà chạy ra hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh, là biết hai tỉnh ấy còn có chỗ nương-dựa được. Sao vua Hàm-Nghi không bảo ai làm, mà bảo cụ, vì biết cụ là con nhà thế-thần, có đảm-lực, có tài-năng, có thể làm được. Ôn tri-ngộ nặng, lòng ủy-thác to đến thế, khiến cụ lại càng phải vâng mạng mà khởi-nghĩa cần-vương.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Mạng vua đến, thế là cái tư-tướng chủ hòa của cụ, đã biến thành ra cái tư-tướng chủ đánh rồi. Đánh được thua, chưa biết đâu, nhưng cũng là để chứng tỏ cho người ta biết rằng : dân-tộc Việt-nam này có sức phản-động và quyết tranh-đấu tới cùng.

Cụ vàng mạng vua, không phải là vàng liều đầu. Khi vua truyền lệnh cần-vương, và khi cụ tâu rằng : « vàng », là trong bụng đã có chủ-trương lắm, đã tìm được chỗ nương-dựa để làm được cái vàng ấy, đã tìm được cái sức mạnh, để làm nổi được cái vàng ấy rồi : chỗ nương-dựa và cái sức mạnh ấy, là lòng người.

* * *

Thật thế, không những vua bảo cụ khởi-nghĩa mà thôi, tới dân cũng bảo cụ cứu-quốc nữa.

Lúc cụ truyền lệnh cần-vương ra, làm rung động lòng người, cho nên nghĩa-sĩ bốn phương đem quân, đem lương, đem nhiệt-huyết về theo rất nhiều. Nội những hào-kiệt ở trong bốn tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, trước kia tản-lạc ẩn-núp ở quanh trong núi đồ rừng xanh, không có ai thống-hợp, mà cũng chưa biết quy-phục ai, thì bây giờ đều dựa theo cái tiếng gọi của cụ Phan mà ra, để nghe cụ chỉ-huy, có cái thế mạnh như cuốn nước, như đổ mưa, làm cho lòng người sôi nổi. Lòng người ấy đang sắp thiềm-thiếp đi, nay giật mình tỉnh dậy. Cho đến những hạng già nua yếu đuối, con trẻ, đàn-bà, không có sức làm gì được, thế mà nghe ba chữ tên Phan Đình-Phùng cũng sinh lòng cảm-động, xót-thương, kính-phục, khẩn Trời vái Phật cho cụ được mã đáo thành công... Cho đến những bọn phò dơi nịnh thế, chỉ biết mưu cuộc giàu sang vinh hiển, còn ra sống chết mặc ai, hề thấy ai có bụng yêu nước thương loài, thì bảo là đồ ngu, đồ dại, sao dám đem sức châu-chấu đá voi, lấy trứng chọi đá

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mà chết ; nay thấy cụ kéo cờ khởi-nghĩa lên, gió bay tới đầu, người theo tới đó, thì chúng nó cũng phải kính-phục khen thầm trong bụng rằng : « Giỏi ». Ấy là ta chưa kể đến những hạng giàu có thừa nay bóp chẹt từng đồng, coi lớn hơn tánh-mạng, thế mà bây giờ cũng rút ruột ra để giúp cụ làm quân-lương. Lại còn những kẻ cùng-đình hạ-tốt, xưa nay không biết vua biết nước là vật gì, bây giờ nghe nói là cụ cách-mạng cần-vương, họ cũng lặn ngòi noi nước, giải nằng giàu sượng, tìm đến nơi để theo phò-tá... Xem những tình-trạng đó, thì biết lòng người tin phục cụ là bao nhiêu !

Bao giờ cũng vậy, nước nào cũng vậy, những bậc minh-quân, anh-chủ, nghĩa-sĩ, anh-hùng muốn đồ được việc lớn, trước hết phải dò xét lòng người, lấy đó làm một thứ khí-giới cốt tử. Hễ đã có lòng người quy-thuận rồi, thì làm gì mới có thể làm nổi. Cụ Phan Đình-Phùng, đã có lòng người tin phục như thế, là đã cầm một thứ khí-giới mạnh trong tay vậy, can chi chẳng làm ?

Nói tóm lại, vua bảo làm đi, dân bảo làm đi, cụ ở giữa, nếu trái mạng vua là người bất trung, trái lòng dân là người vô đồng. Một người vốn trọng căn-bản quân-thần như cụ, không khi nào chịu làm người bất trung ; một người vốn nặng cái tư-tướng quốc-gia như cụ, không khi nào chịu làm người vô đồng. Mạng vua đến phải cảm ; lòng dân đến, lại càng không thể bỏ ; huống chi cả mạng vua, cả lòng dân, như hai cái sức mạnh thiêng-liêng, kéo đẳng trước, đẩy đẳng sau, khiến cụ nhân cảm sinh ra khí, nhân khí sinh ra đồng, bền mạnh-mẽ vàng lời vua sai, dân bảo : « Tôi làm, dầu đến chết cũng cam tâm ».

Thế là cụ khởi-nghĩa.

Từ đó trở đi, trước kia cụ chủ hòa bao nhiêu, thì bây giờ lại chủ đánh bấy nhiêu.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nhưng vậy mà sự-thế lúc ban đầu, bắt cụ phải thua. Thứ nhất là bởi chưa có đất dùng võ. Đang khi thấy thành tan, vua chạy, nước mất, ba cái thảm ấy cùng dồn đến một lúc, khiến cho cụ phải nóng ruột, chớ nên khởi binh là khởi binh, chớ chưa kịp tinh đến thể giữ, mà cũng chưa kịp tinh đến thể đánh. Giữ, mà ở làng Đông-thái của cụ, thì giữ gì được? Phàm dụng binh, tất phải kiếm một chỗ nào hiểm-yếu để đóng trại làm gốc; chỗ đất ấy phải có đường giao-thông cho tiện để chuyên-vận được quân-lương và quân khí, rồi tiến lên thì có thể lấn thêm được đất, lui về có thể giữ-vững gốc mình mới được. Làng Đông-thái thì bất quá cũng như những làng khác, nay đem quân đóng ở đó, gọi là hào là hố, chỉ có mấy cái ao nhỏ, gọi là thành là lũy, chỉ có năm ba bụi tre, nếu như người Pháp đem quân về sớm một ngày nào, mà đặt súng đại-bác nhắm ngay vào, đẩy cho độ mười phút, thì cụ càng sớm thua một ngày ấy, địch làm sao cho được? Huống chi, ngay đến người trong làng, bên cạnh những người biết yêu nước mà theo, lại có bao nhiêu người trở mặt mà xu-thời, tự nhiên đường đất ở trong làng, và việc hành-động của cụ làm sao quân Pháp lại chẳng biết. Vì bằng không vì việc đánh phá mấy làng có đạo, mà quân Pháp về giải-cứu, đến nội cụ thua, thì chậm một hôm nữa, quân Pháp cũng về đến nơi, tức là đại-dồn Đông-thái cũng đến mất. Lại sau khi mất Đông-thái rồi, mà cụ kéo quân đi đánh nay nơi này, mai nơi khác, thế là chưa có căn-bản, tự-nhiên đã có thể thua năm phục ở trong đó rồi.

Thế giữ đã vậy, còn thể đánh cũng không có. Cái thể đánh quan-hệ nhất ở quân-giới. Quân-giới ngày xưa là gươm đao, dáo mác, mà quân-giới đời cụ tuy là đã dùng súng đạn rồi, nhưng cũng là súng đạn phải cho tốt mới được. Thế mà súng đạn của mình hồi đó, nào có ra hồn ra dáng gì: gọi là súng hạt nổ, gọi là

PHAN ĐÌNH PHÙNG

súng bàn-công, công-dụng kém hèn quá ; súng người ta thì bắn mau như chớp và đi rất xa, còn súng của mình thì nhồi mồi mới được một phát thuốc đề bắn, có khi phát thuốc lại hư không bắn được, mà bắn ra cũng không đi được bao nhiêu đường, sức mạnh có khi cũng không đủ giết người được. Quân kháng-chiến của ta lúc ấy, khí-giới chẳng qua chỉ nhiều gươm đao, dù có súng đạn cũng là kiểu cũ đồ xưa, có đánh thì lấy gì mà đánh. Thế đánh cũng không có, tức là phục sẵn cái cơ thua nữa rồi.

Song le, chúng ta đừng tưởng một người có chí-khí anh-hùng như cụ, không biết tới những chỗ đó đâu. Cái cơ tất thua cụ biết trước, vì cụ đã tự biết sức mình chưa có thể đánh, nhưng mà nhân được lúc lòng người đang nô-nức, nóng-nảy, thì phải chụp lấy mà làm ngay. Tức là gặp được cơ-hội thuận-tiện không thể bỏ qua. Nếu chờ cho khi nào dự-bị được đủ các thứ, thì lòng người nguội mất còn gì, bởi sự thế hồi đó, phải ứng thời, chớ không phải là đợi thời được.

Nhưng, cứ lấy binh-lực bằng súng hèn đạn xấu như vậy, cứ lấy cái cơ-sở binh-bồng nay đây mai đó như vậy, mà cụ gượng-gạo cầm-cự được với quân Pháp trong hai năm trời, nghĩa là từ cuối năm 1885 đến năm 1887, mới thua chạy ra Bắc, đủ biết cái sức chống-chọi của cụ cũng khá, nếu không thì chỉ trong mấy tháng là tan-tành ngay.

Đoạn trên kia đã nói rằng : Cụ Phan ra Bắc, cốt đề hiệu-triệu chí-sĩ ngoài Bắc, nổi lên làm thanh-thế cho mình. Hồi đó, phong-trào văn-thân ngoài Bắc cũng lớn lắm, tràn khắp ra hầu hết các tỉnh, thứ nhất là mấy tỉnh Hải-dương, Nam-định, Bắc-ninh, Sơn-tây v. v..., tỉnh nào cũng có một vài người xưng hùng. Nhưng trong đó phần nhiều là giặc cỏ, hoặc là chỉ lấy tà-thuật dụ dân, chớ không được mấy người làm

PHAN ĐÌNH PHÙNG

dùng-lấn ra việc. Và lại không hợp sức với nhau, cho nên súng Pháp chĩa tới đâu liền tan tới đó, chẳng thành ra một thế-lực gì đáng kể. Cụ Phan ra Bắc thấy tình-thế như vậy, lấy làm chán-nản, biết rằng văn-thần Bắc-hà không đủ để cho mình nương-dựa được, bèn giả làm một ông tú-tài nghèo khổ ở Nghệ ra, ngồi dạy học một nhà làm ruộng tại huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây. Cụ ở làng nào và nhà ai, bây giờ không thể hỏi ra được.

Vì lúc bấy giờ, cụ thất-bại mà đi, nhưng quân Pháp vẫn tìm-nã riết lắm, cho nên phải trốn-tránh và đổi tên họ, thành ra ngay đến chủ nhà nuôi cụ ngồi dạy học, có lẽ cũng không biết trong nhà mình có bậc đại-anh-hùng trú chân. Cụ ở Sơn-tây, nhưng vẫn thường có thư từ giao-thiệp với anh em văn-thần ở hạt Đông-triều tỉnh Hải-dương, hồi đó là cái gốc cách-mạng ngoài Bắc, còn có thanh-thế hơn mấy chỗ khác. Song những thư từ giao-thiệp nội-dung thế nào, tôi đã chịu khó mất công sưu-tầm dữ lắm, cũng không thể tìm ra được. Có điều là cứ lấy lý mà đoán thì chắc chỉ là việc cờ-động cách-mạng, và chỉ biết rằng cụ có vật-sắc được một người hào-kiệt về sau cũng nổi lên huyết-chiến với binh Pháp được đến mười mấy năm trời. Người ấy là ông Hoàng Hoa-Thám, tức là ông Đề-Thám. Lúc này, Hoàng Hoa-Thám còn trẻ tuổi, nhưng mà người rất anh-hùng và có khí-khải to, nhân bấy lâu nghe đại-danh cụ Phan, nay dò biết tin cụ ở Sơn-tây, bèn tìm tới đề hầu chuyện. Cụ thấy Thám là người đảm-lược chí-khí nên rất đem lòng yêu-mến. Luôn dịp khuyến-khích Thám nên gấp khởi-nghĩa ở Bắc-kỳ.

Nhưng tình-cảnh cụ Phan lúc này buồn rầu lắm. Vì mục-đích ra Bắc khiến cho cụ nản lòng bực chí, đến đổi một người đang muốn vào sinh ra tử, khuấy nước chọc trời, mà phải bình-bõng thác-tích làm một

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thầy đồ nhà quê, gõ đầu năm ba đứa trẻ, bảo sao không buồn !

Người ta thấy tâm-sự vô-liêu của cụ học-lộ ra ở thi-văn.

Sát-khi hùng-phong của ông tướng hồi nào, giờ lại trở về cái thú ngâm-nga nhân-nhã của nhà nho.

Còn nhớ ngày mồng một tết năm Mậu-tý (1888), cụ có bài thi khai bút như vầy :

流鶯庭外语花枝
Lưu oanh đình ngoại ngữ hoa-chi.
花報春歸人未歸
Hoa báo xuân quy nhân vị quy.
屏嶺百年思日繞
Bính lảnh bách niên tư nhật nhiếu ;
鴻山萬里望雲飛
Hồng-sơn vạn lý vọng vân phi ;
吾家有教根忠孝
Ngô-gia hữu giáo căn trung-liếu.
客地無心怨別離
Khách-địa vô tâm oán biệt-ly ;
佳節是人行樂處
Giai tiết thị nhân hành lạc xứ ;
我逢佳節不勝悲
Ngã phùng giai-tiết bất thắng bi.

Một bạn làng nho đã dịch ra quốc-văn, không theo thể thất-ngôn, mà dịch thành một bài lục-bát như sau đây, tôi tưởng chẳng những đúng nghĩa của nguyên-văn, lại còn có vẻ hay nữa là khác :

« Tiếng oanh non-nĩ sản ngoài,
« Tin xuân về đó mà người ở đâu ?
« Ngàn thu một tấm cò-sầu,
« Non Hồng núi Ngự mây đầu xa xa ?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Hiểu truong là nếp nhà ta,
« Biệt-ly đất khách oán mà làm chi ?
« Tiết vui ai cũng vui vầy,
« Mà ta riêng nổi sầu-bi một mình ?

Ở chương đầu hết, tôi đã nói văn-chương họ Phan chất-phác hồn-nhiên, nghĩ sao viết thế, không ưa bảo-chuốt đẽo-gọt gì ; ta cứ xem bài thi khai bút đó thì biết.

Tuy là văn-chương chất-phác, tâm-sự cùng-sầu, lộ ra trên mấy vần thi, nhưng mà ngoài chỗ ngôn-từ, người ta vẫn nhận thấy chứa-chan trắng-khi nhiệt-trường đối với quân-vương, với gia-quốc.

Gặp phải cảnh buồn thì buồn, nhưng cái chí cần-vương cứu-quốc như đã kết-tinh lại rồi, không có một sức mạnh gì đánh cho tan, đập cho bể ra được nữa.

Ta nên biết với cái thân-thể phiêu-lưu vô vọng như Phan lúc này, nếu một người khác kém sút nghị-lực can-dảm, tất phải sinh ra chán-nản mà nản-chi biến-tâm. Rồi, bằng không mai-danh ần-tánh, cầu lấy sự trong-sạch yên-đàn suốt đời thì cũng tùy thế theo thời, tìm đường ra thú để mưu lấy công-danh sự-sản cho sướng tấm-thân, chớ tội gì đeo-đuôi mãi cái gánh giang-san nguy-biêm ở trên vai cho mệt !

Song, với một người có quyết-làm nhiệt-huyết như cụ, sự buồn-rầu, sự thất-vọng đã không thắng nổi được người, lại còn rèn đúc cho người được gan thêm cứng, khí thêm mạnh. Bởi vậy, cụ suy-nghĩ nếu không nhờ được lực-lượng văn-thân Bắc-hà nổi lên thanh-ứng với nhau thì thôi, ta lại trở về quê nhà, chốn cũ, góp-nhóp tàn-quân, tụ-họp cự-tướng, rồi lại đánh liều vào ra sinh-tử một phen nữa đến chết là cùng.

Cụ bèn quyết kế trở về Hà-lĩnh, thì vừa có mật-thư của Cao-Thắng gửi ra nói rõ sự-tình và mời cụ về

PHAN ĐÌNH PHÙNG

gấp. Túc-khắc cụ sửa-soạn lên đường nội ngay bữa đó, Hoàng Hoa-Thám xin đi theo, nhưng cụ cản lại mà nói :

— Nếu nhà ngươi có chí làm việc lớn, thì ngay ở đất Bắc, không thiếu gì chỗ có thể dụng võ, miễn là phải biết đại-trượng-phu ở đời chớ có ngại gì những bước chông gai, cứ một mực bền gan sắt đá, đến chết mới thôi.

Người ta nói rằng cách ít năm sau, Hoàng Hoa-Thám xưng hùng ở Yên-thế, đương-dầu với Bảo-hộ có trên mười năm, cho tới lúc chết, phần nhiều có chịu ảnh-hưởng kích-thích của Phan trong lúc « lâm-biệt tặng ngôn » này đó.

Việc quan-phòng của Bảo-hộ gắt-gao, đến nỗi Phan không dám đi đường bộ, mặc dầu mau hơn. Cụ phải đi đường biển mà về. Ghe vò tới bến làng Mãn-xá ở chân núi Hồng-sơn, gần chợ Chế thuộc huyện La-sơn.

Cao-Thắng đem quân nghênh-tiếp tại đây. Cụ bước lên bờ, vui mừng cảm-động hiện trên sắc mặt, vờ vai Cao-Thắng mà nói :

— « Nay chúng ta lại có thể đốt cháy ngọn lửa đã tàn, làm tươi nhánh cây đã héo, thật nhờ có sức nhà ngươi lao-khổ kinh-doanh biết mấy ! »

X

NÚI VỤ - QUANG

THẾ là cuộc kháng chiến của họ Phan lại phùng-phùng nổi lên như lửa cháy.

Cao-Thắng đón rước cụ về tạm đóng trên mấy trái núi Trùng-khê, Tri-khê, thuộc huyện Hương-khê. Nghe tin, tướng-sĩ cũ lại quy-tập đông-đảo. Cao-Thắng bầm rở công việc từ khi cụ đi, ông ta ở nhà mưu tính khôi-phục và chế-lạo khí-giới ra thế nào. Lại trình cụ bức mật-thư của người khách lạ năm trước đã đến mách tin cho ông đi cướp được sừng tày về làm kiêu, rồi trao cho ông bức thư này để trình cụ Phan liền khi cụ ở Bắc trở về.

Nghe nói là mật-thư, cụ lấy làm lạ, tưởng là cầm-nang diệu-kế gì đây ; chừng mở ra xem, không tên, không họ, không tháng, không ngày, chỉ vồn-vẹn có 14 chữ viết thật rần-rỏi, là hai câu thi của Viên-Mai, thi-sĩ đời Thành nước Tàu :

*Từ cô giang sơn nhàn bất đắc,
Bán quy danh-sĩ, bán anh-hùng.*

(Nghĩa là : Từ trước non sông nhàn chẳng được ; nửa vì danh sĩ, nửa anh-hùng).

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cụ xem rồi chỉ cười nhạt và xếp lại cất đi, không nói gì hết. Chư tướng không ai hiểu ý của người khách lạ kia muốn nói gì; chỉ cho là một anh đồ gàn nói bậy hay khoe chữ vậy thôi. Hoặc là người ấy muốn khen cụ Phan, hoặc là ngụ ý nói cụ khổ tâm bần chi, nhưng cũng chỉ quanh-quẩn trong rừng núi là cùng không bước ra xa được đâu, vì thiên-mạng và thời-thế đã làm một chuyện dĩ-nhiên mất rồi.

Song ai cũng chỉ phỏng-đoán thế thôi, còn thâm-ý của người kia ra sao không biết; nhất là thủy-chung không chịu nói ra danh tánh, càng lạ kỳ hơn.

Cụ trở về Hà-tĩnh, mới biết rõ nguyên-nhân vua Hàm-Nghi bị bắt là do tên Trương-quang Ngọc báo Tây về bắt ngài. Tức thời cụ điềm binh thân-hành lên tới đất Mọi bắt tên Ngọc ra chém đầu và khám-xét trong nhà nó, thấy một cây bảo-kiếm của vua Hàm-Nghi mà nó lấy trộm. Xa gần, ai nghe việc báo-cứu tuyệt-hận này đều lấy làm hả dạ vui lòng, cho nên hào-kiệt hữu-danh ở tỉnh Hà-tĩnh như Ngô-Quảng, Nguyễn-Cấp, Vũ-Phát, và Thanh-hóa thì Cầm Bá-Thước, v. v., đều đem quân về đê theo cụ sai khiến. Bộ-hạ thêm đông, thanh-thế vang-dậy.

Nhưng nếu bây giờ không sắp-dặt thế nào, mà cứ quanh-quần ở trong rừng núi, nay yên thì ở núi này, mai động lại sang rừng kia, rốt lại tất-nhiên cũng đến thất bại như trước. Vì đó, bây giờ cụ tính cách cho bền thế giữ đã, rồi mới tính đến thế đánh sau.

Cách xa Trùng-khê Tri-khê độ mấy chục dặm, có dãy núi là núi Vụ-quang. Tục gọi là *Ngàn Trươi*, địa thế hiểm-yếu, cụ Phan lựa chọn làm nơi đóng đại-dồn.

Ngàn Trươi, một khu rừng núi thật hiểm-hóc quanh co, và có địa-thế lợi-tiện cho việc dụng binh là nhờ có ba con đường độc-đạo: mặt trước ngo ngay ra đồng bằng, có thể dòm được tỉnh thành Hà-tĩnh, đằng sau

PHAN ĐÌNH PHÙNG

toàn là rừng rậm, có đường-lối bí-mật đi qua đất Lèo mà sang Xiêm ; còn một con đường nhỏ nữa, thì thông suốt qua tới núi Đại-Hàm. Núi này cũng là một chặng núi hiểm-hóc : sơn-mạch liên-tiếp nhau và đột-ngột, khuất-khúc, cứ mỗi trái núi có một khe suối, hai bên bờ khe nào cũng có lau sậy mọc lên cao quá đầu người. Đường lối đi vào rất là gay-go, nếu ai không thuộc thì không tìm được đường vô, thay là vô rồi mà không thuộc địa-thế cũng không biết đường mà ra.

Từ Vu-Quang mãi tới Trưng-khê Tri-khê, dài đến gần một trăm dặm, bây giờ đều có đồn trại liên-tiếp của nghĩa-binh dựng lên. Đồn trại dựng toàn bằng cây bèn-chắc, lấy ngay ở trong rừng, dựa theo thế núi, thế nước mà đóng để cho tiện việc chống giữ, việc ăn uống, cũng là việc chuyên-chở binh-gia lương thực đi lại. Rộng ra đến bốn tỉnh Thanh, Bình, Nghệ, Tĩnh, phàm là miền thượng-du sơn-cước đều rải-rác có đồn-trại nghĩa-binh. Đồn lớn thì một Đề-dốc đóng, còn đồn nhỏ thì một Lãnh-binh.

Cụ chia ra mỗi viên tùy-tướng làm chủ một địa-phương, gọi là một *quân thứ* (nghĩa là chỗ quân đóng). Mỗi một quân thứ ở hạt nào đều lấy ngay tên của hạt ấy mà gọi cho tiện việc tiếp-ứng tư-báo. Mỗi quân thứ đóng ở hoặc một tỉnh, hoặc một huyện, hoặc một tổng, hoặc một làng, tùy theo chỗ đóng binh có quan-hệ đến việc vận lương hay là việc quân-bị thế nào ?

Phan chia nghĩa-quân thống-thuộc trong tay mình ra 15 thứ như sau này :

Khe-thứ (huyện Hương-kê) : **Nguyễn-Thoại.**

Can-thứ (huyện Can-lộc) : **Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Dật.**

Lại-thứ (tổng Lại-thạc) : **Phan Đình - Nginh**
(cháu cụ)

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Bình thú (tỉnh Quảng-bình) : **Nguyễn-Thụ** (ông này là người Thanh-hóa nguyên là tướng cũ của ông Tôn-thất Thuyết, về theo cụ chỉ-huy, nhưng sau có tội, bị cụ chém đầu).

Hương-thứ (huyện Hương-sơn) : **Nguyễn - huy Giao**.

Diên-thứ (phủ Diên-châu) : **Trần-Vinh**.

Anh-thứ (phủ Anh-sơn) : **Nguyễn-Mậu** (ông này đầu Phó-bảng võ).

Nghi-thứ (huyện Nghi-xuân) : **Ngô-Quảng**.

Lễ-thứ (làng Trung-lễ thuộc phủ Đức-thọ) : **Nguyễn-Cấp**.

Cầm-thứ (huyện Cầm-khê) : **Huỳnh Bá-Xuyên**.

Thạch-thứ (huyện Thạch-hà) : **Nguyễn-Thuận**.

Kỳ-thứ (huyện Kỳ-anh) : **Vũ-Phát** (ông này tuy đầu võ-cử, nhưng học văn cũng hay chữ).

Lệ-thứ (huyện Lệ-thủy) : **Nguyễn-Bí**.

Thanh-thứ (tỉnh Thanh-hóa) : **Cầm Bá-Thước** (ông này là tù-trưởng dân Mán ở thượng-du tỉnh Thanh, thường đem một thứ sản-vật rất quý ở bốn tỉnh là ngọc-quế, dâng nạp cụ Phan để bán lấy tiền làm quân-lương khi-giới).

Diệm-thứ (làng Tinh-diệm) : **Cao-Đạn** (núi Đại-Hàm thuộc về trong quân thứ này).

Mỗi quân-thứ như thế, tùy theo địa-thế quan-hệ hơn kém mà đóng quân nhiều hay ít. Quân ấy tuy là bộ-hạ riêng của mỗi ông văn-thân võ-tướng kê tên trên đây, nhưng bây giờ đều ở dưới quyền cụ Phan điều-khiển chỉ-huy. Cụ hạ lệnh nhất-thiết phải mặc một sắc binh-phục, võ-trang y nhau. Lại mỗi quân-thứ phải kén trong quân mình ra hoặc hai chục hoặc ba chục tên kiện-tốt, về đóng ở đại-đồn núi Vu-Quang, gọi là quân túc-trực, phòng khi có việc quân, truyền báo hiệu-lệnh ra cho quân thứ nào, thì sẵn có binh

PHAN ĐÌNH PHÙNG

linh của quân thứ ấy mà sai khiến, vì họ đã thuộc đường lối giao-tiếp với bên-trai, tự-nhiên sự đi về mau lẹ dễ-dàng. Phạm những kỷ-luật trong quân, chính tay cụ Phan thảo ra rất là nghiêm-minh, thi-hành đều các quân-thứ.

Lúc này quân-thứ nào cũng có hoặc từ 100 cho đến 500 quân, còn ở đại-đồn Vụ-Quang, thì lúc nào cũng có 500 quân, toàn là quân tay súng kiêu mớì và luyện tập bắn giỏi hết thảy.

Có 20 tên thân-binh tử-sĩ hầu-hạ luôn ở quanh mình cụ là đại-nguyên-soái, để hộ-vệ và truyền-phát hiệu-lệnh đi các đồn trại. Một viên kiện-trưởng của cụ là Nguyễn-Mục làm thống-tướng đội quân tử-sĩ ấy, cụ Phan đi đâu cũng đi theo từng bước.

Còn vấn-đề lương-thực, là mạch máu của ba quân, cụ cũng sắp-đặt dự-bị cẩn-thận lắm. Dân ở mấy tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, hồi này đã thuộc hẳn ở dưới quyền chánh-phủ Bảo-hộ rồi, người đã phải đóng thuế-thân, ruộng đã phải đóng thuế điền, sự gánh-vác nhiều hơn lúc trước; nhưng cụ Phan lấy nghĩa-lý mà hiểu-dụ cho dân, đại-ý nói rằng: Nghĩa-quân bây giờ cần phải có dân giúp cho về chỗ lương ăn, thì mới có thể yên-ôn bề trong, mà có yên-ôn bề trong, thì bề ngoài mới có thể chống-đỡ với quân Pháp. Cụ không cần lấy của dân nhiều: mỗi mẫu ruộng hàng năm chỉ cầu dân đóng-góp cho nghĩa-binh một đồng bạc mà thôi. Nhân-dân hạt nào cũng vui lòng đóng góp, không lấy sự phải đóng góp hai nơi làm nặng-nề và không ai oán-hận gì cả. Ngoài ra sự đóng thuế, dân làng còn đem sản-vật và lúa gạo lên cung-cấp cho nghĩa-binh làm lương-thực nữa. Xem đó thì biết lòng dân thương-yêu cụ là thế nào? Rất đối có nhiều người vì việc cụ làm mà đến khuy-nh-gia bại-sản cũng cam-tâm. Ấy là không nói gì đến mấy kẻ giàu có biển lận, ngày thường không dám lợi ra

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đồng xu bát gạo nào giúp ai, thế mà bây giờ cũng phải theo gương phần đông và sợ oai-thế của văn-thân, rồi tự đem gạo tiền đóng góp.

Lệ định, tới kỳ thuế thì dân ở địa-phương nào, đem tới chỗ có quân-thứ ở địa-phương ấy mà nạp. Mỗi quân thứ thu được bao nhiêu có vào sổ-sách phân-minh, trừ ra các khoản chi-tiêu trong quân-thứ mình rồi, còn thì phải đem nạp lên đại-đồn. Cụ ra nghiêm-lệnh cho các quân-thứ, không được hà-lạm, không được lược-đoạt tài-sản của dân, không được đung-túng cho thủ-hạ làm một việc gì trái phép.

Ở trong đại-đồn, cách-trữ trữ lương như sau này : đào những hầm-hố to lớn ở đất cao-ráo trên núi, châu-vi mỗi hầm ước độ 30 trượng, trước hết dùng cây khô và cỏ khô chất đầy, đốt lửa cháy lên cốt làm cho đất chỗ ấy cứng lại như đá, rồi sau mới đổ thóc gạo xuống đó. Trên mặt hầm đây bằng những ván cây, lại lấy lau sậy và lá khô che phủ kín-mít, khiến cho không ai biết là chỗ để lương. Dầu địch-quân muốn cướp lương của nghĩa-quân, cũng không biết chỗ nào mà cướp. Từ núi Vụ-Quang đến núi Trùng-khê Tri-khê, cứ cách 3 dặm hoặc 5 dặm, có một chỗ trữ lương như thế. Chỗ nào có hầm trữ lúa thóc, thì cũng có trữ luôn cả những khí-cụ xay lúa giã gạo. Làm vậy để lúc nào quân lính cần dùng gạo ăn, sẵn-sàng có đồ xay giã. Việc xay lúa giã gạo, có riêng một đội quân trông coi gồm những kẻ già yếu, không thể ra trận được ; chức-vụ của họ phải lo ứng-biện gạo củi và đồ ăn cho các trại có đủ luôn luôn.

Trên núi Vụ-Quang, lại có một trường chế-tạo súng đạn đêm ngày. Cách thức chế-tạo cũng theo như cách thức hồi trước Cao-Thắng đã làm, nghĩa là chế-tạo súng kiểu tây, còn tài-liệu để dùng chế-tạo cũng mua của dân làng. Chính cụ đốc-thúc cho thợ làm ngày đêm không nghỉ, hề chế-tạo ra được bao nhiêu, thì

PHAN ĐÌNH PHÙNG

phân-phát đi cho mỗi quân-thứ một ít. Song vì tài-liệu mỗi ngày một biếm-hoi thiếu-thốn, dân làng không lấy đâu được nhiều sắt bư, đồng cũ để cung-ứng cho nghĩa-quân nữa, thành ra việc đúc súng táy cũng bị ngăn-trở và không chế-tạo ra được bao nhiêu. Đã vậy mà nghĩa-quân bởi này lại đông thêm nhiều, cho nên không có súng mới đủ dùng, phải dùng cả grom dáo là đồ khi-giới cũ nữa. Còn thuốc đạn, thì cụ Phan cho người tầm-phúc mạo-hiểm do núi Vụ-Quang đi đường tắt trong núi rừng qua Lẽo rồi sang Xiêm mua về, nhưng cũng vì đường xa hiểm-trở, mỗi lần đi lại như thể lâu-lắc ngày giờ, thành ra đúc đạn, bốn phần là thuốc của ta chế ra, chỉ pha-trộn vào có một phần thuốc mua bên Xiêm thôi.

Tuy vậy, nghĩa-quân lúc bấy giờ đã có thanh-thế mạnh và tổ-chức hẳn-hoi, khiến cho tướng-sĩ Pháp ngó thấy, cũng phải thán khen cái tài dùng binh của cụ Phan. Vì cụ sắp-đặt quân linh có cơ-ngũ, luyện-tập tướng-sĩ có kỷ-luật, lại đến mọi việc quân-lương quân-giới, nhất thiết đều dự-bị có khuôn-phép tử-tế. Nhất là ông đại-úy Gosselin viết cuốn sách « *Empire d'Annam* » có đoạn khen ngợi Đình-nguyên Phan Đình-Phùng có tài kinh-doanh việc quân, biết luyện tập sĩ-tốt theo phép Thái-tây v. v., một chương nói về Cao-Thăng trên kia, tôi đã thuật kỹ rồi.

Hình như hồi giữa năm Kỷ-sửu (1889), Tôn-thất Thuyết ở bên Tàu có viết thư sai người đem về đưa cụ Phan.

Lúc này, Tôn-thất Thuyết vẫn còn sống ở Quảng-tây, chỉ vì nghe tin vua Hàm-Nghi đã bị bắt rồi, thành ra ông ta ở luôn bên Tàu không về nữa. Bây giờ có người trốn sang Tàu đem hết công-cuộc tổ-chức nghĩa-quân của cụ Phan nói rõ cho Thuyết nghe, Thuyết mừng lắm, liền sai tên gia-nhân trung-tín là Trần-Thế đem một bức thư về nước lần-mò tới đại-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đồn Vu-quang đề diện-trình cụ Phan. Trong thư, Thuyết khen tài chí của cụ và phong cụ là Bình-trung tướng-quân. Cái cử-chỉ ấy tỏ ra Thuyết coi mình như còn làm tể-tướng, vẫn có quyền-hành vậy. Thuyết lại nói: Hiện nay trong nước như không có trào-dinh, không có vua chúa, vậy thì nơi tướng-quân khởi-nghĩa có thể coi như nơi trung-khu của nhà nước, tướng-quân cứ tùy-tiện làm việc, chọn người mà dùng, cốt giữ-vững lấy đức liêm-chánh công-bình mà lo-toan việc lớn v. v....

Nhân có bức thư và mấy lời của Thuyết ân-cần như thế, nên chi cụ Phan viết câu liền này dán ở đại-đồn, giữa Nghị-sự-đường :

Liêm bình khâm tướng huấn.

Ưu nhục lẫm thần tâm.

Câu trên có ý tỏ mình vâng lời quan tướng Tôn-thất Thuyết khuyên-răn liêm-chánh công-bình. Còn câu dưới có ý rằng: vua lo tôi nhục, vua nhục tôi chết, nay vua Hàm-Nghi đã bị mất nước tan nhà, ủy-thác việc lớn cho cụ, thì cụ xin sắt-đá một lòng, không bao giờ dám trái, quyết làm cho kỳ thành công hay là đến chết mới thôi.

Dầu sao, cái khi-vị nhà nho cũng vẫn còn. Tuy là hồi này chủ-trương lo-lắng việc võ, nhưng cụ Phan cũng không bỏ việc văn, và không quên cái thú ung-dung ngâm vịnh. Thiệt là một vị nho-tướng. Ở giữa lúc máu sắt ngổn-ngang, ngồi giữa chỗ gươm dao lạnh-lùng, thế mà mỗi khi có chuyện gì sanh tình, sanh cảm, nên vịnh nên ngâm, thì vị nho-tướng ta cũng cứ ngâm vịnh một cách ung-dung nhàn-hạ. Bởi vậy lúc này chính tay cụ viết những thư từ giao-thiệp và soạn ra thi-ca cũng nhiều, nhưng sau thất truyền và tản-lạc đi hết. Hồi năm 1925, kể viết truyện này về tới những chỗ có dấu xưa tích cũ, thăm viếng thờ-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

than, và tìm đến các bậc phụ-lão ở quanh núi Vụ-Quang, muốn đổi bạc trăm lấy một mảnh giấy còn con có bút-tích cụ Phan cũng không có. Còn thi-ca của cụ, các bậc phụ-lão cũng chỉ nhớ sót một đôi bài đọc cho mình nghe mà thôi. Mà gốc tích cũng còn có lắm chỗ đáng hoài-nghi, không chắc. Tức như bài thi dưới đây, người ta nói quyết là bài cụ Phan gởi cho ông Phan Trọng-Muru, sau hồi tiếp thư của Tôn-thất Thuyết, ở bên Tàu gửi về như đã nói ở trên.

Phan Trọng-Muru là anh em đồng-chí, đồng-hương, lại hình như đồng-tộc với cụ Phan, trước đây cũng tu hiệp văn-thân khởi-nghĩa một lúc — giữa lúc chính cụ Phan đang bốn ba lưu-lạc ngoài Bắc — nhưng đến khi cụ Phan ở Bắc trở về tái-tạo cơ-đồ thì ông Phan Trọng-Muru đã thất-bại tan-tành, chạy trốn ra tỉnh Nam-định, rồi Hoàng Cao-Khải đem ra quy-phục chánh-phủ Bảo-hộ. Người ta nói chính hồi ông Phan Trọng-Muru trốn ở Nam-định thì cụ Phan gởi ra bài thi sau đây :

閱閱吾門三世相
Phiệt duyệt ngô môn tam thế tướng,
山河故郡昔年兵
Sơn hà cố quận tịch niên binh.
人從別久思同志
Nhân tòng biệt cửu tư đồng chí,
事到辰艱愧大名
Sự đáo thời gian quý đại danh.
老將誰人稱鏖鏖
Lão tướng thù nhân xưng quắc thước,
儒臣何策誓清平
Nho thần hà sách thệ thanh bình.
徘徊五夜心千里
Bồi hồi ngũ dạ tâm thiên lý,
遙向轅前借一鳴
Đào hường viên tiền tá nhất minh.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Có người dịch ra thể văn lục-bát như vậy :

- « Ba đời khanh-tướng nhà ta,
- « Đạo binh năm trước, sơn hà cõi xưa.
- « Người đồng-chí, nổi tương-tư,
- « Trông thời-thế những, riêng như hổ mình.
- « Nhà nho khôn chước thanh bình,
- « Nhà tài quắc-thước đã đành có ai ?
- « Năm canh lòng những bồi hồi,
- « Xa xa may cũng thấu ngoài cửa viên

Lấy ý mà đoán, bài thơ này tôi nghĩ là của ông Phan Trọng-Mưu gửi cho cụ Phan Đình-Phùng mới phải. Nhưng cứ nghe bao nhiêu người truyền-tung thì bảo là của cụ Phan Đình-Phùng.

Ông Phan Trọng-Mưu lúc bấy giờ đã thất-bại, nhưng chưa ra mặt đầu hàng, hãy còn trốn-tránh một nơi, nghe tin cụ Phan quật-cường tái-khởi thì ông mừng cho hương-quốc mà hồ-thẹn cho mình ông, cho nên cứ xem ý-tử và khẩu-khí trong bài thi, đáng lý là ông Phan Trọng-Mưu than-thở với cụ Phan thì phải hơn. Nhất là câu cuối cùng : « *Dao hướng viên tiền tá nhất minh* » càng rõ-ràng lắm. Nhưng người ta cãi lại, nói rằng điệu thi chất-phác tự-nhiên này chính là cụ Phan, chứ ông Trọng-Mưu đặt thi rần-rời tài ba hơn kia.

* * *

Cùng trong hồi này, ông Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh là Võ-Khoa, với cụ vốn có tình quen biết, lại có lòng kính trọng chí-khí cụ, nhưng ông nhắm thời-thế khó nổi chuyển-văn cứu-vớt gì nữa, nên ông có ý khuyên cụ bãi binh quy-ân là hơn. Có điều ông không dám nói rõ ra, chỉ ngụ ý kín-dáo bằng mấy câu thi gửi bí-mật cho cụ như vậy :

PHAN ĐÌNH PHÙNG

既無夏雨蘇兵火
Ký vô hạ vũ tồ binh hỏa,
安使春風徧沍寒
An sử xuân phong biến hồ hàn.
祇爲吾州遺一愛
Kỳ vị ngô châu di nhất ái,
此回寧負此江山
Thử hồi ninh phụ thử giang san.

Người ta dịch ra lục-bát là :

- « Mùa hè khôn rười lửa nóng,
- « Gió xuân chi để lạnh lòng khắp nơi.
- « Châu ta còn có một người,
- « Lúc này bao nữ phụ lời non sông.

Chắc cụ hiểu ý ông bạn nay đã làm quan với Bảo-hộ mà lại trấn-nhậm tỉnh Hà-tĩnh, chính là quê-hương và chính là địa-phương cụ đang dụng võ, nên cụ đáp ý nguyên-vận đề tỏ ý-chí quyết-liệt của mình :

百年尊社子懷熱
Bách niên tôn xã dư hoài nhiệt,
一片孤忠賊膽寒
Nhất phiến cô trung tặc đảm hàn.
寄語同人知也否
Kỳ ngữ đồng nhân tri dã phủ,
楚王勢力拔河山
Sở vương thế-lực bạt hà sơn ?

Cũng có người dịch sẵn :

- « Chi ta cứu nước đang nóng,
- « Lòng ta trung dũng lạnh lòng địch-quân.
- « Ai về nhắn hỏi đồng-nhân,
- « Sở-vương sức mạnh bạt-sơn bao giờ ?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Bởi ông Võ-Khoa có nhắn miệng người tâm-phúc đem thư, nói cho cụ Phan biết binh-lực của Bảo-hộ hùng-cường ra thế nào, cốt để khuyên cụ đừng chống lại làm gì vô-ích, nên chỉ cụ có câu họa vắn dưới chót đó.

Xen vào câu chuyện, tôi muốn đem một vài bài thi ra như thế, chủ-ý là để chứng tỏ khi-phách tâm-chi của Phan lúc nào cũng cương-quyết-liệt. Ta xem cụ kinh-doanh công-cuộc đề kháng thế kia, tấm lòng sắt đá bày tỏ ra khẩu-khi thi-văn thế nọ, đủ biết cụ ôm vững cái quyết-tâm đã làm thì cứ làm, có thua cũng mặc, đến chết mới thôi, không có ai và không sức nào làm cho lui sợ mà bỏ cái quyết-tâm ấy được.

Hướng chi, giờ đã có căn-bản hiểm-yếu, có binh-lực ít nhiều, thì đâu phải thua cũng còn lâu, chết được cũng còn khó.

*
*
*

Thiệt vậy, quân-thế và binh-lực càng ngày càng mạnh thêm, văn-thân võ-sĩ xa gần kéo về quy-phục đề vâng cụ tiết-chế rất nhiều.

Cụ sai anh em Cao-Thắng, Cao-Nữ hoạt-động ở phía ngoài, đề lo công-việc trừ-biện binh-lương và rèn-tập chỉ-bảo các quân-thứ. Anh em họ Cao đi, gặp binh lính Bảo-hộ sai đi tuần-tiêu ở đâu, tức thời đối chiến giao-phong ở đó, chẳng sợ chẳng lui. Hai họ Cao đã đánh được nhiều trận rất kỳ, đến đổi lính-tập Bảo-hộ biết tài can-dảm thiện-chiến, hễ nghe đạo quân nào là đạo quân Cao-Thắng, thì họ phải dè-dặt, không dám giao-phong táo-bạo. Cao-Thắng là người kiêu-dũng, tài võ-nghe, khéo dùng binh, mà xuất trận bao giờ cũng dẫn mình ra trước sĩ-tốt, chịu xông-pha lửa đạn rất là hăng-hái, ai cũng phải kinh là hổ-trương.

Còn cụ Phan thì cứ đóng yên ở trên núi Vu-Quang, bày nghĩ cơ-mưu, hiệu-lệnh các tướng.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Chánh-phủ Bảo-hộ thấy phong trào văn-thân của họ Phan gây nên tràn-lan to lớn, bèn sai các ông Lê Kính-Hạp, Phan Huy-Quản, Thái Văn-Trung, vân vân, trước sau đến sáu bảy ông kể chân nhau làm Tiểu-phủ-sứ, hiệp với linh-tập và binh tây đi đánh giặc, nhưng trải mấy năm biết bao tổn-kém nhọc-nhân, vẫn không ăn thua gì.

Cụ Phan có tiếng là một ông « *Sơn trung tề tướng* », Nhân-sĩ ở Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, tặng cụ cái huy-hiệu như thế.

CHÂU-CHÂU ĐÁ VOI

T U Y vậy, Nghĩa-quân có binh-lực khá-khá, có súng đạn ít nhiều, là nói với mình, chớ so-sánh với binh-lực khi-giới của quân Pháp, thì bên mười bên một, như chuyện châu-chấu đá voi. Nghĩa-quân muốn bước khỏi căn-bồn rừng núi của mình mà ra ngoài để tung-hoành lớn-lao hoạt-động gì cũng khó.

Nhưng cũng phải nói rằng Bảo-hộ đánh giặc Phan Đình-Phùng cũng hao-tồn mất nhiều ngày giờ, công-phu và tiền bạc, chính mấy ông quan-binh đem lính-tập đi tuần-tiểu hồi đó như ông Đại-tá Gosselin đã nói rõ-ràng.

Quân Pháp đặt ra ba chỗ đóng đại-binh, để vây bọc và tiêu-trừ nghĩa-quân Phan Đình-Phùng.

Thứ nhất là đồn Minh-cầm và đồn Thuận-bài ở mạn sông Gianh (*Linh-giang*) thuộc tỉnh Quảng-Bình. Đồn Minh-cầm là một đồn lớn, lập ra từ năm 1887, giữa năm vua Hàm-Nghi còn ở Quảng-Bình mà bọn cựu-thần như các ông Lê-Trực, Nguyễn Phạm-Tuân, và con của Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Đạm, đang

PHAN ĐÌNH PHÙNG

khởi binh cần-vương, có thế-lực mạnh. Còn ở Hà-tĩnh thì đảng Phan Đình-Phùng.

Đại-úy Monteaux lập đồn Minh-cầm cốt để chống giữ cả mấy phía. Sau vua Hàm-Nghi bị bắt, thì ông Lê-Trực ra hàng, ông Nguyễn Phạm-Tuân và ông Tôn-thất Đạm đều tự-lữ, chỉ duy nghĩa-binh họ Phan ở Hà-tĩnh vẫn còn, cho nên quân Pháp đóng tại Minh-cầm còn thêm ý-nghĩa là cốt ngăn đường sông Gianh không để cho phong-trào kháng-chiến tràn vào đến Huế.

Thứ hai là ở tỉnh-thành Hà-tĩnh và tỉnh-thành Nghệ-an. Hai nơi này, quân Pháp cũng đóng trọng-binh, tức là để bịt đường không cho họ Phan có cách tiếp-tế giao-thông với Bắc-kỳ.

Lại gần ngay bên làng Đông-thái, quân Pháp cũng lập một đồn đóng binh, là đồn Linh-cầm. Đồn này cũng trọng-yếu, vì chặn ngay đầu con đường một mặt lên Ngân-Trươi, một mặt lên Đại-Hàm là nơi căn-bản của họ Phan.

Ấy là mới kể mấy đồn to, còn những nơi xung-yếu khác, quân Pháp cũng có lập đồn đóng binh rải-rác, kể ra không hết.

Lúc này toàn cõi Việt-nam đã vào trong tay Bảo-hộ rồi, còn dư một hai nơi nào chưa chịu phục, như miệt Nghệ-Tĩnh, việc đánh giệp chỉ dùng lính-tập. Một là vì đánh phá những chỗ này không phải như là hạ một tỉnh thành nào; đánh giệp văn-thân, tất phải lặn lội trên đèo, ăn uống cực khổ, lính Pháp không thể chịu được. Và lại hồi đó, xứ Trung-kỳ có dịch-tả phát lên, lính Pháp không phục thủy-thổ nóng-bức mà chết đến ba bốn ngàn người, cho nên Bảo-hộ không muốn dùng tới đại-binh là người Âu-tây đi giệp văn-thân. Còn một lẽ khác, là hồi nói đây cuộc Bảo-hộ đã lập xong cả rồi, các quan võ không được quyền sắp đặt việc chánh-trị trong xứ, chánh-phủ bên Pháp phải

PHAN ĐÌNH PHÙNG

qua một vị quan văn đại tài là Paul Bert (năm 1886) để bố-trị công việc cai-trị, ông không muốn dùng đến sức đại-binh, e làm náo-động lòng người ở bên tây, thành ra chỉ phải mấy vị quan-binh tây làm đầu, đem lính-tập Annam đi đánh giặc văn-thân thôi.

Sự thiệt, nhờ sự huấn-luyện của quan binh Pháp, lính-tập Việt-nam đi trận-mạc giỏi lắm. Họ khoái có mấy mẫu lương-điền, mong được găng mẽ-dai quận-công, và lãnh thưởng phẩm-hàm bổng-lộc kia nọ, lắm phen lính-tập Việt-nam vì Bảo-hộ mà xung-phong đột-trận, lập nên được nhiều kỳ-công tỏ ra lắm can-đảm. Các vị quan binh Pháp cai-quản lính-tập, đều phải ngợi khen họ và lấy làm vừa lòng. Nhất là nhiều khi có việc loạn-lạc giặc cướp gì, thường nhờ có công-trận của lính-tập mà giặc yên được rất mau. Cái kết-quả ấy, thật bởi người Pháp khéo tập-rèn đã đành, mà cũng vì lính-tập thuộc đường-đất, chịu thủy-thờ, và lại cũng có can-đảm nữa. Một vị lão-tướng Pháp đã nói công-bằng như vậy : « Sang chiếm được nước Nam, là công-lao của lính Pháp, mà giặc yên được văn-thân trong xứ, là công-lao của lính-tập ».

Thế là hồi đó nghĩa-quân họ Phan, tiếng là nổi lên cầm-cự với binh Pháp, nhưng kỳ thật là đánh nhau với lính-tập là anh em đồng-loại. Bởi thế cụ thường truyền lệnh cho ba quân rằng : « Hễ khi giao-chiến, có gặp cảnh vạn-bất-đắc-dĩ hãy bắn giết lính-tập, bởi họ là anh em đồng-bào với mình ».

* * *

Có một hôm, các tướng đem binh ra ngoài có việc hết cả. Trong đại-đồn, chỉ duy còn có 20 tên lính thân-binh tử-sĩ, mà trong số 20 tên lính ấy chỉ có 14 khẩu súng mà thôi. Chợt có hơn 100 quân Bảo-hộ, gồm có mấy viên cai đội Pháp, còn thì toàn là lính-tập, do hai viên quan võ quản-xuất, đi tuần-tiêu sắp

PHAN ĐÌNH PHÙNG

tới nơi. Đồn ngoài báo vào đồn trong cho cụ biết, lại nói quân Pháp kéo đến đông lắm.

Cụ nghe báo đã lấy làm lo, chắc hẳn địch-quân do thám thế nào, biết được tướng-sĩ của cụ hôm nay ra ngoài cả, nên quân Bảo-hộ mới dám đưa mình đến chỗ chết như thế. Bây giờ tướng-sĩ không có, khi-giờ không có, thì lấy gì chống cự cho lại, nên cụ đã định tháo di ngô sau núi Vụ-Quang mà trốn tránh. Nhưng có ông lãnh-binh Nguyễn-Mục, là đầu bọn thân-binh tử-sĩ, hầu-hạ ở dưới tướng, bầm với cụ rằng :

— Không nên trốn tránh đi đâu hết. Nay tuy là quân địch nhiều mà quân ta ít thật. Song le quân ta ít mà chiếm được địa-thế, quân địch nhiều mà cho-vơ, vì quân ta ở trên cao, quân địch ở dưới, ta ở trên đánh xuống tất là mạnh lắm. Vậy xin quyết chống, chớ nay lui ra phía sau, thì là bằm vào đất bí, mà đại-dồn không còn ; đại-dồn không còn thì là toàn-quân hỏng mất.

Cụ nghe theo, bèn truyền lệnh cho 20 tên quân ấy, gà gáy một lần thì dậy nấu cơm ăn, ai nấy cũng phải nấu thêm một nắm cơm để phòng buổi trưa ăn. Mỗi tên đem theo 300 viên đạn, chia nhau ra, hoặc 3 người một tốp, hoặc 5 người một tốp, phục ở các chỗ hiểm-yếu, để chờ quân Pháp ; hễ lúc nào nghe tiếng pháo nổ làm hiệu, thì cứ việc bắn ra một lượt. Còn ở trên đỉnh núi, thì cụ sai cấm cờ cho nhiều và đốt lửa để khói lên nghi-ngút, lại sai mấy tên già-yếu chực sẵn ở đó, tảng-sáng là nổi chiêng trống vang động núi non để làm nghi-binh. Một mặt sai người tức-tốc đi ra Khê-thứ lấy quân tiếp ứng.

Quả nhiên, toàn quân Bảo-hộ gồm có 150 tên lính-tập đi tuần-tiểu đến núi Vụ-Quang, nhưng vì tới nơi trời tối, nên chỉ hạ trại đóng binh lại dưới xa, chớ không dám động. Gần sáng họ mới kéo nhau lên, thấy trên đỉnh núi có lửa lập-lòe và nghe có tiếng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

người rầm-ri vắng-vắng. Một là khinh-chiến, hai là tướng nghĩa-quân không hay biết gì mà dề-phòng, thành ra mấy viên quan binh cứ đốc thúc linh-tập chen cây rẽ lá mà leo lên mãi, định xuất-kỳ bất-ý đánh phá đại-dồn nghĩa-quân và bắt sống họ Phan nữa là khác.

Chẳng dè họ vừa leo tới giữa núi, bỗng nghe một tiếng pháo nổ rồi thì trống trận, người reo, mấy phía có tiếng súng bắn nghe đạn bay rào-rào đều nhằm vào họ. Một viên Trung-úy trúng đạn bị thương nặng, thành ra quân Bảo-hộ rối loạn, không biết giặc ở phía nào mà bắn trả. Phục binh càng bắn dữ, Viên Thiếu-úy phải hô quân lui, vì chỉ nghe hình như ba bề bốn phía đều reo, tứ-tung vang động, chứ không biết nghĩa-binh nhiều hay ít, chỉ biết là nghĩa-binh có phòng-bị rồi, nếu tấn lên nữa thì nguy, thành ra lệnh thoái binh vừa truyền, mạnh ai nấy chạy thoát-thân xuống núi. Nghĩa-binh ở trên cao đánh xuống thấp, cho nên ít người mà thắng thế.

Lính Bảo-hộ chạy xuống vừa tới chân núi, thì gặp toán nghĩa-binh tiếp ứng ở Khê-thứ đến nơi. Cao-Thắng dẫn 200 quân ở ngoài về, cũng vừa tới đó; cả hai đội liền hiệp nhau lại mà đánh hăng-hái lạ thường. Lính Bảo-hộ bị đánh dồn một lúc cả trước mặt sau lưng, ngã nằm ngổn-ngang; kỳ dư phải tìm đường đào tẩu, bỏ lại súng đạn và lương thực rất nhiều.

Cụ Phan ở trên đỉnh núi, gõ chiêng phát cờ làm hiệu lệnh để rút binh về, mặc cho linh-tập kia chạy, không muốn rượt theo.

Nghị-sự-đường sáng hôm ấy có tiệc khao-thưởng tướng-sĩ. Cụ Phan cho sự thắng này là do cơ-mưu của Nguyễn-Mục, nên chỉ Nguyễn-Mục được kê làm đầu công.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cao-Thắng nói chuyện rằng : tối hôm trước ông đóng quân ở Diệm-thứ (tức là núi Đại-hàm, do người em ruột là Cao-Nữ làm chủ), cuối canh một đi ngủ, vừa mới chợp mắt thì mộng thấy đại-dồn Vu-Quang phát hỏa lớn lắm. Ông giật mình tỉnh dậy, thấy sao ruột gan nóng bức như thiêu, trong trí rất lấy làm lo ngại, liền đánh thức Cao-Nữ dậy, anh em bàn nhau, đoán rằng đại-dồn tất có việc nguy-cấp, rồi tức thời ông điễm binh đi nửa đêm. Đến núi Vu-Quang chưa sáng thì vừa gặp toán linh Bảo-hộ ở trên núi chạy xuống, ông chặn đường mà đánh.

* * *

Chiều lại, liệu chừng quân Bảo-hộ không trở lại nữa, cụ Phan xuống chân núi xem xét chỗ chiến-trường ban mai, và sai nghĩa-binh lượm xác của những lính-tập và hai viên cai tầy mà chôn vùi tử-tử. Trong cơn đặc ý và động mối cảm-hoài, cụ làm mấy bài thi sau đây, để kỷ-niệm một trận mình thắng là may :

I

Tài phái binh bành hốt phi lai,
Dư tâm vị định chinh bồi hồi.
Trương tiền thỉnh chiến hà nhân giả,
Quả bế thời gian báo tiếp hồi.

Dịch nghĩa :

Vừa phái quân đi giặc đến nơi,
Lòng ta lui tới lưỡng bồi hồi.
Người xin quyết đánh là ai đó ?
Chớp mắt mà ra đã thắng rồi !

II

Sơn cái cao hề, thủy cái thanh !
Mối ư mặc tướng hiền anh linh.
Bất nhiên chúng quả tương huyền thậm,
Hồ đáo khê tiền dĩ thất kinh.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Dịch nghĩa :

Chót vót non cao, nước một màu,
Quý thần ầu cũng giúp ngậm nhau.
Không đứng bên ít bên nhiều thế,
Mà đến đầu khe đã chạy mau ?

Qua hôm sau, cụ lại xuống núi chơi, lúc đi tới một suối nước thấy còn sót tử-thi một người linh-tập nằm ở bờ suối, đầu gục dưới nước, cẳng vắt trên bờ, bất giác cụ mũi lòng nhỏ lụy, trách vấn những người hôm qua sao đi lượm xác chôn cất mà còn bỏ lại cái này. Luôn dịp, cụ khâu-chiếm một bài thi cảm-khái :

Nhĩ tâm nguyên vị lợi danh mi,
Khước hượng khê biên tác tử-thi.
Giám triệt thù nhân ứng tảo ngộ,
Đáo thân tử hậu hối hoàn tri.

Dịch nghĩa :

Chẳng qua danh lợi buộc thân mây !
Đến nỗi bên khe chết bỏ thây.
Trông đó ai ơi ! nên sớm liệu,
Chết rồi có hối cũng ra chầy.

XII

MỘT NGƯỜI ĐÀN-BÀ

Ước bảy giờ, mỗi ngày nào có phiên chợ Trảng (là chợ ở giữa tỉnh Nghệ), người ta thấy một chiếc thuyền con của một người đàn-bà và một đứa con trai nhỏ, từ đâu không biết, chở than lên chợ bán.

Người đàn-bà này, tầm-thước nhỏ thấp, da ngăm-ngăm đen, nhưng không vì thế mà che mất hẳn cái vẻ sáng-láng hồng-bào. Cái vẻ ấy hình như là bị nhiều nắng mưa gió bụi làm mờ đi, chợ nguyên trước hẳn là đẹp lắm. Trạc độ 27 hay 28 tuổi, nét mặt coi rắn-rỏi, mà lúc nào cũng có vẻ buồn-rầu. Đôi lúc không ngờ, người ta trông thấy châu mày lại, thì biết là người này chắc có việc ức-uất gì ở trong tâm-hồn nhiều lắm. Còn đứa trẻ thì mới có 7 tuổi coi ngộ-nghĩnh lanh-lẹ, ai thấy cũng đoán chắc là con nhà thế này thế kia, không phải người thường.

Người ấy là ai? Đứa trẻ ấy là thế nào? Ở đâu? Tuyệt nhiên không có ai biết, vì người ấy không nói gốc-tích và tâm-sự mình với ai, nhưng mà những bạn mua bán quen thuộc ở trong chợ chỉ gọi là cô Tám,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thành ra ai cũng biết tên cô là thế mà thôi; và lại thấy cô chuyên về nghề bán than, thì họ đoán chừng cô hẳn là người ở miệt rừng núi. Họ đoán chừng vậy, nào đã chắc là phải chưa ?

Cô Tâm bán than có tính rất diềm-dạm, ít nói ít cười, chỉ ngồi lăm-lăm suốt ngày, thỉnh-thoảng chơi giỡn hôn-hít đũa trẻ. Duy lúc nào có khách đến hỏi mua than, thì người ta mới thấy cô được nguyên cả mặt, không thì suốt ngày cô ngồi cúi mặt xuống, hình như có dáng nghĩ-ngợi những việc gì khó-khăn lắm. Những người ngồi bán hàng ở bên cạnh, cả một phiên chợ thường chỉ nói chuyện được với cô một đôi câu, cho nên ai cũng cho là người kiêu-ngạo. Nhưng tới khi nào cô hỏi ai một điều gì, thì lại tỏ ra người hết sức từ-tốn, mềm-mỏng, lời nói ngon-ngọt, tiếng nói dễ ưa, thành ra những người biết cô, ai cũng đem lòng quý-mến.

Cái thói đàn-bàn đi chợ-búa của ta, thường xúm lại « ngồi lê đôi mách » với nhau, ai còn lạ gì. Thói thì chuyện chồng, chuyện con, việc nhà, việc cửa, họ khéo kể-lẽ con cả con kê, không sót một điều gì. Nhưng cô Tâm lại khác hẳn. Ai hỏi đến chồng, cô cười; nghĩa là tỏ ý rằng đã có mà cũng chưa. Ai hỏi đến đũa trẻ là thế nào của cô, cô cũng cười : cười một cách khó nói lắm. Ai hỏi đến chỗ ở, cô cũng cười nữa ; cười có ý không muốn cho ai biết mình ở chỗ nào. Thành ra, các bạn buôn bán quen thuộc với nhau, chỉ thấy cô hiền-lành từ-tế thì quý-mến, đũa con trẻ kia khôn ngoan xinh-xắn thì yêu-thương ; không ai biết người đàn-bà ấy với đũa con trẻ ấy họ tên gốc tích ra thế nào.

Một người đàn-bà như cô Tâm thật lạ-lùng khó hiểu. Tính cô ít cười, biếng nói, rất dỗi buồn bán đi về trong chợ, với những người ngồi liền bên cạnh, tối ngày cô cũng không chuyện-văn lấy ba câu ;

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nhưng chỉ có một hạng người ở đâu tới bên cô thì người ta thấy cô bắt chuyện tức thời, mà lại bắt chuyện một cách tỏ ra niềm-nở thân-mật lắm.

Hạng người ấy là linh-tập.

Trên kia đã nói linh-tập nhờ sự huấn-luyện của binh-gia Pháp mà trở nên hạng lính can-dảm thiện-chiến và có công-lao trần-mạc với Bảo-hộ ra thế nào. Về mặt quân-sự, họ đánh là lính giỏi, nhưng về mặt đức-tinh, họ vẫn như người ta. Tự-nhiên có kẻ nên hư, lành dữ phân biệt nhau. Có những linh-tập hiền-lành, tử-tế, đứng-dẫn, biết điều đáo-dễ, song cũng có những linh-tập tánh-khí kỳ-cục, sỗ-sàng, hay ý-mình cậy thế mà làm nhiều cử-chỉ ngang-tàng, ức-hiếp người đồng-loại què-mùa hèn-yếu. Sự đó, những lúc Bảo-hộ mới định ban đầu, xảy ra rất thường, cho nên người mình ba bốn chục năm trước đối với linh-tập, phần nhiều không có cảm-tình, không có hảo-ý. Họ kiêng sợ, nhưng mà họ tránh xa và ghét ngấm. Đến đời ai chơi với lính, họ kể ngay vào hạng người ăn-chơi điếm-đàng hung-dữ, nhất là đàn-bà con gái mà quen biết chuyện-trò với linh-tập, đều bị xã-hội kể cho là hạng trác-nết, hư-thán. Họ vợ đũa cả nắm như thế, không chịu xét giùm bực người nào trong xã-hội cũng có kẻ này người khác.

Cô Tám là người hiền-lành, đứng-dẫn, thừa nay chị em mua bán quen-biết trong chợ vẫn có lòng quý mến kính-trọng cô ; bây giờ ngộ thấy cô quen biết chuyện trò với linh-tập, thì họ trầm-trở chỉ-trở và bàn riêng nói lén với nhau :

— Quái lạ ! Con người như rứa mà tầm-bậy hê !

— Làm bộ nghiêm-trang không hay nói cười trò chuyện với chị em mình, để với mấy ông du-côn đó thì vồn-vã, làm quen. Chị nghĩ coi ở đời tin người bề ngoài, làm chết phải không ?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nhiều bữa, phiên chợ tan rồi, người ta bắt gặp cô Tám mua rượu nem, quà bánh đem xuống ghe và dẫn mấy chú lính-tập xuống ăn uống say-sưa, rồi ngồi chuyện-văn lâu lắm, mới thấy mấy chú ngất-ngưỡng đi lên. Người ta càng dị-nghị gất :

— Nào có ai ngờ !

Hôm sau, có chị xô-xiên theo kiểu hàng tôm, hàng cá, gặp mặt cô Tám thì chào hỏi : « Tôi chào cô cai », hay là « Tôi chào thím quyền ». Tiếng « quyền » ở miền Bắc vẫn thông-dụng để chỉ vào lính-tập.

Kể cười người chê, bản riêng nói lên ra sao, cô Tám biết hết. Nhưng cô vẫn tự-nhiên, điềm-tĩnh như không, hình như chẳng coi sự dị-nghị của thiên-hạ ra gì. Nay chú lính này, mai chú lính khác, cô vẫn nói cười tiếp-dãi họ như thường. Có lúc tiếng cô nói to, người ta còn nghe lóng được đôi chút, có lúc cô thì-thầm nói nhỏ với lính, chẳng ai nghe được tiếng nào, người ta càng nghi.

Nghi thì nghi, người ta đều phải sống-sốt lạ-lùng với nhau, là cô Tám chuyện-văn ân-cần với lính-tập thế nọ, mời lính xuống ghe đãi-dâng trà rượu thế kia, nhưng tuyệt-nhiên không thấy cô ta có vẻ lả-lơi một chút nào, vì họ vẫn rình mò dò-xét cô ta mãi.

Thế cho nên thủy-chung ngoài mặt người ta không hề dám khinh cô Tám. Huống chi bọn buôn bán các nơi, cứ đến phiên chợ cũng đi dò về một ngã sông, thấy bao giờ cô Tám cũng cùng với đứa trẻ con đi, rồi lại cùng với đứa trẻ con về, ngoài ra không hề có tung-tích gì, khiến cho người ta có thể ngờ-vực chê cười được. Thuyền của họ thường gặp thuyền của cô Tám vào hồi gần sáng ở làng Triều-khâu ; không cần phải hỏi, cứ nghe động cô Tám vừa chèo thuyền vừa hát, tự-nhiên họ biết :

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Đòi ta cùng nợ nước non,

« Chàng dà trả sạch, thiếp còn long-đong.

« Bao giờ sông lặng nước trong,

« Bõ người chèo lái đèm đông nhọc nhằn.

Rồi cô lại hát tiếp câu khác :

« Đi đâu lạt-đạt hỏi ai ?

« Mũi tên hòn đạn cho người này theo.

« Lênh-đênh mặt nước một chèo,

« Non sông gánh nặng vẫn đeo bên mình.

Đêm khuya, trời lặng, sông rộng, đồng xa, mà nghe tiếng cô ta hát những câu như thế với cái giọng rất nã-nùng ai-oán, dẻo-dắt thê-lương, dù ai cũng phải rung-động trong tâm-hồn và đoán chừng cô là người có tâm-lự gì đau-đớn lắm vậy.

Trông người cô Tám nhỏ-nhỏ, ẻo-lả bề ngoài, bình như một cơn gió thổi cũng xiêu, thế mà cô có sức rất mạnh không ai dám ngờ. Những đứa du-côn vô-loại, thấy cô hay nói chuyện với linh-tập ở trong chợ như thế, tưởng đâu là con người lẳng-lơ, thành ra chúng bạo-dạn, cũng dờ thối trắng-hoa đang-diểm ra, nói chơi nói gheo. Ban đầu cô làm bình không thêm nói gì, chúng thấy vậy càng được trớn làm già, khiến cho cô không nhịn-nhục được, phải dùng đến võ-lực, đánh cho mấy đứa chạy nhào. Sau chúng kéo nhau đến mấy chục đứa tới trả thù, toan đồ gánh than và đánh cô một trận toi-bời để-rửa thê-diện anh-chị. Nhưng chúng là đàn dê. Vô phước gặp nhằm con cọp cái, có vút nhọn nanh dài. Muốn dạy chúng một bài học, cô Tám lúc nào yêu-điều hiền-lành, bây giờ đứng phắt dậy, tròng mắt tròn xoe, lông mày đảo ngược, xắn gọn-gàng tay áo lên, thách đố cả bọn du-côn ra chõ rộng-rãi, dám đánh nhau với một mình cô thử coi. Người ta thấy cô Tám múa chân múa tay, đông xung tây đột, đánh võ với cả bọn du-côn bao-vây dữ-tợn,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

ghế mà đũa thì lộ dầu, đũa thì chạy trốn, đũa thì té nhào, duy cô đã không bị một vết tích gì, lại sau khi hãì trận, thần sắc coi tự-nhiên như không. Người trong chợ kéo nhau đi xem trận « *nhất nữ chiến quân nam* » thiếu gì ; họ reo cười khen ngợi không ngớt :

— Không ngờ cô hàng than giỏi võ !..

Thấy cô Tám hiền-lành tử-tế, ai cũng mến ra, cho là người đứng-dẫn ; chừng thấy cô hay quen biết đàm-đạo với linh-tập, thì lại cho là người tâm bậy ; đến lúc nghe cô hát mấy câu ai-oán lạnh-lùng kia, thì ai cũng cho là người có tâm-sự chi ức-uất ; tới bây giờ thấy cô có sức đánh mấy chục người đều té nhào, thì cho là nhi-nữ anh-hùng. Dư-luận đối với cô có vậy mà thôi, còn như quê quán, nhà cửa, chồng con và thân thể cô ta ra thế nào, thì vẫn như trên kia đã nói, người ta dò la dò hỏi đảo đẽ, mà không biết cứ là không biết !

Phiên chợ nào cũng như phiên chợ nấy, trong hai năm trời, hễ sáng sớm phiên chợ là thấy cô Tám chèo thuyền đến, chiều hôm tan chợ cô lại chèo thuyền về ; chẳng hề có một phiên chợ cô Tám vắng mặt.

Bỗng dưng đến đầu năm Kỷ-sử (1889) trở đi, ở chợ Tràng người ta không thấy cô Tám bán than đến họp chợ nữa. Bán than còn có người suy-nghĩ : hay là cô Tám về nhà quê ăn tết chưa ra đi chợ buôn bán ; nhưng về sau phiên chợ nào cũng không thấy cô, bấy giờ họ bảo nhau :

— « Thôi chắc cô ả đi theo chú quyền, thầy cai nào rồi ».

Có người đã thấy cô ta giỏi võ, thì đoán cao hơn một chút :

— « Hay là con ấy đi ăn cướp ! »

Không phải vậy. Nhưng mà cũng chưa biết chừng.

* * *

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Hồi đó, là giữa năm Canh-dần (1890).

Cụ Phan Đình-Phùng đã chiếm-cứ xưng hùng ở trên Ngàn Trươi được ba bốn năm, có tiếng là « Sơn-trung Tề-trương ». Quân lính Bảo-hộ vẫn tìm cách tuần-tiểu hoài, nhưng không dám thâm-nhập tới trọng-địa, một là vì nghĩa-quân thanh-thế khá to, quân lính nhà-nước day trở đối phó không kịp, hai là đường lối tấn lên Ngàn Trươi phải trải qua nhiều rừng núi hiểm-trở khuất-khúc lạ thường, e sợ phục-binh đánh úp rất nguy. Vả lại có lắm khu rừng nếu muốn băng qua, phải làm sao có đủ sức chịu-đựng hay là đánh nhau với đĩa, với rắn, với muỗi-mòng trước, rồi hãy nói chuyện đánh với nghĩa-binh sau.

Thiệt vậy, có một khu rừng hiểm nhất, là vì đất sinh-lầy, lội phải lết cẳng, có chỗ ngập tới ngang lưng, mà đĩa sao dày-dầy hơn dòi, con nào con nấy lớn như ngón cẳng, như cổ tay, nó bu lại hút máu một lát, người mạnh đến đâu cũng phải chết xũ. Các quan binh Pháp đặt tên là « *La forêt des Sangsues* », khuyên nhau coi chừng rừng đĩa mà tránh.

Nhờ có hiểm-địa tự-nhiên và đạo binh còn-trùng muôn-muôn ừc-ừc đó, cụ Phan thêm mạnh thanh-thế và có thể đối-chiến được, cố-thủ được lâu ngày.

Tuy là đại-đồn Ngàn-Trươi không bị-xâm-phạm, nhưng các quân-thứ hộ-vệ chung quanh thì nghĩa-binh vẫn thường có nhiều dịp đụng đầu chạm-trán với quân-binh luôn luôn. Nghĩa-binh khéo dùng lối mai-phục đoán-công như kiểu người Abitxini, gọi là *guérilla*, đối chiến với Ý, thành ra bắt buộc lính tráng Bảo-hộ phải ứng-chiến nhọc sức tổn công, mà nghĩa-binh thường vẫn thắng nhiều bại ít.

Hai bên cầm cự nhau luôn sáu bảy năm như thế. Trong khoảng ấy, có một lúc Bảo-hộ lại tính dùng tới đại-binh, nhưng sau e ngại tổn-kém nhiều và nao-động dư-luận bên thượng-quốc nên lại thôi.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Lúc này, muốn cho phong-trào thêm lớn, thực-lực thêm to, cụ Phan thảo một tờ hịch truyền đi các nơi, để khích-dộng nhân-tâm, chiêu-tập hào-kiệt. Tờ hịch trong bài hịch, có đoạn như vậy :

« ... Phùng tôi là người học ít tài hèn, gánh vác
« công việc lớn-lao này, sáu bảy năm trời, chưa có
« làm nên được việc chi rục-rỡ. Chẳng qua chận trước
« vấp sau, lui tới chỉ những rừng núi, thật bấy lâu
« xót dạ đau lòng, không biết lo tính làm sao được.
« Các ông có chí lớn tài to, nếu không muốn đem ra
« cho nước nhà dùng đi nữa, thì cũng nên đem mưu
« lạ chước hay ra dạy bảo cho tôi để cứu lấy sinh
« dân, thì Phùng xin nhả cơm bới tóc (1), sẵn lòng
« nghe theo. Như thế thì tuy các ông ở chốn thảo dã,
« mà cũng có cái công báo nước giúp đời, vậy đừng
« coi việc đó làm thường, nữ ngồi làm thỉnh để ngó
« non nước đời đời, mà chẳng ra tay cứu vớt ».

Tờ hịch truyền ra, bọn sĩ-phu Trung-kỳ càng lấy làm cô-võ, tranh nhau giúp-đỡ cho cụ hoặc mưu-lược, hoặc quân-lương, hoặc dò-xét biết quân Pháp cử-dộng thế nào, đều cho người lên mật-báo để cụ biết trước mà đề-phòng. Kể cái thanh-thế của cụ tới lúc này đã to lớn và vững-vàng ít nhiều, duy có một việc hơi khó lòng, là việc mua thuốc đạn ở bên Xiêm, vì đường sá qua Lào nhiều nỗi ngăn trở, cho nên những người có chức-trách trừ-biện việc này, đi lại rất là khó nhọc, mà lại không mua được nhiều. Phần nào bị Bảo-hộ ngăn đường, thành ra súng đạn của nghĩa-quân vận-tải về thường bị mất luôn. Ấy là một việc cụ Phan lấy làm lo ngại:

* *

(1) Ông Chu-công nước Tàu, làm tướng nhà Châu, hễ có ai đến, ông đang ăn cơm thì nhả miếng cơm ra, đang gọi đầu thì bới tóc lên, để ra tiếp khách, tỏ ý kính-trọng những người hiền-năng vậy. ?

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Một ngày kia Cao-Thắng đang ngồi ở đờn ngoài, cùng chủ-tướng bàn-bạc việc quân, bỗng có một tên lính vào bẩm rằng :

— Ngoài cửa trại, có một người đàn-bà dẫn theo một đứa con trai nhỏ, nói xin vào yết-kiến quan Đổng-Nhung (là chức của Cao-Thắng lúc ấy).

Ông lấy làm lạ, truyền cho vô tức thời.

Người đàn-bà giắt đứa trẻ vào, đứng vái dài một vái rồi nói một cách tự-nhiên :

— « Tôi là con gái ông Hoàng-Phúc (1), chắc tướng quân đã biết. Sau khi cha tôi mất, nhà tôi tan, thân tôi phải lưu-lạc giang-bồ, tìm cách để phục-thù cho cha tôi. Vì tuy tôi là liễu-bồ phận gái, nhưng cũng có hồ-thĩ chí trai, tấm thân không kể bao nhiêu nông-nôi đắng-cay, miễn là cầu vọng cho thỏa được tấm lòng mình ao-rước. Đứa con nhỏ này đây (vừa nói vừa chỉ vào đứa trẻ nhỏ) không phải là con tôi, nó là con riêng một người bạn tôi, cũng một nhà chí-sĩ, tên là Lê-Doãn, trước theo cha tôi đã lập được nhiều công trận, vì anh ta thông-minh và võ-dũng lắm. Cha tôi thương yêu, mà tôi cũng thương yêu, nên chỉ tôi với Lê-Doãn đã ước-hẹn với nhau rằng một mai đại-sự thành-công thì thế nào chúng tôi cũng thành duyên cáng-lệ với nhau ; lời minh-thệ ấy có trời đất chứng giám. Anh ta đã góa vợ, chỉ có một đứa con trai mới 3 tuổi, chính là thằng bé này. Nhưng vì quốc-sự gian-nan, làm cho việc nhân-duyên của chúng tôi giữa đường lỡ-dở chia phối. Nguyên là cách đó chưa được bao lâu anh ta đánh trận bị thương nặng, tự biết không sống được, có viết thư để lại cho tôi, cậy nhờ giao-phó tôi trông nom giùm đứa con bỏ-côi. Không mấy lúc sau, cha tôi cũng chết mất, thân-thể của tôi

(1) Hoàng-Phúc cũng là một nhà cách-mạng ở Quảng-bình, đoạn trên kia đã nói tới.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thành ra lênh-dênh. Không lẽ ra đầu thú với Tây, bởi làm vậy thì trái lòng của cha ; không lẽ đi lấy chồng, vì đối với anh Lê-Doãn, dầu sao cũng đã là chồng tôi rồi ; lại không lẽ bỏ đứa con bờ-cò mà đi đâu, vì cha nó đinh-ninh ủy-thác cho mình, nếu mình bỏ đi thì bấy giờ ai nuôi nó?... Thành ra tôi phải đem đứa con nhỏ này cùng đi trốn. Phải đi trốn, kéo sọt quân Pháp tróc-nã tôi. Đi trốn mà không biết ở vào đâu cho thuận-tiện được cả mọi bề, cho nên tôi phải mua một chiếc thuyền mà ở lênh-dênh trên mặt nước, nay ở chỗ này, mai dời chỗ kia, không biết đâu là định-sở. Trong lưng tôi còn được mấy nén bạc, mới bỏ ra buôn than để chi-độ qua ngày. Tôi cốt buôn than đem lên chợ Tràng bán, là có chủ-tâm gần-gũi giao-thiệp với bọn lính-tập đóng ở Nghệ-an. Tôi giả đồ quyền-luyện với họ, để xúi họ thừa-cơ khởi-nghĩa, hưởng-ứng với nghĩa-binh. Nếu vạn nhất mà việc đó thành-công thì chẳng những nghĩa-binh ở hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình thêm được vây cánh, khi-giới, mà lại có thể mở ra được đường lối đi lại với nghĩa-đảng ngoài Bắc, để trong ngoài ứng-tiếp, chị té em nằng, may ra mới nên được việc lớn...»

Nói đến đây, người đàn-bà ngừng lại một lát để thở dài một hơi, rồi lại nói tiếp :

— « Nhưng mà trời cũng hại tôi, nên chỉ công việc mưu-tính đã gần thành rồi mà lại hư-hỏng, là bởi nhà đương-cuộc Bảo-hộ thấy động liền sinh-nghi, vội-vàng thay đổi toàn lính-tập tôi đang cảm-đồ gần được đó đi nơi khác, mà đem toàn lính lạ ở nơi khác về đóng tại tỉnh Nghệ, thế là khỗ-tâm mưu-tính mấy năm trời bỗng chốc hóa ra « Dã-tràng xe cát »; tôi đau đớn vô cùng. Rồi nghĩ nếu mình cứ quanh-quẩn ở đó mãi, nhắm chừng cũng chẳng nên được việc gì, cho nên tôi phải bỏ đi để tìm kế khác. Vẫn biết cụ Phan và tướng-quân dấy nghĩa lâu nay, tôi rất lấy làm

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hâm-mộ, đáng lẽ trước hết tôi phải lập được một chút công-trang gì, thì mới dám đến xin tướng-quân thâu dụng, may ra tôi cũng có thể làm bổ-ích cho việc lớn được đòi phần cón-con. Nhưng nay điều sở-trúc của tôi đã hỏng mất rồi, không có thể tự mình tìm được việc gì khác mà làm nữa, vậy tôi đến đây tức là đem thân mọn tài hèn, để tướng-quân sai khiến...»

Người đàn-bà nói một mạch từ lúc mới vô đến giờ, Cao-Thắng lắng-lặng ngồi nghe.

Người đàn-bà ấy nào phải ai lạ đâu, chính là cô bán than ở chợ Trảng, người ta vẫn gọi là cô Tám đó.

Cô Tám nói luôn một mạch, kể-lễ tâm-sự, chí-hưong của mình, mà sắc mặt đổi thay mỗi chỗ theo câu chuyện; khi cười chúm-chím, khi khóc sụt-sùi, lúc cảm-khích quá mạnh thì cất tiếng nói lớn như tiếng nổ ở trên không, lúc động-chạm tới tâm-sự thê-lương thì tiếng nói nhẹ-nhàng như hơi gió bay qua trước mặt, khiến cho Cao-Thắng nghe lấy làm cảm-động bùi-ngùi, nhưng ông không khỏi sinh nghi; nghi là kẻ do-thám của Bảo-hộ sai đến. Sau khi cô Tám nói hết tâm-sự rồi, Cao-Thắng không trả lời gì hết, chỉ hét gọi đao-phủ-quân :

— Quân đao-phủ đâu? Bay lời con mụ này ra trước cửa trại mà chặt đầu nó đi cho mau. Nó dám cả gan tới đây bày điều kiếm chuyện để do-thám binh-tình của ta !...

* * *

Cao-Thắng muốn làm bộ ra oai để thử tài thử gan cô Tám vậy thôi, không phải hồ linh chém đầu cô thiệt đâu.

Việc tuần-phòng tra xét ở sơn-trại nghiêm lắm, nếu ai có chút hình-tích hơi nghi là kẻ do-thám thì đã bị bắn chết từ khi mới bước cẳng vô trại ngoài rồi,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

không khi nào được vô tội trạng trong đề yết-kiến quan Đổng-nhung.

Vả lại cô Tám đâu có sợ chết.

Cô Tám tự-nhiên như không, chẳng có sắc mặt gì tỏ ra sợ-hãi hay là hối-hận ; cô chỉ cười và nói :

— Những thứ người mưu hại đồng-bào như thế ở đời cũng có thiệt, nhưng người đó không phải là tôi. Trống-quân có muốn giết thì cứ giết đi, tôi rất vui lòng, lòng dạ tôi thế nào, đã có thần-minh trên cao soi-xét và có người ở dưới suốt vàng biết giùm tôi, tôi không cần biện-bạch làm gì. Miễn là xin tướng-quân thương-xót đưa con bồ-côi này mà chăm-nom dạy-dỗ, tôi đâu có chết cũng được yên lòng nhắm mắt.

Nói đoạn, cô ôm chặt đứa nhỏ hôn-hít và khóc nức-nở. Mấy tên quân đao-phủ vừa toan lôi cô Tám ra hành-hình, thì Cao-Thắng khoát tay mà nói :

— Bay không được vô-lẽ !

Rồi ông bước xuống thêm đỡ tay cô Tám đứng dậy và cung-kính mời ngồi :

— Tôi muốn thử cho biết can-đảm của cô đó thôi. Cô thực là một bực cang-cường nghĩa-khí, tôi rất kính-phục. Nay cô tình-nguyện ra sức với nghĩa-quân tấm lòng quý hóa biết mấy, nhưng còn đứa con trẻ này bạn rợn bên mình thì cô tính sao ?

— Bầm tôi đã có chỗ xử-tri, tướng-quân khỏi lo.

Tức thời Cao-Thắng thân dẫn cô Tám vô đại-đồn yết-kiến cụ Phan, trình bày sự-thê. Cụ Phan còn đang ngần-ngại, chưa biết dùng tài một người đàn-bà vô chỗ nào, bỗng có tiêu-đội nghĩa-binh đi tuần về, báo tin rằng cách xa sơn-trại 30 dặm, có một toán lính-tập lối 30 người do một viên quản-cơ làm đầu, hiện đóng ở trong một cái miếu từ hai bữa nay, không biết là họ có ý cử-động gì.

Cụ Phan chưa kịp suy-tính ra sao, cô Tám chup nói :

PHAN ĐÌNH PHÙNG

— Sẵn có cơ-hội này, xin cụ cho tôi đi bắt toán linh ấy để lập công sơ-kiến với nghĩa-binh, được chăng ?

Cả cụ Phan và Cao-Thắng cùng lấy làm lạ :

— Một thân đàn-bà, cô định dùng kế gì mà bắt nổi cả đám linh trảng con trai như thế ?

— Bẩm cụ, tôi có cách bắt được, mà quân ta không phải hao một viên đạn nào mới hay, chỉ xin giao hẹn đến ngày thứ ba, thì cụ cho mấy chục tên kiện-tốt, mặc đồ giả làm người đi buôn bán và giả làm một tốp nông dân đi lảng-vảng qua trước miếu, hề thấy tôi liếc mắt ra dấu bảo họ ra tay thì họ cứ việc.

Cụ Phan cho đi. Cô Tám từ-giã, tức thời xuống núi. Cô đi về một làng xóm gần đó, mua một cây đòn gánh thiệt chắc, một đôi thùng, chắt đầy rượu thịt quả bánh nhiều thứ, lại sửa-sang mặt mày và trang-diêm cho ra vẻ con người xinh-đẹp mà hơi lảng-lơ, rồi quảy gánh thùng-thăng đi tới chỗ linh-tập đang đóng để bán hàng. Ai lạ gì mấy thầy quyền, phần nhiều là hạng ham ăn ham sắc. Nay thấy có cả « sắc » cả « ăn » đến bên mình, thì mấy thầy khoái « chí tử ». Thịt mỡ đem tới miệng mèo, bao giờ nó chê !

Cô Tám lại khéo làm bộ chai-lơ tình-tử hết hồn, nụ cười tiếng nói rất là có duyên ; cả toán linh xúm lại bu quanh cái gánh của cô, mua rượu, mua bánh tui-tít. Cậu nào thả dọng chàng-màng, ve-vãn, cô cũng niềm-nỡ chiều-dãi như cách đã trao xương gửi thịt cho nhau từ bao giờ rồi vậy.

Đến đôi các cậu mua chác, ai có sẵn tiền thì trả, ai khô xu cạn túi cô cũng bán chịu thả cửa, nói rằng : — « Thầy cứ dùng món gì tùy ý, mai một lãnh lương rồi trả cho em một lần cũng được. Em có phải xem của trọng hơn người đâu ». Mấy tiếng nói đó làm cho thầy quyền nào cũng gần chết mệt.

Qua ngày bữa sau, cô Tám lại gánh rượu thịt tới, bọn linh hết sức vui mừng, xúm lại mua nem rượu

PHAN ĐÌNH PHÙNG

vừa đánh chén, vừa nói chơi, men sắc và men rượu nhập lại, làm cho các cậu say mềm. Cô hàng lại càng chịu khó hầu-hạ chiều-chuộng, thêm vẻ thân-mật hơn ngày hôm trước.

Họ đình-ninh bảo cô ta làm sao ngày mai mua được thịt dê và rượu lậu cho ngon, đem tới đây để anh em ăn uống một bữa cho thiệt khoái chí.

Quả nhiên hôm sau cô Tám gánh tới một gánh thịt dê nấu-nướng đủ kiểu, đủ mùi và một vò rượu thiệt ngon.

Các thầy quyền ta mừng quá, luôn miệng khen cả cô ả này ngoan-nết dễ thương. Rồi họ ngồi lết trên bãi cỏ, cứ năm bảy người làm một tốp, cô Tám dọn một mâm thịt dê, một chai rượu bố. Muốn ngồi đánh chén cho khoan-khoái thông-thả, từ ông quản cho đến các thầy quyền đều tháo hết giấy nịt, túi đạn, bay-don-nết, và gác súng đạn lại một nơi ở trên thềm miếu thổ-thần. Vậy rồi họ ngồi rung đùi uống rượu nhắm với thị dê, chén chú chén anh, vui-vẻ đặc-chí. Lúc ấy, ông trời họ cũng coi như thẳng trẻ con.

Cô Tám day trở hầu-hạ khuyển mời, hết sức chu đáo, xem chừng cậu nào thật là bợn rượu thì cô khiêu-khích cho cậu càng uống già, còn cậu nào nghe chừng không uống được mấy, thì cô lại làm cách khuyển-lơn âu-yếm cho cậu phải vui lòng nhắm mắt mà uống vì cô. Lại gì trong rượu có pha thuốc mê, dầu uống nhiều ít gì cũng mau say lắm.

Chốc lát, cả đám lính đều say như-tử, cặp mắt cậu nào cũng lơ-dờ như sắp chết. Cô Tám biết thời-cơ đã đến nơi rồi, càng ra sức hầu-hạ, nào quạt, nào rót nước, nào nâng-đỡ, cô không ngần-ngại một chút nào.

Giữa lúc đó ở trước cửa miếu, xôn-xao đông người tụ lại. Ấy là dân làng sở-tại, thấy lính ăn uống vui-vẻ chọc ghẹo cô hàng, thì họ cho là sự lạ, kéo nhau lại đứng ngó trán và cười thầm. Ai không biết thói tục

PHAN ĐÌNH PHÙNG

xử mình, hơi có động rạng khác thường chút-xiu, tức thời có người bu lại đông-đầy. Hai chục người tráng-sĩ ở Ngàn Trươi sai xuống, giả làm lái buôn và dân cày, lúc ấy cũng trà-trộn vào trong bọn dân làng, trong mình mỗi người đều có giắt đoản-đao sắc lẹm. Họ chỉ đợi chờ có ám-biểu là xông vào ra tay.

Toán lĩnh đang say mèm, không chú ý gì đến sự người ta xôn-xao đông-đáo, lần hồi các cậu nằm lăn ra trên cỏ mà ngủ, trông như một đồng tử-thi.

Bấy giờ, cô Tám liền tới vỗ-về và quạt mát cho viên quản ngũ thiệt say, một lát cô lên móc được khẩu súng lục của va, rồi chạy ra đứng ngay chỗ chắt súng đạn kia, đưa mắt ra hiệu cho bọn phục-binh bảo họ ra tay. Tức thời, 20 tráng-sĩ xen-lộn trong đám dân làng và trẻ con, rút đoản-đao nhẩy ủa vào hô-hoán vang dậy : « Trói cả chúng nó lại, anh em ! » Bọn lĩnh đang mơ-màng, bỗng nghe la giạt mình, hốt-hoảng vùng dậy, nhưng mà nhiều anh dậy không nổi : anh nào đứng dậy được thì ngó thấy con mẹ bán quà cho mình ăn, đưa súng sáu ra bảo im không thì bắn chết, thành ra không cậu nào dám hó-hé, vả lại hồi này cũng không cậu nào còn sức chống cự gì được.

Tráng-sĩ Ngàn Trươi trói cả mấy chục cậu lĩnh vào một đồng ngồi chồm-hồm với nhau, trơ mắt vừa ngó vừa run. Cô Tám truyền lệnh cho anh em tráng-sĩ chia nhau khiêng vác hết thầy súng đạn và khí-cụ của toán lĩnh đem lên sơn-trại. Ngó mặt bọn lĩnh, cô Tám vừa cười vừa nói cay chua :

— Luôn ba bữa nay, em đem thân chiều-chuộng các ông, chỉ cốt mượn đỡ mấy chục khẩu súng của các ông cho nghĩa-bình dùng đó thôi. Còn thân các ông bây giờ, thôi em rộng lượng tha cho sống sót mà về với vợ con.

Cô Tám nói đoạn rồi đi như bay. Bọn lĩnh ngó theo

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hình như bề gan ói mật, nhưng không biết làm thế nào, khỏi chết là may lắm rồi.

Cô Tám về đại-đồn nạp súng đạn, và bầm rõ đầu đuôi công việc, hỏi toán lính-tập là đồng-bào nên cô suy-nghĩ không nên sát hại hay là bắt họ về làm chi.

Nghe chuyện, cụ Phan cũng phải tức cười, và khen ngợi cô Tám :

— Ai ngờ nhi-nữ mà mưu-mò đảm-lược đến như thế sao ?

Bữa sau, cụ Phan truyền mời cô Tám lên nghị-sự-đường để bàn tính một việc binh-cơ quan-hệ.

Cụ nói :

— Nghĩa-quân hiện nay có một việc thật là khó-khăn, nếu cô sẵn lòng giúp-đỡ cho được thì hay lắm: việc qua Xiêm mua thuốc đạn. Việc này bấy lâu nghĩa-binh vẫn đặt riêng mấy người tâm-phúc ở luôn bên Xiêm, để chuyên về việc mua vật-liệu thuốc đạn, rồi đã có người khác đem về. Song chỉ ngặt vì một nỗi đường sá hiểm-trở quá, đàn-ông đi lại, thường không thuận-tiện bằng đàn-bà, nếu đàn-bà giả làm người buôn bán mà đi, thì giữa đường không có ai ngờ-vực xét hỏi. Có điều là công việc khó nhọc vất-vả lắm, chẳng biết cô có đương nổi được hay không ?

— Cụ muốn bảo tôi chết, tôi cũng dám chết ngay được liền bây giờ, sự khó-nhọc vất-vả có sá kể chi, thưa cụ.

— Vậy thì nghĩa-quân ủy-thác việc ấy cho cô, cô nên vì việc nước hết sức nghe.

— Dạ, đến chết thì thôi !

* * *

Từ đó nghĩa-quân không thiếu thuốc đạn, trước kia chế đạn bằng bốn phần thuốc ta, một phần thuốc tây, bây giờ có thể dùng quá phần nữa là thuốc ngoài đem về. Ấy là nhờ có người bên Xiêm trù-biện giúp cho.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Và nhờ có người đàn-bà là cô Tám giả làm khách buôn bán, mạo-hiêm chuyên-chở về được đến nơi đến chốn.

Khi cô Tám sang Xiêm lần đầu, cô dắt cả đứa con của Lê-Doãn đi theo, nhưng cô để nó ở lại bên Xiêm, gửi người ta nuôi dùm, cho khỏi bận-rộn trở-ngăn công việc. Cô đi đi về về, chuyên-chở thuốc đạn được bốn năm chuyển ; mỗi chuyển được năm bảy ngàn cân, chứ không phải ít. Vì cô khéo sắp-đặt thuê-mướn mấy chục thổ-nhân, gánh vác lên đồi từng chặng, giả như là chuyên-chở hàng hóa theo cách đi đường rừng vậy.

Đến đây, chúng tôi tưởng nên nói ngay về kết-thúc cái lịch-sử của người đàn-bà vô danh anh-hùng này, kéo sau không có dịp nói đến nữa. Cô đi lại chuyên chở thuốc đạn giúp nghĩa-binh được mấy chuyển như thế rồi thôi, sau đó chẳng ai thấy tông-tích cô Tám đâu hết. Có người đoán rằng vì nổi đi đường khó nhọc quá mà cảm nhiễm phong sương, cô Tám sinh bệnh rồi chết ở giữa rừng, giữa núi nào đó không chừng. Có người khác nói tới, sau cô thấy nghĩa-binh thất-bại, cho nên ở luôn bên Xiêm, không về.

Sự thật, chung-cuộc của cô Tám ra sao, hình như không có một ai biết rõ. Con *Thần-long* (rồng thiêng) hiện ra, chỉ thấy đầu chứ không thấy đuôi, tiếc thay!

XIII

VIỆC BẮT TUẦN-PHỦ ĐÌNH NHO-QUANG

MẤY lúc ban đầu chánh-thể Bảo-hộ mới lập, cố-nhiên là Bảo-hộ cần dùng có đám quan-lại và sĩ-phu quy-thuận, đứng làm trung-gian để bày tỏ lợi hại với dân và thâu-phục lòng dân cho dễ.

Thủ-đoạn và phương-lược đi chinh-phục người ta bao giờ cũng vậy.

Trong đám quan-lại sĩ-phu đó, có những người chịu khuất-phục thời-thế, song vẫn giữ tư-cách cao-thượng, lương-tâm trong sạch ; họ biết nhân thời-thế giúp Bảo-hộ mà chở-che, thương-xót, giúp-đỡ cho dân ; trái lại, cũng có những người thấp-hèn, tàn-nhẫn, thì nhân cơ-hội này mà lợi-dụng thế-thần áp-bức dân-chúng, cho được phú-quý tẩm thân, thỏa-mãn tư-dục của họ mà thôi, còn thì sống chết mặc ai, nước non thấy kệ !

Hạng dưới đó làm khổ dân không biết bao nhiêu. Bởi vậy, một đoạn trên kia chúng tôi đã nói việc cách-mạng của cụ Phan có hai nghĩa : trước hết là chống với người Pháp, toan bề khôi-phục nước nhà đã đành,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mà sau là cốt trừ đám sĩ-phu quan-lại người Nam mình hay dựa thời-thế để làm hại dân.

Từ khi cụ khởi binh, thường cướp phá bọn này nhiều, có ý để cho những kẻ khác trông lấy gương đó mà chừa thói ý-thế hại dân đi. Có việc cụ làm thống-khoái nhất là việc bắt tuần-phủ Đinh Nho-Quang.

* * *

Đinh Nho-Quang là người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, có tiếng là một tay danh-sĩ, nguyên trước làm Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh. Sau về hưu rồi, Bảo-hộ vời ra cho sung vào công việc đi tiêu-phủ các đảng văn-thân. Đinh vốn là bạn thân với cụ Phan, nếu không tán-thành việc cụ làm thì cũng nên trung-lập hay là đứng bàng-quan mới, phải, nhưng nay đã ra phò Bảo-hộ mà đánh văn-thân thì thôi, lại còn ra ý khinh-rẻ cụ Phan, và ý thế đi tiêu giặc mà ra tay hành-hạ dân-gian đảo đê.

Đinh có viết một bức thư, khuyên-dỗ cụ Phan ra hàng, lời lẽ rất là ngọt-mạn trong có một câu rằng :

« Ông chỉ nằm bẹp ở trong núi, không chịu ra hàng, « để ban đêm thì làm hùm làm beo, còn ban ngày thì « làm chồn làm cáo, tưởng không phải là kẻ vững « bền được đâu ».

Thế là Đinh có ý khinh-rẻ cụ Phan, coi như giặc cướp, chỉ ban đêm mới dám lộ đầu ra, cướp-bóc đốt phá của dân, hung-hăng như hùm như cọp, còn ban ngày thì sợ-hãi, chui-nhủi trong bụi, trong rừng, như loài chồn cáo, không dám thò mặt ra. Trái lại, văn-thân và nghĩa-binh cụ Phan lúc ấy có đến đối hèn-nhất như thế đâu : nhiều khi ban ngày cũng đối chiến với quân lính Bảo-hộ là sự thường thấy. Còn sự cướp phá của dân thì không hề, chỉ cướp phá bọn quyền-quý tham-ô nịnh-hót thì có.

PHAN ĐỊNH PHÙNG

Bởi vậy cụ Phan cả giận, liền hội các tướng và hỏi rằng :

— Trong các tướng, có ai đi bắt sống thàng Đinh Nho-Quang đem về đây cho ta thì có trọng thưởng.

Ông Cao-Thăng ứng-thỉnh mà nói :

— Tiểu-tướng xin làm việc đó.

* * *

Năm ấy là giữa năm Thìn (1892).

Tuần-phủ Đinh Nho-Quang sau khi về hưu, vẫn giữ chức làm Tiểu-phủ Quân-vụ ở hạt Hương-sơn, hiệp với Lê Kinh-Hạp làm Tham-biện quân-vụ, và một tên Ban-biện là Đạt, thì trông nom việc tuần-phòng trong huyện.

Khắp trong huyện, họ đặt ra đến hai mươi đồn, đồn nào cũng có 30 tên lính-tập đóng, rất là nghiêm-mật. Còn ở nhà riêng của Đinh Nho-Quang, và nhà riêng Lê Kinh-Hạp đều có ba mươi tên lính-tập ngày đêm vác súng canh-phòng hộ-vệ. Ban-biện Đạt thì quản-xuất một đạo binh 50 người đi lại tuần-phòng trong hàng huyện, hết đồn nọ đến đồn kia, suốt cả đêm ngày, cần-thận hết sức. Thế ấy nghĩa-quân có muốn đánh tràn xuống để bắt Đinh Nho-Quang, cũng mất nhiều hơi sức, chưa dễ gì phá được bao nhiêu đồn lính đóng liên-tiếp nhau kia ; mà nói ví-dụ nghĩa-binh có đánh sẵn đến nơi, thì Đinh Nho-Quang cũng tìm đường trốn mất rồi, chắc đâu bắt sống và được ?

Ông Cao-Thăng phải dùng kế.

Hồi ấy là tháng mười. Nhân có một viên Thiếu-úy Pháp dẫn một toán lính-tập chừng 80 tên, ở tỉnh Nghệ đi về tuần-tiểu các miệt rừng núi thuộc về hạt Hương-sơn, chừng năm bữa thì trở về tỉnh Nghệ. Cao-Thăng sai người đi dò la, biết chắc như thế, mừng lắm :

— Ta đã có kế bắt được Đinh Nho-Quang rồi.

Bây giờ sáng sớm hôm ấy, Cao-Thăng lựa chọn

PHAN ĐÌNH PHÙNG

năm tên lính lanh-lẹ, cho mang sắc-phục giống y lính-tập Bảo-hộ, đeo súng tây, vác một lá cờ tam sắc, lên xuống núi, giả làm binh tây, đi khắp các đồn truyền-báo rằng : ngày mai có một ông quan hai dẫn lính đi tuần-tiêu ngang qua, lính đóng các đồn phải ra ngoài cửa đồn bồng súng đứng sấp hàng để chào và để kiểm-duyet, nếu sai lệnh thì bị phạt. Các đồn tưởng thiệt đều vâng lệnh răm-rắp.

Ai nghe nói ông Cao-Thắng cho nghĩa-quân mặc giả y-phục lính-tập và cầm cờ tam sắc, thì lấy làm lạ, vì ông làm gì có những đồ ấy ? Nhưng chúng ta nên biết rằng : Binh-nhật Cao-Thắng vẫn cho quân mình vận đều một thứ sắc-phục gần giống như lính-tập, ngay đến sắc-phục của lính-tập thiệt và cờ tam sắc, thì trong trại nghĩa-quân thường có sẵn luôn luôn, do nơi những trận đánh nhau đã bắt được của lính Bảo-hộ.

Qua sáu giờ sáng hôm sau, quả-nhiên có một toán 100 lính-tập kéo đi ngang các đồn. Đi đầu là một ông quan-binh người Pháp, thân-hình vạm-võ và râu-ria y như người Pháp, ngồi trên một con ngựa trắng, trước mặt có toán lính âm-nhạc, vừa thổi kèn đánh trống, vừa đi rất là oai-vệ. Đi qua đồn nào, thấy lính ở đồn ấy, đã bồng súng ra đứng chào ở ngoài cửa, đợi quân kéo đi rồi mới trở về.

Rồi toán quân ấy kéo ngay tới trước cửa nhà Tuần-phủ Đình Nho-Quang. Ngoài cửa nhà Đình có lập một cái quán nghỉ chân. Toán quân kia kéo vào đó nghỉ. Viên quan võ Pháp sai lấy rượu và bánh ra ăn, còn lính cũng ăn bánh uống nước một cách tự-nhiên như thường không ai ngờ- vực gì hết. Tốp lính canh gác ở nhà của Đình, thấy là bọn mình nên chẳng đề-phòng gì lại có ý vui mừng nữa là khác.

Bọn lính ăn uống xong rồi có hai người là thầy đội,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

lãng-vãng đến trước cổng nhà Đình, lán-la làm quen với mấy tên thủ-hạ Đình và làm bộ hỏi rằng :

— Nhà của ông lớn nào đây mà có anh em ta canh gác như vậy, mấy anh ?

Thủ-hạ Đình nói đây là nhà cụ lớn Tuần-phủ Đình Nho-Quang. Hai thầy đội làm bộ ngạc-nhiên :

— A ! té ra nhà của cụ lớn Tuần...

Đoạn hai thầy đội nói với mấy cậu thủ-hạ của cụ lớn như vậy :

— Chúng tôi trước đóng ở Hà-tĩnh, giữa lúc cụ lớn ở đây đang làm Tuần-phủ tại đó, thành ra chúng tôi đã được cơ-hội ra vô hầu-hạ cụ lớn rất thường. Về sau anh em tôi dời đi chỗ khác, đã ba năm nay, không biết tin-tức cụ lớn ta thăng chức thế nào, nay vì việc quan, may-mắn sao đi qua nhà cụ lớn, vậy anh em làm ơn vô bẩm cụ lớn, cho chúng tôi vô hầu thăm giấy-lát có được không ?

Một tên thủ-hạ chạy vô trong nhà bẩm rõ sự thể, Đình chịu liền. Hai thầy đội rón-rén bước vô vái chào một cách hết sức cung-kính sợ-hãi, rồi vòng tay đứng nói những tình-nghĩa thầy trò cũ. Đình có nhớ đâu được là hai thầy đội này trước có đóng ở Hà-tĩnh không, và đã có dịp đi lại hầu-hạ mình không, chỉ biết là họ có lòng kính-trọng mình mà nhìn-nhận là thầy trò cũ thì cho họ vô nhà đó thôi. Kể ra nịnh-hót, được người ta nịnh-hót là khoái. Trong lúc nói chuyện Đình lên mặt thầy khuyên-nhủ họ nên hết sức giúp nhà nước Đại-Pháp mà đánh giặc lập công v. v..

« Thầy trò » đang đàm-đạo, thì có một tên linh-tập ở ngoài chạy vô sân nói với hai thầy đội :

— Mời hai thầy ra, quận đòi có việc cần.

Hai thầy đội liền bãi-từ Đình đi ra.

Trong lúc đó, tất cả toán linh đi tuần, phân nửa ở ngoài, còn phân nửa đã lọt vô trong vườn của Đình, tốp năm tốp ba, vai vắn mang súng, miệng hút thuốc

PHAN ĐÌNH PHÙNG

lá phi-phà, di bách-bộ trong vườn với nhau để xem hoa, ngoạn cảnh. Thủ-hạ của Đình thấy là lính nhà-nước, thành ra chẳng ngăn-trở và đề-phòng làm gì.

Một lát, một thầy đội trong hai thầy đội vào hầu Đình hồi nãy, lại chạy vô trong nhà vòng tay bắm với Đình rằng :

— Khi hồi anh em chúng con vô đây hầu thăm cụ lớn, quan trên chúng con thấy vắng mặt, nên sai lính tìm-kiếm và hỏi đi đâu, anh em chúng con cũng nói thiệt là đầy-tờ của cụ lớn ngày trước, nay có dịp đi qua nên phải vô hầu thăm, cho phải đạo tới-tờ. Quan trên chúng con nghe tới đại-danh cụ lớn, rất lấy làm vui mừng vì xưa nay ngài vẫn nghe tiếng của cụ lớn lừng-lẫy xa gần. Bởi vậy, ngài còn e ngại, nên sai con vô bắm với cụ lớn hay trước, xem ý cụ lớn có chịu tiếp giờ này không ?

Đình nghe nói là một vị quan-binh Pháp xin vô bài yết mình, còn có gì vinh-diệu và nở mũi cho bằng :

— Được ! thầy ra báo tin trước đi, để tôi ra cổng đón rước quan lớn vô chơi.

Nói xong, Đình hét vang người nhà đầy-tờ mau mau dọn-dẹp bàn ghế, sắp sẵn ly rượu, rồi chỉnh-tề khăn áo ra tận ngoài cổng rước khách. Tội nghiệp, Đình vừa lò-mò ra đến ngoài cổng, thấy có bốn người tráng-sĩ đưa súng ngang trước mũi và hai người khiêng một cái võng, tề-thanh nói lớn rằng :

— Chúng ta phụng-mạng của Phan nguyên-soái, xuống bắt tuần-phủ Đình Nho-Quang điếu về đại-trại, chứ không phải là quân Pháp nào đâu.

Họ vừa nói, vừa xốc ngay Đình mà đặt lên võng khiêng đi, còn bọn lính kia thì ngăn-cản thủ-hạ Đình, không cho ai động-đậy. Đình không ngờ mắc mưu như thế, chỉ nói được một câu : « Giặc nó bắt tao ». Rồi võng Đình đi trước, nghĩa-quân đi sau, rần-rộ kéo đi tự-nhiên, thủ-hạ của Đình sợ-hãi, đều chạy tan

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nát, không ai dám thò mặt ra cứu. Nghĩa-quân đi vừa thối kèn, vừa bắn súng liên-thanh, nhắm ngay núi Vu-Quang trực-chỉ. Trên núi nghe có hiệu súng, lại cho thêm hai đạo quân 200 người xuống núi tiếp-ứng, đề phòng-bị có lính Bảo-hộ phá vây giải-cứu cho Đình chẳng. Đến tối thì nghĩa-quân giải Đình về tới sơn-trại.

Sáng hôm sau, Cao-Thắng dẫn Đình vô nạp cụ Phan. Cụ cho Đình ngồi tử-tế rồi cười và nói :

— Ông cho tôi làm việc nghĩa-cử này là tầm-bậy hay sao ? Các ông chỉ biết lo bảo-toàn vợ-con, nhà-cửa và tước-lộc là sung-sướng mà thôi, tưởng vậy đã đủ làm người cho người ta kính sợ. Sao ông ngu thế ? Tôi với ông có tình anh em đồng học, đáng lẽ nay ông thấy tôi làm một việc gian-nan tiết-tháo như vậy nên giúp-dỡ cho tôi mới phải. Mà nếu có nhát-gan lo chết thì thôi, ta nên giấu mặt đi mà nằm một xó nhà, yên thân cho xong, sao lại đành lòng đi nịnh-hót và bày-mưu lập kế cho người ta để toan làm hại tôi. Đã vậy lại còn viết thư nói xác-xược với anh em cố-giao nữa, ông nghĩ rằng mình ông có thể địch nổi được với quân của tôi sao ? Thôi, thứ người có đầu óc tâm-địa như ông, có nói chuyện nghĩa-lý gì nữa cũng là vô-ích. Bấy lâu làm quan với người Pháp, ông ý thế đề đầu bóp cổ dân mà lấy tiền, nghe nói bây giờ về hưu, giàu có sung-sướng lắm. Vậy thì nên mau mau đem giúp cho nghĩa-binh lấy sáu bảy ngàn đồng đây, rồi tôi tha cho mà về, lời chẳng thêm giết ông làm gì, cho dơ-dáy cả thanh gươm. Ông tự liệu lấy.

Đình hồ-thẹn quá, ngồi cúi mặt làm thinh. Cụ Phan truyền lệnh đem ra ở đồn ngoài, giam lại, giao cho 50 tên quân già yếu canh giữ. Đình vẫn mong sớm tối thế nào cũng có quân-lính Bảo-hộ lên giải-cứu cho mình, nhưng đã bốn tháng không thấy tin tức gì, bởi quân-lính Bảo-hộ cũng không muốn khinh-tấn vô

PHAN ĐÌNH PHÙNG

sào-huyệt của nghĩa-quân vì cái tinh-mạng của một viên tuần-phủ tri-sĩ. Sau bốn tháng, Đình phải viết thư cho người nhà đem lên nạp nghĩa-quân 4 ngàn đồng. Nhưng chưa đủ số nghĩa-quân cho chuộc mạng, thành ra Đình vẫn bị giam. Mãi tới về sau, quân-linh Bảo-hộ đánh phá được đồn ngoài của nghĩa-quân, mới cứu được Đình sống sót mà về.

Việc nghĩa-quân lập kỳ-muru bắt sống tuần-phủ Đình Nho-Quang làm chấn-động dư-luận Nghệ-Tĩnh hồi đó, nhân vậy mà bọn quan-lại xu-phụ thời-thế phải khiếp oai giữ mình, không dám ho-he kích-bác vắn-thân và khinh-thường nghĩa-binh nữa.

XIV

Ô-HỒ CAO-THẮNG

TRONG lúc nghĩa-quân đang có thể mạnh sức to, làm xao-xuyến lòng người và tràn-lan khắp xứ, khiến nhà đương-cuộc Bảo-hộ đang phải nhọc-nhằn lo ngại, không biết có dẹp được không, và bao giờ mới dẹp được ; trong lúc nghĩa-quân đang cần người có trí, có dũng để giúp-dỡ cụ Phan về việc sai khiến tướng-sĩ, liệu-lượng binh-cơ, thì chợt có một cái tang rất đau-dớn, rất thiệt-hại, dòi-dối cả đại-cuộc, rung-dộng cả toàn-quân : cái tang Cao-Thắng tử-trận.

Cao-Thắng là một người có tài to chí lớn thế nào, ai nấy đọc mấy đoạn trên kia đã biết ; nghĩa-quân đang cần phải có ông, đang phải dựa vào ông làm một bức tường thành, bỗng thiếu mất ông đi, tức là nghĩa-quân thiếu mất linh-hồn, kém hẳn thực-lực, không phải vừa.

Hồi đó đã trải năm năm tích-tụ, năm năm dạy-dỗ, Cao-Thắng ngó thấy nghĩa-quân có khí-giới, có lương thực, có công-phu tập-luyện khá rồi, tuy không phải được dư-lực chi, nhưng cũng đủ chống-cự với quân Pháp trong một thời-gian. Bởi vậy ông suy-nghĩ nếu

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mà nghĩa-quân cứ chui-nhũi lẩn-quất ở trong rừng núi mãi, không lẩn bước lên một vài thì đến bao giờ mới chiếm-cứ được một tấc đất làm căn-bản hẳn-hoi để đồ lấy việc lớn. Đã không lẩn được thì làm sao khỏi có ngày phải thụt-lùi, phải hư-hỏng. Vậy thì bây giờ, theo ý ông muốn, nghĩa-quân tất phải kịch-liệt tấn-công một phen thế nào, chớ cứ ở mãi rừng núi như thế này, tuy là đất của mình thật, nhưng bốn phía đều có quân Pháp bao-bọc, siết-cứng lấy mình, thành ra mình không khác chi con chim ở trong lồng, con cá ở trong chậu, vẫy-vùng gì được? Suy-nghĩ vậy rồi Cao-Thăng vào hầu cụ Phan đề bàn về việc tấn-công, huyết-obiển một phen xem sao.

— Ý của ông muốn đem quân ra đi, thì đánh lấy đất nào trước?

— Tôi xin đi đánh tỉnh Nghệ trước.

— Tại làm sao lại đánh tỉnh Nghệ trước?

— Vì quân Pháp đối-địch với ta, lấy tỉnh Nghệ làm nơi căn-bản, đóng quân và tích lương ở đó rất nhiều, một là để chống giữ ta ở mặt Hà-Tĩnh, Quảng-Bình, hai là để chặn đường không cho ta giao-thông thanh-khi với ngoài Bắc. Ngày nay, nếu ta ngồi mà giữ đây mãi, đã chẳng phải là kế cứu-an, mà lấy gì khích-động được lòng người, mưu-toan được việc lớn. Bao nhiêu nghĩa đảng trong nước bây giờ, đều trông-ngóng vào ta mà định bước lui tới; đến có sức khá như ta mà cứ ngồi yên, thì họ cũng không dám động, nay nếu ta động thì tất là họ ùa theo, chắc sẽ bùng lên có thể mạnh lắm. Và chẳng lấy rừng núi làm chỗ sáng-tạo thì được, chứ làm chỗ thủ-thành không xong, vì quân Tây chẳng cần gì đánh ta, cứ bọc-vây ở ngoài trong ít lâu, chẳng cần phải hao-phí một tên lính, một viên đạn nào, có thể khiến cho ta ở trong tuyệt lương bí đường, tự-nhiên lẩn hồi ta phải tan, phải chết. Tiều-tướng dám quyết-đoán rằng thế nào địch-

quân cũng dùng tới cái kế không cần đánh mà rồi thắng trận thành-công như thế đó. Bởi vậy, nghĩa-quân ta phải ra tay trước để mở lấy một sinh-lộ mới được.

— Nhưng nếu ra đánh tỉnh Nghệ, mà Tây kéo quân ở trong ra, ở ngoài vô rồi hai mặt đánh đồ đồn lại, thì tướng-quân lấy gì mà chống cự cho nổi ?

— Điều đó tiêu-tướng đã suy-nghĩ kỹ-càng rồi. Tôi chỉ cần chống-cự với mặt quân ở ngoài Bắc vào, còn mặt trong tôi không sợ. Trong khi tôi tiến binh lên thâu-phục tỉnh Nghệ-an, tôi sẽ xin chủ-soái truyền lệnh cho các quân-thứ đều cử binh một lượt, không cốt gì đánh nhau, nhưng chỉ làm ra bộ lâm-le đánh phá hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh, làm vậy để chia sức quân Tây đi, họ không thể hết tâm-lực đến mặt Nghệ-an được. Và lại, nghĩa-binh ta ra đánh bây giờ, cần phải liều chết mà đánh cho thiệt là thần-tốc, khiến cho địch-quân chẳng kịp trở tay, thì sự đánh hạ được thành Nghệ-an có lẽ cũng là việc dễ. Hễ hạ được Nghệ-an rồi, tức-khắc các đạo quân-thứ ta thừa cái thắng-thế ấy mà trường-khu đại tấn, lên chiếm hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh nữa. Bọn nghĩa-sĩ các tỉnh thấy vậy, tất là họ nức-lòng mà cùng nổi lên tưng-tung, quân Tây có ba đầu sáu tay cũng phải bối-rối. Rồi cụ đem đại-binh đóng ở Quảng-bình đón đường chống-cự với quân ở trong kinh ra, tôi xin ở Nghệ-an để giữ vững mặt ngoài, nếu nghĩa-quân ta giữ chặt được giải đất như thế làm chỗ nương-thân, làm nơi căn-cứ, may ra có thể làm nên việc lớn được.

— Vi-dụ lấy được Nghệ-an rồi mà Tây đem quân do đường thủy tới, thì ông lấy gì mà cự-địch ?

— Việc đó tôi cũng đã nghĩ tới rồi. Bây giờ tôi đã có cách ngăn-giữ không cho quân Tây đem tàu vào cửa biển được.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

— Song quân ta hiện nay còn yếu thế lắm, sợ đi thì có điều bất lợi.

Cụ Phan nói câu ấy, là ý không muốn cho Cao-Thắng đi, nhưng ông nói lớn rằng :

— Đại-trượng-phu đến chết là cùng, chứ có điều chi mà phòng sợ !

Rồi Cao-Thắng năn-nỉ một mực xin đi, cụ Phan phải cho. Vả chẳng, nhân hồi bấy giờ, ở quân-thủ phủ Anh-son tỉnh Nghệ là Nguyễn-Mậu trù-liệu việc quân-lương có hơi chậm-trễ, nên cụ cũng bằng lòng cho Cao-Thắng đi để thu-xếp việc đó luôn thể.

Cao-Thắng bèn chọn lấy một ngàn quân cường-khện, luyện-tập lại cho thật giỏi, theo như binh-pháp của người Tây. Duy có quân-phục thì ông cho mặc toàn sắc đỏ, vì ông lấy nghĩa rằng : phương Nam ta thuộc về Hỏa, còn phương Tây thuộc về Kim, nay lấy hỏa khắc kim nghĩa là lấy lửa nung vàng cho chảy ra, cho nên lấy sắc đỏ làm quân-phục, là để tượng về hỏa vậy. Đối với quân-sĩ, ông chỉ có một cái quân-lệnh rằng : « *hễ at ra trận mà lùi lại thì chém đầu* ». Chính ông ra trận cũng không bao giờ chịu đi sau, bao giờ cũng xông-pha lửa-đạn mà lên trước, khiến cho quân lính đều nức lòng. Mỗi lần đánh nhau mà ông thường thắng là nhờ có cái can-đảm ấy, nhưng kể ra ông cũng khinh, sinh quá. Quân lính xưa nay, không những phục ông là người đại tài mà lại quý-mến ông là người có độ lượng, vì đối với quân lính, ông lấy tình như anh em, khiến họ rất cảm-phục, cho nên lần này ông ra binh, ai cũng vui lòng theo, không ngần-ngại một chút nào.

* * *

Ông chia quân ra làm hai đội : ông và ông Nguyễn-Niên đi tiên-phong, còn em ruột ông là Cao-Nữu dẫn một nửa đi làm hậu-đội, rần-rộ theo đường thượng-

đạo mà kéo đi, trông thẳng tỉnh Nghệ tấn-phát. Con đường từ đó về tỉnh Nghệ có nhiều đồn trại của linh Bảo-hộ đóng để phòng cự văn-thân.

Đi giữa đường gặp đồn nào là Cao-Thắng đánh phá đồn ấy, đánh nhau lâu là nửa ngày, mau là một giờ hay vài giờ đồng-hồ là ông phá được. Ông đã phá được mấy đồn như thế. Trên kia đã có đoạn nói ông Cao-Thắng vốn là người có tiếng anh-hùng, linh-tập Bảo-hộ đều biết, và có ý kiêng-sợ, cho nên mỗi khi họ tuần-tiểu mà gặp quân ông, họ không dám ham đánh lăm, đều gọi ông là « hồ-tướng ».

Sau khi đánh phá mấy đồn rồi, Cao-Thắng kéo quân ngang qua một đồn đó gọi là đồn Nỏ. Trong đồn-chỉ có độ một trăm linh-tập mà thôi. Viên quan coi đội lính này, là một người mình, trước làm chánh quản, sau được thăng-chức làm quan một lon, gọi là quan Một Phiếu. Phiếu nguyên trước cũng ở trong nghĩa-đảng, có cơ-muru lăm, sau ra đầu hàng Bảo-hộ rồi đem thân vào hàng-ngũ, lập nhiều huân-công, thành ra được làm tới quan một. Người Pháp tin dùng Phiếu mới cho Phiếu đóng ở đồn Nỏ là một chỗ hiểm-yếu nằm ngay giữa đường, hễ địch-quân nào có phá được đồn này thì mới có lối đi tới.

Phiếu nghe tin báo rằng ông Cao-Thắng sắp kéo quân đi qua, liền dự-bị cách nghênh-địch. Va tự biết rằng quân mình ít, nếu ra đương-trường mà đánh nhau với quân Cao-Thắng, thì chắc là thua, bèn nghĩ đến cách « hư-hư thực-thực » để đánh ông. Cũng là lúc trời muốn giết ông, cũng là lúc trời không cho việc cách-mạng của cụ Phan gượng-gạo được lâu nữa, nên chỉ đến đây Cao-Thắng bị mắc mưu mà tử-trận. Thương hại thay !

* * *

PHIÊN ĐÌNH PHÙNG

Phiên chia quân ra làm hai cánh : một cánh ở trong đồn nhưng khi quân Cao-Thắng đến đánh thì cứ bình tĩnh như thường, không được nao-động hay cự chiến gì hết, mặc kệ nghĩa-quân cứ việc phá đồn, để chờ cho đến tối sẽ hay ; còn một cánh thì ra mai-phục ở ngoài đồn, cách độ hai ba cây số, hễ lúc nào thấy trong đồn có hiệu riêng là một ngọn đèn sáng ở trên cột-cờ, ấy là lúc trong đồn ra hiệu cho ngoài biết rằng trong đồn bắn ra, thì quân phục-binh ở ngoài mới được bắn vào sau lưng nghĩa-quân Cao-Thắng. Bố-trí đầu đó rồi, Phiên chỉ chờ đạo nghĩa-quân Cao-Thắng đến.

Cao-Thắng thừa được thế thắng ở mấy đồn kia, kéo quân trực-chỉ đồn Nở. Nghĩa-quân đến nơi nhằm lúc xế chiều một chút. Nhưng Cao-Thắng chẳng thấy động-tĩnh gì hết, ban đầu tưởng là quân trong đồn đã sợ mà bỏ đi rồi, sau ông suy-nghĩ cũng còn sợ kể mai-phục gì chẳng, nên không dám cho quân-lính tràn tới, đành phải đóng binh lại, để chờ tình-hình xem sao đã.

Một lát, trong đồn có người chiếu ống dòm ra ngoài. Cao-Thắng lanh mắt ngó thấy, biết rằng lính đồn cố sức giữ, bấy giờ ông mới hô quân đánh đồn. Mấy trăm khẩu súng chỉ thẳng vào đồn mà bắn như mưa rào, mà trong đồn cứ im phăng-phắc, không có một tiếng súng nào bắn ra. Nghĩa-quân hai ba lần muốn xông-pha hãm thành, nhưng rồi lại thôi. Mãi đến trời tối một lúc, thấy trong đồn kéo lên một ngọn đèn cao, rồi thì ở trong bắn ra, Cao-Thắng hô quân nắm rạp xuống đất mà ứng-chiến. Quân trong đồn đều núp chỗ kín, ngó ra thấy ngọn lửa của nghĩa-quân lập-lòe ở chỗ nào, là nhắm theo chỗ ấy mà bắn ; còn nghĩa-quân ở ngoài chỉ bắn phông vô phía đồn, chứ không biết là có tin hay không. Lính-tập mai-phục ở ngoài đồn, thấy hiệu đèn sáng, bắt đầu chĩa súng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

ngay sau lưng nghĩa-quân mà bắn. Nghĩa-quân đang đánh đồn, chợt thấy đằng sau cũng có tiếng súng nổ liên-thình, nghĩ rằng có quân tây ở đâu đến cứu-viện, mà trời tối đen như mực, chẳng biết là viện-binh ấy nhiều ít thế nào, chỉ biết là trước sau đều bị đánh cả, khiến cho lòng quân đã bơi biển-loạn. Cao-Thắng thấy sự thế như vậy, sợ quân-sĩ nếu không quyết tử-chiến thì không xong, ông liền nhẩy lên mà hét lớn :

— « Lúc này chúng ta không đánh mà chết, còn đợi đến bao giờ ».

Tức thời, ông chia quân ra làm hai đội, một đội thì cứ việc đánh đồn, còn một đội quân thì đề cự-dịch với quân mai-phục gọi là quân viện-binh ở đằng sau : Mỗi đội gồm độ 150 người. Vì tiếng là ông đem 1000 binh, nhưng do hai ông Nguyễn-Niên và Cao-Nữu quản-xuất nhiều hơn, và tấn binh do đảng khác, chưa hội-hiệp nhau. Chính ông Cao-Thắng thúc-giục quân lính xông tới bãm đồn, và tự ông xông-pha-lên trước, thành ra bị một viên đạn ở trong đồn bắn ra, trúng ngay bên bụng, ông liền ngã ra. Quân-sĩ thấy ông chủ-tướng bị đạn rồi, không ai dám ham đánh nữa, mau mau rút đi, hiệp với đạo quân sau vừa đánh vừa lui. Quân trong đồn và quân mai-phục ở ngoài, biết nghĩa-quân chạy lui, tuy họ trông ra không thấy gì hết, nhưng cứ bắn phóng theo, làm cho nghĩa-quân trúng đạn chết nhiều. Có điều là lính-tập trong đồn, ngoài đồn tuyệt-nhiên không biết là Cao-Thắng bị đạn mà nghĩa-quân tháo lui

Nghĩa-quân cũng ông Cao-Thắng chạy mãi đến mấy chục dặm, mới tạm đóng binh ở trong một làng gần bên núi để lo cứu chữa thương tích cho ông. Lúc bấy giờ ông hãy còn sống, nhưng mà bị đạn trúng vào mạng-mỡ, đau lắm, đến đổi mê-mán, không nói được câu gì nữa. Quân-sĩ dùng hết mấy món thuốc cứu thương đem theo, và lại lái lá này lá kia để rịt chỗ

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thương-tích, nhưng cũng vô-công-hiệu. Cao-Thắng nắm mê-man thiêm-thiếp sau mấy giờ đồng-hồ, bỗng đứng thấy ông mở mắt ra nhìn quanh chur-trương, nước mắt tràn xuống hai bên gò má, thở dài mấy tiếng rồi mất. Ngày ấy chính là ngày tháng 10 năm Quý-tị (1893), ông mới có 29 tuổi. Than ôi ! Trời xanh không tựa, tuyết đấng anh-hùng, hòn đạn vô tình, giết người chiến-sĩ. Thảm thay !

Tin dữ báo gấp đến Ngàn Trươi, cụ Phan khóc lóc kêu gào rất là thảm-thiết :

— « Trời hại tôi ! Ông Cao-Thắng ôi ! Trời hỡi trời ! »

Tức thời cụ truyền lệnh phải đem di-hài ông lên Ngàn Trươi để làm lễ an-táng. Cụ dự-bị việc tang rất là trọng-thể.

Ba ngày sau, quan-tài Cao-Thắng chở về đến đại-doanh, cụ Phan mặc áo trắng ra đón tận cửa ngoài, hai tay vỗ vào quan-tài mà gào khóc, gần muốn đứt hơi té xỉu. Trưong-sĩ cũng khóc như mưa, vì không ai không thương-tiếc Cao-Thắng.

Quan-tài đặt giữa Nghị-sự-đường, chur-trương cắt phiên nhau ngày đêm tay cầm gươm trần đứng thị-kinh hai bên. Chính tay cụ Phan viết hai câu ai-liễn đề thờ :

CÂU THỨ NHẤT

Vị tiếp tiên tử, thiên ý vị hà,
Hữu-chí phát thành, anh-hùng dĩ hĩ.

CÂU THỨ HAI

Công cầu tất thành, kích tiếp thệ tảo thanh
quốc-tặc,
Sự nan dự liệu, cứ yên tích dĩ thiểu tư nhân.

Hai câu liễn đều có tình-lý lâm-ly thống-thiết. Đại ý cụ than khóc rằng ông Cao-Thắng theo cụ ra khỏi

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nghĩa-binh từ lúc đầu, có chủ-tâm quyết thắng để khôi-phục cái quyền độc-lập của nước mình, nay không ngờ chí lớn của ông chưa thỏa, công-nghiệp định làm chưa thành, mà trời đã vội cướp người anh-hùng đi, không biết rằng ý trời nghĩ ra làm sao ! Cụ lại có ý than-tiếc ông Cao-Thắng là chân-tay của cụ, cụ dựa-nương trông-cậy ông được nhiều công việc, nay không dè đâu ông đã sớm chết, làm cho dưới trướng của cụ, thiếu mất một người có tướng tài, thật là đau đớn.

Cụ Phan sai ông Võ-Phát (tục gọi là Bang-Nhu, đóng quân ở hạt Kỳ-anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại Kinh) soạn một bài văn-tế bằng quốc-âm.

Chính ngày đại-táng, cụ Phan thắp nhang thân tế ông Cao-Thắng ba tuần, rồi đứng đó bưng mặt lại khóc hu hu, làm cho tướng-sĩ ba quân cảm-động quá cũng phải khóc theo, vang động một góc núi non. Nhất là những người lính đi đánh trận với ông được sống sót trở về, càng xót-thương gào khóc lớn. Họ nói ông Cao chết oan, chết uổng, chết thay thế cho họ, vì nếu ông đừng xông-pha ra trước sĩ-tốt thì viên đạn ác-nghiệt kia có phải về phần ông đâu !

Bài văn-tế cụ Phan thân tế Cao-Thắng như sau này :

« Than rằng :

« Thanh bửu-kiếm mười năm sẵn có, đấng anh-hùng dúi-mài mãi chưa thôi.

« Ấng nhung-trường một phút như không, con tạo-« hóa ghét-ghen chi lắm thế !

« Nghĩa đồng-ru tưởng lại lưỡng đau lòng,

« Tình vãng-diệu nghĩ càng thêm rơi lệ.

« Nhớ Tôn-linh :

« Hào-kiệt ấy tài,

« Kinh-luân là chí ;

« Vén mây nửa gánh giang-san.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Võ cánh bốn phương hồ thi,
« Gặp quốc-bộ đang cơn binh-cách, nghĩa giúp vua
« chung nỗi ân-ưu,
« Bỏ gia-dình theo việc hung-đao, lòng đánh giặc
« riêng phần lao-tụy ;
« Địa-bộ muốn theo dòng Nhạc-mục (1), thét hung-
« bảo từng ghê trận oai-linh,
« Thiên-tài toan học chước Võ-hầu (2), chế súng đạn
« biết bao chừng cơ-tri ;
« Ôn quân-trưởng Đồng-nhung vàng mạng, cầm ấn
« quan-phòng,
« Trước triều-đình Chưởng-vệ gia phong, kéo cờ
« tân-chế ;
« Những chắc rằng : ba sinh có phước, hăm-hử
« mài gươm chuốt đá, chi kuông-phò không phụ với
« quân-vương,
« Nào ngờ đâu ! một sớm không chừng, mơ-màng
« đạn lạc tên bay, trường chiến-đấu biết đâu là số-hệ ;
« Trong ba kỷ (3) xuân thu tuy chữa mấy, trên yên
« ngựa đòi phen roi thét, trọng cương-thường quyết
« mở mắt nam-nhi.
« Ngoài mười sương, sự-nghiệp biết chừng nào,
« trước cửa viên bồng chốc sao sa, thu linh-phách vội
« cướp công trảng-sĩ,
« Non thiên-nhận phất-phơ hơi gió thổi, thương
« người tiết-ngĩa ngậm-ngùi thay,
« Nước tam-thoả thấp-thoảng bóng trăng soi, nhớ
« kẻ trung-trình ngao-ngán nhỏ.
« Thà chết nữa song tay địch-khái (4) theo về tổ-
« phụ ấy cùng vinh.

(1) Nhạc-Mục : Nhạc Vô-mục-hầu, tức là Nhạc-Phi đời nhà Tống.

(2) Võ-hầu : Gia-Cát Không-Minh đời nhà Hán, phong Vô-bương-Hầu.

(3) Mỗi kỷ là mười năm, đây nói là ông chưa tới 30 tuổi.

(4) Câu này nói ý cũng là một chết, nhưng nếu ra cương-trường đại-chiến với người Tây mà tử-trận, thì vong-linh ông được thỏa hơn là chết vào tay một người đồng-bào, làm cách gà chuồng bởi mặt đá nhau.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Kia sống như mấy kẻ hàng-di, ở với tinh-chiến
« càng thêm bậy.

« Nay nhân :

« Chung thất tới tuần,

« Thúc-sò dăng lẽ.

« Chén rượu thoảng bay mùi chánh-khi, trước đình
« đều đủ mặt quan-liêu.

« Nén hương nghi-ngút khói bạch-vân, dưới án đưa
« chen hàng cơ-vệ.

« Chua xót thay, hai già tuổi tác (1) ngọt bùi cạy
« tay em thay đỡ, khối thâm-tình chưa thoát cõi
« hoàng-tuyền.

« Cảm cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công
« vợ dạy nuôi, may di-phúc (2) lại nầy ngành đản-quế;
« Tinh-hồn ví dầu thanh-sáng, hộ phen này cho
« tướng mạnh quân bền.

« Linh-hồn nếu có khôn-thiêng, rồi ngày khác lại
« sắc phòng điện tế.

« Thôi ! thôi !

« Cửa tia lâu vàng đánh kẻ khuấy, đem thân bách
« chiến, để tiếng thom cho tổ mặt anh-hùng.

« Súng đồng grom bạc mặc người còn, truyền lệnh
« ba quân, hét hơi mạnh để xây nền binh-trị.

« Thương ội là thương,

« Kê sao xiết kê.

* * *

Mãi đến mười mấy hôm sau, quan quân Bảo-hộ mới biết tin Cao-Thắng chết. Bảo-hộ cũng biết Cao-Thắng chết là cái thực-lực của cụ Phan có giảm đi, nên chỉ càng ra sức tuần-tiểu hơn trước.

Quả nhiên, ông Cao-Thắng mất đi, thật là làm tổn thanh-thể của cụ Phan, hèn chi cụ khóc rằng : « trời hại tôi » là phải.

(1) Ông hấy còn cha mẹ.

(2) Khi ông tử-trận, thì bà vợ đang có thai.

HOÀNG CAO-KHẢI

CAO-THẮNG tử-trận, cụ Phan kêu trời khóc lóc thảm-thương là phải. Tôi được gặp một ông già trên 70 tuổi, chính là một người lính trong đội thân-binh tử-sĩ, sớm tối hộ-vệ cụ Phan lúc đó, thuật chuyện rằng chính mắt ông được thấy rõ-rõ nửa tháng, bất cứ lúc nào chạnh nhớ đến Cao-Thắng là cụ khóc lúc ấy. Sự cảm-thương quá độ làm cho cụ mất ngủ quên ăn, không mấy bữa mà mặt võ mình gầy, khí-sắc tiêu-tụy trông thấy. Chư-tướng phải thay phiên nhau chăm-nom khuyên-giải mãi, cụ vẫn không nguôi cơn nhớ-thương phiến-não !

Nghĩ lại cũng không lạ gì. Bởi người anh-hùng tráng-sĩ đó có chỗ ý trọng cần dùng cho cụ như là chân tay đối với thân-thể, không sao thiếu được ; chẳng những vì Cao-Thắng là người trí-dùng ít có mà thôi, lại chính là nhà kỹ-sư, một tay giám-đốc chế-tạo súng đạn là món cần nhất ; mấy ngàn tướng-sĩ trông cậy vào đó, trọn cả phong-trào đê-kháng quan-hệ ở đó. Nay bỗng dưng người ấy mất đi, đáng thương tiếc là một tướng tài đã đánh, mà kiếm người thay thế còn có ; chứ

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đáng thương tiếc là một kỹ-sư quân-giới thì nhiều hơn, mà lại không có ai thay thế nổi. Như vậy bảo cụ Phan không khóc thương sao được ?

Huống chi cụ vẫn tự nghĩ mình tuổi cao sức yếu, tính-mạng còn mất chẳng biết đâu là sớm chiều, trong tri định sẵn một mai phó-thác đại-sự cho Cao-Thắng cũng như ngày xưa Khổng-Minh phó-thác công việc phục-hưng Hán thất cho Khương-Duy vậy. Nhưng đang kia Khổng-Minh còn may phó-thác cho Bà-ước được ít năm, còn đầu này một người đang cường-khiện thanh-xuân lại bị số-mạng rước đi về trước một ông già đã da mồi tóc bạc. Đó là một lẽ khác, khiến cho cụ Phan càng thêm thương khóc Cao-Thắng.

Cây cột cái của tòa nhà đổ mất, làm sao tòa nhà khỏi bị xiêu-veo rung-rinh. Cao-Thắng chính là địa-vị cây cột cái của đại sự họ Phan đang làm, cho nên tôi nói Cao-Thắng giữa đường mất đi rất có ảnh-hưởng đến nguyên-khi và thực-lực họ Phan phải vì đó mà lung lay, thiệt thòi, suy kém.

* * *

Tuy vậy, thanh-thế nghĩa-quân bề ngoài vẫn còn sung-túc oanh-liệt, vẫn còn lên xuống gằm thét ở miệt thượng-du Nghệ-Tĩnh, sức của Bảo-hộ dù mạnh gấp trăm gấp ngàn, nhưng không dễ một chốc quét sạch phá tan được.

Mặc dầu binh lính nhà nước bên ba công-kích luôn luôn nhọc nhằn, mặc dầu có những hạng tùy thế lập công như các Tiễn-phủ-sứ Lê Kinh-Hạp, Phan Huy-Nhuận, Đinh Nho-Quang, từng bày hết chức này tới mưu kia, nhưng nghĩa-quân vẫn cứ đối lũy giao-phong, chưa chịu đuối hơi lui bước.

Lịch-sử thiên-hạ xưa nay, không hề có một cuộc chinh-phục ở đâu mà người ta không chiêu-nạp lợi-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

dụng ngay những kẻ sinh-trưởng ở đó làm quân-sĩ, làm mưu-thần, làm sai-nbân, làm hương-đạo. Trước-lộc vàng bạc đảng này đổi lấy mưu-mô công-sức đảng kia. Những hạng người khéo biết hay là đành phải lựa gió bẻ măng, thuận buồm xuôi nước, đời nào không có, xứ nào không có. Xưa kia, tổ-phụ chúng ta còn oanh-liệt, những lúc ta đi chinh-phục Chiêm-thành, Chân-lạp, cũng phải cần có ít nhiều thổ-dân hai xứ ấy làm sai-nhân mưu-sĩ cho mình chứ sao ? Nó là một công-lệ tự-nhiên ở trong các cuộc chinh-phục người ta, có đâu qua khỏi.

Thời, cuộc Bảo-hộ mới định ban đầu ở nước ta cũng thế.

Nhưng nói gì nên nói cho công-bằng : trong những người bôn-thổ trước đây tùy thế lập công và bày mưu hiến kế cho Bảo-hộ về công việc^o bình-định đảng nghịch, tiêu-trừ văn-thân, có người biết sự cưỡng lại cũng vô-ích, cho nên đành phục theo thời-thế mà mưu lợi cho nước cho dân ; có người không biết lẽ đó, chỉ dựa lấy thời-thế oai-quyền, trở lại nhiều-hại nhân-dân, sinh làm họa phước.

Hạng dưới này, đối với việc phá-hoại cụ Phan, không hề sót tâm-lực gì không đem ra, không còn thiếu mưu-kế nào không bày-sử. Họ dư biết phong-trào văn-thân cụ Phan làm chủ, còn như cây đinh trước mắt, như bụi gai trên đường của Bảo-hộ, nếu họ bày mưu nghĩ cách gì phá-tán đi được, tức là cơ-hội cho họ nên công-danh to, được phú-quý lớn.

Trước hết họ tìm kiếm tảo-trừ vây cánh văn-thân.

Cuộc vận-động đề kháng-cự văn-thân Nghệ-Tĩnh lúc bấy giờ mà cụ Phan Đình-Phùng chủ-trì, sở-dĩ có cơ-sở, có thanh-thế, tràn-lan được rộng, và chống đỡ được nhậy, là nhờ có lòng dân quy-phụ, sức dân giúp ngầm rất nhiều. Ngoài ra những người là bậc kiện-nhi tráng-sĩ không từ sống chết, bỏ hết gia-hương, đi

PHAN ĐÌNH PHÙNG

theo văn-thân một cách phân-minh, còn những người vẫn an-cư lạc-nghiệp ở nhà, hình như vô-tâm vô-sự, nhưng kỳ thiệt là ngấm-ngấm hưởng-ứng tán-trợ văn-thân bằng tinh-thần, bằng tiền bạc lúa gạo, bằng sự bôn-tẩu hò-hào, đó là vây cánh gián-tiếp của văn-thân, có lẽ không một làng xóm nào không có ít nhiều.

« Muốn trừ văn-thân, ta hãy lo chặt vây cánh của văn-thân trước », bọn tùy thế lập công suy-nghĩ như thế, bèn ra tay trấn-áp ở trong dân-gian, hoặc là bắt-bớ hành-hạ những ông-già bà-cả nào có thân-nhân tử-đệ đi theo văn-thân, để cho thân-nhân tử-đệ xót tình máu-mủ thì phải đâm đầu thò mặt ra hàng-phục; hoặc là giam-cầm trừng-phạt những nhà có tư-cơ sự-sản đáng nghi là có bí-mật quan-hệ với đảng văn-thân. Lúc đó dân-gian Nghê-Tĩnh ở giữa cái không-khí tao-nhiều kinh-hoàng bao-phủ nồng-nực khó thở. Phải chi người ta dân-áp trừng-trị những kẻ thiệt có con em đi theo văn-thân, hay là thiệt có giúp ngấm văn-thân, thì chẳng nói làm gì, vì lẽ mạnh được yếu thua, tội ai làm nấy chịu, là lẽ tự-nhiên ở đời; nhưng đảng này bọn tùy thế lập công, làm oai làm dữ lung-tung, muốn bắt ai thì bắt, muốn chém ai thì chém. Giữa lúc thộn-hạ loạn-ly, mạng người rẻ như cỏ rác, nhất là người có máu mặt, người có tiền dư, và người có tư-hiềm cứu-oán chút-xiu gì với quan Tiều-phủ-sứ và bộ-hạ các ngài là dễ bay đầu mất mạng như chơi.

Thiệt vậy, hồi này thiếu gì người bị bắt, bị thù, bị dày, bị chết một cách oan-uổng, chỉ vì lẽ có sự-sản, có hiềm-thù, chứ thật sự người ta không tội lệ gì, cũng không dính-líu xa gần chi với văn-thân.

Ta nên công-bình nhìn-nhận rằng sự hình-phạt lung-tung oan-uổng nhân-dân như thế phần nhiều chẳng phải là quan Pháp, lính Pháp, mà chính là người nam lính nam, gọi chung là bọn tùy thế lập công đó.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Họ ra tay chặt vây cánh văn-thân đến thế, mà sao phong-trào văn-thân cũng sôi nổi chưa yên ; binh lính Bảo-hộ vẫn phải đi đánh giặc nhọc-nhẫn chưa xong ? Té ra mưu kế của bọn tùy thế lập công chỉ làm cho dân-gian tao-nhiều bất-bình thì có, chứ không thâu được nhiều ít hiệu-quả gì theo họ trừ-tinh.

Chặt vây cánh của cụ Phan mà cụ Phan không ngã, họ bèn tính cách sao đánh ngay vào bản-thân cụ Phan; nhưng cách đó không phải dễ-dàng thực-hành, họ nghĩ ra cái thủ-đoạn lạ-lùng, muốn gián-tiếp đánh ngã cụ là hành-hà nắm xương của tổ-tiên cụ ở dưới đất. Họ nói với Tây thế này :

— « Bẩm, phong-tục ở xứ chúng tôi, mồ-mả đất-dại
« ông bà rất có quan-hệ đến sự sinh-tử họa-phước của
« con cháu đang sống. Cứ khai quật mồ-mả ông cha
« nhà nào lên, tự-nhiên con cháu nhà ấy đang giàu
« hóa nghèo, đang lành phải đau, đang an phải nguy,
« Phan Đình-Phùng có lòng son gan sắt, mạnh khỏe
« cố-chấp đến đâu cũng phải lo nghĩ đến phần-mộ tổ-
« tiên nhà mình, nay cứ đào lên, tất sao va cũng phải
« nao-núng động hệ tới bản-thân, không ra đầu hàng
« thì cũng bệnh tật suy-vi mà chết ! »

Trong ý họ tin chắc rằng cứ khai-quật phần-mộ rồi sai người chiêu hàng, bề nào họ Phan cũng phải vì đạo hiếu, vì việc nhà, quăng gươm côi giáp quy-hàng, cho nên họ mới dành tâm hiến tới mưu-kế như thế.

Ai cũng phải cho là một mưu-kế quá ư nhân-tâm, vì nếu việc làm của Phan có phải là trái thời và đắc tội chẳng nữa thì cũng chỉ một mình cụ đắc tội mà thôi, chứ nắm xương khô của tổ-tiên cụ dưới đất có tội gì đâu, mà họ nữ bày-sử khai-quật lên cho đánh. Thật họ có lòng muốn cho phong-trào văn-thân yên đi, để xứ sở bình-an, đồng-bào khỏi khổ, chẳng lẽ họ không có cao-tài diệu sách gì để giúp-dỡ Bảo-hộ và

PHAN ĐÌNH PHÙNG

muu lợi cho dân khác hơn hay sao, lại tinh đến việc làm quái lạ thế ấy ?

Hồi đó nhằm khoảng tháng 9 năm Giáp-ngọ (1894), một viên Tiều-phủ-sứ (cố nhiên là người Việt-nam) dẫn một toán lính bồn-bộ và quan huyện sở-tại về làng Đông-thái, kêu lý-trưởng và kỳ-mục ra chỉ dẫn phần-mộ tiên-tổ họ Phan ở chỗ nào, để họ đào lên, đem về để tại tỉnh-thành Hà-tĩnh. Lại bắt giam nhiều người thân-tộc của Phan nữa.

Cụ Phan ở sơn-trại nghe tin, chắc hẳn trong bụng rầu buồn lắm, vì lẽ theo sự lễ-giáo phong-tục nước nhà xưa, vẫn cho mồ-mả là nơi thần-thánh bất-khả xâm-phạm, nhưng bề ngoài cụ phải trấn-tĩnh tự-nhiên, để cho vững lòng tướng-sĩ. Khi tướng-sĩ tiếp được tin, bằm cho cụ nghe, cụ chỉ cười nhạt mà nói :

— Ta đã tiên-liệu tới sự ấy rồi, có lạ gì đâu.

Người ta đình-ninh chờ đợi tin-tức xin-hàng của họ Phan sai người đem lại, nhưng chờ đợi lâu không thấy động-tĩnh gì, bấy giờ mới có bức thư trình-trọng khuyên hàng đưa lên Vụ-Quang.

Người hạ bút viết bức thư khuyên-nhủ Phan ra hàng, chính là người đồng-hương, đồng-thời với cụ, lại có tình thông-gia với nhau nữa : ông Hoàng Cao-Khải.

Lúc này họ Hoàng đang làm Bắc-kỳ Kinh-lược-sứ tôn-nghiêm hiền-hách ; người Pháp gọi là « phó-vương » (vice roi). Thiếu gì người làng Đông-thái muốn tránh họa phải chạy ra Bắc, núp dưới bóng che chở và đầu-thân làm môn-hạ của họ Hoàng, ngay đến người trong thân-tộc cụ Phan cũng có.

Xuất-thân chỉ là một thầy cử-nhân đậu trẻ, rồi ở nhà nhàn-cư vô sự ; cờ-bạc chơi bời, đến đổi bán hết gia-viên điền-sản, chỉ còn một nước tự-tử đến nơi, họ Hoàng bỏ nhà đi ra Bắc-hà, gặp được người tri-kỷ, rồi cỡi voi đánh giặc, tùy thế lập công-danh, thăm-thoát.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

không mấy năm mà làm tới kinh-lược, phong tới quận-công, ai cũng phải chịu là người có tài lớn.

Nếu cụ Phan là anh-hùng muốn tạo lại thời-thế mà tạo không được, thì họ Hoàng chính là anh-hùng bởi thời-thế tạo ra.

Cùng thời, cùng làng, hai người đi khác hẳn con đường chí-hướng, mà cùng đến chỗ cực-đoan, cùng có tên-tuổi lớn trong lịch-sử. Đối với thời-thế, mỗi ông là một đại-biểu cho một trào-lưu tư-tưởng hành-vi của Việt-Nam : có họ Hoàng nên chi-tiết họ Phan càng rõ-rệt, có họ Phan nên sự-nghiệp họ Hoàng càng vẻ-vang, ấy là một chỗ sắp-đặt của lịch-sử éo-le khôn khéo lắm vậy.

Cuối tháng 10 năm Giáp-ngọ, ông Hoàng Cao-Khải viết thư rời sai chính người nội-đệ (em vợ) mình vừa là ông anh con nhà bác của cụ Phan là Phan Văn-Mân đem lên núi Vụ-Quang. Không ai khác hơn ông này mà dám lĩnh mạng đi sứ, nhất là đi sứ chiêu-bàng, vì nếu người khác chắc là nghĩa-binh làm thịt.

Mặc lòng là bà con thân-quyến, Phan Văn-Mân phải trải nhiều lớp gian-nan nguy-hiểm mới vô đến đại-doanh. Mới thấy ông đường huynh thò mặt vô, cụ Phan cả cười và nói :

— Anh đi làm thuyết-khách cho Hoàng Cao-Khải khó nhọc lắm hê !

Vì cụ đã được tin báo trước cho biết.

Cụ xem thư rời thử dài :

— Không dè người khuyển-nhủ tôi ra hàng là cố-nhân Hoàng-cao. Tôi thề quyết làm việc tôi làm đây tới cùng, dầu sấm sét búa rìu cũng không làm sợ cho tôi thay lòng đổi chi được, anh về nói dùm cho Hoàng-cao biết như thế. Nếu tôi không làm xong được công việc vua ủy-thác, dân trông mong, và không rửa hận cho khô cốt của tổ-tiên ở dưới đất, thì

PHAN ĐÌNH PHÙNG

chỉ có một cách là chết theo hoài-bão tâm-chí mình mà thôi.

Rồi tức thời cụ cầm bút viết thư trả lời, trao cho ông Phan Văn-Mân đem về. Lúc anh em từ biệt, cụ ân-cần dặn với :

— Cũng may phước cho người đem thư chiêu-hàng chính là anh, nếu là ai khác thì bộ-bạ của tôi chắc làm tương mắ mề gửi biểu Hoàng-cao ném thử. Lần sau y có sai đi, anh đừng lãnh mệnh nữa nghe !

Ta đọc cả hai bức thư dịch ra dưới đây, tức như hai bức tranh phóng-đại tâm-tích chí-khi của hai ông cùng một làng với nhau, cùng một thời-thế với nhau, mà hai đảng xa cách nhau tuyệt-mù không thể nào gặp nhau được là phải.

* * *

BỨC THƯ CỦA HOÀNG CAO-KHẢI

« Đồng-áp Phan Đình-nguyên đại-nhân túc-bạ,
« Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đắp đổi trải
« đã mười bảy năm nay rồi. Dâu bề cuộc đời, bắc
« nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác
« nhau, nhưng mà trong giấc mộng-hồn vẫn thường
« thấy nhau không phải xa-xôi gì. Ngồi nghĩ lại ngày
« trước chúng ta còn ở chốn quê-hương giao-du với
« nhau, cái tình ấy dằm-thắm biết là dường nào ?

« Từ lúc ngài khởi-nghĩa đến giờ, nghĩa-khi trung-
« can, đều rõ-rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe
« các quý quan (1) nói chuyện đến ngài, ông nào cũng
« phải thở-than khen-ngợi và tỏ ý kính-trọng ngài
« lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết-khi tôn-nhân,
« tuy là người khác nước cũng chung một tâm-tình
« ấy thôi, không phải là người cùng thanh-khi với
« nhau mới có vậy.

(1) Là các quan Tây.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Ngày kinh-thành thất thủ, xe-giá nhà vua bôn-ba,
« mà ngài mạnh-mẽ đứng ra ứng nghĩa, kẻ sự-thế lúc
« bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không
« nói như thế. Song le, sự-thế gần đây đã xoay-đổi ra
« thế nào, thử hỏi việc đời có thể làm được nữa không,
« dầu kẻ ít học-thức, kém tri-khôn, cũng đều trả lời
« không được. Huống chi như ngài lại là bậc người
« tuấn-kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới đó hay sao ? Tôi
« trộm xét chủ-ý của ngài, chắc cũng cho rằng : ta cứ
« làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết-lài năng ta
« có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn
« nên được hay không nên là ở nơi trời, ta chỉ biết
« đem thân này hứa cho nước, đến chết mới thôi.
« Bởi thế, cho nên ngài cứ việc làm tới cùng, không
« ai có thể làm biến-đổi cái chí ấy đi được.

« Có điều tôi thấy tình-trạng ở quê-hương chúng ta
« gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi
« thường muốn đem ý-kiến hẹp-hòi, để ngỏ cùng
« lượng cao-minh soi xét ; nhưng mấy lần mở giấy ra
« rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết
« rồi lại gác bút thờ dài, không sao viết được. Vì sao ?
« Vì tôi liệu biết can-tràng của ngài cứng như sắt đá,
« không thể lấy lời nài mà chuyển-động nổi. Đã vậy,
« lại còn khác tình, khác cảnh, xa mặt xa lòng, vậy
« thì lời nói của tôi, chắc gì thấu tới được nơi ngài ;
« mà dầu cho có thấu tới nơi ngài chẳng nữa, đã chắc
« gì lọt vào tai ngài chịu nghe dùm cho, chẳng qua
« chỉ để cho cố-nhân cười mình là thẳng ngu thì có.

« Nay nhân quan Toàn-quyền (1) trở lại, đem việc
« ở tỉnh ta ra bàn-bạc với tôi, có khuyên tôi sai người
« đến ngỏ ý cùng ngài biết rằng : ngài là bậc người
« hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng
« nghĩ gì đến thân mình, nhà mình đi nữa, thì cũng

(1) Bấy giờ là đời ông Toàn-quyền *De Lanessan*.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa-
« phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn-quyền
« không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng : tôi
« với ngài có cái tình xóm làng cố-cựu với nhau, chắc
« hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm
« thình không nói ?

« Ngài thử nghĩ xem : quan Toàn-quyền là người
« khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn-
« khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống
« chi chúng ta sinh đẻ lớn khôn ở đất này, là đất của
« cha mẹ tôn-tộc ở đó, có lý đâu mình làm lơ đành
« đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình
« ra làm sao ? Ôi ! Làm người trên phải có lòng
« thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không
« biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ.
« Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung
« thì thiệt là trung, song dân ta có tội gì mà vương
« phải nông-nổi lầm-tban thế này, là lỗi tại ai ? Nếu
« bảo là đã vì thiên-hạ thì không thiết chi tới nhà nữa
« cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chứ
« còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả,
« sao cho đang tâm ? Tôi nghĩ nếu như ngài cứ
« khăng-khăng làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả
« sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ cá hết thảy,
« chứ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một
« làng Đông-thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi đề
« cho quê-hương điêu-đứng xiêu-tàn, tưởng chắc bậc
« người nhân-nhân quân-tử không lấy gì làm vui mà
« làm thì phải.

« Tôi suy-nghĩ đắn-đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ
« mà nói riêng với mình : — Được rồi, lời nói đó tôi
« có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài
« chỉ-bảo cho biết như vậy có phải hay không ?

« Tuy nhiên, sự thế của ngài như cỡi trên lưng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« cộp dũ lữ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ lại
« khó khăn biết bao !

« Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc-chắn nơi
« mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều-
« lĩnh để mang lụy cho cố-nhân về sau. Nhưng may
« là tôi với quan Toàn-quyền, vốn có tình quen biết
« nhau lâu, lại với quan Khâm-sứ ở Kinh, và quan
« Công-sứ Nghệ-tĩnh, cũng tôi quen thân thiệp ý nhau
« lắm, cho nên trước kia Trần Phiên-sứ (tên là
« Khánh-Tiến, làm Tuần-phủ, nên gọi là Phiên-sứ)
« Phan Thị-lang (tên là Huy-Nhuận), cũng là chỗ thân
« trong tỉnh, trong làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử
« đày rồi, thế mà tôi bảo-toàn cho hai ông ấy đều
« được yên-đn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan
« Trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết-kiến các đại-hiến
« quý-quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân-trọng như
« đãi khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả
« lại mồ mả, và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà
« nước Bảo-hộ khoan-dung biết chừng nào ! Cứ xem
« vậy đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người ngàn dặm
« xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

« Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là dòng
« dài, thì xin ngài đừng ngăn ngại một điều gì khác
« hết, tôi không khi nào dám đề cho cố-nhân mang
« tiếng là người bất tri đầu.

HOÀNG CAO-KHAI

đồn thư

BỨC THƯ CỤ PHAN TRẢ LỜI

« Hoàng quý-dài các-hạ,

« Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn rừng
« rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí-hậu rét
« quá, nông-nỗi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« có thư của cố-nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ
« bao nhiêu nỗi buồn-rầu lạnh-lẽo, tan đi đâu mất cả.
« Tiếp thư liền mở ra đọc. Trong thư cố-nhân chỉ bảo
« cho điều họa phước, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết
« tấm lòng của cố-nhân, chẳng những muốn mưu sự
« an-toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên-đàn
« cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố-
« nhân, tôi đã hiểu hết, cách nhau muôn dặm tuy xa,
« nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà
« nói chuyện với nhau vậy.

« Song le tâm-sự và cảnh-ngộ của tôi có nhiều chỗ
« muôn-vạn khó nói hết sức. Xem sự-thế thiên-hạ
« như thế kia, mà tài-lực tôi như thế này, y như lời
« cố-nhân đã nói « thân con bọ-ngựa là bao mà dám
« dơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe » sao nổi không
« biết ; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn
« nữa, chẳng phải như chuyện con bọ-ngựa đưa tay
« ra cản xe mà thôi.

« Nhưng tôi ngẫm-ngẫm lại, nước mình mấy ngàn
« năm nay, chỉ lấy văn-hiến truyền-nối nhau hết đời
« này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính
« chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ý-thị
« dựa-nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc
« vua tôi cha con theo nhau đạo thường mà thôi. Xưa
« kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên,
« nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lăm-le muốn
« chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn
« chiếm không được. Ôi ! nước Tàu với nước ta, bờ
« cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà
« trước sau họ không thể ý mạnh mà nuốt trời nước
« ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non
« sông nước Nam tự trời định phận riêng hẳn ra rồi,
« và cái ơn huệ thi thư lễ nghĩa vốn có chỗ đủ cho
« mình tự có thể trông cậy dựa-nương lắm vậy. Đến
« nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« là mấy muòn dặm, họ vượt bề lại đây, đi tới đâu.
« như là gió lướt tới đó, đến nổi nhà vua phải chạy,
« cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình
« biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà,
« dân nhà cùng bị đắm chìm hết thảy, có phải là
« riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh
« lăm-than mà thôi đâu.

« Năm Ất-dậu, xe-giá thiên-tử ngự đến sơn-phòng
« Hà-tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn tang bà mẹ; chỉ
« biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, trong lòng há
« dám mơ-tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình
« là con nhà thế-thần, cho nên đôi ba lần đức Hoàng-
« thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ
« chối, thành ra tôi phải gắng-gỗ đứng ra vâng chiếu,
« không sao đứng được. Gần đây, Hoàng-thượng lại
« đoái-tưởng lựa chọn tôi mà giao-phó cho việc lớn,
« ủy-thác cho quyền to; ấy, mạng vua ủy-thác như
« thế đó, nếu cố-nhân đặt mình vào trong cảnh như
« tôi, liệu chừng cố-nhân có đành chối-từ trốn-tránh
« đi được hay không ?

« Từ lúc tôi khởi-nghĩa đến nay, đã trải mười năm
« trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc
« đã bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng
« người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán-nản ngã
« lòng bao giờ ; trái lại, họ vẫn ra tài, ra sức giúp-đỡ
« tôi, và lại số người mạnh-bạo ra theo tôi càng ngày
« càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều
« tai-va hiềm-nguy làm sự sung-sướng thêm-thường
« mà bỏ nhà dẫn thân ra theo tôi như vậy đâu.-Chỉ vì
« họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm-
« hở vậy đó thôi. Ấy, lòng người như thế đó, nếu như
« cố-nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu-chừng cố-
« nhân có nỡ lòng nào bỏ mà đi cho đánh hay
« không ?

« Thừa cố-nhân, chỉ vì nhân-tâm đối với tôi như

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng
« tanh, bà con xiêu-dạt, tôi cũng chẳng dám đoái-
« hoài. Nghĩ xem, kẻ thân với mình mà mình còn
« không đoái-hoài, huống chi là kẻ sơ ; người gần
« với mình mà mình còn không bao học hỏi, huống
« chi người xa. Vả chẳng hạt ta đến đôi điều-đứng
« lâm-than quá, không phải riêng vì tai-họa binh-đao
« làm nên nông-nổi thế đâu. Phải biết quan Pháp
« đi tới, có lũ tiểu-nhân mình túa ra bày kế lập
« công, thù vợ oán chạ ; những người không có
« tội gì chúng cũng dám thọc buộc ràng cho người
« ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế họ, ngày
« mai phạt thế kia ; phạm có cách gì đục-khoét được
« cửa-cái của dân, chúng nó cũng dùng tới nơi
« hết thảy. Bởi đó mà thói hư mỗi tề tuồn ra cả
« trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho
« cùng những tật khổ của dân trong chốn lạng xóm
« quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan-lìa
« trôi dạt đi sao được ?

« Cổ-nhân với tôi, đều là người sinh đẻ tại châu
« Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cổ-
« nhân còn có lòng đoái-tưởng quê-hương thay, huống
« chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt
« trông thấy thì sao ? Khốn nỗi cảnh-ngộ bó-buộc,
« và lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình
« muốn, thành ra phải đành, chứ không biết làm sao
« cho được. Cổ-nhân đã biết đoái-hoài thương-xót dân
« này, thì cổ-nhân nên lấy tâm-sự tôi và cảnh-ngộ tội
« thử đặt mình vào mà suy-nghĩ xem, tự-nhiên thấy
« rõ-ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông-dài nữa ư ?

PHAN ĐÌNH-PHÙNG
phúc thư

Bức thư cụ Phan trả lời, viết thật nhẹ-nhàng mà
đau-đớn, tử-lẽ mà cương-quyết, tỏ ra mình chết thì

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thời, không chịu bãi binh quy hàng. Cụ lại khéo đem quân-mạng và dân-tâm ra làm nòng-cốt để hỏi cố-nhân họ Hoàng nếu gặp cảnh-ngộ ấy thì làm thế nào? Hình như cụ Phan có ý chặn đường rào ngõ không để họ Hoàng viết cho mình tờ bức thư thứ hai nữa.

Thiệt, lúc ông Phan Văn-Mân đem bức thư phúc-đáp ra Hanoi, họ Hoàng xem rồi biến sắc, nếu lúc ấy có bệnh như đầu chóng mặt gì, tất cũng tiều-tan như hồi Tào-Mạnh-Đức đọc bài lịch của Trần-Lâm vậy.

Họ Hoàng sai dịch bức thư ra chữ tây, đưa trình Toàn-quyền De Lanessan, luôn với tờ báo-cáo của mình, ở trong có câu đại ý : « Bỏn-chức đã lấy hết sự thế lợi-hại để tỏ-bày khuyên-nhủ Phan Đình-Phùng ra hàng thú, nhưng y vẫn tỏ ý “hôn mê bất ngộ” (mê-mẩn tối-tăm không tỉnh), giờ xin Chính-phủ Bảo-hộ vì dân mà dùng binh-lực tiêu-trừ cho hết văn-thân loạn-phỉ v. v...»

Ấy là lẽ cố-nhiên. Đào mà không nung ; khuyên hàng không nghe ; văn-chương không cảm ; thời thì chỉ còn võ-lực. Giờ, quan văn trở vô bụng để cho tướng võ lại ra sân khấu.

NGUYỄN-THÂN

LUI VỀ NÚI ĐẠI-HÀM

T IẾC dùm ông Hoàng Cao-Khải phi mất bao nhiêu tâm-huyết để viết bức thư không phải không tài-hoa thống-thiết, cốt để cảm-động khuyên-đỗ họ Phan, nhưng rốt cuộc chỉ là một tờ giấy bỏ, Phan không chịu ra hàng.

Chủ-não trong bức thư của ông, trương-bản trong ý-tử của ông, là cứu lấy sanh-dân, quê-quán, nhưng người thiên-cổ đọc bức thư ấy, ai cũng biết đã chắc gì tác-giả thiệt vì sanh-dân quê-quán, hay là chỉ vì hai điều lợi. Trước hết, cụ Phan là người làng, mà lúc bấy giờ ông có quyền-thế to, vậy ông khuyên cụ ra hàng, như là làm ơn cho cụ, để lấy cái tiếng cứu vớt được một người làng ; sau nữa ông đã đánh đông giệp bắc, được công-lao với người Pháp nhiều, vậy có lý nào một người làng ông mà ông không chiêu-du được, cho nên ông muốn khuyên cụ Phan ra hàng, để bày-tỏ thêm chỗ tài-năng oai-quyền của mình ra, còn sự công-danh thì khỏi nói.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ôi ! Súng bắn chĩa mãi vào, cụ Phan đã chẳng sợ ;
đào mìn mà lên để dọa, cụ cũng chẳng nao ; huống chi
một mảnh giấy, một lời văn của ông Hoàng Cao-Khai
làm sao chuyển-động cái can-tràng như sắt đá cho
nổi.

Song, lúc này không chịu bãi binh đầu hàng mặc
lòng, tình-thế bắt buộc cụ phải lui, không ở núi Vu-
Quang được nữa.

Phải lui là bởi có hai cơ. Một là khi đầu cụ mới
khởi-nghĩa, thì chính là lúc nghĩa-sĩ bốn phương đều
nổi lên. Ở Quảng-nam thì có ông Trần Văn-Dự lập ra
Nghĩa-hội, rồi mấy tỉnh Phú-yên, Bình-định, Bình-
thuận kế theo ; ở Quảng-trị thì có các ông Trương
Đình-Hội, ông Nguyễn Tự-Như ; ở Quảng-bình thì
đảng ông Nguyễn Phạm-Tuân, ông Lê-Trực ; ở Thanh-
hóa thì có bọn ông Hà Văn-Mao ; ở Bắc thì có bọn
ông Tạ-Hiện, ông Nguyễn Thiện-Thuật, thành ra Pháp
phải chia binh đi ứng-phó và đánh giẹp nhiều nơi,
không thể chú toàn-lực vào một nơi nào được. Đến
sau mấy ông trên này, hoặc chết, hoặc trốn, hoặc
hàng, lần lượt tan-nát hết, chỉ duy còn lại một mình
cụ Phan, là vẫn còn đứng nguyên, vẫn phản-đối với
cuộc Bảo-hộ, bấy giờ Pháp mới đem toàn-lực mà
nhắm vào mình cụ. Binh lính Pháp lần hồi vây-bọc
cả núi Vu-Quang, khiến cho cụ không lui không được.

Hai là trong các tướng, chưa có ông nào có tài xuất
kỳ chế thắng, có thao-lược đủ chống giữ với quân
lính Pháp để cho cụ ý-trọng như Cao-Thắng, cho nên
sau khi ông Cao-Thắng mất, cụ lại muốn giữ thế thủ,
để dưỡng tinh sức-nhuệ ít lâu rồi ra đối-chiến mới
được, chứ không muốn bạo-động hấp-tấp quá, sợ tổn
hại đến thanh-thể và nguyên-khi của nghĩa-binh, và
lại làm khổ sanh-dân một cách vô ích. Tóm lại, cụ
muốn kéo dài cuộc kháng-chiến ra cho bền, cho lâu.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Bởi vậy phải tạm lui để giữ thế thủ trước, sẽ liệu thế đánh sau.

Có hai cơ ấy, khiến cho cụ phải lui quân sang đóng đồn ở núi Đại-hàm.

Núi Đại-hàm, cũng thuộc về hạt Hương-khê, là một chỗ có sơn-thế hiểm-trở thế nào, đoạn trên kia đã có chỗ nói rồi. Giờ, cụ lui quân về đóng ở đó. Từ lúc về đóng tại đồn mới này, trong đại-trại chỉ để có 400 lính và 200 khẩu súng tây, mỗi tên quân nào cũng được giữ luôn trong mình súng đạn và 100 đồng bạc, để phòng khi hoặc đánh, hoặc lui thành-linh. Còn bao nhiêu quân-lính khi-giới, đều phân phát cho các quân-thứ hết. Hồi đó là cuối năm Giáp-ngọ (1894).

. . .

MỘT THẦY ĐỒ GÀN TỰ XUNG LÀ VUA

Hồi bấy giờ trong núi Đại-hàm, có một nhân-vật rất là kỳ-quái, tuy không có quan-hệ vào trong chánh-truyện này cho lắm, song tiếc vì là một người có gan, có tài, học rất hay chữ, nên chỉ luôn dịp tôi muốn ghi chép ra đây.

Nhân-vật kỳ-quái ấy là Bạch-xĩ.

Bạch-xĩ, tên thiệt là Đoàn Đức-Mậu, tương truyền là người tỉnh Quảng-bình, qua ở Hà-tĩnh từ bao giờ không biết. Ông ta tự hiệu là Bạch-xĩ, cũng có ngụ ý. Có người nói hồi đó cha mẹ sinh ra ở chùa Bạch-xĩ, cho nên lấy tên chùa mà đặt tên con. Nhưng có người nói chủ-ý Đoàn Đức-Mậu muốn lấy câu sấm của ông Trang-Trình : « *Bạch-xĩ sanh, thên hạ bình* » (Bao giờ răng trắng mới nên đời) mà tự hiệu mình, là có ý tự cao đó.

Nguyên trước, Bạch-xĩ cũng là người trong nghĩa-đảng văn-thân, hồi năm Ất-dậu (1885) cũng khởi binh

PHAN ĐÌNH PHÙNG

cần-vương. Tiều-sử ông có nhiều truyện vui lắm, vì ông vốn là người học giỏi lại có tà-thuật, cho nên quân lính của ông chỉ lấy quạt và gậy làm khi-giới, nói rằng lấy quạt đề quạt cho quân địch mê-mán đi đã, rồi lấy gậy mà đập chết. Thế mà người ta quy-phục cũng đông, đến đổi hạng người bấy giờ như ông Phan Trọng-Muru, ông Phan Huy-Nhuận mà cũng tin phục.

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt, ông cho là vận số đến lúc xoay đổi, mệnh trời sẽ phú-thác vào tay ông từ đây nên ông tự xưng đại là hoàng-đế, kỹ-nguyên là Văn-Lượng. Phàm là giấy-tờ trát-sức chi gửi cho dân quanh ở miền Đại-hàm đều lấy niên-hiệu Văn-Lượng ; nhưng viết thư riêng cho ai, thì chỉ ký tên Nhiều-Long tiều-tử.

Bạch-xỉ đi đâu cũng đem 28 người thủ-hạ đi theo, cho là Nhị-thập bát-tú theo hộ-vệ Tử-vi-tịnh. Đến năm Giáp-ngọ (1894), ông có lập ra một hội kỳ quái tên là Nhân-thập-hội, chiết lấy trong chữ « Ngọ », cho rằng đến năm đó là tới vận số thiên-tử của mình rồi. Một hôm, ông đem 28 tên quân cầm gậy và quạt xuống núi, toan đi đánh đồn Phố. Một lũ 29 người cứ cầm quạt phe-phẩy như thế, mà lính trong đồn không dám lộ ra, cũng không bắn ; thế rồi cả bọn kéo về sơn-trại bình an. Nhiều người thấy chuyện trước mắt như thế tin chắc Bạch-xỉ có tà-thuật giỏi thiệt, không vậy sao vốn-vẹn 29 thầy trò mà dám kéo xuống làm-le xâm-phạm một đồn lính Pháp.

Bạch-xỉ có tài xuất khẩu thành văn. Tương truyền có hôm đi bói thầy Dư, là một thầy ở làng Dương-phổ (cùng thuộc hạt Hương-khé) có tiếng là bói giỏi lắm, nói trăm điều không sai một điều nào. Thầy Dư nói rằng : ngài năm nay 30 tuổi nên lấy vợ mới tốt, Bạch-xỉ ứng khẩu đọc thành bài thi 4 câu như vầy :

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Năm chẳng ngủ, ăn chẳng ngon,
« Khăng-khắng đêm ngày dạ sắt-son.
« Đã nghĩ một mình nên lấy vợ,
« Những thương muôn họ hết là con.

Đại-khai Bạch-xĩ có tài lanh như thế, mà câu nào cũng khéo gò cho có khẩu-khí hoàng-đế ít nhiều, thành ra nhiều người càng tin, càng phục. Thầy trò Bạch-xĩ, nhất là riêng một mình Bạch-xĩ, chỉ ở quanh quần trong mấy khóm núi Vụ-quang và Đại-hàm với cụ Phan, nhưng không ai có thể biết đích là ông ta đóng ở chỗ nào. Người ta nói ông có thuật tàng hình. Mãi đến năm Bình-thân (1896), một bữa ông xuống núi, vô nhà dân làng, khi không nổi cơn sốt rét li-bị, có kẻ biết là Bạch-xĩ, liền đi báo quan-linh sở tại về nắm cổ được Văn-Lượng Hoàng-đế, giải về giam trong đê-lao tỉnh Nghệ. Được ít lâu, « Hoàng-đế thẳng há » trong ngục. Thế là rồi đời một người điên-cường.

Sanh-bình Bạch-xĩ đối với cụ Phan tôn-phục có tôn-phục, nhưng chỉ coi là bậc em mình, chứ theo cụ thì không muốn theo. Nói cho rõ hơn : dầu ai khuyên nhủ nên đồng-tâm hiệp-lực với cụ Phan mà làm việc lớn, Bạch-xĩ cũng không nghe.

Người ta còn nhớ ngày tháng chạp năm Quý-tị (1892) Bạch-xĩ có sai người đem tặng cụ Phan hai cái ngáng bằng ngà, để làm ngáng võng. Luôn dịp có viết mấy câu như sau này :

« Cửa gọi là,
« Đòi ngáng ngà.
« Năm hết tết đến gửi làm quà.
« Mừng em sức khỏe,
« Lo việc nước nhà.

Ngoài ra còn một bài thơ chữ như vầy đưa tặng cụ :

« Bất thị hoang-giao độn đặc phi,
« Ân cần cố-quốc động thu tư.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

- « Tế dân cơ khát tri kim dị,
- « Tu-kỷ tha-ma thức tạc phi.
- « Hạ-đạo phục hưng thần Mỹ tướng,
- « Hàn cừ vị báo Tử-Phòng sư,
- « Đối thiên tâm-sự bằng tương chiếu,
- « Bạch bạch minh minh giữ cờ kỳ.

Dịch nôm :

- « Dám đầu lẩn-lút chốn hoàng-thôn,
- « Lo nước năm canh dạ héo đon.
- « Vất vả dân này sao cừ vớt,
- « Ngâm suy mình trước khéo bòn-chôn.
- « Mỹ phò Hạ-chúa nên cơ-nghiệp,
- « Trương giúp Cao-hoàng mở nước non.
- « Tâm-sự hai ta trời cũng thấu,
- « Ngàn xưa chiếu rọi tấm lòng son.

Còn bài thơ chữ dưới đây nữa cũng hay, người ta truyền tụng là của Bạch-xỉ gửi tặng cụ Phan hồi cụ mới khởi nghĩa..

- « Hứa quốc đan-tâm bất kể niên,
- « Ngưỡng kỳ thấu đáo cứu trùng thiên.
- « Văn-sơn chính-khí thiên thu tại,
- « Vũ-mục tinh-trung vạn cổ truyền.
- « Lân-bút tôn Chu hoài Tứ-thủy,
- « Long đao sát tặc thệ đảo viên.
- « Tướng-quân nghĩa-liệt văn hoàn-vũ,
- « Nguyễn hương viên-môn tác chấp chiến.

Dịch nôm :

- « Bao lâu việc nước nặng lo lường,
- « Nhờ lượng tàu lên đấng thánh-vương.
- « Chánh-khí Văn-sơn bia vãn tạc,
- « Tinh-trung Vũ-mục sử treo gương.
- « Há quên bút Khổng tôn vương-thất,
- « Thề múa đao Quan giữa chiến trường.
- « Nghĩa liệt Tướng-quân vang bốn cõi,
- « Xin theo bên ngựa đỡ giầy cương.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Xem như thế thì Bạch-xĩ là người học giỏi thiệt, chỉ tiếc không theo đường chính, lại đi lấy tà-thuật làm hoặc lòng người mà tự-kiêu vô dụng. Toàn chống cự với quân-linh Pháp mà dùng khí-giới là quạt thần gây phép, bộ muốn pha trò hay sao không biết. Vì thế cụ Phan ghét lắm. Đáng lẽ cụ cũng không chấp-trách làm gì, song chỉ lo ngại tà-thuyết của y làm loạn nghĩa-binh và mê-hoặc nhân-tâm đi, đến đời trong hàng tướng-sĩ của cụ xem ra có ít nhiều người cũng hâm-mộ Bạch-xĩ, nên cụ muốn bắt Bạch-xĩ mà giết.

Cụ sai quân dò thám được đồn của y cũng ở trong núi Đại-hàm để vô bắt sống, nhưng lạ thay ! lúc nghĩa-quân đến nơi thì chỉ thấy năm bảy cái nhà mới cất mà bỏ không, chứ không có người. Té ra Bạch-xĩ hay trước mà trốn rồi. Giữa nhà lớn thấy treo một tấm bảng sơn son chữ vàng :

« Xê giữa rừng xanh nổi nóc nhà,
« Mà cho bốn biển ngưỡng trông ta,
« Khoan thai rủ áo ngồi vui vẻ,
« Nào khác đền Nghiêu những mấy tòa.

Hai bên lại có treo đôi câu đối :

« Vạn-hội nửa ngàn may gặp đó,
« Công danh bốn biển kém ai đâu.

Rõ là Bạch-xĩ dùng toàn khẩu-khi vua như kiêu Thánh-Tôn nhà Lê. Người ta nói Bạch-xĩ giỏi cả nghề độn lục nhảm, cho nên đã biết trước rằng cụ Phan muốn hại mình mà trốn đi. Sau có mấy lần cụ Phan định bắt nữa, nhưng y cũng trốn được cả. Cụ bận lo việc lớn, nên rồi bỏ qua. Tới sau hết thời, Bạch-xĩ bị dân làng báo lính về bắt rồi bị giam chết ở tỉnh Nghệ, như trên kia đã nói.

* * *
Cụ Phan vẫn đóng ở núi Đại-hàm, tiếp tục cách-mạng kháng-chiến. Bấy giờ Chính-phủ Bảo-hộ thấy

PHAN ĐÌNH PHÙNG

quan-binh và linh-tập đánh giặc mãi không được, tổn-phí mất nhiều, bèn thương-thuyết với Triều-dinh Huế (lúc ấy là đời vua Thành-Thái năm thứ 7) sai Tổng-Đốc Binh-định là ông Nguyễn-Thân làm Khám-sai Tiết-chế quân-vụ, đem quân ra tiêu. Thế là sau ông Hoàng Cao-Khải là người cùng làng, hạ bút viết thư dõ cụ ra hàng không được, bây giờ đến ông Nguyễn-Thân là người cùng nước, đem quân ra đánh cụ vậy.

Chắc hẳn độc-giả đều muốn biết ông Nguyễn-Thân là người thế nào ?

Nguyễn-Thân cũng như Hoàng Cao-Khải, đều là hai vị quan lớn do thời-thế dựng nên.

Ông nguyên là chân Ấm-sanh, người tỉnh Quảng-ngãi, con ông Nguyễn-Tấn, ngày trước có công giúp giặc Mọi ở tỉnh ấy. Giặc Mọi đã tôn ông Nguyễn-Tấn là thần-tướng, vì ông dùng kế mà chúng nó phải phục. Ông đem bỏ đường phèn lẫn vào đá cuội ở dưới giọt mái tranh, rồi sai bắt mấy tên Mọi vào, giả đồ chiêu-du ; trong khi đó, ông sai lính ra lấy mấy cục đá cuội cho ông ăn. Lính chọn lấy những cục nào là cục đường phèn đem lên, nhưng mấy quân Mọi ngu, tưởng là quan lớn ngài ăn đá cuội thật, đều cho ngài là thiên-thần, rồi về bảo nhau hàng-phục cả. Đời ông còn, quân Mọi không dám làm phản Triều-dinh nữa. Nhưng sau ông chết, thì chúng nó lại làm phản. Triều-dinh sai quân đi đánh giặc mãi không yên. Sau phải sai Nguyễn-Thân đi. Giặc Mọi thấy là con của ông thần-tướng ngày trước, phải tan chạy cả. Nguyễn-Thân có tiếng từ đó.

Ông sinh vào giữa hồi nhà nước lăm nạn, nên khi đầu, đối với thời-thế, ông cũng xem bằng một con mắt bi-quan và có lòng phân-khích lắm. Song vì tấm lòng lập công-danh nặng hơn lòng yêu nước, cho nên sau ông đổi ý-kiến ngay, đem thời-thế lợi-dụng vào cho

PHAN ĐÌNH PHÙNG

minh. Cũng không nhớ là vào năm nào, mà cũng không biết hồi đó ông làm chức gì, chỉ biết là giữa hồi nước ta và nước Pháp đang giao-binh, Triều-đình ta thua, phải ký hòa-ước với nước Pháp, thì có một bọn lính ở tỉnh Bình-định nổi lên phản-đối, nói Triều-đình hòa với người Pháp mặc lòng, chứ họ không chịu; họ làm như tỉnh Bình-định tuyên-bá độc-lập vậy. Vốn trước, ông Nguyễn-Thần cũng đã có ý đó, nghĩa là ông muốn chiếm lấy tỉnh Bình-định để phản-đối với người Pháp, nhưng chỉ vì chậm một bước chân mà người ta làm mất rồi, ông nghĩ nếu bây giờ mình cũng làm thì chẳng qua sau bước người ta. Ông không thích. Ông muốn làm một việc gì mà người ta chưa làm kia, bèn xoay về phía người Pháp, xin đem binh đi đánh giẹp bọn kia. Ông giẹp được, nhân thế người Pháp rất ý-trọng ông, cho nên chẳng bao lâu đã làm Tổng-đốc Bình-định, chính là hồi ông phụng-mạng đem quân ra tiêu cụ Phan.

Về sau ông làm đến phụ-chánh, hiền-hách ở trong triều, được phong Quận-công trước khi về hưu-tri.

Ông là người hung-ác và hiểm-độc lắm, hay giết người. Trong lúc ông còn dùng binh, giết người ta không biết bao nhiêu mà kể. Sau về hưu-tri ở làng Thu-xà bị bệnh điên-cuồng mà chết. Người ta nói là bị những oan-quỷ báo oán, cho nên khi đang bị bệnh, hễ chớp mắt đi lúc nào, là thấy một lũ oan-quỷ đầu tóc rũ-rơi, máu-mê đầy người, hiện lên để đòi mạng. Mỗi lúc thấy như thế, thì ông hét lên, bình như lấy làm sợ-hãi hối-hận lắm. Tòa nhà lộng-lẫy của ông lập ngay trên một trái núi con ở Thu-xà, đằng sau là chợ và bên sông, đằng trước trông ra biển, có cái cảnh-tượng bày tỏ ra là một người hùng-vũ. Người ta đồn cái nhà ấy nhiều ma, cho nên khi ông chết đi rồi thì nhà bỏ hoang không có ai ở; bên cạnh có một cảnh chùa của ông lập ra, hình như có ý muốn siêu-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

sanh tịnh-độ cho những người đã bị ông giết oan thì phải. Người viết cuốn sách này đã có dịp đến Thu-xà xem dinh-thự của ông ngày trước, nhưng tuyệt-nhiên không có một cái cảm-giác gì cả.

* * *

Vậy ngày tháng năm, năm Ất-mùi (1895), ông Nguyễn-Thân đem 3000 lính, có ông Tấn-sĩ Tạ-Trương và mấy ông cử Nguyễn-Đĩnh, Nguyễn Gia-Thoại, Lê Trụ-Khiết, sung làm Tấn-tướng quân-vụ từ kinh-thành kéo ra.

Quân-thứ ở Quảng-bình được tin ấy, phi báo về núi Đại-hàm, các tướng đều xin đón đường đánh úp, nhưng cụ Phan không cho, và truyền phải án binh đề từ-dò một kế-hoạch đối phó khác, vì cụ sợ quyết-liệt quá thì khổ lây đến dân, mà giữa lúc đó, cụ lại đang yếu.

Quân ông Nguyễn-Thân kéo thẳng đến hạt Việt-yên (thuộc huyện La-sơn) hiệp với quân Pháp đóng ở đồn Linh-cảm. Ông cũng nghe tiếng thầy Dư ở làng Dương-phổ bói giỏi, liền cho đòi đến dinh đề bói xem việc hành-quân có lợi không. Thầy Dư gieo quẻ rồi nói rằng : « Đại quân bất tất phải đánh, cứ đến tháng 11 là kéo về ». Ông Nguyễn-Thân tin theo. Và chẳng ông cũng dư biết rằng ; tuy thế-lực cụ Phan lúc này suy kém mặc lòng, nhưng đương trường mà đánh nhau, thì vị tất đã có lợi. Vì một đảng ở trong rừng núi thăm-thẳm, một đảng ở ngoài đồng rộng, thì đánh nhau khó bề chẳng hại. Vì thế, ông không muốn dùng cách đánh mà chỉ đóng binh ở đồn Linh-cảm, tính cách đánh không dùng đến võ-lực. Ông biết rằng quân của cụ Phan phải cần có lương-thực, mà lương-thực ấy là ở dân-gian cấp cho, nay nếu làm sao đoạn tuyệt con đường ấy của nghĩa-binh đi, thì tự-nhiên không đánh cũng tan, không tan cũng chết.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ông bèn chia binh ra đóng rải rác ở hai hạt Nghệ Tĩnh, lại xin thêm 2000 lính nữa, phân đồn đóng ở khắp các chỗ nào quan-yếu, hễ ai giúp ngầm nghĩa-quân cụ Phan, hay ai bị tình-nghi như thế, là bắt chém ngay. Lớp ấy, nhiều người bị chết oan, khiến cho dân-gian đều khiếp-sợ. Nhân đó mà việc lương-thực là huyết-mạch của nghĩa-quân, từ đây có bề nguy-hiểm.

Ôi ! Ta đã biết rằng cụ Phan làm việc cách-mạng, là nhờ có lòng người giúp-dỡ : giúp cho lương-thực, giúp cho khí-giới, giúp cho con em dễ sai khiến, giúp cho sự mật-báo các tin tức v. v.... Lòng người chính là một khí-giới rất mạnh của cụ để chống với Pháp, cho nên cụ vẫn từng nói mình không nở bỏ, là vì lòng người vẫn tin theo nhiều quá. Nay Nguyễn-Thân ra, dùng cái thủ-đoạn tuyệt lương thật là ác-độc, khiến cho lòng người tuy vẫn kính-mộ nghĩa-quân và sẵn lòng giúp-dỡ mặc lòng, nhưng cũng chỉ chịu cay đắng trong lòng thôi, không dám công-nhiên giúp-dỡ như trước nữa.

Trong khi ấy, quân Pháp biết nội tình của nghĩa-quân đã bị rung-động lắm rồi, cho nên càng sai quân đi tiêu rết lắm, Nguyễn-Thân tiếng rằng đem quân ra đánh, nhưng chỉ nằm một chỗ, và làm oai giết được một mớ người dân quê thôi.

Nghĩa-quân, trong đã không có nội-trợ, ngoài lại chẳng có viện-binh, làm gì mà chẳng khốn ?

* * *

Đoạn này cốt nói về Nguyễn-Thân, là người quan-hệ về lúc tàn-cuộc của phong-trào văn-thân Phan Đình-Phùng. Vậy trước khi kết-thúc, tôi muốn hiến độc-giả xem một bức thư chính ông ta viết để tự kể công-lao mình đánh giệp văn-thân, phò-tá Bảo-hộ những gì.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Ấy là một bức thư dài, Nguyễn-Thân viết đưa cho ông Toàn-quyền Paul Doumer hồi năm 1902 (năm Thành-Thái thứ 18), lúc ông này đã mãn hạn làm thủ-hiến Đông-dương, trở về Pháp-quốc.

Trước hết, Nguyễn-Thân ngỏ lời cảm-tạ Toàn-quyền Paul Doumer và nước Pháp đã ban cho mình những cái vinh-dự tuyệt-phẩm rồi thì tự kể công-lao như vậy :

« Trong lúc ở kinh-thành có cuộc biến-động (1885) « và lúc Tôn-thất Thuyết đem vua Hàm-Nghi xuất-bôn « để xúi-giục nhân-dân nổi lên chống với nước Pháp, « toàn cõi Trung-kỳ xôn-xao rối-loạn. Bọn văn-thân « hiệu-triệu dân-chúng, đồng thời nổi lên phản-kháng, « một mặt tàn-sát dân đạo, một mặt chống-cự người « Tây.

« Giữa lúc bấy giờ, kẻ-vị của thân-phụ tôi qua đời, « tôi đang làm chức tiểu-phủ-sứ các miền sơn-cước ba « tỉnh Quảng-ngãi, Quảng-nam và Bình-định. Tuy có « chỉ-du ở kinh-thành triệu về, nhưng tôi chỉ lo việc « giữ yên các miền thuộc quyền tiểu-phủ của tôi để « chờ thời-cơ.

« Hai tên tướng giặc văn-thân là Cử Định và Tú « Tâm lúc ấy chiếm cứ tỉnh-thành Quảng-ngãi, đồ- « đảng đông lắm. Tôi đem hai ngàn quân lính ở miền « trên kéo xuống đánh giặc văn-thân ấy. Tôi thâu- « phục tỉnh-thành, bắt được 14 tên tướng giặc, sai « chém đầu tại đó để cho dư-đảng văn-thân thấy mà « phải sợ. Tỉnh Quảng-ngãi giẹp yên rồi, tôi vàng « mạng của đức Đông-Khánh, đem hỗn-bộ binh-mã « kéo vào Bình-định đánh giẹp đám dân khởi-loạn ở « trong tỉnh này. Tôi tiểu-trừ được loạn-đảng, khôi- « phục được trật-tự và sắp-dặt lại công việc cai-trị các « phủ huyện. Còn tên tướng giặc sau chót là Mai « Xuân-Thưởng chạy về miền An-Khê, thì tôi đang « sai quân lính đuổi theo đánh riết.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Cũng trong lúc đó, ông Đốc-phủ Lộc đem toán
« quân lính của ông ở Nam-kỳ ra tiêu-trừ bọn văn-
« thân do Mai Xuân-Thường làm đầu. Lúc ấy tôi
« phụng-mạng đức Hoàng-đế sai tôi đem quân trở ra
« Quảng-nam đánh đám giặc văn-thân, cầm đầu là
« tên tướng giặc nổi tiếng, Hường-Hiệu, chống cự với
« nhà nước Bảo-hộ bấy lâu, đến đổi các quan binh
« Tây phải lập ra tới 36 đồn lính ở trong miền đó
« dặng tuần-tiêu mà vẫn dây-dura không yên. Tôi dẫn
« binh ra, sai người tâm-phúc đi do-thám, khám phá
« được chỗ ẩn-núp của tên tướng giặc ấy tại miệt An-
« tâm ; rồi 25 tên phó-tướng của giặc bị bắt trong tay
« tôi, còn bao nhiêu dư-dãng xin ra đầu hàng tôi hết,
« Hường-Hiệu trốn thoát, chạy vô núi Ngũ-bành, sau
« tôi cũng bắt sống được, bỏ vô trong cũi mà giải về
« Huế.

« Thường dền tấm lòng tận trung của tôi đối với
« công việc nước Pháp, Chánh-phủ Cộng-hòa lúc bấy
« giờ ban tặng Bắc-đầu Bội-tinh ngũ-hạng cho tôi.

« Cách đó ít lâu, tỉnh Bình-định lại có loạn dấy lên
« nữa ; nhà nước sai đi tiêu-phủ lần thứ nhì, tôi giúp
« được giặc-giã tỉnh này yên hẳn từ đó. Nhân việc
« đánh giặc thành công, quan Toàn-quyền Picquet và
« quan Khâm-sứ Hector tư xin Chánh-phủ Cộng-hòa
« ban thưởng cho tôi Bắc-đầu Bội-tinh tứ hạng.

« Rồi trở về chức-vị cũ ở miền thượng-du Quảng-
« Ngãi, tôi vẫn làm tiêu-phủ-sứ các miền sơn-cước
« như trước.

« Ít tháng về sau, tôi được chỉ triệu về Huế, lãnh
« chức Binh-bộ thượng-thư. Quan Toàn-quyền De La-
« nissan thương-thuyết với trào-dinh khâm-phái tôi
« vô làm Tổng-thống tỉnh Bình-định, là tỉnh rộng lớn
« mệnh-mông, tôi giải-quyết được nhiều vấn-đề quan-
« hệ đã bỏ dỡ-dang bao nhiêu năm rồi. Rồi đó tôi
« được phong chức Khâm-sai đại-thần đem quân ra

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« đánh giặc văn-thân Nghệ Tĩnh. Vì có quan Toàn-
« quyền Rousseau và quan Khâm-sứ Briere nói với
« triều-đình, nên chi tôi được lãnh cái trọng-trách ấy.

« Sở-dĩ tôi phụng-mạng đem quân ra Nghệ Tĩnh là
« cốt-để trừc-nã tướng giặc văn-thân Phan Đình-
« Phùng, khởi loạn ở hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh đã
« 10 năm, mặc dầu nhà-nước đã ra sức đánh giặc mãi
« mà không được.

« Thân dẫn một đạo quân 1400 người, tôi đuổi
« đánh tên tướng giặc ấy hết núi này đến núi kia rồi
« tôi vây-bọc và được là nhờ có những đồn lính
« phòng-trấn lập ra rải-rải khắp các ngã đường giao
« thông.

« Thế cùng lực kiệt, lại bị thương-tích trong trận
« đại-chiến, Phan Đình-Phùng phải uống thuốc độc
« tự-tử. Bao nhiêu bộ-tướng của và đều bị bắt hết,
« mấy ngàn quân giặc ra hàng. Thế là mấy tỉnh ở
« miền bắc xứ Trung-kỳ yên hẳn giặc-giã từ đó.

« Nhân tôi có công-lao như thế Chính-phủ Cộng-hòa
« thưởng cho tôi Bắc-đầu Bội-tinh tam hạng và đức
« Hoàng-đế vời tôi về Kinh làm Phụ-chính đại-thần ».

« Ván... ván...»

XVII

ANH-HÙNG MẠT-LỘ

THU Ở xưa, thuở mà trong việc dùng binh chiến đấu, gọi là khi-giới chỉ có gươm đao cung tên, gọi là giao-phong chỉ cần tướng đấu võ với tướng, một người anh-hùng tu-tập được năm ba ngàn kiện-nhi đồng-sĩ trong tay, có thể chiếm-giữ một nơi núi rừng hiểm-trở mà xưng bá xưng hùng và cầm-cự với kẻ nghịch mình lâu dài được. Có khi cây cầy trồng tía được ngay trong thung-lũng núi-non thuộc về phạm-vi của mình mà tự sinh-tồn cung-cấp đầy-đủ về việc lương-thực, dầu không vận-lương ở ngoài và được cũng không lo. Kẻ nghịch không có thể chi cách xa một hai chục dặm vòng ngoài mà dễ cắt đứt mạch sống và xâm-phạm tới sào-huyệt của mình ở trong đặng.

Cái thế-lực dây-dừa lưng-lẫy của đám anh-hùng Lương-son-bạc chỉ cốt có bấy nhiêu đó thôi. Vậy mà ngày qua tháng lụn, kiệt-sức mòn-hơi, họ cũng phải nghiêng-ngã tan-tành thay !

Đến cái đời chiến-pháp binh-khí Tây-phương bắt buộc khắp cả thiên-hạ phải thay đổi, phải làm theo.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đề hoặc tự-cường lấy mình hoặc chống-cự với họ, thì việc chiến-đấu dụng binh đâu có phải so-sai chặt-hep như xưa được nữa. Gọi là địa-lợi cần phải rộng-rãi, thuận-tiện cho cả mọi sự chiến-thủ tới lui, chứ quanh-quần một khu núi rừng có hiểm-trở mấy cũng không đủ dựa làm thế mạnh, làm gốc bền. Vả lại súng đạn người ta, có thứ ở ngoài mấy chục dặm có thể bắn phá tới sào-buyết mình tan-tành như chơi, đến núi còn bề hai, rừng cũng cháy rụi. Nhất là đường giao-thông thủy-lục phải có, cuộc vận-lái lương-thực phải dễ, nó chính là lỗ thở, là mạch sống của mình, nếu bị người ta chặn ngbet thì tất phải chết. Không chết ngã ngựa tức thời, cũng phải chết lần mòn hơi-hóp.

Cụ Phan Đình-Phùng dùng binh đối-địch với Pháp sự-thế cực-chăng-dã bao nhiêu lâu phải nhốt mình vào trong những khuôn-khò chiến-đấu ngày xưa rồi, bây giờ lại bị lâm vào chỗ hiểm-nghèo kiềng-kị của binh-pháp kim-thời như vậy đó.

Tới đây, chúng ta càng phải nên nhớ lại mà than-phục ông thượng-trưởng-quân Cao-Thăng là người có đóm-lược, có cao-kiến.

Độc-giả đã biết ông ta chết giữa chiến-trường chính là lúc có hoài-bão lớn-lao, muốn tấn-công chiếm thủ cả ba tỉnh Nghệ Tĩnh Bình để làm căn-cứ, nếu không thì bèn đối-địch — theo ông đã đoán từ trước — sẽ dùng cách vây-bọc cho mình đến tan ô và tuyệt lương mà chết.

Thì sự tiên-liệu của Cao-Thăng bây giờ xuất-hiện thật rồi.

Bởi vậy, dầu ai tin hay không tin cũng mặc : « tình việc ở người, nên việc ở trời » (mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên) chính là một chân-lý nhất-định xưa nay. Lại cũng chứng tỏ ra cái thuyết « tri dị hành nan » (biết dễ, làm khó) của cổ-nhân là đúng. Một việc Cao-Thăng tính làm và biết làm là hay, nhưng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mà có làm được đâu ; vẫn biết nhân-lực thiếu kém một phần, còn một phần hình như cũng có thiên-ý, có vận-số cản-trở thế nào mà xui-khiến ra sự bất thành như thế.

Lúc này cụ Phan bị vây-bọc đến đôi bốn ba cực khổ chừng nào, chắc lại chạnh nhớ Cao-Thắng mà cảm-thương thân-thể chừng ấy. Lại càng cảm-thương thân-thể chừng nào, càng biết rõ chủ-quyền quốc-gia không sao lấy sức người thiếu-thốn đủ cách mà hòng xoay-đổi trở lại được nữa. Nhưng cụ đã hứa tính-mạng với quốc-gia rồi, vậy thì trong khi tính-mạng còn lây-lắt ngày nào, đâu phải ném mặt nằm gai, tấm sương gọi gió đến thế mấy đi nữa, cũng vẫn cam-tâm.

Than ôi ! Một người có chí-khí anh-hùng, đến bỏ quê-hương nhà-cửa, bỏ hương-hỏa tổ-tiên, bỏ cả thân-danh tính-mạng mình, chỉ vì nhà-nước, vì anh em, đem thân ra lo toan một việc, hiềm-trở khó-khăn, trăm cay ngàn đắng, chắc hẳn trong trí-não cũng quả-quyết trông mong việc ấy cho thành, khỏi phụ cái chí khí hùng-tráng của mình và khỏi phụ lòng kỳ-vọng của người đồng-loại. Thế mà sắt son tác dạ, lao khổ mười năm, tâm-huyết mất không, thời-vận chẳng có, đến lúc nhịn đói, nhịn khát, chạy ngược, chạy xuôi, gặp toàn những cảnh vạn tử nhất sinh, đường cùng nước bi, cái bước « anh-hùng mặt lộ » chưa không biết bao nhiêu nông-nổi đáng cảm, đáng thương, đáng sầu, đáng tiếc, đáng thờ dài một hơi cho mạnh, đáng hét lên một tiếng cho to !

Hồi này, chính là hồi cụ Phan gặp-ghềnh diên-đảo trên những bước « anh-hùng mặt lộ » đây !

Bước này của cụ, khổ hơn Sở Bá-vương mà chí thiếu có Ngụ-Cơ, sừng hơn Văn Tín-quốc là không, đến đời bị bắt.

. . .

PHAN ĐÌNH PHÙNG

TƯỚNG-SĨ ĐỀU TUỐT GUƠM RA XIN ĐÁNH MÀ CHẾT

Nghĩa-quân có những cơ diên-nguy thất-bại phát ra từ giữa năm Ngọ (1894), vì quân lính Pháp mảy phía đã khởi thế công-kích bao-vây càng ngày càng chặt, sự thật không phải từ lúc có Nguyễn-Thân kéo binh rần-rộ ở Huế ra thì Nghĩa-quân mới lâm vào đường cùng cảnh khốn.

Ta nên nhớ Nguyễn-Thân ở Kinh phụng-mạng xuất sư, ra đến Hà-tĩnh, nhằm tháng 5 năm Mùi (1895), chính là hồi Phan và tướng-sĩ đang lao-đao nguy-khốn sẵn rồi, mà Nguyễn-Thân định kể chặt gãy vây cánh và làm tuyệt quân-lương, là làm cho Phan thêm lao-đao nguy-khốn đó thôi. Khác nào một cây đã bị gió bão làm bung gốc lên sẵn rồi, đến Nguyễn-Thân chỉ có công xô thêm cho ngã xuống thì có, chứ lão không có công-lao chiến-trận gì, và cũng không phải nhờ có tài sức của lão thì họ Phan mới bại, nghĩa-quân mới tan, theo như ý lão kể công với Toàn-quyền Doumer ở trong bức thư độc-giả vừa đọc trên kia. Sự thiệt, công-lao chiến-trận là công-lao của anh em lính-tập và mấy viên quan binh Pháp. Lúc sau Cao-Thắng tử-trận mà nội-tình nghĩa-binh cụ Phan suy kém lần hồi, nhưng quân lính nhà nước ra sức truy-tầm chinh-phạt cũng gắt, mà nghĩa-binh vẫn rán đương-đầu kháng-cự được hoài, thành ra Bảo-hộ tướng nghĩa-binh còn có thực-lực vững-bền mạnh-mẽ lắm, mới phải Nguyễn-Thân đem đại-binh ra góp sức tiêu-trừ cho mau. Nếu không có Nguyễn-Thân, chắc hẳn trong mấy tháng nữa nghĩa-binh cũng phải đến lúc tàn-cuộc tự-nhiên.

Cũng có lẽ việc phái Nguyễn-Thân ra đánh là một việc quyết-thắng về mặt tâm-lý. Vì Nguyễn-Thân chẳng phải giao-phong xuất-trận gì, chỉ dùng mưu-kế

PHAN ĐÌNH PHÙNG

chặt vây-cánh và tuyệt lương-thực, chính là một trận đánh bằng tâm-lý, nó thần-hiệu hơn là đánh bằng binh-lực. Huống chi là có trận binh-lực trợ chiến với trận tâm-lý nữa. Nếu như chỉ có bấy nhiêu cũng đủ kể là đại-công, thì người ta cũng nên nhìn nhận cho Nguyễn-Thân có công đó.

Quả thiệt, từ giữa năm Mùi trở đi, có thể trận tâm-lý của Nguyễn-Thân bày ra rồi, cụ Phan càng thêm lừ-lạc khổ-sở nhiều lắm, không như trước đó, nghĩa-binh tiếng bị suy-vi nguy-khốn mặc lòng, nhưng vẫn nhờ được cái sức ngầm của dân nuôi lương giúp sức cho mà cầm-cự với quân lính Bảo-hộ một cách gắng-gượng hăng-hái.

Chúng ta thử xem một chuyện sau đây thì biết.

Cũng không nhớ rõ được ngày nào, chỉ biết là hồi ấy nhằm cuối năm Ngọ, quân lính Bảo-hộ biết cụ Phan đóng trên núi Đại-hàm mà thủ-hạ chẳng có bao nhiêu, nhằm chừng có thể tấn lên đánh phá được, bèn phân binh ra hai đội kéo tới Đại-hàm khiêu-chiến.

Núi Đại-hàm thuộc về địa-phận làng Tĩnh-diệm, có một quân-thứ theo cách cụ Phan bố-trí ngày trước, gọi là Diệm-thứ, do ông Cao-Đạn làm chủ tướng.

Lúc hay tin quân-lính Bảo-hộ sắp kếp tới đánh, cụ Phan tính kế lui binh trước để tránh đi thì hơn. Nhưng hai ông Cao-Đạn và Nguyễn-Mục hiệp lại cản-ngăn và xin quyết kế đối địch.

Phan làm thỉnh cúi mặt ngó xuống họa-đồ. Ta nên biết lúc bây giờ Phan dụng binh có họa-đồ những hình-thể sông-núi đường-sá hần-hoi, đó cũng là một sự-nghiệp của Cao-Thắng để lại nữa. Cao-Đạn và Nguyễn-Mục đứng chờ hơi lâu, không nghe trả lời, trông-cụ không chịu cho đánh, liền rút gươm ra đồng-thỉnh hô lớn :

— Xin nguyên-soái chặt đầu hai anh em chúng tôi đi đã rồi sẽ lui binh.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cụ Phan ngược mặt lên, trả lời một cách ung-dung :

— Lấy thế gì mà đánh với người ta bây giờ ?

— Bầm lấy thế núi.

Cao-Đạn và Nguyễn-Mục cùng thưa như vậy rồi tỏ-bày sự-thế lợi-hại rõ thêm :

— « Chắc hẳn quân tây dọ biết ít nhiều là nội-tình ta giờ suy-yếu, nhất là họ thám được binh-lực ở đại-đồn ta hiện nay chẳng có bao nhiêu, cho nên muốn thừa cơ đánh ào lên một trận, để đập nghĩa-binh té rụi xuống cho rồi đó. Nguyên-soái rui-ro bề nào, tự-nhiên toàn cuộc phải nghiêng-đổ tan-tành tức thời. Họ không đem sức lớn áp đánh mấy quân-thứ kia, mà áp đánh trái núi này chủ-ý và sở-vọng của họ ra sao, không nói cũng biết. Cụ có lòng nhân, không muốn làm quá nhọc sức tướng-sĩ lấy ít cự nhiều, mà định kế lui binh để tránh sức lớn kia ào-ào đè tới ; lấy lực mà bàn, lui binh là sự phải đã đành, nhưng lấy thế mà nói, thì quân ta chẳng phải không có thể chống-cự lại được ít nhiều, là vì quân ta chiếm được địa-lợi của thế núi.

« Núi này vốn có hình-thế quanh-co, hiểm-trở, quân tây có kéo tới bao nhiêu đi nữa, chắc cũng chỉ vây-bọc ở dưới mà thôi, quyết họ không dám mạo-hiểm lên trên, họ chưa thuộc rõ đường đất tự-nhiên sợ gặp mai-phục thì nguy. Vả chẳng, trông quân ta hiện nay còn 400 người, kẻ số thì ít có ít thiệt nhưng đều là hạng tráng-dinh dũng-sĩ, ăn không ngồi nhàn cũng buồn, chỉ cầu có giặc tới mà đánh, có chết cũng mát ruột. Cho tới súng đạn tích-trữ của ta cũng có thể đủ sức cầm-cự nhau trong một đôi tháng ; như thế thì sợ chi mà vội lui, không đánh lại. Không đánh lại bây giờ, tất nhiên người ta cho mình đây là khiếp-nhược, rồi càng ngày đem quân xua đuổi dồn-ép ta mãi. Vậy thì, bầm cụ xét lại, ngày nay ta cứ quyết

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đánh nhau với họ một chuyến, chừng đến nước cùng đường túng thế lắm, bấy giờ ta sẽ lui cũng không muộn gì. Phía sau ta vẫn có sẵn đường lui kia mà ! »

Cụ Phan trầm-ngâm một lát, rồi kiếm lời an-ủi ngợi khen hai ông Cao-Đạn Nguyễn-Mục làm tướng cầm quân, mỗi khi gặp giặc quyết đánh như thế là anh-hùng, là trượng-phu lắm. Nhưng nay ta ở trước một cảnh như cờ bí nước, lấy ít cự nhiều, lấy yếu chống mạnh biết rằng lòng quân ta có muốn đánh hay không ? Vì, do nơi một tấc niềm nhân hậu, cụ suy-nghĩ những người theo liền bên tả-hữu mình bấy lâu toàn là hạng người nghĩa-sĩ, bỏ cả nhà cửa, vợ con, quê-hương, cha mẹ, dấn mình vì việc quốc-gia, vì tình thầy trò, đã mười năm nay, biết bao chiến-trận công-lao, mà cụ chưa làm nên một việc gì để thỏa lòng đền công họ được. Gần đây họ lại vì cụ mà chịu thêm nhiều nỗi ấm-lạnh gian-nan, ăn ở cực khổ, ngày nay quá đòi hỏi sức họ mà dùng, thì người nhân-nghĩa không nở...

Hai ông Cao-Đạn Nguyễn-Mục vâng lệnh rồi ra lấy ống loa kêu gọi quân-sĩ tụ lại mà nói :

— Nay Tây đem đại-binh tới vây đánh sơn-trại ta. Sự-thế anh em ta chỉ có một đánh và một chạy, Nguyễn-soái muốn hỏi ý của anh em ưng đảng nào ?

— Ưng đánh ! Ưng đánh ! Nam-quốc vạn tuế !

Quân-sĩ không hẹn-trước nhau mà đồng thời tay múa miệng la như thế. Nhiều người tung cả grom và súng lên trên không rồi bắt lại tung lên, tỏ ý vui mừng hớn-hở. Cao-Đạn và Nguyễn-Mục thấy lòng quân hăng-hái, bèn vô bẫm lại cụ Phan để quyết-định dự-bị nghênh-địch.

ĐẤT Bùn LÀ VẬT ĐỒ ĐẠN CỦA TA

Tức thời Cao-Đạn Nguyễn-Mục đi xem xét những địa-thế nào có thể lập trận phục-binh.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Lại sai quân-lính đi chặt cây tre về chẻ ra đan những giỏ lớn thật nhiều. Quân-lính vâng theo trông-lệnh bảo sao làm vậy, không hiểu dụng-ý ra sao.

Công-cuộc nghênh-chiến sắp-đặt có hơn nửa ngày là xong.

Lúc bấy giờ trên sơn-trại chỉ có 400 tên quân, còn khi-giới tân-thời chỉ có 200 khẩu súng kiểu tây và một ít đạn dược, ngoài ra, khi-giới toàn thì súng trường kiểu ta và những đại-đao đoản-kiếm. Hai ông Cao-Đạn Nguyễn-Mục sắp đặt như vậy : 200 tay súng để làm quân-chiến, 200 tay đao thì làm quân-phục. Các ngả lên núi, chỗ nào xung-yếu thì phục-binh chỗ đó, hề thấy quân nghịch thò đầu lên thì xông ra mà chặt, không kẻ sống thác. Nhất-định ban ngày mới ứng chiến, còn ban đêm thì đặt nghi-binh. Nghĩa là ban đêm, chính nơi đại-dinh tối-tăm mù-mịt, không thắp đèn đuốc gì hết : còn chỗ khác thì giả thắp đèn lửa lập-lòe, khiến cho quân lính Bảo-hộ tưởng là đồn-trại nghĩa-binh ở đó, lất-nhiên phải nhắm ngay chỗ có ánh đèn mà bắn.

Nhưng còn lo chống-giữ lâu ngày, mình hết thuốc đạn thì làm thế nào ?

Hai ông bèn nghĩ đến kế vừa dỡ đạn, vừa lấy đạn. Lấy đạn của ai ?

Thì lấy ngay của quân lính Bảo-hộ.

Hai ông sai chặt tre đan giỏ thật nhiều, chính là dụng-ý đó. Phàm là đạn súng bắn ra — đạn súng nhỏ hay súng đại-bác cũng vậy — hề dụng nhằm vật gì cứng mạnh dội lại thì nổ dữ. Nhưng trái lại, nếu dụng nhằm mấy vật mềm nhẹ, nhất là bông gòn ướt-át và đất bùn, làm nó mất nổ. Hồi văn-thân Thanh-hóa chống-cự với Bảo-hộ tại Ba-đình, đóng ở một làng giữa cánh đồng chiêm xung quanh có nước mênh-mông, mà cầm-cự được cả tháng, quân lính nhà-nước ở ngoài bắn vô như mưa, nhưng phẫn

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nhieu không nghe đạn nổ, là bởi văn-thân khéo dùng những giỏ tre đựng bùn, đắp lên thành lũy, cản-trở hiệu-lực của đạn phải kém bớt đi. Bây giờ, Cao-Đan và Nguyễn-Mục cũng dùng mưu-kế ấy để đỡ đạn của súng thường, còn đề-phòng cả đạn của súng đại-bác, thì mắc lưới vông từ cây nọ qua cây kia.

Mọi việc dự-bị xong xuôi, chỉ đợi quân linh Bảo-hộ tới là đối chiến.

Quả nhiên, quân-linh Bảo-hộ đến nơi, chỉ ở dưới chĩa súng bắn lên chứ không dám mạo-hiểm lên núi, bởi thấy thế núi nghiêng-dốc, cây cối rậm-rạp quá, sợ lên thế nào cũng bị phục-binh thì nguy. Nghĩa-binh có cái địa-lợi là ở trên có chỗ ẩn-núp trong những kẹt đá bóng cây, dòm xuống thấy rõ quân linh Bảo-hộ, mà quân linh Bảo-hộ dòm lên thì không thấy gì khác hơn là cây cối um-tùm và khói đạn mù-mịt mà thôi. Thành ra quân trên bắn xuống thường trúng hơn là quân dưới bắn lên.

Hướng chi đạn của quân dưới bắn lên phần nhiều trúng vào những giỏ đựng bùn kia, không nổ. Nghĩa-quân lấy những vỏ đạn ấy, nhồi vào thuốc mình bắn trả lại quân dưới.

Tối lại thì nghĩa-quân nghỉ ăn cơm và dưỡng sức, không đánh. Ở dưới, quân linh Bảo-hộ ngó lên thấy chỗ nào có bóng đèn đuốc lập-lòe thì cứ chĩa súng nhắm lên đó mà bắn. Té ra mấy chỗ có lập-lòe đèn đuốc, chỉ là chỗ đặt nghi-binh mà thôi, chẳng có người nào hết.

Hai bên chống-giữ nhau có đến nửa tháng như thế, trên không dám xuống đã đành, mà dưới cũng không dám leo lên. Chỉ nghe tiếng súng nổ hết ngày này qua ngày kia, luôn đêm này qua đêm khác, hình như một trận mưa sấm sét, vang-dộng cả một vùng núi non. Ai cũng tưởng chắc là nghĩa-binh đã cháy ra tro

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hết rồi, nhưng kỳ thiết chưa có một ai tử-trận hay là bị trọng thương gì cả.

Quân-lính Bảo-hộ nghĩ mình bắn phá dữ-dội tới hai tuần như thế mà Nghĩa-binh không núng, không lui, bèn xe súng đại-bác lại, định phá tan đốt cháy cả núi Đại-hàm, tất nhiên nghĩa-quân phải chết rụi hết, hay là không còn cây cối rậm-rạp mà ăn-núp thì sao cũng phải đầu hàng. Nhưng đạn đại-bác bắn lên phần nhiều mắc vào lưới võng của Nghĩa-quân đã dăng tứ-tung, thành ra không có mãnh-lực như người ta đã tính.

Mấy ngày về sau, tuy là Nghĩa-binh còn đạn cũng nhiều, nhưng mà chỉ bắn một cách dè-dặt, không dám bắn phóng-túng như trước nữa. Mỗi ngày giao-chiến, cụ Phan đều ra tận chỗ mạo-biêm để chỉ-bảo khuyến-khích tướng-sĩ, nhờ vậy nên lòng quân càng phấn-chấn bội phần. Muốn lập kế dụ quân-lính Bảo-hộ lên núi để cho phục-binh làm thịt, cụ Phan sai mấy tên quân lanh-lẹ, lên theo đường tắt xuống núi, giả làm dân quê đi cày, tới trước quân lính Bảo-hộ nói mình biết đường lên núi, xin làm hướng-đạo hầu được lãnh thưởng lập công. Hai viên quản-cơ tưởng thiết đã toan dẫn một toán lính-tập đi liêu, nhưng viên thiếu-uy cầm quân, cản lại không cho, vì sợ mắc kế mai-phục.

Bấy giờ, quân-lính Bảo-hộ phân ra làm hai, một nửa vẫn ở mặt tiền, một nửa đập gai lòi sỏi, bọc ra mặt hậu để đánh phía sau lưng nghĩa-binh, khiến cho trước sau đều thọ địch, thế nào mà chẳng tan vỡ.

XVIII

THIỆU CHỨT NỬA CỤ PHAN BỊ BẮT SỐNG

QU ÂN lính Bảo-hộ giàn trận ở mặt trước núi Đại-hàm mà đánh ròng-rã hai tuần, thiệt-thời nhân-mạng và đạn-dược nhiều rồi, Nghĩa-bình ở trên núi vẫn cố sức cầm-cự dằng-dai, không hề nao-núng.

Nghĩa-bình can-đảm đã đành, nhưng cũng may là đời bấy giờ chưa phải là đời có xe tăng, có máy bay, có độc-khí; nếu trái lại, thì Nghĩa-bình nhà mình cầm-cự không được nửa tiếng đồng-hồ và mấy quả núi Đại-hàm cũng chẻ hai ra rồi. Bởi vậy, người lấy gan mình, sức mình ra chọi nhau, vẫn có giá-trị hơn là mượn máy chọi người; chính là ông thánh Gandhi ở Ấn-độ nói thế.

Nhất là Nghĩa-bình ở trên núi chỉ có 400 thầy trò với 200 khẩu súng, mà ở dưới núi vừa lính-tập, lính tuần và tráng-dinh mấy làng phụ-cận phải ra phục dịch quan quân cả thầy có tới ngàn người; một đàng lấy bóng cây kẹt đá làm mạnh; một đàng lấy người đông, súng tốt làm mạnh, kể ra Nghĩa-bình cầm-cự dầy-dura được gần nửa tháng cũng là lậu lắm rồi.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Trong một cuộc đối-chiến bất-đồng về số người và sức mạnh như thế, bề nào bên ít, bên yếu cũng phải thua là lẽ tự-nhiên.

Toán viện-binh 150 lính ở Nghệ kéo đến tiếp-chiến, làm cho Nghĩa-binh thêm mau bại-tầu hơn nữa. Bây giờ, quân lính Bảo-hộ phân ra hai ngả mà đánh : một nửa cứ ở trước mặt núi trấn-áp, một nửa kia thì chen gai lách đá, luồn rạ phía sau núi, đề xuất kỳ bất ý, đánh úp lên sào-huyệt Nghĩa-binh. Trong tri nhà cầm quân dùng tới chiến-lược này, nhất-định bắt sống Phan Đình-Phùng và trời thúc ké Nghĩa-quân hết thảy.

Nhưng, trời còn bắt phải gian-nan hơn nhiều nữa, chứ chưa để cho họ Phan và mấy trăm tráng-sĩ phải cùng đường ngựa cỏ tại đây.

Luôn mười mấy ngày làm phận-sự, chủ-tướng phải trông-nom việc quân giữa lúc chiến-đấu, lại còn một nỗi ăn ở cực khổ châm thêm vào, chẳng cần phải tả, ai cũng đoán biết cụ Phan nhọc mệt dữ lắm.

Chiều tối bữa thứ mười lăm, ăn một vài nắm cơm khô chấm muối xong rồi, cụ Phan dặn-dò hai tướng Cao-Đan, Nguyễn-Mục những chỗ quân-cơ chiến-lược nội đêm nay, để mình yên tâm nằm ngủ được vài trống canh cho khỏe. Một thanh bảo-kiếm để luôn bên mình, và rút ra ngoài vỏ sẵn-sàng, mỗi khi nằm ngủ, luôn 10 năm nay, đêm nào cũng thế. Cụ nói với người nhà : « Đề phòng khi lâm-nguy bất-trắc, mình đem chém đầu kẻ nghịch hay là tự đâm họng mình cho kịp ».

Đêm đó, lối vẫn trống canh hai, khoảng 10 giờ hơn, cụ đặt mình nằm xuống lâu rồi mà đang thao-thực suy-tính chứ chưa ngủ được ; bỗng thấy tinh-thần hồi-hộp, chập-chờn, con mắt thì máy lia và ruột nghe sao nóng-nảy như bào như đốt. Cụ giật mình suy-nghĩ chắc là có chuyện gì nguy-biến xảy đến nơi, che

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nền thần-hồn báo trước cho thần-tinh đây chẳng ?
Tức thời cụ ngồi nhồm dậy, đánh thức người cháu
gọi cụ bằng chú ruột mà nói :

— Quái kỳ ! Ta đang nằm trần-trọc chưa ngủ được,
chợt nghe trong mình phát ra nóng ruột và con mắt
cũng máy dử, chắc là có điềm lạ gì đây. Cháu đây
thắp cây đèn lên, để chú bói thử một quẻ xem nào !

Tự-nhiên việc thắp đèn ở sơn-trại, chính nhà cụ ở
là việc rất quan-hệ, nên cụ phải dặn trước người
cháu :

— Nhớ che đậy bóng sáng cho khéo, kéo quân Tây
ở dưới ngó lên thấy hơi sáng lập-lòe, nó dãi cho một
vài viên đạn thì khốn.

Vì, trên kia đã nói cho độc-giả biết, đêm tối trên
núi cốt làm đèn đuốc lập-lòe ở chỗ khác, cách xa, để
làm nghi-binh, còn chính đại-trại và cái chòi cụ ở thì
phải cấm tuyệt đèn lửa.

Người cháu thắp đèn che kỹ rồi bưng lại, cụ Phan
lấy quyển kinh « *Djch* » và mấy đồng tiền trình ra
gieo quẻ bói. Giữa lúc ấy còn là ngày « *Dần* » mà cụ
bói được quẻ :

卯 鬼 發 動 **Mão quỷ phát động**

Trùng mắt thử dài ra về kinh-ngạc, cụ nói với cháu:

— Chà chà ! Sự-thế nguy-biến đến nơi rồi. Ngày
mai chính là ngày « *Mão* » mà nay thần ứng ra quẻ
này thì mai đây thế nào quân tây cũng úp phá đồn
trại của ta, chắc chắn.

Tức thời, cụ sai lính vệ-sĩ đi đòi Cao-Đạn và Nguyễn-
Mục vô thương-nghị khẩn-cấp.

Hai ông này tay gươm vai súng, lật-đật vô hầu. Cụ
kê lại cho nghe từ điềm lạ máy mắt sốt ruột cho tới
ý-nghĩa quẻ bói mà thần mới ứng cho, rồi nói :

— Thế nào ngày mai quân địch cũng úp phá tới
sào-huyệt ta, mà tất là chúng lên bọc ra phía sau mà

PHAN ĐÌNH PHÙNG

lên núi, vì mặt tiền có quân ta cầm-cự và mai-phục, hẳn chúng không tấn lên phía trước được đâu. Sự-thế trước sau cùng tho-địch như vậy mà quân ta ít, súng ta ít, lại đạn-dược gần kiệt rồi, nếu ta dồn binh về mặt sau thì mặt trước hỏng mất, mà giờ cứ càn-cổ chống-giữ lấy mặt trước thì mặt sau bỏ trống, dễ chúng thừa hư tập-kích được, đổ khỏi bà con ta làm tù cả đám. Ta phải tức-tức lui binh, bỏ núi này đi mới xong.

Cao-Đạn, Nguyễn-Mục muốn xin kéo binh đánh tràn xuống mặt trước núi, liều mạng phá tan vòng vây mà chạy. Vì hai ông suy-tính quân Pháp đã định phân ra bọc đánh ngả sau Nghĩa-binh, thì tất là mặt trước dễ hư-không. Nghĩa-binh có thể liều chết phá vây được. Nhưng cụ Phan không nghe :

— Tinh làm cách đó, vạn-lử nhất-sinh, nguy lắm. Phải biết họ dùng binh cẩn-thận, cơ-muru, chứ không như các người liều-đoán đâu. Họ cốt vây-bọc ta trước sau cùng tho-địch, cho nên tất nhiên họ phân binh bọc lên ngả sau, nhưng không khi nào lại dễ hư-không mặt trước. Ta kéo tràn đánh xuống tức là đưa thịt vô miệng cọp. Bởi vậy, ta quyết định bỏ núi lui binh, nhưng phải rán bảo-toàn lấy binh-lực hầu dùng về sau, chứ không dễ tổn-thương vô-ích, vậy thì quân ta cứ lui đi mặt trước, có điều là đi xuyên đường rừng, không nên chường mặt cùng họ giao-chiến làm gì nữa.

Tướng-sĩ đều phục cái định-kế ấy hoàn-toàn hơn.

Liền ngay lúc đó, cụ sai đi kêu gọi hết thủy quân lính ở các chỗ đang ứng-chiến và mai-phục phải bỏ trận-địa lục-tục kéo về đại-trại, lật-dật nấu cơm và thu-xếp khí-giới vật-dụng : lệnh truyền đến 2 giờ khuya ăn cơm rồi nai-nịt sẵn-sàng để gà gáy lần thứ nhất thì nhổ trại lui binh. Nhiều quân-sĩ còn đang

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hăng-hái, muốn đánh, nhưng tướng-lệnh đã ra không ai dám trái.

Không dè Nghĩa-binh dự-bị chưa kịp, thì nghe tiếng gà ở sơn-thôn đã gáy hai đạo rồi.

Quả thiệt, quân lính Bảo-hộ do ngã sau đã tấn lên đến nơi. Trời mới sáng mờ-mờ, một con chó tây dùng trong việc quân, đánh hơi đưa đường, chạy sổng-sộc vô tới trong sân đại-trại. Nguyễn-Mục ngó thấy đưa súng lên bắn con chó một phát, nhưng nó chạy khỏi. Quân lính Bảo-hộ đang chen cây lách đá, nghe tiếng súng nổ, liền nhắm chừng hướng ấy và dõng theo vết chân con chó dẫn đường mà tới. Bởi đá núi lổm-chổm gập-ghềnh, cây-cối gai-gốc rậm-rạp, thành ra quân lính Bảo-hộ tấn lên hơi khó và lâu. Tiếng súng của Nguyễn-Mục bắn con chó thật là bất-trí, nếu như không có tinh-thể hiểm-trở của núi rừng làm chậm-trễ sự tấn-binh của quân lính Bảo-hộ, thì có lẽ cụ Phan bị bắt rồi.

Trong khi quân-lính Bảo-hộ đang lần đường theo dấu ở phía sau, thì Nghĩa-binh đã phò được cụ Phan đi ra cửa trước mà xuyên theo đường lối trong rừng chạy thoát được rồi.

Một lúc, quân lính Bảo-hộ tấn vô đến nơi, chỉ thấy dinh trại trống-lồng, đồ vật bỏ lại ngổn-ngang, chứ không còn một người nào. Họ cướp được đồn-trại của Nghĩa-binh rồi thôi, không rượt theo nữa. Vì sự thiệt cây-cối rậm-ri, đường lối chẳng thấy, nên không biết Nghĩa-quân lui chạy đàng nào mà rượt theo cho được.

Tướng-sĩ hộ-vệ cụ Phan chạy đường rừng, bao nhiêu đồ vật và lương-thực mất hết, không kịp đem theo một chút gì.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Chuyến này tình-cảnh Nghĩa-binh lao-đao vất-vả quá, lại thêm nỗi đói-khát lạnh-lùng, nên chi quân-sĩ chết ở giữa rừng hết nhiều. Lắm người đói là đuối sức, chạy theo không kịp, phải nằm phục-vị ở giữa rừng, đào rễ cây mà ăn, rồi đốt lá mà sưởi, vì mùa này khi-hậu rừng núi càng lạnh-lẻo hơn dưới đồng bằng. Chính người cháu ruột của cụ cũng nằm lả bèn khe suối, may phước có mấy tên quân xúm lại vực dậy đem đi.

Trong lúc người ta ở hương-thôn thành-thị ăn tết năm Mùi (1895) thì Nghĩa-binh lao-đao đói khát ở giữa rừng sâu núi thẳm.

Đến mừng 6 tháng giêng, Nghĩa-binh mới kéo về tới núi Quạt, đồn trú lại đó là quân-thứ ở huyện Hương-Khê. Kiểm-điểm binh-sĩ, còn lại hơn hai trăm người mà ai nấy đều xanh-xao gầy- ốm, vì nổi bốn-ba cơ-khở ròng-rã một tháng trời; cụ Phan và hai tướng Cao-Đạn và Nguyễn-Mục cũng vậy.

Bây giờ nội-tình Nghĩa-binh đã bối-rối lắm. Vì nổi lương-thực thiếu-thốn. Lúc nào dân làng gánh gạo bấp heo gà lên núi cho Nghĩa-binh như là đi chợ; nhưng mấy tháng này bị nhà chức-trách cai-trị địa-phương canh-phòng các ngã và hăm-dọa gắt-gao, thành ra họ không dám tiếp-tế lương-thực cho Nghĩa-binh như lúc trước nữa. Nhiều người sốt-sắng quá, đến đổi liều mạng vận-lương cho « giặc » mà bị mất nghiệp bay đầu. Có người mười phần vô tội vô tình, cũng bị liên-lụy, chỉ bởi kẻ tiểu-nhân oán-thù vu-cáo.

Kho tàng lúa bấp trên sơn-trại, càng bữa càng khô, mà sự tiếp-tế mắc nghẹt. Cụ Phan phải sai quân-sĩ giả làm nông-dân hay thương-khách đi sang tỉnh Quảng-bình mua từng năm ba chục gánh gạo bấp, chở lên theo đường rừng, đem về cho quân-sĩ ăn. Tội nghiệp quá! Có nhiều khi lúa bấp đi mua chưa vận về kịp, quân-sĩ phải nhịn đói đói ba ngày chỉ uống nước lạnh

PHAN ĐÌNH PHÙNG

trừ cơm là sự thường. Tuy vậy, không ai kêu la, than thở một tiếng nào; trái lại, họ vẫn vui vẻ thề-nguyền kháng-chiến đến chết mới thôi, cực khổ đã quen, đói rét chẳng kể. Thấy lòng quân khăng-khít như thế, cụ thường cảm-động khóc-lóc một mình. Người cháu hậu-bạ bên cạnh, có lúc nửa đêm nghe cụ thở dài và nói lẩm-rầm :

— Vì ta mà khổ-sở tương-sĩ. Có dân-tâm thế ấy mà nhân-lực không có, thiên-mạng không giúp, thảm biết bao nhiêu !

Người anh hùng đến bước mặt-lộ, đêm trường canh lụn, nằm than khóc một mình như thế, càng thảm hơn nữa.

Lụi-dụi tới tháng 5 năm ấy (năm Mùi) Nguyễn-Thân kéo đại-quân ở kinh-thành ra đến nơi, tình-hình lương-thực của Nghĩa-binh càng thêm chật-hẹp nguy-khốn. Là vì bao nhiêu lối hiểm đường quanh đều có lính-tráng của Nguyễn-Thân bủa dăng chặn-nghep thành ra Nghĩa-binh trên núi tuyết lương.

Độc-giã nhớ phân biệt hai tiếng này dùm : trước kia lương-thực chỉ « thiếu » cũng đủ khổn-khở, bây giờ đến « tuyết » mới nguy !

Liệu bề ở núi Quạt thì sớm muộn thầy trò cũng chết đói đến nơi, cụ Phan hạ lệnh nhổ trại, định kéo quân về nơi sào-huyệt cũ là núi Vụ-Quang. Tại đây có địa-lợi hơn, vì đã có đường rừng lại có đường thủy nữa, có lẽ công cuộc vận-lượng cũng dễ xoay trở.

Lúc đó là tháng 7.

Nhưng Nghĩa-binh kéo đến mé sông Vụ-quang, cụ Phan cần-thận, sai 4 tên vệ-sĩ qua sông dò thám trước. Té ra những đồn-trại của Nghĩa-binh trên núi Vụ-quang hồi xưa đã bị quân lính Pháp chiếm giữ lúc nào rồi, lính-tập đầy nhóc.

Cụ Phan dòm-xét địa thế, rồi lật đật đem quân sang đóng trên một trái núi khác, cách không bao xa và

PHAN ĐÌNH PHÙNG

cũng thuộc vào thung-lũng của núi Vu-quang. Nghĩa-binh chặt cây cắt cỏ, cất lên dinh trai lợp-xup mà ở tạm-đỡ.

Biết trước rằng mình đóng binh ở đây, thế nào nay mai quân lính Bảo-hộ cũng áp tới đánh, cụ Phan phải tính cách chống-cự sẵn-sàng.

Vì đó mà nay mai có trận huyết-chiến Vu-quang chính là một trận đánh để tháo thân, mà lại là một trận đánh dữ-dội nhất. Cây đèn cạn dầu sắp tắt, bao giờ cũng phụt lên một cái sáng lòa !

XIX

VỤ - QUANG - SƠN HUYẾT - CHIẾN

LÚC này chính Phan tự biết rằng mình với cái ngày cuối-cùng thấy càng xấp gần lại nhau lắm rồi, chẳng còn xa cách bao nhiêu nữa.

Nếu phải là người ham sống sợ chết, thì bây giờ chỉ có việc treo lên một vuông cờ trắng, rồi đem quân-gia khi-giới ra đầu hàng, quy-thuận Bảo-hộ tất là được dung-thứ trọng-dãi ngay, mặc dầu 10 năm một tay cụ đã làm cho Bảo-hộ hao tổn bộn-bàng quân lính và tiền bạc. Dám chắc, nếu Phan chịu ra hàng, thế nào cũng được biệt-dãi hơn những đề-dốc Lê-Trực và Tấn-sĩ Phan Trọng-Mưu rất xa. Một là vì cuộc Bảo-hộ mới lập xong buổi đầu, người Pháp cần thâu-phục nhân-tâm hơn là ham muốn sát-phạt, nghiêm-khắc. Hai là, — nói cho công bằng, — đối với mấy tay lãnh-tu văn-thân cứng cỏi, gan dạ, như bậc Phan Đình-Phùng, Bảo-hộ vì lẽ chính-trị buộc phải đánh giết thì đánh giết, chứ trong thâm-tâm của những người Pháp chuộng công-lý nhân-đạo vẫn qui-trọng ai là người biết yêu nước quên mình như thế.

Tôi không dám dẫu khoe mình được xem hết thầy

PHAN ĐÌNH PHÙNG

những sách của chánh-gia võ-tướng Pháp biên chép về các võ-công đánh giặc buổi đầu Bảo-hộ, nhưng mà dám nói rằng ít nhiều cuốn tôi được xem, trong đó mỗi khi nói đến Phan Đình-Phùng, thì họ đều viết « Le rebelle » (người không chịu phục nhà-nước) hay là « Le docteur rebelle » (ông nghề phản đối), chứ không gia cho cái tiếng nặng là « pirate » hay « bandit » (quân giặc cướp), như đối với Đề-Thám. Chính ngay Đề-Thám, nhiều người Pháp nói đến vi-dụ như Paul Chack, gọi là « bandit », nhưng ông Toàn-quyền Paul Doumer nói ngay thẳng : « Đề-Thám không phải là ăn-cướp, mà chính là tay đầu đảng Annam phản-đối chống-cự và đánh nhau với ta đã 10 năm nay » (Le Dé-Tham n'était pas un bandit, mais un chef Annamite rebelle qui nous résistait et se battait contre nous depuis dix ans), xem quyển « INDOCHINE FRANÇAISE » của Paul Doumer xuất-bản năm 1903, trang 397). Vậy cho biết rằng lẽ phải thì ai có bụng công bằng cũng quý-chuộng nhìn-nhận, không cứ là người nước nào.

Chắc độc-giả còn nhớ có một đoạn trên kia tôi đã nói chính Phan đã cảm-hóa Đề-Thám cả quyết nổi lên phản-đối ở Bắc-bà ; những ngày tháng cuối cùng của Phan ở khoảng Hồng-Lam tức là ngày tháng bắt đầu của Đề-Thám dấy lên ở miệt Yên-thế vậy. Ta nên biết tình-thế đến lúc Đề-Thám, cuộc Bảo-hộ đã vũng-vàng nền-móng lắm rồi, mà Đề-Thám giả hàng còn được bao-dung trọng-đãi đôi ba phen, hưởng chỉ là sớm hơn đó mười mấy năm, nền-móng Bảo-hộ mới đắp còn chông-chênh vất-vả, tự-nhiên nếu Phan chịu ra hàng, tất được trọng-đãi bao-dung. Đã vậy mà nhân-phẩm Phan cũng cao hơn nữa, đáng cho Bảo-hộ cần thâu-phục cảm-hóa hơn.

Tôi muốn nói đông-dài ở chỗ này cốt để tỏ ra thời-cơ rất thuận-liện cho Phan quy-hàng Bảo-hộ chắc

PHAN ĐÌNH PHÙNG

được yên thân, xong việc biết bao. Nhưng mà cụ làm vào đường cùng cảnh khốn đến như lúc đang nói đây, vẫn giữ-vững tâm-chí bằng như tên, cứng như sắt, thà chịu đói, chịu khổ, chịu đau-đớn đủ thứ, rồi chịu chết bỏ xác giữa rừng, chứ không chịu quăng súng xuống, đưa tay lên, đề cầu sự yên-đón phú-quý; thế là biết cụ khi-khái cang-cường đến bậc nào vậy.

Nhất là tự biết mình chết đến nơi mà cứ ung-dung, cứ khảng-khái, cứ tự-nhiên !

* * *

Thật vậy, lúc này cụ dư biết mình đã làm vào tuyệt-lộ rồi, việc cứu-quốc cần-vương đến lúc hư-hỏng tan-tành, nhân-lực không làm sao cãi lại được nữa. Vốn là nhà nho, cụ tin nơi thiên-mạng có lạ gì. Nhưng cụ cũng tự biết nhân-lực không đủ. Ta nhớ trong bức thư trả lời Hoàng Cao-Khải, cụ chẳng tự sánh việc mình làm như kiểu con bọ-ngựa nhỏ-nhoi muốn dơ tay lên cản chiếc xe to lớn đó sao !

Có điều là vì khí-tiết, vì danh-nghĩa, vì phận-sự làm tôi đối với vua, làm dân đối với nước, đã trót ra tay làm thì phải làm tới chết.

Vậy thì nay còn có đôi chút sức thừa nào, cũng đem ra cho hết, để chết một cách oanh-liệt, không cần phải dè-dặt sức mình hầu dùng mai sau như mấy năm trước. Thì đóng quân ở trên một trái núi thuộc về thung-lũng Vụ-quang, gần bên quân-lính Bảo-hộ, nghĩa là cụ Phan không trốn sự đánh chút nào.

Không ngờ trận đánh ở Vụ-quang, cốt đánh để tháo đường và liệu thân, lại là trận đánh dữ-tợn nhất, thố-g-khoái nhất cho Nghĩa-binh từ 10 năm nay. Đã nói cây đèn hết dầu bao giờ, cũng phụt lên một cái sáng lòa rồi mới tắt.

Hồi này cụ có ý buồn-bực lắm. Phần thì buồn về công việc hư-hỏng, phần thì mấy tháng nay khổ-sở

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hôn-tâu mãi, thành ra tuổi chưa mấy già mà người đã suy-yếu nhiều lắm.

Có bữa, cùng mấy viên tùy-tướng đi dạo chơi trong rừng, phía trước thảo-trại, cụ Phan ngó lên thấy đám mây bạc ở xa xa, chạnh nhớ đến nơi phân-tử đang bị tan-hoang phiêu-dạt vì mình ; hương khói và xương cốt tổ-tiên mình bị lạnh-lùng bởi móc lên cũng vì mình, cụ lấy làm cảm-động đau đớn hết sức. Trông về phía bắc mít-mù, nhớ đến vua chúa cũng đau lòng ; cho tới nghe tiếng chim kêu vượn hú, lá-rụng cây reo mỗi mỗi đều gọi mỗi quan-hoài thương-cảm ở trong cõi lòng sâu-xa, khiến cho cụ bùi-ngùi vô-hạn.

Một lúc cụ phải bật tiếng thở dài, nói với mấy viên tùy-tùng tướng-sĩ :

— Trước kia ta nghe những tiếng này, trông thấy những cảnh này, lòng ta phấn-khởi biết bao, tưởng chừng gặp kẻ đối-dịch chỗ nào ta cũng nhảy tới bóp cổ moi gan ra ăn được mới khoái. Nhưng bây giờ cũng trông thấy cảnh này nghe những tiếng này, lòng ta tê-tái rầu-buồn hết sức. Người có chí làm việc lớn mà trời không cho làm được, ở đời còn có nỗi gì đau-đớn hơn nữa !

Rồi cụ chỉ tay ra phía xa mà nói :

— Ngó non sông tốt đẹp thế kia mà không phải của mình làm chủ nữa, bảm chưa ?

Những người đi theo nghe mấy lời ấy đều ứa nước mắt ; chừng ngó lại chủ-tướng, té ra thấy hai gò má cũng đầm nhiều giọt lổm-dổm như giọt sương mai, từ cặp mắt đỏ hoe kia vừa mới nhỏ xuống. Thầy trò khóc với nhau ở giữa rừng !

Than ôi ! một người anh-hùng có chí vẫy-vùng bốn biển, cứu-hộ muôn dân, muốn xoay lại non sông, chọi với thời-thế, mà nay bị xô, bị nhốt vô trong vòng cùng đường bị nước như vầy, không phải bi-thương thống-khốc sao được. Có lẽ đến cây kia đá nọ cũng

PHAN ĐÌNH PHÙNG

phải nhỏ mồ-bôi và nát trong ruột nó dùm cho, đừng nói chi là chính người đang có thân-thể cảnh-ngộ ấy !

Nhưng đã nói Phan có cái quyết-tâm rằng mình còn chút hơi nào cũng gói-ghém lại để đem ra chống-chỏi với thời-cuộc cho hết, tới lúc xuôi tay nhắm mắt mới thôi. Bởi vậy không thể nào đổi cảnh mà ngậm-ngùi bi-thương mãi được, cụ phải nghĩ cách chống cự với giặc, kéo Nghĩa-binh tạm đóng trên núi này, thế nào sớm muộn nay mai quân lính Bảo-hộ cũng tới vây đánh, không sao tránh khỏi. Điều ấy chính cụ đã dự-liệu trước rồi.

Ngó xuống sông Vu-quang thấy quanh co một giải trắng phau, nước cuồn-cuộn, cụ Phan đổi ngay sắc buồn làm ra vẻ vui mừng :

— Nếu quân Pháp kéo tới đánh ta, thì con sông kia có thể cự-dịch được lắm.

Tương-sĩ ngần-ngờ, không ai hiểu được là ý gì, trừ ra một mình Nguyễn-Mục hình như hiểu thấu quán-cơ này, cho nên sau khi cụ Phan nói rồi, nghe ông ta ứng-thanh mà tiếp :

— Chắc họ được uống nước sông đó một bữa no-nê.

Rồi đó thầy trò lững-thững trở về thảo-trại thương-lượng việc quân.

Quả-nhiên chỉ cách vài ngày sau, quân lính Bảo-hộ biết tin Nghĩa-binh đang đóng trên trái núi bên kia, liền thăm dò địa-thế để kéo binh tới công-kích.

Phải biết mỗi ngày Nghĩa-binh đều cử ra một vài người giả làm chú tiều, xách búa qua núi Vu-quang chặt củi, kỳ thật để xem-xét binh lính của bên đối-dịch. Lính-tập ngó thấy, nhưng tưởng là dân núi đốn củi thật, không nghi-ngờ gì. Mấy chú còn lân-la nói chuyện với họ và hút thuốc của họ mời nữa là khác. Nhờ vậy mà công việc xếp-dặt của lính-tập ra sao bên Nghĩa-binh biết cả.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Khi được tin về cáo-cấp, cụ Phan hội chư-tướng lại đề bàn cách chống cự. Lần này cụ có trận-thế sắp-đặt trong lòng và có chủ-trương nhất-định, cho nên không có ý lo ngại và tính kế lui binh như mấy lần trước. Nhưng các tướng lúc bấy giờ đều có sắc lo, là vì hiện thời Nghĩa-binh chẳng những quân-lương đã thiếu-thốn cực-khổ, mà ngay khi-giới súng đạn cũng không còn sót lại được bao nhiêu, nếu phải cầm-cự lâu ngày như ở Đại-hàm trước kia thì khốn. Họ lại suy-nghĩ trái núi mình tạm trú đây không có hình thế chi hiểm-yếu thuận-tiện, vậy thì lấy gì mà chống giữ cho được. Còn sự trông-mong ở các quân-thứ kia đem binh tới cứu-viện cũng không xong, vì là hồi này quân-thứ nào cũng nguy như nhau hết thảy. Hoặc đã vỡ-lở, hoặc bị nghẹt đường, đến vận-lương ăn còn không được, còn nói đem binh đi cứu-viện thế nào? Nhưng tới khi nghe cụ Phan nói rõ kế-sách kháng-địch, một mình Nguyễn-Mục giữ vẻ tự-nhiên, bởi ông ta đã đoán biết từ trước rồi, còn tướng-sĩ đều có vẻ hớn-hở vui-mừng hiện trên nét mặt.

Kế ấy thế nào ?

Tức là ở trong câu nói Phan đã nói bữa trước :
« Con sông kia có thể cự-địch được ».

Thiệt vậy, bây giờ cụ nói rõ cho chư-tướng nghe :

— Phải dùng kế « *sa nang ứng thủy* » của Hàn-Tin đánh quân Sở ngày xưa mới được.

Liền đó, cụ truyền lệnh cho quân-sĩ lên tuốt trên đầu nguồn, mượn lấy những khúc gỗ lim to lớn của bọn lái buôn-cây đã chặt sẵn-sàng để ở trên ấy ; ngoài ra lại tự chặt thêm mấy trăm cây lớn nữa. Trên miệt rừng núi này thiếu gì cây to. Những cây ấy, quân-sĩ chịu khó ra sức ghép liền lại với nhau, thành từng bè lớn, vừa đóng suốt thân cây này qua cây kia cho chặt, vừa lấy mây trong rừng cột lại thật cứng, rồi đặt ngay trên nguồn làm như hàng rào hay cánh cửa để

PHAN ĐÌNH PHÙNG

chặn ngay đầu nguồn của sông Vụ-quang là sông phát nguyên từ trên núi này chảy xuống. Nghĩa-binh cốt chặn đầu nguồn cho nước dưới sông cạn nhiều, sẽ dùng kế dụ-dịch cho quân-lính Bảo-hộ qua sông; đợi họ qua tới giữa sông thì bẫy giờ trên đầu nguồn chặt giây cho nước đưa cây trôi xuống ào-ào như thiên binh vạn mã, và ngay mé sông chỗ đó lại đặt phục-binh, thế nào quân-lính Bảo-hộ cũng phải tử-thương không ít.

Quân-sĩ y theo kế ấy mà làm gấp-rút cho xong.

Những người gác ở đầu nguồn cầm sẵn dao sắc búa lớn trong tay đợi nghe có ám-hiệu phát lên thì đồng-thời chặt giây mau lẹ cho cây trôi xuống phăng-phăng một lượt.

Cái kế « Sa nang ứng thủy » của Hàn-Tin đánh Sở ngày xưa là vậy đó. Chỉ khác là Hàn-Tin xưa dùng bao cát để chặn nước lại, thì bây giờ cụ Phan dùng cây gỗ.

Thiệt quả, quân-lính Bảo-hộ kéo qua đánh trái núi có đồn Nghĩa-binh lúc quá nửa đêm.

Trước khi quân-lính Bảo-hộ chưa đến nơi, thì cụ Phan đã kéo binh-sĩ dời qua đóng trên một thung-lũng núi khác.

Linh-tập đến vây-bọc trái núi có lấp-ló đồn-trại Nghĩa-binh ở trên, mấy phía đều chĩa súng lên đó mà bắn như mưa rào. Nhưng họ bắn hoài-hủy, không thấy Nghĩa-binh ở trên bắn trả một tiếng súng nào. Ban đầu tưởng là Nghĩa-binh nằm mọp ẩn-núp quanh-quất đầu đó, nhưng tới sau bắn trúng vào những đồn trại bằng cây lá, phát lên cháy nghi-ngút, cũng không thấy dấu tỏ động-tĩnh của Nghĩa-binh, bấy giờ họ đoán chắc là Nghĩa-binh đã sợ-hãi bỏ chạy từ hồi nào rồi, đồn-trại chỉ là đồn-trại bỏ không đó thôi. Viên tướng cầm quân, liền hô quân xông lên núi xem thử hư-thiệt. Lên đến nơi, thấy còn sót lại năm bảy cái

PHAN ĐÌNH PHÙNG

nhà lợp tranh chưa cháy, linh-tập áp vô cũng chẳng thấy bóng người nào hết, trong mỗi nhà tranh chỉ có ít nhiều khi-giới là dao cùn, gươm mẻ, bõ năm ngổn-ngang. Quân-linh Bảo-hộ thấy vậy càng tin chắc Ngbĩa-binh sợ thua đã bỏ trại đông trước rồi, chứ trong ý không nghi chút nào là có mưu kế.

Trong khi linh-tập đang lục-lạo ngằn-ngor ở trong những đồn-trại bỏ không như thế, thì bỗng dưới chân núi có một toán quân, độ một trăm mấy chục người, nổi trống phất cờ, và hò-hét nhau làm như muốn kéo lên núi mà đánh. Rồi tiếng súng nổ ra đùng đùng từ phía, khiêu-chiến quân Pháp.

Quân Pháp thấy giặc, tức-tức đồ quân xuống núi để đánh và đuổi bắt. Hai bên ứng-chiến xa xa bằng súng đạn một chặp, đạo quân kia xem đường yếu thế vội-vàng phải lui, nương theo những lùm cây và mô đất để tránh đạn. Linh-tập thừa thế rượt theo và bắn dữ-dội. Nhưng đạo quân bại-tẩu cứ chạy một khúc đường lại nằm phục xuống bắn trả linh-tập một hồi lại chạy. Cứ chạy lại bắn, bắn lại chạy, tới đôi ba lần như thế, linh-tập càng cố rượt-theo để bắt sống cả bọn cho kỳ được mới nghe.

Ra tới sông Vụ-quang, đạo quân bại-tẩu cứ chạy dựa bên mé sông, đến một chỗ thấy nước hơi cạn, thì bỏ hết cả cờ trống và quân-giới lại mé bờ, rồi tranh nhau lội qua sông để thoát-thân cho mau. Quân Pháp vẫn đuổi riết ở phía sau, tới chừng thấy quân kia sang sông, thì quân mình cũng ủa xuống mà sang, nước chỉ ngập trên đầu-gối.

Lúc quân Pháp lội ra đến lòng sông, bỗng đứng nghe trên núi cao, có một tiếng lệnh nổi lên làm hiệu, tức-thời bọn quân-sĩ canh trên đầu nguồn, đồng thời chặt giây, tháo hết bè cây ra, cho cây trôi xuống. Lại gì nước trên nguồn, bị cây chặn lại, tức đường bí lối đã lâu, nay cây tháo ra, tự-nhiên nước có đường chảy

PHAN ĐÌNH PHÙNG

xuống ào-ào, cây theo nước từ trên cao trời xuống phẳng-phẳng rất mạnh. Quân-lính Bảo-hộ vô-tình, lại không may trời có sương-mù, không thấy đàng xa, vả lại bị phục-binh bắn xuống tung-búng, nên chạy không kịp, bị những cây to xô ngã rồi trôi theo nước, chết đuối lênh-bềnh trên sông nhiều lắm.

Trận này, phía quân Bảo-hộ, không kể linh-tập, chết mất ba viên quan võ Pháp, và Nghĩa-binh lấy được gần năm chục khẩu súng, cùng là đồng-bồ, giày nịch bằng da và tiền bạc vô số. Thật là một trận đánh chỉ cốt đánh để thoát thân, mà té ra lại là một trận đại-thắng từ trước đến đây chưa có vậy.

Về sau, một người chí-sĩ là Phạm Văn-Ngôn, đi qua chỗ này có làm hai bài thơ « Hoài Vụ-quang-sơn cố sự », tiếc rằng tôi chỉ nhớ có một bài như sau này :

霏微曉霧鎖寒溪
Phi vi hiều vụ tỏa hàn Khê,
朱笠烏槍伏岸西
Châu lạp ô thương phục ngạn tề.
一响銅鑼喊殺賊
Nhất hưởng đồng la hàm sát tặc,
大家齊決上流堤
Đại gia tề quyết thượng lưu đề.

Dịch đại-khát :

« Gió lạnh sương mù buổi rạng đông,
« Ba quân phục sẵn ở bên sông.
« Chiêng khua một tiếng quân reo dậy,
« Đề phá trên nguồn nước chảy hung.

Tức là bài thi kỷ-niệm thực-sự của trận đánh này vậy.

XX

BA CHÌM BẦY NỒI CHÍN LINH-ĐÌNH

DỘC-GIẢ đã biết trận Vụ-quang-sơn, cụ Phan khéo bố-tri và thâu được kết-quả ra thế nào. Quan-quân (tức là binh-lính của Bảo-hộ) vì quá khinh thường bèn đối-địch lại bị trời mờ sáng về mùa lạnh, sương mù bịt-bùng từ phía, thành ra trúng kế của Nghĩa-binh mà đại-bại. Nước trên nguồn tống xuống ào-ào, với mấy trăm cây gỗ lim, cây nào cây nấy lớn tướng, xô đẩy quan-quân phải ngã nhào ngộp nước mà chết có, bị nạn mà chết cũng có. Lại lúc bấy giờ một đội Nghĩa-binh mai-phục bờ sông bên này nổi dậy vừa đánh chiêng trống vang trời, vừa chĩa súng loạn xạ, còn đội Nghĩa-binh giả thua mà chạy hồi này cũng quay trở lại tiếp chiến ở bờ sông bên kia, khiến cho quan-quân mắc kẹt ở giữa sông, hốt-hoảng lúng-túng với nhau rồi bị cây và nước đẩy trôi đi, chứ không ngó thấy bờ bến ở đâu mà lên : vả lại hai bên bờ đều bị Nghĩa-binh chặn đánh dữ-dội, quan-quân muốn lên bên nào cũng chẳng được.

Duy có mấy chục người có sức chịu đựng mạnh hơn, thì trôi theo dòng nước xuống mãi hạ-lưu một

PHAN ĐÌNH PHÙNG

đôi rất xa, thể nước chảy bớt mạnh đi rồi, mới ngoi ngóp lội vô bờ mà chạy thoát thân. Ấy là những người sống sót ; còn ba phần tư bị nước lôi cuốn chết chìm. Một lão ngư ông ở trên sông Vụ-quang nói chuyện rằng lão còn nhớ lúc đó người ta vớt lên được một trăm mười mấy cái xác là ít ; cá sông được một bữa no nê, là vì thấy nhiều xác mất đuôi hay nát bầy thân-thể ra rồi.

Cụ Phan từ lúc khởi-nghĩa đến giờ, có trận này là thắng lợi nhất, thống-khoái nhất. Đã hơn một năm, nét mặt cụ Phan lúc nào cũng nghiêm, cũng buồn, cũng lo, nhưng hôm nay tướng-sĩ ngó thấy lộ ra cái nét vui-vẻ một chút. Tuy vậy, cái nét vui-vẻ đó chỉ như bóng mặt trời giữa cơn giông-tố, chỉ hé ra trong giây lát, rồi những đám mây u-ám lại che-khuất đi ngay.

Vì cũng là một trận chót hết của Nghĩa-binh Phan Đình-Phùng.

Từ đây, thầy trò chỉ có việc chạy thất-diên bát-đào và đôi xanh mặt lòi xương cho đến cùng tuyệt thi thời, không còn đánh chác gì được nữa.

* * *

Sau lúc thắng trận thu quân, Nghĩa-binh tụ-bộ ở bên khe núi, những súng đạn, đồ vật và lương-thực đã bắt được của lính-tập chất lại một đống. Phần nhiều súng đạn lính-tập chìm sâu tận đáy sông hay là nước đánh trôi băng đầu mắt : Nghĩa-binh chịu khó lặn mò chỉ kiếm được có bốn chục khẩu súng và một ít đạn mà thôi.

Quân-lính hối-hả bắc nồi nấu cơm ăn để lấy lại sức khỏe đã chịu vất-vả trọn đêm. Rồi thầy trò ngồi quần-tụ trên những tảng đá bên khe, dưới bóng cây mát mẻ, ăn cơm rất vui vẻ ngon lành. Bữa ăn này thêm có vô số bánh mì, cá hộp và rượu chát vừa mới bắt

PHAN ĐÌNH PHÙNG

được, tướng-sĩ chia sót với nhau mỗi người một miếng, gọi là bữa tiệc khao quân. Ai nấy lâu nay ăn đói mãi, đã nảo ruột mòn hơi, bây giờ được một bữa tinh-thần khoan-khoái, cơm bánh tràn-tề, lại thêm mấy món ăn lạ, bầu hết chưa được nếm qua bao giờ, thành ra ăn uống với nhau ngon miệng hả lòng lắm. Nhiều người có cái cảm-giác như được dự bữa đại-yến của vua ban. Trong đám tướng-sĩ, có năm ba người chơn-chất què-mùa hết sức, đến đổi không dám đề môi vào một nhiều rượu chát, vì tưởng là thuốc độc của bèn địch cố ý lại cho mình vớ được ham ăn thì chết. Nó cũng là một hạng tư-tướng khờ-khạo như tướng-sĩ trào-dinh ta buổi đầu, thấy linh Tây to-lớn phục-phịch thì nghĩ đầu họ không biết chạy, hay là nghĩ vơ-vẩn rằng đóng cây nhọn giữa lòng sông có thể đâm lũng tàu trận của tây vậy.

Một điều nên chú-ý là bữa ăn này tướng-sĩ ăn đông ăn tây, còn chủ-soái là cụ Phan thì vẫn ăn mấy năm cơm chấm muối như thường. Cụ nói những vật-thực đã bắt được kia là công-lao huyết-hãn của tướng-sĩ, giờ cụ khao-thưởng hết cho tướng-sĩ.

Ăn no lại sức rồi, bây giờ Nghĩa-binh toan-tinh hành-động sao đây ?

Thì chỉ có nước là tinh đến thượng-sách của 36 kế là hơn.

Vì sự-thế bắt buộc phải vậy.

Phan bàn định với tướng-sĩ :

— Ban đầu quân ta cùng đường gặp nước, đóng đồn ở vùng núi này chỉ tạm đỡ nhất thời mà thôi, ta đã nói trước rằng đây không phải là chỗ có thể trú chân trường-cửu cho ta. Hồng phước non sông giúp ta đánh thắng được một trận như hôm nay là may-mắn quá rồi, đừng nên tưởng rằng trận thắng này tức là có thể lưu lại ở đây yên-đn được. Chỉ nội chiều nay hay là ngày mai, địch-quân kéo đại-đội binh-mã

PHAN ĐÌNH PHÙNG

tôi báo thù quyết-chiến với ta, thì ta làm sao ? Cái diều kẻ « Sa nang ứng thủy » mới rồi chỉ dùng được một lần là hết, không ai để cho mình dùng được tới lần thứ hai. Lo đánh đã khó, mà lo ăn còn khó hơn. Thiệt khổ là việc lương-thực bị nghẹt, không sao chuyển-vận tiếp-tế như mấy năm trước. Ví dụ quân Tây lại không cần đánh ta, chỉ vây bọc trái núi này độ mười ngày luôn, cũng đủ làm cho quân ta chết đói nhăn răng hết. Bởi vậy, ta phải quyết kế lui chạy là hơn ; mà phải lui chạy tức-tức mới được.

Ngừng lại ra dáng suy-nghĩ một lát, Phan nói tiếp :

— Có mấy nơi quân ta có thể lui về đóng đồn, để ta dẫn-đo lựa-chọn coi thử nơi nào phải hơn.

— Bẩm cụ, xin cho lui binh lên miền núi Khai-trưởng có được không ?

Nguyễn-Mục hiển kể như vậy.

— Phải đó, ý-kiến của tướng-quân rất hiệp với ý-kiến ta, ta vừa toan nói.

Tức thời cụ truyền lệnh cho tướng-sĩ sắp đặt cho kịp đúng ngộ thì nhổ trại kéo quân đi, không được tri-hoãn. Cụ dặn-dò tướng-sĩ bỏ lại hết những đồ vật gì kèn-càng, võ dụng ; ngoài ra khí-giới, mỗi người chỉ được đem theo y-phục vừa cần dùng thay đổi. Còn dư ít nhiều lương-thực thì sang sót ra từng bao nhỏ, dĩa nhỏ, mỗi người đều đeo trên vai. Thế là ngoài khẩu súng để phòng đánh và túi gạo để phòng đói, quân-sĩ không phải khiêng vác những quân-nhu vật-dụng nào khác, nặng-nhọc, rộn-ràng. Chủ-ý Phan muốn cho quân-sĩ nhẹ-nhàng để đi cho mau, lên dốc xuống đèo cho dễ, rủi khi giữa đường có gặp địch-quân cũng dễ ẩn núp hay đối chiến.

Đúng ngộ, quân-sĩ lên đường, nhắm phía Khai-trưởng mà đi.

Núi Khai-trưởng tục gọi là núi Giăng-màn, dịch nghĩa tên chữ ra tên nôm.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Qua phía bên kia núi Giăng-màn là địa-phận của dân Mường. Phan liệu chừng ở núi Giăng-màn cũng không yên thân được nào, vả lại khó mua lúa gạo cho quân-sĩ ăn, thành ra lại phải bỏ núi Giăng-màn kéo quân sang nương náu ở đất Mường.

Nghĩa-binh lúc này trong lưng có tiền, nhưng chỉ khổ có một nỗi là không mua được lúa gạo mà ăn ; phần bởi miệt này là thượng-du, lúa gạo không được dồi-dào như trung-châu, phần bởi dân làng sợ lệnh của Bảo-hộ và Nguyễn-Thần, dầu có lúa gạo dư-dật có thể bán được, họ cũng chẳng dám bán cho Nghĩa-binh.

Ở đất Mường, Nghĩa-binh chỉ có thể mua khoai bắp để ăn trừ cơm. Sẵn có bắp nhiều, Phan mua trữ một nơi trong núi, trong ý muốn tích trữ lương-thực và dưỡng sức quân-sĩ ít lâu, rồi trở về chiến-đấu một phen nữa. Tạm lánh ở đất Mường cốt có hai việc đó.

Bởi vậy cụ phát lệnh-tiền và viết mật-thư sai ông Tán-trương quân-vụ Nguyễn - Quýnh qua núi Quạt nhằm địa-thế và cất dinh-trại sẵn-sàng, để nữa Nghĩa-binh trở về.

Dầu có tráng-chí như vậy mặc lòng, hồi này thực-lực của Nghĩa-binh suy-vi kiệt-quệ lắm rồi, không khác gì người đau bại hai chân, bị vấp té nhào, nếu không có ai nâng-đỡ thì khó bề tự mình dậy nổi. Nhưng Phan vẫn bền lòng vững chí, không hề vì những nông-nổi chạy ngược chạy xuôi, nhịn đói nhịn khát, mà sinh ra chán-nản chút nào.

Trong những cơn bồn-ba cực-khổ, có khi Phan với tướng-sĩ ngồi bệt dưới đất chuyện-văn với nhau. Cụ thường nói đi nói lại về chuyện nhân-lực thiên-mạng và bày tỏ khí-tiết của mình : nếu quả lòng trời quyết-định rồi, không để cho ta xoay-trở lại thời-thế được nữa, thì chỉ có một nước là chết để báo đáp cái ơn tri-ngộ phú-thác của vua Hàm-Nghi và tấm lòng tin-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

yêu của anh em hương-quốc mà thôi. Ngoài cái chết ra, không còn có thể làm cách gì khác.

Hồi này tinh-thế đã nguy, mà Phan thường nói đến tiếng « chết » hoài, tướng-sĩ nghi-ngại và nói nhỏ với nhau cho là diêm gở.

Kể từ lúc Phan bắt đầu khởi binh năm 1885, đến hồi nói đây là năm 1895, trước sau 10 năm, mấy trăm kiện-nhi theo trận-mạc bỏ-đào luôn bên mình cụ, trừ ra ít nhiều người đã chết ở sa-trường, chết vì bệnh-hoạn, còn lại bao nhiêu vẫn ngậm cay nuốt đắng mà theo, một bước không rời. Cụ khéo đối-đãi và huấn-luyện tướng-sĩ, chẳng những rèn-đúc họ cũng can-đảm nhân-nại như mình mà thôi, lại cảm-hóa được tinh-thần họ nữa. Ai nấy đều có chí mạnh, gan to, chẳng quản lưu-ly, coi thường tính-mạng. Nếu có thời-vận và đủ lực-lượng, thì tướng ấy, quân ấy có thể tung-hoành chưa biết đến thế nào, đâu có tới nỗi phải lâm vào cảnh-ngộ cùng-khốn mà chết giữa rừng.

Phan và Nghĩa-binh sang trú-túc ở đất Mường Cò-ta nhằm hồi tháng 8 năm Ất-mùi (1895) Nhưng chú tướng rằng cụ sang ở đất Mường xa-xôi hiểm-trở mà chắc yên-ôn tấm thân. Là vì Bảo-hộ dò biết tin-tức Nghĩa-binh nương-náu chỗ nào, là phái quân-linh đi tập-nã ở chỗ đó. Thành ra Nghĩa-binh ở đâu cũng lo sợ giạt-minh hoài, không thể yên thân được. Lúc nào Nghĩa-binh cũng đề-sẵn khi-giới và hành-ly bên mình, bất cứ trưa nắng hay đêm khuya, hễ nghe hơi động một chút là phải hấp-tấp đi liền. Đi, không phải nghĩa là tướng-sĩ sợ chiến-đấu mà tránh : họ chỉ sợ có sự rủi-ro thình-lình xảy tới cho cụ Phan hơn là tính-mạng của mình.

Đang ở Cò-ta, nghe động chạy sang Cá-tang ; đang ở Cá-tang, nghe động lại phải chạy qua Ban-bức. Nghĩa-binh đời đời quanh-quần trong ba nơi ấy luôn mấy tháng trường rất là vất-vả, cực khổ, không nơi

nào dám ở yên một tuần, mà từ nơi này chạy qua nơi kia có phải gần-gũi gì đâu, vì nó cách khoảng nhau hàng 36 giờ đồng-hồ, đường lối hết sức gồ-gề, hiểm-hóc. Trương-sĩ đã khéo biến-báo, bứt các thứ giấy trong rừng kết lại thành như giày giép để mang vào chân mà đi, thế mà có nhiều người còn đổ máu chun căng, đủ biết đường-sá gian-nan đến thế nào.

Ngó thấy trương-sĩ như vậy, Phan thương tâm quá, vùng lên khóc lớn, vừa khóc vừa nói :

— « Vi ta mà các ngươi phải khổ-sở đau-dớn trăm « bề. Hay là các ngươi đem ta ra mà nạp cho Tây, rồi « ai nấy trở về quê-hương an-nghiệp làm ăn, kéo dề « các ngươi chịu khổ-sở đói-khát mãi như vậy, lòng « ta lấy làm bất-nhân lắm ».

Trương-sĩ xúm lại khuyên-giải và chỉ tay lên trời mà thề rằng :

— Chúng tôi vui lòng theo cụ đến chết, cực khổ thế này có thãm gì đâu. Đến chết còn vui lòng, huống chi cực khổ thế mầy mà chịu không kham !

Tình-cảnh lưu-ly khổn-khổ như vậy đã đành, còn chỗ thãm-thiết hơn nữa, là vì lo nghĩ vất-vả quá, rất nhiều trương-sĩ thụ bệnh, nguy-hiểm nhất là bệnh lỵ. Trong mấy tháng nương-náu ở đất Mường, chính cụ Phan cũng mắc phải bệnh lỵ đến nỗi không ăn, không uống gì được — vả lại có gì mà ăn ! — thuốc men bỏ dưng cả chẳng có, thành ra gầy-còm suy-nhược rất mau. Người cụ bây giờ xanh-xao ốm-yếu, mà hai vành con mắt lúc nào cũng rơm-rớm những giọt lệ thương-cảm quá độ, không lúc nào khô. Thương-cảm non sông, thương-cảm cho thân-thể mình, thương-cảm những trương-sĩ theo mình ; nhất là thương-cảm đại-sự hư-hỏng, cảnh-ngộ long-dong... Quan-sĩ thấy ông chủ-tướng bệnh-hoạn ốm-yếu đôi hẳn trước mắt như thế, ai nấy đều phải động lòng ứa lụy..

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Có mấy người cảm-khích quá sức, đến nỗi rút gươm ra gào lớn : « Ta không mặt mũi nào ra hàng để cầu yên thân, cũng không nở lòng nào trông thấy cảnh-tượng đau-dớn mãi được, thà chết trước đi còn hơn », thế rồi tự đâm cổ mà chết tốt.

Xem thế đủ biết Phan cố-kết được lòng người mạnh lắm, nhưng mà vận-số nước-non đến lúc cùng, và ý trời muốn tuyệt, thì biết làm thế nào ?

Đã đói-khát, trốn-tránh, đã có bệnh-tật trong mình, lại không được ở chỗ nào yên thân. Nghĩa-binh đến hồi này thật là thiên-nguy vạn-khổ. Quân-lính Bảo-hộ dò theo tung-tích mà đồn-bức mãi sau lưng, không cho Nghĩa-binh được nghỉ-ngơi trọn một ngày nào là ngày yên-đón, không phải giạt mình. Chắc Bảo-hộ đoán biết Nghĩa-binh sắp tàn cuộc, cho nên càng phải dõi theo đồn-bức hoài, vì e để cho Nghĩa-binh yên-nghỉ lâu lâu, tất lại có thể phục-hưng tái-khởi.

Bị quân Pháp ruồng ép trên đất Mường một cách nguy-bức thái quá, Phan liệu thế ở nương-náu quanh-quần tại đất Mường cũng nguy, bèn quyết kể đêm đi ngày ẩn, lên lại trở về núi Quạt.

Giữa lúc bấy giờ, Nghĩa-binh các nơi đều rã rời tan-tác, không thể nào cứu ứng nhau hay là giao-thông tin tức gì với nhau được ; Bảo-hộ sai quân lập-nã tứ-tung. Bao nhiêu quân-thứ do Phan sắp-dặt khi trước, bây giờ thứ nào bị đánh tan rồi không kể, còn thì đều chia đàn bẻ ð, không có chỗ nào dung thân. Họ nghe tin Phan trở về núi Quạt, bèn lục-tục kéo cả về đây nương-náu.

Nguy thay ! Những lúc chỉ có đôi ba trăm người còn đói lèn đói xuống, hưởng chi bây giờ tự-hợp 2700 mạng người ở một chỗ, thì lấy gì mà ăn ?

Thành ra lúc này Nghĩa-binh tuyệt lương hẳn-hoi.

Mấy tháng trốn tránh ở đất Mường Bạ-bức, Phan có mua trữ được nhiều bắp, định bụng nay mai trở về

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mưu toan khôi-phục, thì đem bắp ấy về làm quân-lương đỡ ngặt trong ít lâu. Nhưng sau không dè bị quân-lính Bảo-hộ theo dấu ép-bức dữ quá, Nghĩa-binh vội vàng, chỉ chạy thoát lấy thân, còn bắp thì bỏ lại ở Bàn-bực hết thảy, chẳng đem theo được năm mớ nào. Nay trở về núi Quạt, binh số nhân khẩu lại tăng lên thập bội, thành ra không những quân-sĩ phải đói mà thôi, chính Phan đang đau bệnh lị càng ngày càng nặng thêm, mà thuốc men chẳng qua chỉ có mấy cái rễ cây đào bậy trong rừng sắc cho cụ uống, còn sự ăn thì bữa cơm bữa cháo, khi có khi không, thậm hết sức thậm.

Đến lúc bị nước tuyết lương như vậy, thì 2700 quân-sĩ phải làm thế nào ? Tuy có mua lên được ít nhiều lúa gạo, nhưng đến nấu cháo lỏng mà húp mỗi người đôi ba muổng cũng không đủ, khoan nói gì đến cơm. Đói quá, quân-sĩ phải đào những củ nâu và những rễ này rễ kia trong rừng mà ăn đỡ lòng ; nhưng nó lạt quá, ăn không chịu được, họ lại phải nhổ mấy cây lau sậy, đốt ra thành than, làm như là muối, để chấm mà ăn với củ nâu cho đỡ lạt.

Lại gặp nhằm mùa lạnh đã bắt đầu, trên rừng núi còn lạnh hơn dưới đồng bằng ; quân-sĩ không còn món đồ gì là món đồ ngự-bàn và cũng không có đủ dinh-trại che sương che gió, tự-nhiên có người phải ra nằm càn giữa rừng. Họ lấy cây lá phủ lên trên cho ấm. Có người đói rét đến đôi môi mệ, mề man, đêm nằm giữa rừng, bị cọp beo tới ăn lúc nào không hay.

CHẾT Ở GIỮA ĐƯỜNG

AI đọc Tam-quốc, tới lúc Khổng-Minh nhắm mắt ở Ngũ-trượng-nguyên mà có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết ra sao, tôi tưởng đọc tới đoạn dưới đây có lẽ cũng phải có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết như thế.

Vi hai đảng tâm-sự gần giống nhau, chí-hướng gần giống nhau, gặp phải thời-thế khó-khăn vất-vả gần giống nhau, cho đến chung cuộc hai đảng cũng gần giống nhau : chỉ vì nước mà lo, lo mà bệnh, bệnh mà chết ở giữa đường.

* *

Xem đoạn trước, độc-giả đã biết tình-cảnh đói-khát ốm đau khổ-sở, lạnh-lùng của Phan và 2700 bại-binh tàn-tốt tụ-hợp ở trên núi Quạt ra thế nào.

Phan về tới núi Quạt nhằm ngày 12 tháng 10 năm Mùi (1895). Lúc này thân-hình đã liệt-nhược và bệnh lị đã trầm-trọng lắm rồi. Ai nấy đều rầu buồn lo ngại và đoán biết tướng-tinh đã đến lúc u-ám.

Trương-sĩ và gia-nhân xúm nhau hầu-hạ thuốc men ở bên mình cụ tối ngày sáng đêm. Các tướng thân-

PHAN ĐÌNH PHÙNG

cận thì có ba ông là Nguyễn-Mục, Nguyễn-Quỳnh, Nguyễn-Khai ; còn gia-nhân thì có phu-nhân tức là « cố nguếch rừng » ở trên đầu sách đã nói vì sao có cái danh hiệu ấy, cả hai người con trai là Phan Bá-Ngọc và Phan Đình-Cam, lúc này cũng ở luôn bên giường bệnh phu-thân ; thêm một người cháu kêu cụ bằng chú ruột nữa.

Một ngày, cụ đi lị không biết là mấy chục lần ; người càng gầy, mắt càng hóm, sức càng đuối. Một quá, cụ nằm nhắm mắt lừ-dừ thêm-thiếp ; vậy mà người ta nghe chổe lát cụ lại trăn-trọc thồn-thức và thở dài nhẹ nhẹ. Chắc là lúc tâm-sự quốc-gia đang nhắc-nhở kích-thích ở bên trong.

Bệnh tình một ngày một nặng thêm, cụ cũng tự biết mình đã lâm vô cảnh thập-lử nhất-sinh rồi, thuốc men nhân-lực không sao cứu-vãn lại được nữa. Cho nên hễ nghe lúc nào trong mình hơi khỏe lại được giấy lát, cụ dạy ông Nguyễn-Quỳnh và hai ông kia ngồi gần kề bên giường để dặn dò việc quản.

Cụ vừa thở hồn-bên vừa nói :

— Tôi với các ông đồng-cừu khởi-nghĩa đã mười năm nay, đến giờ công việc chắc hỏng muôn phần mà người lại vội phải chia lìa xa cách nhau, nghĩ đến nguồn cơn xiết bao thảm-thiết. Nhưng mà cô-nhân đã nói không sai : « Mưu việc ở người, nên việc ở trời », việc trời đã sắp đặt lỡ rồi, sức người không làm sao đổi-xoay chống-chỏi được nữa. Nay mai tôi chết, trong đám các ông, ai liệu có thể chạy ra ngoại-quốc để vừa lánh mình, vừa cầu học được càng hay. Nếu không thì sớm lo giải-tán binh-sĩ đi, cho họ về nhà cây cấy làm ăn, còn các ông thì sắp đặt mà ra đầu hàng bên nghịch cho xong, chứ có vọng-động can qua nữa, đã không cưỡng nổi với mạng trời, lại kéo nhây cảnh khổ liên-lụy cho sinh-dân, vô-ích...

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Các tướng đều bưng mặt khóc nước-nở, không ai nói được câu gì.

Cụ lại vờ phu-nhân lại ngồi bên giường, và con cháu đứng sắp hàng trước mặt mà nói :

— Bấy lâu tôi lo việc nước đã không xong, mà cảnh quê nổi nhà cũng phải biến-họa tơi-bời, nay giữa đường lỡ-dở, tôi phải bỏ mà đi, biết bao mối di-bận òm-ấp trong lòng, nói càng thêm đau mà nói cũng chẳng hết. Chỉ biết là số trời đã định sao thì mình phải chịu vậy, không chống nổi mà cũng không tránh được bao giờ. Thôi thì sau ngày giờ nào tôi nhắm mắt rồi, mấy mẹ con cứ ra hàng-phục cho được an-toàn ; ta biết thế nào bên nghịch cũng có lương-tâm quý-trọng nghĩa-khi của ta, chắc không nỡ hại vợ con ta đâu mà sợ.

Phu-nhân ngồi nghe, nước mắt chảy xuống ròng-ròng nãy giờ, tới đây mới gạt lụy và nói :

— Xin ông tịnh dưỡng, may được bình-phục, cho mẹ con tôi được theo hầu mãi ở trong chỗ gian-nan cơ-khở thế mà vui, chứ ông bỏ đi một mình, tôi có sung sướng chi ở đời nữa...

Rồi cụ biểu người cháu tới bên dẫn-dò đình-ninh :

— Hễ chú nhắm mắt thì cháu dẫn thím và hai em cứ ra trước đồn Tây mà tự thú. Cháu đã có học, chắc biết « *Chi thành chi đạo khả dĩ cảm nhân* » (giữ đạo rất mực thành-thiệt, tất nhiên có thể cảm được lòng người) ta quyết rằng người Tây không xử tàn-nhân đâu mà lo.

Nói vừa dứt lời, cụ truyền đem bút mực lại và bảo người cháu đứng đó chép lời cụ đọc. Ai cũng nghĩ rằng cụ đọc một tờ chúc-thư hay là viết thư đề lại cho Chính-phủ Bảo-hộ, ký thác vợ con.

Người ta phỏng- đoán sai hết.

Cụ đọc cho chép một bài thi cảm-khái.

Bài thi như vậy :

PHIÊN ĐỊNH PHÙNG

戎場奉命十更冬
Nhưng-trường phụng-mạng thập canh đông,
武略依然未奏功
Võ lược y nhiên vị tấu công,
窮戶嗷天難宅雁
Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhạn,
匪徒遍地尚屯蜂
Phi đồ biến địa thượng đồn phong,
九重車駕關山外
Cửu-trùng xa giá quan-san ngoài,
四海人民水火中
Tứ-hải nhân-dân thủy hỏa trung,
責望愈隆憂愈大
Trách vọng dĩ long ưu dĩ đại,
將門深自愧英雄
Tướng môn thâm tự quý anh-hùng.

Dịch nôm :

« Nhưng trường vàng mạng đã mười đông,
« Việc võ lời thôi vẫn chẳng xong,
« Dân đói kêu trời vang ồ nhận
« Quân gian dậy đất rộn đàn ong,
« Chín-trùng lặn-dấn miền quan-tái.
« Trăm họ phôi-pha đám lửa nồng,
« Trách-vọng càng to càng mệt nhọc,
« Tướng môn riêng hổ tiếng anh-hùng.

Từ hôm đó trở đi, bệnh thể của cụ càng giờ càng thêm trầm-trọng ; thuốc men thay đổi nhiều phương cũng vô hiệu. Một vị danh-y trong miền nghe tin cụ đau phải mạo-hiềm muôn-vàn mới lên được núi Quạt để trị bệnh cho cụ mà cũng không giảm chút nào.

Lối 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11, cụ mất. Trước giây-phút cuối-cùng, cụ mở mắt ngó quanh chư-tướng,

PHAN ĐÌNH PHÙNG

hình như muốn nói gì nữa, nhưng hết hơi rồi không nói được nữa, chỉ thấy hai bên khóe mắt ứa lệ, rồi thì nhắm luôn. Linh-hồn thên-thang lên trên thế-giới những anh-hùng nghĩa-sĩ cồ-kim đông tây, vì việc nước mà hi-sinh, không kẻ thành-công hay là thất-bại. Cụ hưởng thọ 49 tuổi. Khi-tiết đầy tràn non nước Lam, Hồng, công việc ghi-chép lịch-sử Hồng-Lạc.

Các hàng tướng-sĩ như con mắt cha mẹ, kêu gào khóc lóc, vang dậy núi non. Hồi nào Cao-Thắng chết, họ thương khóc một, bây giờ họ khóc thương tới mười. Vì cái chết của Cao-Thắng đau-dớn cho Nghĩa-binh thiệt, nhưng còn có hy-vọng ở cụ Phan, bây giờ cụ Phan mất, Nghĩa-binh phải tuyệt-vọng hẳn.

Nhiều binh-sĩ cả thảng nhẹn dôi năm sương, mòn hơi hết sức, cũng không cảm đau nổi sự bị ai, đến đổi thương quá, khóc quá rồi chết luôn. Có mấy chục người thân-binh tự đâm cổ chết theo chủ-tướng.

Ông Nguyễn-Quỳnh tức thời xếp đặt việc tang, không dám để chậm-trễ, vì e có sự bất-trắc thành-linh xảy tới chẳng. Gia-nhân và tướng-sĩ cùng chọn ngày 16 là ngày an táng.

Tang-lễ cử-hành, cố-nhiên đơn-sơ và giản-dị. Duy có việc tân-liệm di-thê của cụ, tướng-sĩ hơi phi khồ-tâm. Thay vì phải dùng quan-tài như thường, tướng-sĩ chặt cây gỗ vàng-tâm thật lớn ở trong rừng, đem về khoét lỗng thân cây, đặt di-thê trong đó, trên dẫy nắp gấn lại chắc-chắn. Di-thê mang áo mào tấn-sĩ.

Đúng ngày an-táng, tướng-sĩ sắp hàng làm lễ cử-ai và lạy trước linh-cữu, rồi rước linh-cữu xuống táng dưới chân núi Quạt. Lúc linh-cữu hạ huyệt rồi, trên chỉ đắp đất bằng phẳng, chứ không đắp cao lên thành mồ. Tướng-sĩ dụng tâm chôn cất như thế, là vì phòng sợ mai sau có kẻ điềm-chỉ mà mộ cụ bị khai-quật lên chẳng.

Quân Pháp không hay việc cụ Phan đã mất, vì

PHAN ĐÌNH PHÙNG

tướng-sĩ vẫn đóng trên núi Quạt như thường và giữ cách trầm-tĩnh êm-dềm, không lộ ra một bình tích gì bày tỏ cho bên ngoài biết trong quân vừa có đại biến. Duy có quân thứ các nơi nghe tin chủ-tướng mất rồi, sinh ra chán-nản, lần hồi tản-tác, trở về quê-hương, hoặc trốn qua Lào qua Xiêm cũng nhiều. Còn بدن-bộ tướng-sĩ của Phan, thì vẫn theo hầu phu-nhân để chờ ngày ra thú.

Cách mười mấy hôm sau, quân Tây đi tuần, bắt được một tên Nghĩ-a-binh ở trên sơn-trại lên xuống xóm làng tìm mua lương-thực. Trước còn dõ-dành, sau dọa bắn chết, nếu như không nói rõ binh-tình trên núi, thành ra tên lính nọ phải thú thiệt rằng cụ Phan đã qua đời trên mười bữa nay và nó chỉ cả nơi chôn di-thể nữa.

Quan-quản buộc nó đi dẫn đường tới đào mộ lên lấy thi-thể cụ Phan đem về.

Lạ thay ! đêm bữa 29 ở trên sơn-trại, phu-nhân đang ngủ nằm mộng thấy cụ Phan hiện-linh về, nói với phu-nhân như vậy :

— « Ngày mai ta thử ra trước mặt quân Tây, xem chúng làm gì ta ».

Phu-nhân cho là điềm lạ, suy-nghĩ phân-vấn. Té ra chiều bữa sau, là ngày 30, có tin báo lên sơn-trại rằng : không hiểu sao quân-lính Bảo-hộ biết chỗ, đã đào mộ cụ Phan lên đem về đồn Linh-cảm rồi. Trong mộng, cụ nói « ta thử ra trước mặt quân Tây » là ám-chỉ vào việc đào mả đó.

Mấy hôm sau phu-nhân dẫn con cháu và các tùy-tướng ra thú ở đồn Linh-cảm. Các quan-binh Pháp tiếp-dãi một cách tử-tế. Một đoàn khác ra thú ở trước quán-món Nguyễn-Thần.

Phu-nhân và các người tùy-tùng bị áp dẫn vô Huế nghị-xử. Các tướng như Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Mậu cả thầy 23 người bị chém. Còn phu-nhân và con cháu

PHAN ĐÌNH PHÙNG

thì Bảo-hộ giữ ở Huế ít lâu, rồi thả cho về làng Đông-thái an-nghiệp.

Người ta thuật chuyện rằng cụ Phan và Cao-Thắng, sau hiển-thánh ở làng Khê-thượng, huyện Hương-khê, dân làng cảm mộ anh-hùng, lập đền thờ tự, đến nay đang còn.

Nói về quân Pháp biết chỗ, khai quật được mả cụ Phan lên, đem di-thể về đồn Linh-cảm giao cho Nguyễn-Thân xem xét có phải thiệt là di-thể Phan Đình-Phùng không.

Bấy giờ Nguyễn-Thân mới biết cụ Phan mất rồi, đặc-chí, miệng cười ha-hả, dơ tay lên ngang trán mà nói :

— Từ nay ta được ngủ yên rồi !

Hôm sau, lão sức đòi các phụ-lão ở làng Đông-thái và họ hàng bà con cụ Phan lên đồn Linh-cảm nhìn-nhận đích xác. Rồi đó Nguyễn-Thân dỡ thủ-đoạn « anh-hùng » của lão để hành-hạ tới năm xương khô thịt nát của người cừu-địch với lão mà lúc người ấy còn sống, lão không dám xuất-trận giao-phong, bây giờ người ta chết rồi mới lên mặt dương oai diệu võ.

Mà lão dương oai diệu võ cách nào ?

Không nói thì ra bỏ quên mất sự thật, mà nói thì mình phải thương-tâm và gớm-ghiếc.

Nguyễn-Thân sai đem di-thể cụ Phan ra chỗ địa-dầu của tổng Việt yên, đổ dầu châm lửa mà đốt cho xương thịt cháy ra tro, rồi tro ấy trộn vào thuốc súng, nhồi trong súng thần-công của ta mà bắn xuống La-giang.

Dân xã quanh miền, phải tuân lời sức của Nguyễn-Thân ra đứng chứng kiến việc làm tàn-nhẫn này ; ai thấy cũng phải đau lòng và khinh-thậm Nguyễn-Thân trong bụng. Nguyễn-Thân nay cũng qua đời lâu rồi, nếu ở dưới cừu-nguyên có gặp cụ Phan, chắc lão không dám nhìn mặt.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

Cụ Phan đã chết, Nghĩa-binh tự tan, Nguyễn-Thân tự cho cái kết-quả ấy là công-trận như trời của mình, mặc dầu sự thật trận-mạc gian-nan chỉ là linh-tập Bảo-hộ và các quan võ Pháp chỉ-buy, còn Nguyễn-Thân kéo đại-binh ra từ tháng 5 tới giờ, không hề giao-phong giáp trận với Nghĩa-binh họ Phan lần nào. Thế mà Nguyễn-Thân tự nhận là công-trận của mình, cho nên sai may một lá cờ bằng lụa đỏ thiết lớn, trên viết 4 chữ thiết lớn :

賊逢怖死 Ặc Phùng bố tử

nghĩa là « tên giặc Phùng sợ quá chết rồi », rồi sai lính thủ-hạ vác lá cờ ấy, cưỡi ngựa lưu-tinh chạy đêm ngày, về kinh-đô báo tin thắng trận.

Còn gan hơn nữa, Nguyễn-Thân tự dựng lấy bia đá khoe-khoang ghi chép công-nghiệp mình ở trên đỉnh núi Tùng-sơn, sai tuần-phủ Đỉnh Nho-Quang soạn bài văn bia kỹ-công có 8 câu 32 chữ như vầy :

Vệ giang chi anh,	衛江之英
Thạch trụ chi linh.	石柱之靈
Thế xuất tuấn kiệt,	世出俊傑
Vị xã-tắc sanh,	為社稷生
Tây bình hữu tử,	西平有子
Đầu-nam đại danh.	斗南大名
Hồng-Lam thiên cổ,	鴻藍千古
Bì kộ tranh tranh,	碑碼鏗鏘 (1)

Nhưng bia đá ấy có đứng được ở giữa non nước Hồng, Lam muôn đời, như câu văn nịnh-hót của Đỉnh Nho-Quang và cái kiêu-khí mạo-công của Nguyễn-Thân đâu ! Vì ba năm sau, bia đá ấy bị sét đánh bẽ ra mấy

(1) Đại-ý nói khi thiêng sông núi Vệ-giang Thạch-trụ (quê hương Nguyễn-Thân) chung đức ra bậc người anh tài, cha truyền con nối, vì giang sơn xã-tắc mà đẻ ra đẻ giúp giang sơn xã-tắc. Ngày trước cha đá anh-hùng, giờ tới con cũng anh-hùng, lập nên công-nghiệp to-tát, ghi chép ở khoảng sông Lam núi Hồng muôn đời.

PHAN ĐÌNH PHÙNG

mãnh, rồi thì cỏ mọc rêu phong, ruồi bâu chuột ở ;
 kể đó người Pháp lại phá trái núi ấy để cấm đường,
 thành ra bia đá mất hẳn tấm-tích, không còn ai nhìn
 biết hồi trước nó tọa-lạc ở chỗ nào nữa. Ý hẳn ông
 trời ghét kẻ tàn-sát đồng-loại, mạo nhận công-lao,
 cho nên sai Thiên-lôi đánh tan bia đá ấy đi chăng ?

Nói gì sau lúc họ Phan qua đời rồi, tình-thế bắt
 buộc Nghĩa-bình phải tự ra hàng đầu Nguyễn-Thân ;
 trong ý không khỏi có chỗ tin cậy và trông-mong một
 người đồng-hào quyền-thế, tất sẽ bao-dung che-chở
 cho mình khỏi chết. Không dè Nguyễn-Thân lại ra oai,
 tự tay chém giết hạng người bại trận quy-hàng đó rất
 nhiều, không đợi tâu trình xét-xử gì hết. Vì trong tay
 lão lúc ấy có thanh kiếm Thượng-phương, cho phép
 « tiện nghi hành sự, tiền trăm hậu tấu » kia mà.
 Người ta oán hận lão không biết thế nào mà nói.

* * *

Thuở đó, văn-thân Nghê Tĩnh họp nhau, soạn ra
 câu đối truy-diệu cụ Phan, ý tứ bao-quát, văn-tự
 hùng-hồn, có thể gọi là một tiêu-sử tóm tắt thân-thế
 và sự-nghiệp cụ Phan cũng được. Tôi muốn mượn
 ngay câu đối này làm câu kết-thúc « truyện Phan
 Đình-Phùng » của tôi :

成	敗	英	雄	莫	論	。	此	孤	忠	。	此	大
義	誓	與	諸	君	子	。	始	終	朱	。	英	。
墨	之	靈	讀	書	每	。	念	綱	重	。	可	恨
者	垂	顛	屢	。	一	。	木	難	支	。	冷	烟
消	雲	誰	不	作	深	。	山	怨	况	。	日	龍
飛	江	暗	共	嗟	人	。	事	無	常	。	憐	羅
越	。	山	。	百	年	。	文	翻	弓	。	。	。
。	古	今	天	地	無	。	窮	。	流	。	而	高
。	同	此	大	丈	夫	。	宇	。	水	。	風	。
							宙	。	藍			。

PHAN ĐÌNH PHÙNG

之雪。衝寒母柝栢松彫。謂何哉
潰決頽波。中流砥柱。星移物換
。何人不起故園情。及此時雁散
風吹。堪嘆天心莫助獨。此松梅
氣節。一死精神串斗牛。

« Thành bại anh-hùng mạc luận, thử cò trung thử
« đại nghĩa, thế dữ chư quân-tử thủy chung. Châu
« chi anh, Mạc chi linh, độc thư mỗi niệm cương
« thường trọng. Khả hận giả thủy điền đại hạ, nhất
« mộc nan chi ! Cung lãnh yên tiêu, thủy nhân bất tác
« thâm-sơn oán. Huống đương nhật long phi vân ám
« cộng. Ta nhân sự vô thường khả lân La Việt giang-
« sơn bách niên văn hiển phiến cung mã ;

« Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao
« phong, đồng thử đại trượng phu Vũ-tru. Lan chi
« phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại bách tùng
« điêu. Vị hà tai : hội quyết đôi ba, trung lưu đề trụ !
« Tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình ?
« Cập thử thời nhận tán phong xuy, kham thán thiên
« tâm mạc trợ. Độc thử Tùng Mai khí tiết, nhất tử
« tinh-thần quán đầu ngư.

Chúng tôi tạm dịch như sau này :

« Anh-hùng thành bại kẻ chi ? Dạ sắt sơn, lòng
« vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mạc Châu
« đức khi tinh anh, trung hiếu hẹn-hò cùng sử sách.
« Ngao ngàn nhẽ, lâu cao sắp đổ, một cột khó nâng ;
« phòng vắng khói tan, liếc mắt non xanh thêm tức
« tối. Và bây giờ rờng bay mây ám, xót xa việc thế
« khôn lường, những thương La Việt giang sơn, văn
« hiển trăm năm thành trận mạc.

« Trời đất xưa nay thế mãi. Đá dựng ngược, nước
« chảy xuôi, đó vẫn non sông phùng tuần kiệt. Lam

PHAN ĐÌNH PHÙNG

« Hồng nổi cơn bão tuyết, bách tông úa rụng lưỡng
« xông pha. Đau đớn thay, dè võ sóng vờ, giữa dòng
« trụ đứng ; sao đời vật đổi, ngảnh đầu người cũ phải
« bôn-chôn. Đương lúc này gió thổi nhận lia, căm
« giận lòng trời cay nghiệt ; riêng cảm Tùng Mai khi-
« tiết, tinh-thần một thác rạng trăng sao (1).

— HẾT —

(1) Trong câu đối này, những chữ Mặc, Châu, La, Việt, Lam, Hồng, Tùng, Mai, đều là tên riêng núi sông quê-quán cụ Phan Đình-Phùng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. — Một làng nhiều mũ cánh chuồng	7
II. — Toan liêu chết vì chưa được đi thi	13
III. — Ra làm quan	18
IV. — Việc loạn ở trong triều sau khi vua Tự-Đức mất	25
V. — Vua thua chạy dài	41
VI. — Thời-thế tạo anh-hùng	58
VII. — Mạt-lộ của Thiên-tử	74
VIII. — Cao-Thắng	79
IX. — Ở Bắc về	93
X. — Núi Vụ-quang	107
XI. — Châu-chấu đá voi	120
XII. — Một người đàn-bà lạ	127
XIII. — Bắt Tuần-phủ Đinh Nho-Quang	144
XIV. — Ô-hô Cao-Thắng	152
XV. — Hoàng Cao-Khải	163
XVI. — Nguyễn-Thân	178
XVII. — Anh-hùng mạt-lộ	192
XVIII. — Thiếu chút nữa cụ Phan bị bắt sống	202
XIX. — Vụ-quan-sơn huyết-chiến	210
XX. — Ba chìm bảy nổi chín lênh đênh	219
XXI. — Chết ở giữa rừng	228
MỤC LỤC	239

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG LẬP NĂM 1937₁

đã xuất-bản trên 300 thứ sách giá-trị

Trị sự — 20, Amiral Courbet (étage N° 2) — Saigon

Hiện còn những thứ mới

SÁCH GIÁO-KHOA

- 1.— VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC của *Trần trọng Kim*
(Trọn bộ 100\$00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 110\$00)
- 2.— VIỆT THI của *Trần trọng Kim*
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 20 \$ 00)
- 3.— TRUYỆN THỦY-KIỆU của *Nguyễn-Du*
do *Bùi-Kỷ* và *Trần Trọng-Kim* hiệu-khảo
(Giá 28 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 32 \$ 00)
- 4.— VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ba ông :
Phạm-duy-Khiêm *Bùi-kỷ* và *Trần-trọng-Kim*
(Giá 28 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 32 \$ 00)

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

- 1.— NGUYỄN THÁI-HỌC của *Nhượng Tống*
(Giá 18\$00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 20\$00)
- 2.— PHAN BỘI-CHÂU của *Thế Nguyên*
(Giá 15\$00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 17\$00)

THI-NHÂN VIỆT-NAM

- 1.— TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ
(Văn-chương và thân-thể *Trần-tế-Xương*)
của *Trần thanh Mai*
(Giá 15\$00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 16\$00)

TIÊU-THUYẾT

- 1.— ĐI TÌM LỄ SỐNG của *Nguyễn anh Dũng*
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 11 \$ 00)
- 2.— XÂY DỰNG của *Nguyễn minh Châu*
(Giá 9 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 10 \$ 00)
- 3.— NGƯỜI ĐI của *Bích-Ngọc*
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 12 \$ 00)
- 4.— BÊN MỒ của *Hoàng Kim*
(Giá 11\$00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 12\$00)

- 5.— LỘT VỎ của *Nhất Tâm*
(Giá 15\$00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16\$00)
- 6.— MANH ÁO NGỰ HÀN của *Nguyễn đạt Thịnh*
(Giá 11\$00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12\$00)
- 7.— KÒN TRÒ của *Lý văn Sâm*
(Giá 15\$00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16\$00)
- 8.— HẠN NGƯỜI TỬ-SĨ của *Hoàng Kim*
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 9 \$ 00)
- 9.— THAU KHAO của *Nguyễn đạt Thịnh*
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12 \$ 00)
- 10.— MỘT NGƯỜI ANH của *Đặng thị Thanh Phương*
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12 \$ 00)
- 11.— NGƯỜI CHIẾN-BÍNH BẠC-MỆNH
của *Ng. đạt Thịnh*
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12 \$ 00)
- 12.— VỀ THÀNH của *Hodi Tôn*
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 9 \$ 00)
- 13.— ĐÁU ? MỘT NGÀY VỀ của *Hoàng Kim*
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 9 \$ 00)
- 14.— TÌNH VÀ NGHĨA-VỤ của *Nhất Tâm*
(Giá 9 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 10 \$ 00)
- 15.— TRÊN ĐƯỜNG NHIỆM VỤ
của *Đặng thị Thanh Phương*
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 11 \$ 00)
- 16.— DÂN QUÊ của *Phi Vân*
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16 \$ 00)
- 17.— CÒ KỶ của *Nhất Tâm*
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12 \$ 00)
- 18.— NHỮNG TIA NẮNG MỚI
của *Đặng thị Thanh Phương*
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-miền 11 \$ 00)
- 19.— SƯƠNG GIÓ BIÊN THỦY của *Lý văn Sâm*
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16 \$ 00)
- 20.— LÁ CỜ HỒNG THẬP của *Nhất Tâm*
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 9 \$ 00)
- 21.— NGÒ VƯƠNG QUYỀN của *Trần thanh Mai*
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 20 \$ 00)
- 22.— GIÓ MỚI *văn-phẩm của 5 nhà văn tiền tiến*
(Giá 7 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 8 \$ 00)

PHAN ĐÌNH PHÙNG
in lần thứ ba do nhà
TÂN VIỆT xuất-bản
in xong ngày 20 tháng
ba năm 1950, ngoài
những bản thường có
in riêng ba bản đánh
dấu TV - ĐTN - LVV
và ba bản đánh dấu
A. B. C. những bản
= này không bán =

BẢN 